

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI**

---



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học**  
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo**  
***(Giai đoạn đánh giá: 2015 - 2019)***

**Hà Nội, tháng 12 – năm 2019**

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các trường đại học. Trong bối cảnh hiện nay, với những đòi hỏi về cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho thị trường trong nước và là động lực cho hội nhập quốc tế, việc nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học ngày càng trở nên cấp thiết. Nhận thức được tầm quan trọng này. Trong những năm qua trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đã luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục và đã có nhiều chính sách, áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Hiện tại, trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đã và đang tiến hành tự đánh giá chất lượng nhà trường và chương trình đào tạo, bắt đầu từ tháng 09 năm 2018, nhà trường đã huy động mọi nguồn lực để triển khai công tác tự đánh giá trường theo thông tư 12/2017/TT-BGDĐT và chuẩn bị cho đánh giá ngoài dự kiến vào tháng 12 năm 2019.

Trong đánh giá chất lượng giáo dục, tự đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong nhà trường. Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đã căn cứ vào các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GDĐT và các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có uy tín để tiến hành xem xét, tự đánh giá về thực trạng chất lượng và hiệu quả của các hoạt động của Nhà trường, chỉ ra mặt mạnh và mặt hạn chế, từ đó xây dựng kế hoạch hành động phù hợp nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đề ra.

### ***Công tác tự đánh giá được tiến hành với các mục đích rõ ràng như sau:***

Tự đánh giá giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của Trường để nhận biết được những điểm mạnh, điểm tồn tại, từ đó triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Trường;

Tự đánh giá giúp cho việc xây dựng thái độ, nhận thức của lãnh đạo, các đơn vị, cán bộ, viên chức, người lao động và sinh viên về chất lượng của mọi mặt hoạt động và xây dựng văn hoá chất lượng bên trong Nhà trường;

Thông qua hoạt động tự đánh giá đã thể hiện được tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường. Bên

cạnh đó, việc tự đánh giá giúp Nhà trường tham gia vào quá trình kiểm định chất lượng giáo dục để được công nhận và công khai chất lượng giáo dục.

***Quá trình tự đánh giá được thực hiện theo trình tự sau:***

Bước 1: Thành lập hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm chuyên trách;

Bước 2: Lập kế hoạch TĐG và phân công trách nhiệm cụ thể của các nhóm;

Bước 3: Thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá; Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để thu thập ý kiến;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Đối với tiêu chí, các nhóm công tác chuyên trách thực hiện theo trình tự sau:

- Thu thập thông tin, minh chứng;
- Lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan;
- Mô tả, làm rõ thực trạng của tiêu chí;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định; chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Nhà trường theo từng tiêu chí.

## **Phí của Nhà trường theo từng t**

### **1. Khái quát TrưKhái quát trường theo từng tiêu**

#### ***a. Khái quát về lịch sử phát triển, tầm nhìn, sứ mạng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội (từ năm 1961 – nay)***

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, tiền thân là trường TDTT, thuộc Bộ Giáo dục, thành lập ngày 27/02/1961 (tại Quyết định số: 99/QĐ, ngày 27/02/1961 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký QĐ).

Trải qua hơn nửa thế kỷ, Trường đã có nhiều lần được thay đổi tên gọi cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ. Ngày 04/11/1961, Trường TDTT được đổi tên thành: Trường Trung cấp TDTT (Tại Quyết định số: 790/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền ký QĐ). Đầu năm 1967: Bộ Giáo dục có Quyết định số 102/QĐ, ngày 03/4/1967 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định thành Trường Sư phạm Trung cấp TDTT, sau đổi tên thành: Trường Sư phạm Thể dục TW.

Năm 1968: Bộ Giáo dục có quyết định thành lập tại Trường Sư phạm Thể dục TW lớp Âm nhạc (Tại Quyết định số 191/QĐ, ngày 06/6/1968, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký QĐ).

Năm 1970: Bộ Giáo dục có Quyết định số: 164/QĐ, ngày 07/3/1970, do Thứ trưởng Võ Thuận Nho, ký QĐ v/v thành lập phân hiệu Hệ sư phạm Họa và thành lập phân hiệu Hệ sư phạm Nhạc, đặt trong hệ của Trường Sư phạm Thể dục TW.

Sau khi Trường có thêm 02 phân hiệu Hệ Sư phạm Nhạc và Hệ Sư phạm Họa. Cuối năm 1971: Bộ Giáo dục có Quyết định số 1499/QĐ, ngày 27/12/1971, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký QĐ đổi tên Trường Sư phạm Thể dục TW thành: Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa TW.

Đến năm 1972: Bộ Giáo dục có Quyết định số 731/QĐ, ngày 18/10/1972, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký chia tách Trường Sư phạm Thể dục, Nhạc, Họa TW thành 02 trường: đó là Trường sư phạm Thể dục TW và Trường sư phạm Nhạc, Họa TW.

Đến năm 1973: Bộ Giáo dục có Quyết định số: 209/QĐ, ngày 31/3/1973 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định hủy bỏ quyết định số 731/QĐ, ngày 18/10/1972 v/v chia tách Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa TW thành 02 trường nói trên, trở lại thành một trường theo tên gọi cũ là: Trường Sư phạm Thể dục-Nhạc-Họa Trung ương.

Vào đầu năm 1981: Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa TW, được nâng cấp và đổi tên thành: Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương.

Năm 1985, tại QĐ số: 261/HĐBT, ngày 07/11/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) do Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Tô Hữu, ký quyết định chia tách Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa TW thành 02 trường, đó là: Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục TW số 1 và Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc - Họa TW.

Năm 2003, tại Quyết định số: 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 do Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm, ký quyết định nâng cấp và đổi tên Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục TW số 1 thành Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây.

Năm 2008, tại Quyết định số: 1647/QĐ-TTg, ngày 14/11/2008 do Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân, ký quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây thành Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

**- Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi**

**Sứ mạng:** Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo viên giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; nghiên cứu và ứng dụng khoa học về giáo dục thể chất và thể thao trường học; bồi dưỡng tài năng thể dục thể thao, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục Việt Nam.

**Tầm nhìn:** Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội trở thành trường đại học sư phạm trọng điểm, có uy tín trong khu vực và trên thế giới về đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; là trung tâm nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế hàng đầu về giáo dục thể chất, thể thao trường học; và là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng chất lượng cao và đạt chuẩn quốc tế với tài năng trẻ thể dục thể thao Việt Nam.

**Giá trị cốt lõi: Chất lượng – Hiệu quả - Phát triển bền vững**

**- Những phần thưởng cao quý được Đảng và Nhà nước trao tặng cho Nhà trường trong quá trình xây dựng và phát triển**

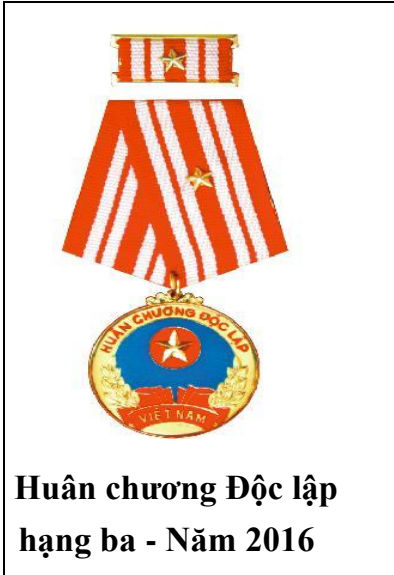
Có thể nói trong chặng đường gần 60 năm xây dựng và phát triển của Nhà trường, thì chặng đường từ 2003 đến nay được đánh giá là giai đoạn phát triển rực rỡ về mọi mặt. Từ quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế đến tổ chức bộ máy và trình độ đội ngũ cán bộ giảng viên, viên chức và đời sống cơ sở vật

chất... Và không chỉ các hoạt động thi đua trong học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học được tổ chức thường xuyên đi vào chiều sâu mang lại những thành tích nổi bật trở thành một trường Đại học trọng điểm của cả nước về đào tạo giáo viên GDTC, mà nhiều hoạt động khác cũng được Nhà trường đẩy mạnh.

Minh chứng rõ nhất của giai đoạn này được khẳng định bằng sự ghi nhận liên tục trong các năm Nhà trường đều đạt: “Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc”; Đảng bộ Trường liên tục đạt danh hiệu “Đảng bộ trong sạch vững mạnh”; Công đoàn trường được tặng nhiều cờ thi đua, bằng khen cho cá nhân, tập thể của Công đoàn Giáo dục Việt Nam và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, được tặng Huân chương Lao động hạng Ba (1996) và Huân chương Lao động hạng Nhì (2011); Đoàn Thanh niên trường được tặng nhiều cờ thưởng, bằng khen của Trung ương Đoàn, của Thành đoàn Hà Nội và Trung ương Hội sinh viên Việt Nam... Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh của nhà trường được tặng Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba (2006), Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Nhì (2011), Huân chương Lao động Hạng ba (2019). Nhiều cá nhân được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban ngành ghi nhận khen thưởng Trong đó, có 12 cá nhân được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ; 02 cá nhân được tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba; 05 cá nhân được phong tặng danh hiệu Nhà Giáo ưu tú ;

Tập thể Nhà trường được tặng nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ và được tặng Huân chương Lao động hạng Ba (1996), Huân chương Lao động hạng Nhì (2001), Huân chương Lao động hạng Nhất (2006), Huân chương Độc lập hạng Ba (2016).

Những thành tựu quan trọng trên đã tạo tiền đề và mở ra một thời kỳ mới cho sự phát triển nhanh chóng của Nhà trường, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.



**b) Cơ cấu tổ chức trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội**

## SƠ ĐỒ BỘ MÁY NHÀ TRƯỜNG



### c) Cơ cấu tổ chức Hội đồng trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội (hoặc quyết định thành lập hội đồng trường)

Hội đồng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội được Đảng ủy lãnh đạo triển khai thành lập đề án và tiến hành các bước trình Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định phê duyệt, với cơ cấu tổ chức gồm 15 thành viên. Trong đó 4 thành viên đương nhiên; 01 thành viên đại diện Bộ chủ quản; 04 thành viên bên ngoài; 06 thành viên đại diện cho giảng viên.



## **2. Bnh viên đại diện cho giảng viên. Hà Nội được Đại học Sư phạm Th.**

### **Bnh viên đại Hà Nh**

**a) Vị trí pháp lý các hoạt động và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của trường.**

#### **- Vị trí pháp lý**

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội là trường đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Tên tiếng Anh là: Ha Noi University of Physical Education and Sports. Tên giao dịch viết tắt là HUPES.

Trường được thành lập tại Quyết định số 83/2003/QĐ-TTg ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ, và đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội (tại Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 14/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ).

Trường chịu sự lãnh đạo và quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đối với những công việc có liên quan.

#### **- Nguyên tắc hoạt động của Trường**

Hoạt động của Trường được thực hiện theo Luật Giáo dục đại học và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng, Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, công chức, viên chức làm chủ. Trong đó mối quan hệ lãnh đạo, quản lý, kiểm tra, phối hợp giữa tổ chức Đảng, chính quyền, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các tổ chức quần chúng khác được thực hiện tuân theo các văn bản pháp quy hiện hành.

Hệ thống tổ chức quản lý của Trường theo cơ cấu ba cấp (trực tuyến chức năng). Làm việc theo chế độ thủ trưởng, có phân cấp và theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trường tôn trọng vai trò, nguyên tắc hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên tham gia đầy đủ vào các hoạt động chung của Nhà trường.

Trường có Đảng bộ Trường trực thuộc Đảng bộ khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội, hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên, Ban Nữ công. Các tổ chức này hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức, có

trách nhiệm góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo của Trường, phù hợp với tôn chỉ mục đích, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đoàn thể trong Nhà trường.

**- Mục tiêu đào tạo của Trường**

Đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất có trình độ đại học, sau đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo; có kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng thực hành cơ bản vững vàng, có năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, huấn luyện và tổ chức các hoạt động về TĐTT; đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn trong công tác giáo dục thể chất ở các cấp học, bậc học góp phần đào tạo con người phát triển toàn diện.

Trường luôn chú trọng công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) giáo dục, nghiêm túc thực hiện chủ trương của Bộ GDĐT về công tác ĐBCL và hướng đến kiểm định chất lượng (KĐCL) cơ sở giáo dục, kiểm định chương trình đào tạo (CTĐT) để tìm ra những tồn tại để có kế hoạch điều chỉnh nhằm mục đích ngày càng hoàn thiện hơn. Trước xu thế đổi mới, hòa nhập khu vực và thế giới, yêu cầu công nhận lẫn nhau trong khu vực, trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội càng nhận thức tính cấp thiết và tầm quan trọng của công tác ĐBCL, tự đánh giá và KĐCL.

**b) Những thách thức chiến lược chính mà nhà trường gặp phải về môi trường hoạt động và kế hoạch của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội để khắc phục những thách thức đó.**

Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục đại học đó là: giảng viên, sinh viên; Chương trình, giáo trình giảng dạy; Phương pháp giảng dạy và hệ thống đánh giá học tập. Cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập; Đội ngũ những người làm công tác quản lý và công tác hỗ trợ tại các đơn vị. Công tác NCKH và chuyển giao công nghệ; Những chính sách phục vụ cộng đồng, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan, cơ hội tìm kiếm việc làm... Tất cả các yếu tố này đều được trường đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội kiểm soát bằng các quy trình nghiệp vụ tương ứng, các kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng lĩnh vực, được kiểm tra đánh giá và rà soát thường xuyên để khắc phục những khó khăn, cải tiến chất lượng hoạt động.

**Các yếu tố cạnh tranh:** là một trường sư phạm chuyên ngành Giáo dục thể chất, ngoài tính đặc thù của ngành và chỉ có duy nhất một ngành đào tạo thì những thách thức mà nhà trường phải vượt qua, đó là: Sự cạnh tranh giữa các trường trong nước và khu vực. Việc làm cho sinh viên (SV) khi ra trường; Đáp ứng nguồn nhân lực

chất lượng cao cho xã hội. Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội phải vượt qua những thách thức này bằng chính chất lượng của Nhà trường, chất lượng là hàng đầu, là yếu tố giúp nhà trường cạnh tranh lành mạnh trong thị trường giáo dục. Chất lượng được nhà trường đặt lên hàng đầu trong mọi hoạt động, được vận hành, rà soát và cải tiến liên tục.

**Các yếu tố văn hóa - xã hội - kinh tế:** Nghề sư phạm từ xưa đến nay luôn được đánh giá là nghề cần thiết, quan trọng và cao quý. Tuy nhiên trước đây, do chế độ ưu đãi đối với người thầy chưa đảm bảo, khiến cho nghề sư phạm “có danh mà không có thực”, cuộc sống của người thầy nghèo khó, thanh bần; sự quan tâm chưa thỏa đáng của xã hội còn tồn tại, sự đánh giá chưa đúng của mọi người về vai trò của người thầy giáo... điều đó đã thực sự tác động không nhỏ tới xu hướng chọn nghề sư phạm của học sinh. Những năm gần đây, do tác động của nền kinh tế - xã hội thời mở cửa, nên cách nhìn nhận, đánh giá về nghề sư phạm cũng thay đổi. Nghề sư phạm dần dần được quan tâm hơn. Nhà nước đã có những chế độ, đãi ngộ đối với giáo viên, giúp cho họ yên tâm hơn, hứng thú hơn với nghề sư phạm. Mặc dù còn một số nơi do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, đời sống thực tế của đội ngũ nhà giáo còn gặp không ít khó khăn, tuy vậy, sự tác động tích cực của chính sách kinh tế - xã hội đã có ảnh hưởng thuận lợi đến việc chọn nghề, xu hướng nghề sư phạm của sinh viên. Hệ thống quản lý chất lượng của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội quan tâm đến sự phản hồi của các bên liên quan, đến giáo dục trong thời kỳ hội nhập, xu thế phát triển của xã hội và nhu cầu nguồn nhân lực trong thời kỳ mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động mạnh mẽ, đến tình hình phát triển kinh tế xã hội,... để điều chỉnh sứ mạng, điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường cho đúng hướng.

**c) Những điểm mạnh và cơ hội chiến lược của nhà trường về môi trường hoạt động và cách mà cơ sở giáo dục (CSGD) tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó.**

**\* Điểm mạnh**

- Trường có truyền thống bề dày hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển.
- Nhà trường luôn xây dựng chiến lược phát triển theo hướng đại học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Nhà trường có hệ thống quản trị tương đối hoàn thiện với hệ thống văn bản thể chế thường xuyên được cập nhật đã giúp Trường hoàn

thành nhiệm vụ chính trị được giao, thực hiện thành công chiến lược trường giai đoạn 2014-2020.

- Nhà trường là nơi hội tụ các nhà khoa học, Giảng viên (GV) đầu ngành trong lĩnh vực GDTC; Luôn quan tâm thúc đẩy chất lượng nghiên cứu khoa học (NCKH) và công bố công trình khoa học cấp Bộ và cấp nhà nước.

- Nhà trường có quan hệ đối ngoại tốt với các cơ quan, trường đại học có cùng chuyên ngành trong nước và Quốc tế; Các viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế về giáo dục. Đó là nhân tố quan trọng thúc đẩy Nhà trường phát triển, nâng cao uy tín trong nước và quốc tế.

- Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên nhằm phù hợp với các quy định của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo kế hoạch.

- Nhà trường đã tổ chức tự đánh giá trong giai đoạn 2008-2014 và giai đoạn 2015 -2019. Kế hoạch tự đánh giá (TĐG) và chuẩn bị cho đánh giá ngoài (ĐGN) được thiết lập cho từng giai đoạn, nhiệm vụ các bên liên quan được quy định rõ ràng. Vai trò, chức năng của đơn vị chuyên trách cũng được thiết lập cụ thể và có sự giám sát thường xuyên. Các công tác cụ thể về hoàn thiện quy trình, bồi dưỡng nhân sự được thực hiện nhằm hiện thực hoá các kế hoạch của nhà trường.

- Hệ thống cơ sở vật chất (CSVC) được hiện đại hoá từng bước, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu của sinh viên và giảng viên.

**\* Điểm yếu**

- Trường chưa phải là trường đa ngành.
- Đội ngũ có học hàm giáo sư, phó giáo sư, học vị tiến sĩ còn thấp.
- Nhà trường chưa có chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài.

- Các công bố khoa học, hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế còn thấp.

**\*Cơ hội**

- Nhà nước luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục - đào tạo đặc biệt là ngành sư phạm đã có những đầu tư đáng kể cho ngành sư phạm nói chung và sư phạm GDTC nói riêng.

- Nhà nước có các chế độ đãi ngộ cho sinh viên ngành sư phạm trong quá trình học tập và cơ hội việc làm sau khi ra trường.

- Ngành Thể dục, thể thao Việt Nam sớm hội nhập quốc tế, có nhiều cơ hội tiếp cận với xu thế toàn cầu. Trong những năm gần đây, chính phủ các quốc gia ngày càng quan tâm và tích cực tham gia chỉ đạo, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, nhất là tăng cường đầu tư xây dựng các công trình công cộng về thể dục, thể thao và thúc đẩy phát triển, kinh doanh dịch vụ thể dục, thể thao giải trí; chương trình giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục đào tạo các cấp được cải cách theo hướng học sinh được tự chọn các nội dung hoạt động thể dục, thể thao phù hợp với thể trạng tâm – sinh lý cá nhân.

- Xu hướng ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin, tự động hóa phương pháp vận động và đo lường thể chất trong hoạt động thể dục, thể thao ngày càng phát triển và được coi là yếu tố quan trọng để nâng cao thành tích thể thao. Hoạt động giao lưu quốc tế trong đào tạo nhân tài, hợp tác trao đổi kỹ thuật và công nghệ TĐTT cũng được khuyến khích và đẩy mạnh.

#### **\* Thách thức**

- Ngành giáo dục thể chất yêu cầu về chất lượng đào tạo ngày càng cao.  
- Yêu cầu về tự chủ và cơ chế tự chủ đối với trường đặc thù.  
- Xu hướng giảm dần nguồn kinh phí cấp từ ngân sách nhà nước cho các trường sư phạm.

- Những thay đổi trong chính sách của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh hàng năm, Nhà trường phải định hướng và có biện pháp thích hợp đảm bảo tuyển sinh đủ chỉ tiêu được giao hàng năm.

### **Các giải pháp xử lý rủi ro và cơ hội phát sinh từ bối cảnh**

- **Về tuyển sinh đầu vào:** Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển sinh và tư vấn tuyển sinh về ngành đào tạo của nhà trường, vị trí việc làm sau khi ra trường, nhằm thu hút đông đảo thí sinh đăng ký vào Trường.

- **Về nội dung chương trình đào tạo:** Phát triển các chương trình đào tạo đại học theo định hướng ứng dụng, chú trọng thực hành và trang bị kỹ năng mềm cho người học có thể làm việc ngay khi ra trường. Rà soát và cải tiến các chương trình đào tạo (CTĐT), xây dựng các CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra (CĐR) của ngành đào tạo. Từng khoa/bộ môn xây dựng đề cương các môn học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình.

- **Về quản lý đào tạo:** Hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Đào tạo, huấn luyện, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo.

- **Về phương pháp dạy và học:** Phát triển các chương trình đào tạo GDTC trao đổi giảng viên với các trường có cùng chuyên ngành trong nước và quốc tế để học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác giảng dạy. Xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng giảng viên về phương pháp dạy và học tích cực.

- **Về điều kiện phục vụ dạy và học:** Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng tài liệu phục vụ dạy và học, chú trọng các giáo trình về chuyên ngành TĐTT. Tiếp tục xây dựng hệ thống cơ sở học liệu đa dạng với nhiều hình thức: sách điện tử, bản in, các tài liệu học tập.

- **Về nguồn lực phục vụ đào tạo:** Tạo môi trường tốt nhất cho các nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu, giảng viên trong trường, tiếp tục chính sách thu hút nhân tài tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng cán bộ giảng dạy và cán bộ phục vụ đào tạo đảm bảo tính kế thừa, duy trì và phát triển. Xây dựng chính sách làm tăng các nguồn thu, tài trợ, xã hội hóa phục vụ đào tạo; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ.

- **Về đảm bảo chất lượng:** Thực hiện đánh giá chất lượng nhà trường theo Bộ tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tiếp tục áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng. Tiến hành việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến của các bên quan như SV, GV, nhân viên trong trường, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên để nâng cao chất lượng đào tạo và đổi mới phát triển Nhà trường.

### 3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội (xem phụ lục...)

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

### TIÊU CHUẨN 1. TÂM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ VĂN HÓA

**Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và Sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.**

Năm 2014, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội lần đầu tiên tuyên bố chính thức về sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường theo Quyết định số 868/QĐ-ĐHSPTĐTTTHN, ngày 05/12/2014 với nội dung:

**Sứ mạng:** Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực giáo viên giáo dục thể chất, bồi dưỡng nhân tài thể dục thể thao cho hệ thống giáo dục quốc dân và toàn xã hội; nghiên cứu khoa học sư phạm thể dục thể thao; bồi dưỡng huấn luyện đội ngũ cán bộ TĐTT, góp phần phát triển giáo dục thể chất trong trường học cũng như sự nghiệp TĐTT và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

**Tầm nhìn:** Xây dựng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội trở thành trường đại học đầu ngành của cả nước trong lĩnh vực đào tạo đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thể chất có trình độ đại học, sau đại học của vùng đồng bằng sông Hồng. Phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học theo hướng ứng dụng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có uy tín về lĩnh vực giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, an ninh, phù hợp với xu thế phát triển quốc tế, hội nhập với nền giáo dục tiến tiến của khu vực và thế giới”[H1.01.01.01].

Năm 2019, tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường đã được rà soát, điều chỉnh, để phù hợp với sự phát triển của xã hội cụ thể như sau:

**Sứ mạng:** Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo viên giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; nghiên cứu và ứng dụng khoa học về giáo dục thể chất và thể thao trường học; bồi dưỡng tài năng thể dục thể thao, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục Việt Nam.

**Tầm nhìn:** Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội trở thành trường đại học sư phạm trọng điểm, có uy tín trong khu vực và trên thế giới về đào tạo

*giáo viên giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; là trung tâm nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế hàng đầu về giáo dục thể chất, thể thao trường học; và là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng chất lượng cao và đạt chuẩn quốc tế với tài năng trẻ thể dục thể thao Việt Nam [H1.01.01.02].*

Đề xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, Đảng ủy trường ban hành Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện [H1.01.01.03].

Việc xây dựng sứ mạng, tầm nhìn từng giai đoạn của Nhà trường đều có sự tham gia đầy đủ các thành phần: Bí thư Đảng ủy, Ban giám hiệu, cán bộ chủ chốt nhà trường, Chủ tịch Công đoàn trường, Đại diện đoàn thanh niên, đại diện viên chức, người lao động, sinh viên và các trường phổ thông [H1.01.01.04]. Quy trình xây dựng sứ mạng, tầm nhìn được thực hiện theo đúng trình tự được Ban Giám hiệu thống nhất ban hành [H1.01.01.05] và có kế hoạch, phân công cụ thể, trong đó, phòng Tổ chức cán bộ được giao làm đầu mối triển khai, giúp Ban soạn thảo thực hiện các bước theo quy trình [H1.01.01.06], tổ chức tham mưu xây dựng và gửi các công văn xin ý kiến về góp ý dự thảo sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi; Thông báo về việc xin ý kiến về góp ý dự thảo “sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi”; Tổng hợp các dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả cải tiến; ý kiến phản hồi liên quan về sứ mạng tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường [H1.01.01.07].

Từ sự lãnh đạo, chỉ đạo trong việc triển khai xây dựng, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường được thực hiện đảm bảo tính thống nhất, có sự tham gia của các bên liên quan, với quy trình thực hiện được rà soát, bổ sung theo chu kỳ, nên nội dung tuyên bố về tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường luôn phù hợp với xu thế chung của ngành của đất nước, như: sứ mạng tầm nhìn ban hành năm 2014, phù hợp với mục tiêu của Nhà nước theo Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án quy hoạch phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, đó là: “Đến năm 2020, thể dục, thể thao cơ bản được phát triển đồng đều giữa các đối tượng, rộng khắp giữa các vùng, miền, các địa phương trong cả nước, góp phần nâng cao sức khỏe và tuổi thọ của người Việt Nam, vì sự nghiệp dân cường, nước thịnh. Thành tích ở một số môn thể thao có thể mạnh của Việt Nam đạt trình độ của châu lục và thế giới. Phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia có nền thể dục, thể thao phát triển ở châu lục” [H1.01.01.08].



Sứ mạng, tầm nhìn công bố năm 2019 được điều chỉnh, cập nhật phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu chung của Nhà nước được thống nhất tại “Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 đó là *“Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và thể thao trường học nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện, trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên cho trẻ em, học sinh, sinh viên; gắn giáo dục thể chất, thể thao trường học với giáo dục ý chí, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, lành mạnh cho trẻ em, học sinh, sinh viên, đồng thời góp phần phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước”* [H1.01.01.09].

Để thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi đã đặt ra, nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội giai đoạn 2015-2020 với các nội dung phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn bằng các mục tiêu cụ thể như: (a) Chất lượng kiến thức, chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học khi tốt nghiệp từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế. (b) Các công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học – công nghệ có khả năng ứng dụng và triển khai, có tính hiệu quả về mặt kinh tế – xã hội, làm nền tảng cho công tác đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo. (c) Đội ngũ cán bộ, giảng viên có năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. (d) Hệ thống cơ sở vật chất, sân bãi TĐTT đồng bộ và hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ. (đ) Hợp tác quốc tế, trọng tâm là Trung quốc và các nước Asean. (e) Kiểm định chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc gia. (f) Các nguồn lực tài chính được phát triển theo hướng đa dạng hóa và bền vững, hiệu quả thông qua tăng cường, mở rộng hợp tác với các đối tác, khai thác các hình thức huy động mới theo cơ chế mới, đặc thù [H1.01.01.10]; đồng thời, Nhà trường đã có văn bản hướng dẫn các đơn vị khoa, phòng, trung tâm xây dựng kế hoạch thực hiện, tập trung chủ yếu vào các nhiệm vụ trọng tâm từng năm học [H1.01.01.11]. Hàng tháng, tiến hành họp giao ban giữa lãnh đạo trường với trưởng, phó các đơn vị sơ kết các công việc hoàn thành trong tháng, chỉ ra các tồn tại, hạn chế, đưa ra kế hoạch cụ thể của trường và từng đơn vị trong tháng sau [H1.01.01.12].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hoá phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục***

Cùng với việc công bố sứ mạng, tầm nhìn, trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đã chính thức tuyên bố về giá trị cốt lõi của nhà trường tại Quyết định số 868/QĐ/ĐHSPTDTTHN ngày 05/12/2014; Quyết định số 415/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 08/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đó là: “Chất lượng - Hiệu quả - Phát triển bền vững” [H1.01.02.01].

Quá trình xây dựng giá trị văn hóa, cốt lõi của Nhà trường đều được Đảng ủy nhà trường lãnh đạo chỉ đạo xuyên suốt bằng Nghị quyết [H1.01.02.02]. Nội dung giá trị cốt lõi được công bố rộng rãi trên website của Nhà trường tại địa chỉ: (<http://dhsptdtthanoi.edu.vn/tabid/213/Default.aspx>).

Nội dung giá trị cốt lõi mà Nhà trường xác định là giá trị văn hoá truyền thống được vun đắp suốt chiều dài lịch sử gần 60 năm xây dựng và phát triển, được các thế hệ cán bộ, giảng viên và sinh viên Nhà trường gìn giữ, phát triển là: “Chất lượng - Hiệu quả - Phát triển bền vững”. Các giá trị đều hướng tới tầm nhìn với phương châm: lấy “**chất lượng**” là vấn đề then chốt, có ý nghĩa sống còn và là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, nhân viên; lấy “**hiệu quả**” làm thước đo cho giá trị văn hóa và phát triển bền vững; trên cơ sở những khuôn mẫu, chuẩn mực không chỉ giúp cho nhà trường tiếp tục phát triển, đi lên mà điều quan trọng hơn là giúp cho sự định hướng và điều chỉnh hành vi của cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học. Những giá trị cốt lõi, góp phần tạo dựng nên các giá trị văn hoá của Nhà trường chính là: (1) Chất lượng; (2) Hiệu quả; (3) Phát triển bền vững được thể hiện qua các phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước trao tặng như Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba [H1.01.02.03].

Để phát triển các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng trong từng giai đoạn, Đảng ủy Nhà trường luôn coi trọng việc lãnh đạo, triển khai xây dựng kế hoạch hành động, nhiệm vụ ưu tiên để giữ gìn bản sắc, văn hóa, thương hiệu của Nhà trường. Thực hiện lãnh đạo, chỉ đạo bằng các văn bản như: Kế hoạch tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi [H1.01.02.04]; Thông báo kết luận Hội nghị Đảng ủy trường về việc triển khai xây dựng kế hoạch hành động, nhiệm vụ ưu tiên để giữ gìn bản sắc, văn hóa, thương hiệu của Trường [H1.01.02.05]; Thông báo kết luận Hội nghị Đảng ủy trường về việc triển khai xây dựng kế hoạch hành

động, nhiệm vụ ưu tiên để giữ gìn bản sắc, văn hóa, thương hiệu của Trường **[H1.01.02.06]**.

Để triển khai sứ mạng, tầm nhìn được công bố, Ban Giám hiệu đã ban hành kế hoạch hành động về việc giữ gìn bản sắc, văn hóa thương hiệu của trường theo từng giai đoạn **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.02.08]**.

Việc xây dựng kế hoạch giữ gìn bản sắc, văn hóa, thương hiệu đều có sự tham gia đóng góp ý kiến của các đơn vị trong toàn trường bằng hình thức: nhà trường ra thông báo triển khai đến các đơn vị trong toàn trường. Các đơn vị triển khai lấy ý kiến đến từng cán bộ, giảng viên, người lao động được tổng hợp thành biên bản **[H1.01.02.09]**. Ngoài ra, nhằm tạo cơ sở mang tính pháp lý thúc đẩy các giá trị văn hoá phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của trường, năm 2016, Ban Giám hiệu đã ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội **[H1.01.02.10]**. Hiện tại, nhà trường đang tiếp tục xây dựng Dự thảo Quy chế văn hóa công sở. Bên cạnh đó, để tạo sự lan tỏa giá trị văn hóa và giá trị cốt lõi, Ban Giám hiệu xây dựng và triển khai chương trình truyền thông có hiệu quả như: Năm 2014, ban hành Kế hoạch về việc tổ chức tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội **[H1.01.02.11]**. Năm 2016, tổ chức hội nghị học tập chuyên đề “văn hóa học đường” **[H1.01.02.12]**. Năm 2019, Ban hành Kế hoạch công tác truyền thông giáo dục, đẩy mạnh giá trị văn hóa, cốt lõi của Nhà trường trong năm học 2019 – 2020 **[H1.01.02.13]**. Đồng thời, nội dung giá trị cốt lõi được nhà trường công bố trong Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2015-2020 **[H1.01.02.14]**; công bố trong sổ tay sinh viên **[H1.01.02.15]**; đăng trên Bản tin Giáo dục thể chất và thể thao trường học **[H1.01.02.16]**; công bố trang trọng tại các địa điểm như: khu vực cổng trường, giảng đường, trung tâm nhà điều hành của trường và website của trường <http://dhsptdttthanoi.edu.vn>. Nhà trường còn tập trung tuyên truyền qua hệ thống pano, khẩu hiệu về giá trị văn hóa tại trực đường đi, trong khuôn viên nhà trường. Hàng năm, Đoàn thanh niên nhà trường tổ chức các hoạt động như: Mít tinh kỷ niệm ngày thành lập Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh 26/3; Ngày truyền thống học sinh, sinh viên 09/01; ngày quốc tế phụ nữ 08/3; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TĐTT trong sinh viên..., các hội thi nhằm giáo dục truyền thống và phát huy giá trị văn hóa trong sinh viên... đã giúp nhà trường quán triệt sâu sắc và nhận thức đầy đủ triết lý, giá trị văn hóa chung của ngành và của Nhà trường,

bồi dưỡng lý tưởng cao đẹp, ý chí vươn lên, với khát vọng được cống hiến cho sự nghiệp đào tạo giáo dục thể chất, xây dựng nhà trường phát triển không ngừng.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 1.3. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hoá của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.***

Để chuyển tải, phổ biến những nội dung quan trọng nhằm tác động tới cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của quá trình giáo dục trong nhà trường theo hướng phát triển con người toàn diện, Đảng ủy trường đã lãnh đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến ngay sau mỗi lần công bố sứ mạng tầm nhìn, giá trị cốt lõi [H1.01.03.02]; ban hành Kế hoạch phổ biến, quán triệt sứ mạng tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]. Ngoài ra, Ban Giám hiệu cũng ban hành kế hoạch về việc tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi [H1.01.03.05] và hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 [H1.01.03.06], triển khai các kế hoạch hành động, nhiệm vụ giữ gìn bản sắc văn hóa, thương hiệu của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H1.01.03.07], [H1.01.03.08].

Việc xây dựng kế hoạch hành động nhằm phổ biến, quán triệt sứ mạng, tầm nhìn giá trị cốt lõi, giá trị văn hóa của trường đều được bàn bạc thống nhất thông qua các phiên họp bàn và thông qua việc Ban Giám hiệu ra thông báo lấy ý kiến đóng góp trong và ngoài trường về triển khai [H1.01.03.09]. Năm 2019, sau khi rà soát điều chỉnh và công bố sứ mạng, Ban Giám hiệu Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền truyền, giao nhiệm vụ cho phòng Truyền thông tổ chức tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H1.01.03.10]. Kế hoạch công tác truyền thông giáo dục đẩy mạnh giá trị cốt lõi năm học 2019 - 2020 [H1.01.03.11]. Nội dung tuyên truyền được phòng Truyền thông được thực hiện tốt qua các hình thức như: Đăng tải nội dung sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi trên trang website Nhà trường. Công khai kế hoạch hành động, nhiệm vụ giữ gìn bản sắc, văn hóa, thương hiệu của trên trang website [H1.01.03.12], tập trung treo các pano về nội dung văn hóa nhằm tạo động lực, phấn đấu thi đua trong toàn trường. Đồng thời tổ chức các buổi gặp mặt cựu sinh viên để giới thiệu sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi; tổ

chức lễ công bố trong cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn trường về nội dung sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi [H1.01.03.13]. Bên cạnh đó, mỗi dịp kỷ niệm năm chẵn ngày thành lập Trường là một dịp tăng cường công tác tuyên truyền về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của nhà trường đối với cựu cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và xã hội thông qua các bài viết trên các phương tiện truyền thông, báo, mạng, trang thông tin điện tử, các cuốn kỷ yếu. Nhà trường đã hoàn hành cuốn Lịch sử Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội và phát hành vào dịp kỷ niệm 15 năm trường được nâng cấp lên đại học (tháng 5/2018), đã thể hiện sự tâm huyết và niềm tự hào đối với truyền thống vẻ vang của Nhà trường. Ngoài ra với tình cảm sâu sắc với mái trường, một số cán bộ giảng viên đã sáng tác ca khúc “Vinh quang Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội” [H1.01.03.14]. Đặc biệt, Ban Giám hiệu nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn, xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2020, tập trung chủ yếu vào các nhiệm vụ trọng tâm từng năm học.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

#### ***Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.***

Để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đã được tuyên bố, Nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi, rà soát đánh giá sứ mạng tầm nhìn giá trị cốt lõi của trường cho phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị đầu mối để triển khai thực hiện [H1.01.04.01]. Sau 5 năm thực hiện, Nhà trường rà soát, đánh giá sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Đặc biệt là thời điểm này, Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 có hiệu lực thi hành, vì vậy nhằm quán triệt và thực hiện đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục đào tạo, Đảng ủy trường ban hành Nghị quyết chuyên đề về việc rà soát điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H1.01.04.02]. Trên cơ sở được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy - Ban Giám hiệu, phòng Tổ chức cán bộ đã tham mưu cho Ban Giám hiệu thành lập ban rà soát sứ mạng tầm nhìn và giá trị cốt lõi ban hành năm 2014 với các thành viên gồm: Đảng ủy, Ban Giám hiệu; Chủ tịch công đoàn trường; Bí thư đoàn thanh niên; Trưởng các đơn

vị trực thuộc; đại diện giảng viên; đại diện người học. Ban rà soát có nhiệm vụ tổ chức họp đánh giá, thống nhất quan điểm triển khai; phân công rõ nhiệm vụ cho từng thành viên thực hiện quy trình rà soát, điều chỉnh nội dung sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, đánh giá về hiện trạng, đề xuất những thay đổi trong sứ mạng, tầm nhìn và định hướng phát triển nhà trường giá trị cốt lõi [H1.01.04.03]; xây dựng quy trình rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn [H1.01.04.04] và ban hành kế hoạch về việc rà soát điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi [H1.01.04.05]. Trong kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị liên quan, phòng Tổ chức cán bộ đã tiến hành theo đúng quy trình, tham mưu cho Ban Giám hiệu ra thông báo xin ý kiến đóng góp sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi; gửi công văn xin ý kiến góp ý đóng góp tới một số sở giáo dục, trường phổ thông, cựu giáo chức, nhà giáo ưu tú xin kiến về góp ý dự thảo sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi [H1.01.04.06].

Kết quả lấy ý kiến phản hồi liên quan về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường được tổng hợp, làm căn cứ để tiến hành điều chỉnh [H1.01.04.07]. Sau khi rà soát, điều chỉnh, phòng Tổ chức cán bộ tham mưu cho Ban xây dựng rà soát tổ chức công khai báo cáo kết quả rà soát về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và định hướng phát triển nhà trường [H1.01.04.08].

Việc rà soát được nhà trường thực hiện theo chu kỳ 5 năm 1 lần. Việc rà soát, cũng như việc tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được thực hiện một cách có hệ thống, nên tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá của nhà trường cơ bản đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Trong đó, điểm khác biệt trong việc xây dựng sứ mạng, tầm nhìn là ngoài các bên liên quan trong trường còn có sự tham gia của các bên liên quan ngoài trường, nên nội dung sứ mạng tầm nhìn được điều chỉnh phù hợp với Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016; Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” [H1.01.04.09].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 1.5. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hoá của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.***

Để đảm bảo việc phát triển sứ mạng, tầm nhìn phù hợp với từng giai đoạn phát triển, năm 2019, Đảng ủy nhà trường ra Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh sứ mạng tầm nhìn và giá trị cốt lõi [H1.01.05.01]. Trên cơ sở Nghị quyết của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường đã có văn bản giao nhiệm vụ cho phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị đầu mối tổ chức việc theo dõi rà soát đánh giá sứ mạng tầm nhìn, giá trị cốt lõi [H1.01.05.02], giao cho phòng Hành chính tổng hợp làm đầu mối tổ chức, triển khai giám sát, cải tiến chất lượng “Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi” của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H1.01.05.03].

Sau 5 năm triển khai “Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi” và thực hiện chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015 – 2020, năm 2019, nhà trường đã tiến hành tổ chức thực hiện theo chu kỳ rà soát Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi. Để đảm bảo thống nhất Nhà trường đã rà soát, bổ sung quy trình phát triển sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi có điểm mới được cải tiến: năm 2019 thực hiện qua 8 bước so với năm 2014 chỉ có 7 bước [H1.01.05.04]. Ngoài ra, trong thành phần tham gia Ban rà soát điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được bổ sung thêm một số thành viên là đại diện đơn vị sử dụng lao động là các cơ sở giáo dục phổ thông, đại diện người học đang học tập tại trường [H1.01.05.05].

Việc tổ chức triển khai lấy ý kiến góp ý cho sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi năm 2019 được Nhà trường đồng bộ các hoạt động như: Xây dựng phiếu khảo sát; tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt lấy ý kiến đóng góp trực tiếp vào bản dự thảo; tổ chức hội nghị mở rộng lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo gồm các thành viên bên ngoài trường (đại diện trường THCS, THPT đóng trên địa bàn, đại diện chuyên gia trong ngành TĐTT, Hội cựu giáo chức của Trường và cựu sinh viên) [H1.01.05.06]. Từ các kết quả khảo sát, Nhà trường nghiên cứu, phân tích nguồn lực, dự báo tình hình và có những điều chỉnh về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, đảm bảo phù hợp với bối cảnh và xu thế phát triển của trường [H1.01.05.07]. [H1.01.05.08], [H1.01.05.09].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Sứ mạng, tầm nhìn và Chiến lược phát triển trường được xây dựng bài bản, có tính khả thi cao, có sự tham gia của các bên liên quan, phù hợp với nguồn lực của trường và xu thế hội nhập của giáo dục đại học, cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng cho thị trường lao động trong tương lai.

- Nhà trường có những giải pháp và các việc làm cụ thể để phát huy giá trị văn hoá truyền thống dựa trên các trụ cột giá trị luôn được củng cố làm lan toả và thấm đậm đến mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên góp phần tạo nên thương hiệu Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội ngày nay.

- Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi đã thường xuyên được đánh giá, rà soát để đảm bảo cho Nhà trường phát triển vững mạnh, đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực của đất nước, đáp ứng được nhu cầu người học và của xã hội.

- Nhà trường đã có đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch rà soát, giám sát định kỳ, đề xuất những điều chỉnh về kế hoạch chiến lược, tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị văn hóa.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Việc phổ biến, tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường đến CB, GV, NV và sinh viên hiệu quả chưa được như mong muốn.

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư vào việc phổ biến, tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi	Ban Giám hiệu, Phòng Truyền thông	Từ năm 2020	
2	Điểm mạnh cần phát huy	Tiếp tục thực hiện các giải pháp và các việc làm cụ thể để phát huy giá trị văn hoá truyền thống. Định kỳ đánh giá, rà soát tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược để đảm bảo Nhà	Ban Giám hiệu, Phòng TCCB	Từ năm 2020	



		trường phát triển vững mạnh, đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực của đất nước, nhu cầu của người học và xã hội.			
--	--	---	--	--	--

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 1</b>	<b>4,4</b>
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	4
Tiêu chí 1.4	4
Tiêu chí 1.5	4

## TIÊU CHUẨN 2. QUẢN TRỊ

*Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục.*

Trong từng giai đoạn phát triển, hệ thống quản trị của nhà trường được thiết lập theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với bối cảnh cụ thể, gồm: Hội đồng trường, Bộ máy chính quyền (Ban giám hiệu, các đơn vị trực thuộc, Các hội đồng đồng tư vấn); Các tổ chức Đảng, Đoàn thể bao gồm: Đảng bộ trường, Công đoàn Trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Hệ thống quản trị của Nhà trường được Nhà trường quy định rõ tại Quy chế tổ chức hoạt động Trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội [H2.02.01.01], được cụ thể qua sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy của trường [H2.02.01.02].

Trong hệ thống quản trị, Đảng bộ là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng ủy khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội, hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp và Pháp luật và theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương [H2.01.01.03]. Ngay sau Đại hội, Ban chấp hành Đảng bộ đã ban

hành Quy chế làm việc của Đảng ủy; Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội khóa X, nhiệm kỳ 2015 - 2020 **[H2.02.01.04]**.

Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội nhiệm kỳ 2019-2024**[H2.02.01.05]**. Với vai trò là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Nhà trường, Hội đồng trường có quyền hạn: Quyết nghị chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường; Quyết nghị phương hướng hoạt động đào tạo, Khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết nghị về cơ cấu tổ chức và phương hướng đầu tư phát triển của Nhà trường; Quyết nghị về việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức của cơ sở nhà trường; Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của Nhà trường. Mặc dù mới được công nhận, nhưng Hội đồng trường đã nhanh chóng thiết lập các mối quan hệ cũng như công tác quản lý, đồng thời xây dựng dự thảo Quy chế tổ chức hoạt động đảm bảo việc thực thi chức năng, thẩm quyền theo đúng quy định **[H2.02.01.06]**.

Cơ cấu bộ máy chính quyền của nhà trường được phân thành 3 cấp quản lý gồm: Ban Giám hiệu; các đơn vị khoa, phòng, trung tâm; bộ môn được kiện toàn theo cơ cấu tổ chức, bộ máy trường **[H2.02.01.07]**. Bộ máy chính quyền Nhà trường được thực hiện thống nhất theo Quy chế tổ chức và hoạt động, thông báo về việc phân công nhiệm vụ của Ban Giám hiệu **[H2.02.01.08]**.

Công đoàn Trường nhiệm kỳ 2013-2017 và nhiệm kỳ 2017-2022 được Công đoàn Giáo dục Việt Nam ra quyết định công nhận Ban chấp hành, Ban thường vụ, ủy ban kiểm tra và các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch **[H2.02.01.09]**. Sau mỗi kỳ Đại hội, BCH Công đoàn trường đều ban hành Quy chế hoạt động theo đúng quy định hướng dẫn của công đoàn cấp trên **[H2.02.01.10]**.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trực thuộc Thành Đoàn Hà Nội được Thành đoàn Hà Nội quyết định công nhận Ban chấp hành, Ban thường vụ và các chức danh bí thư, phó bí thư Đoàn thanh niên nhà trường nhiệm kỳ 2015 – 2017 và nhiệm kỳ 2017-2019 **[H2.02.01.11]**.

Nhà trường thành lập các hội đồng tư vấn như: Hội đồng khoa học và đào tạo **[H2.02.01.12]**; Hội đồng lương **[H2.02.01.13]**; Hội đồng thi đua, khen thưởng

**[H2.02.01.14]**; Hội đồng tuyển dụng viên chức **[H2.02.01.15]**. Các hội đồng này thường xuyên được kiện toàn, bổ sung nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tham mưu tư vấn cho Hiệu trưởng trong các mảng công tác của Nhà trường và chức năng, nhiệm vụ theo các quyết định thành lập.

Ngoài ra, để đảm bảo trách nhiệm giải trình tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động, Nhà trường ban hành Quyết định số 473-QĐ/ĐU, ngày 06/11/2018 về việc ban hành quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Ban Giám hiệu, các đơn vị và đoàn thể **[H2.02.01.16]**.

Hệ thống quản trị được nhà trường thành lập theo quy định của pháp luật đã thiết lập định hướng tạo thuận lợi cho hoạt động chuyên môn, nhất là với vai trò là hạt nhân trong hệ thống chính trị của Nhà trường, Đảng ủy Nhà trường đã lãnh đạo toàn diện đối với toàn bộ tổ chức và hoạt động của Nhà trường, trong giai đoạn đánh giá, đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về kiện toàn tổ chức bộ máy trên tinh thần thực hiện chủ trương thống nhất của Đảng **[H2.02.01.17]**. Ban Giám hiệu Nhà trường đã kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy, xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động theo đúng thẩm quyền. Giai đoạn 2014-2019, đã lãnh đạo Ban Giám hiệu thực hiện 02 lần kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc trường từ 22 đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu xuống còn 17 đơn vị **[H2.02.01.18]** gồm:

1. Phòng Tổ chức cán bộ.
2. Phòng Hành chính - Tổng hợp.
3. Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên.
4. Phòng Kế hoạch - Tài chính.
5. Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra.
6. Phòng Quản trị - Thiết bị.
7. Khoa Đào tạo sau đại học.
8. Khoa Võ - Bơi - Cờ vua.
9. Khoa Các môn bóng.
10. Khoa Điện kinh - Thể dục.
11. Khoa Cầu lông - Đá cầu - Bóng bàn - Quần vợt.
12. Khoa Lý luận.
13. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh.
14. Trung tâm Y học vận động và Hợp tác quốc tế.

15. Trung tâm Khoa học công nghệ - Truyền thông & Thư viện.

16. Trung tâm Bồi dưỡng và tổ chức sự kiện.

17. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUPES.

Đồng thời, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển viên chức quản lý các đơn vị đảm bảo cho từng vị trí cụ thể, như: năm 2015, bổ nhiệm 42 vị trí; năm 2016 bổ nhiệm 41 vị trí; năm 2017, bổ nhiệm 43 vị trí; năm 2018, bổ nhiệm 41 vị trí [H2.02.01.19].

Việc thành lập các đơn vị đều được xây dựng Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy và nhân sự và thông qua các hội nghị tập thể lãnh đạo Nhà trường [H2.02.01.20]. Đồng thời giới thiệu cơ cấu tổ chức bộ máy trên trang thông tin điện tử trường tại địa chỉ <http://dhsptdtthanoi.edu.vn> để tăng cường sự giám sát của xã hội. Chính vì thế công tác quản trị của nhà trường luôn đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.***

Với vai trò là hạt nhân trong hệ thống chính trị, Đảng ủy Nhà trường luôn kịp thời đưa ra các các quyết định và được chuyển tải thành các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện. Thực hiện Đề án phát triển tổng thể nhà trường, năm 2015, Đảng ủy Nhà trường đã ban hành Nghị quyết xây dựng chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2015 - 2020 [H2.02.02.01]; tổ chức sơ kết công tác giữa nhiệm kỳ 2015-2020,... để trên cơ sở đó xây dựng các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn triển khai thực hiện như: Tiếp tục đẩy mạnh tự chủ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn đào tạo với nhu cầu của xã hội để sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội. Xúc tiến việc xây dựng Đề án thành lập trường THPT năng khiếu để đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Hoàn thành việc xây dựng khung năng lực giáo viên môn Thể dục, xây dựng các chương trình đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và chỉnh sửa lại giáo trình để đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa hình thức đào tạo, bồi dưỡng hiện nay. Tiếp tục có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý thông qua các chương trình hợp tác trong và ngoài nước. Tiếp tục duy trì và tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế với các đối tác nước ngoài có uy tín trong nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng

của nhà trường đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho đào tạo; cơ cấu lại việc chi sử dụng ngân sách được cấp theo hướng hiệu quả, bố trí hợp lý cho chi đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ thể thao để đảm bảo tăng nguồn thu hợp pháp, góp phần cải thiện đời sống cán bộ, giảng viên, nhân viên và đẩy mạnh các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, hoàn thành các hạng mục cải tạo, sửa chữa đúng tiến độ, đảm bảo yêu cầu về an toàn, chất lượng công trình. Xây dựng phương án cải tạo lại khuôn viên và trục đường đi vào trường. Khai thác tối đa cơ sở vật chất hiện có để đầu tư cho giáo dục, đào tạo; thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cụ thể hóa chế độ trách nhiệm trong quản lý tài sản và tài chính. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; xây dựng lộ trình thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với nhà trường; tập trung kiện toàn và đảm bảo các điều kiện để thành lập Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định; xây dựng tiêu chuẩn chức danh Chủ tịch Hội đồng trường. Xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho cán bộ, viên chức, giảng viên, người lao động hoàn thiện bồi dưỡng theo yêu cầu của hạng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, đảm bảo việc bổ nhiệm, thi/xét thăng hạng và xếp lương theo hạng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đúng quy định. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng đào tạo và chuyển giao công nghệ; Xây dựng kế hoạch và các giải pháp nhằm thu hút các nhà khoa học, các chuyên gia tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học góp phần đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học theo chuẩn khu vực và quốc tế. Xúc tiến việc xuất bản Bản tin Giáo dục thể chất và Thể thao trường học, đồng thời có phương án nâng cấp thành Tạp chí khoa học Giáo dục thể chất và Thể thao trường học [H2.02.02.02]. Tăng cường công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tiến hành đánh giá ngoài cơ sở giáo dục theo kế hoạch. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ đảm bảo đáp ứng theo Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 – 2025. [Minh chứng]

Hàng năm, tiến hành tổ chức tổng kết công tác Đảng và đề ra phương hướng nhiệm vụ [H2.02.02.03]; tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa 10 [H2.02.02.04]. Tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/ĐU của Ban chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước [H2.02.02.05].

Đặc biệt quán triệt Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập [H2.02.02.06], Đảng ủy Nhà trường đã tập trung lãnh đạo về kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị Nhà trường đảm bảo phát huy cao nhất cho việc thực hiện chiến lược phát triển trường. Năm 2017, Đảng ủy đã ban hành các Nghị quyết về kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trong Nhà trường [H2.02.02.07].

Quán triệt và thực hiện theo quan điểm chỉ đạo của Đảng ủy, năm 2015, Ban Giám hiệu Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội giai đoạn 2015-2020 [H2.02.02.08]; ban hành văn bản hướng dẫn cho các đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động theo tầm nhìn sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2020 [H2.02.02.09]; ban hành Kế hoạch tổ chức rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường [H2.02.02.10]; Giao nhiệm vụ cho phòng Tổ chức cán bộ làm đầu mối theo dõi, rà soát, đánh giá sứ mạng tầm nhìn, giá trị cốt lõi đồng thời thành lập ban rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường [H2.02.02.11]; ban hành kế hoạch hành động, nhiệm vụ giữ gìn bản sắc, văn hóa, thương hiệu của trường [H2.02.02.12]. Ban Giám hiệu nhà trường ban hành các kế hoạch năm học để thực hiện và phân công cho từng đơn vị tổ chức triển khai nhiệm vụ [H2.02.02.13]. Từ kế hoạch chung của nhà trường, các đơn vị đã cụ thể hóa thành các kế hoạch cho từng lĩnh vực [H2.02.02.14]. Định kỳ mỗi tháng, tổng hợp kết quả hoạt động, họp giao ban đánh giá những tồn tại so với kế hoạch đã đề ra, giải trình về những nguyên nhân của tồn tại và đưa ra các giải pháp khả thi để khắc phục [H2.02.02.15]. Để cụ thể hóa trong việc thực hiện từng nhiệm vụ, Nhà trường đã ban hành 41 văn bản quy định, quy chế cho các lĩnh vực [H2.02.02.16]. Hàng năm, đánh giá kết quả và báo cáo công khai, bàn bạc tại các Hội nghị viên chức năm học [H2.02.02.17]. Vì thế, các hoạt động đã chuyển tải thành các kế hoạch hành động rất hiệu quả, góp phần vào việc nâng cao chất lượng, thương hiệu của Nhà trường, tăng hiệu quả về công tác quản lý nhà nước.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.***

Định kỳ, hệ thống quản trị nhà trường được rà soát, đánh giá để đảm bảo hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ cũng như đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Đối với Đảng ủy, thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 2015-2020, đã tiến rà soát chức danh Bí thư, Phó Bí thư, Đảng ủy viên. Sau khi rà soát, ban hành thông báo kết luận của Đảng ủy về việc kiện toàn công tác cán bộ tại cuộc họp Đảng ủy trường mở rộng năm 2017 [H2.02.03.01]; Đề nghị Đảng ủy khởi cho 01 đồng chí thôi tham gia Đảng ủy và thôi giữ chức vụ Bí thư đảng ủy trường [H2.02.03.02]; Bổ sung 01 đồng chí vào chức vụ Bí thư, 01 đồng chí vào chức vụ Phó Bí thư; 02 đồng chí ủy viên Ban chấp hành [H2.02.03.03]. Đối với hệ thống các chi bộ trực thuộc, để đảm bảo nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, năm 2018, Đảng ủy trường đã ban hành Quyết định kiện toàn cơ cấu tổ chức các Chi bộ và Ban Chi ủy [H2.02.03.04].

Đối với hệ thống quản trị chính quyền, Ban Giám hiệu Nhà trường tiến hành cụ thể hóa việc rà soát tới từng đơn vị. Từ năm 2015, ban hành các kế hoạch tổ chức rà soát chức năng, nhiệm vụ từng năm học cho các đơn vị thuộc Trường. Giao nhiệm vụ cho trưởng các đơn vị phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ thực hiện theo dõi, đôn đốc, việc thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ [H2.02.03.05], cũng như đề xuất phương án kiện toàn tổ chức bộ máy [H2.02.03.06]. Đặc biệt, năm 2017, Ban Giám hiệu đã ban hành quyết định thành lập Ban rà soát cơ cấu tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc trường [H2.02.03.07]; tiến hành xây dựng Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc trường [H2.02.03.08]. Ngoài ra, nhằm tăng cường các biện pháp giám sát thông qua kế hoạch công tác thanh tra năm học [H2.02.03.09].

Để đảm bảo việc triển khai chức năng, nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền, Ban Giám hiệu đã ban hành kế hoạch tổ chức rà soát các văn bản quy định nhà trường [H2.02.03.10]. Trong giai đoạn đánh giá, đã điều chỉnh, bổ sung 41 các văn bản quy định [H2.02.03.11]; điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động của trường (Từ Điều 14 cho đến Điều 31).

Việc rà soát thường xuyên đã giúp cho hệ thống quản trị của trường được kiện toàn hoạt động đảm bảo bộ máy nhà trường được tinh gọn. Đến nay, bộ máy nhà trường có 17 đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu (so với năm 2014-2016 giảm 06 đơn vị) [H2.02.03.12].

Đối với nhân sự, nhằm đánh giá định kỳ đội ngũ cán bộ viên chức, năm 2016, Ban Giám hiệu đã ban hành kế hoạch tổ chức rà soát định kỳ đội ngũ cán bộ viên chức [H2.02.03.13]; xây dựng các quy định về đánh giá phân loại cán bộ, giảng viên, nhân viên bằng bộ tiêu chí riêng [H2.02.03.14]; tổ chức việc đánh giá kết quả triển khai nhiệm vụ theo từng năm học [H2.02.03.15]. Ngoài việc đánh giá trên, đối với cán bộ quản lý, để đảm bảo nâng cao chất lượng hiệu quả, từ năm 2019, viên chức quản lý phải thực hiện việc tự đánh giá kết quả sau khi được bổ nhiệm [H2.02.03.16].

Ngoài ra, các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên cũng tiến hành rà soát kiện toàn bộ máy nhân sự nhằm phát huy hiệu quả trong công tác chỉ đạo các phong trào và chuyên môn [H2.02.03.17]. Đặc biệt, Hội đồng trường, tuy mới thành lập, nhưng đã phát huy tốt vai trò của mình vừa là cơ quan quyền lực, vừa là cơ quan giám sát thông qua việc tập trung xây dựng hệ thống văn bản như: Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động, xây dựng kế hoạch hoạt động, giám sát của Hội đồng trường [H2.02.03.18].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn***

Căn cứ các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy khối các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội, Nhà trường đã mạnh dạn đổi mới tổ chức bộ máy; đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, đồng thời để phù hợp với bối cảnh ngày càng nhiều thay đổi của môi trường giáo dục và đào tạo. Hệ thống quản trị của Trường cũng từng bước được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn. Cụ thể, đối với Đảng ủy trường nhiệm kỳ 2015-2020, đã kiện toàn lại bộ máy trong Ban chấp hành, trong đó đã đề nghị Đảng ủy khối cho 01 đồng chí thôi tham gia Đảng ủy và thôi giữ chức danh Bí thư đảng ủy trường; bổ sung 01 đồng chí vào chức danh Bí thư, 01 đồng chí vào chức danh Phó bí thư; 02 đồng chí ủy viên Ban chấp hành [H2.02.04.01]; Số thành viên trong BCH Đảng bộ được bổ sung để đảm bảo về cơ cấu thành phần và thống nhất trong quyết nghị các nhiệm vụ [H2.02.04.02].

Đặc biệt, thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Nhà trường đã tiến hành thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019-2024 với 15 thành viên, trong đó bên ngoài trường 05 thành viên; đại diện giảng viên 07; thành viên



đương nhiên 03, được Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại văn bản số 40-NQ/BCSD, ngày 13/02/2020 [H2.02.04.03].

Đối với hệ thống chính quyền: Giai đoạn 2015- 2020, Nhà trường đã tiến hành đề nghị bổ nhiệm miễn nhiệm và bổ nhiệm các chức vụ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: Năm 2017, miễn nhiệm 01 chức vụ Hiệu trưởng; Năm 2018, miễn nhiệm 01 chức vụ Phó Hiệu trưởng và bổ nhiệm 01 chức vụ Hiệu trưởng; năm 2019, bổ nhiệm 02 thành viên giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng [H2.02.04.04]. Các thành viên trong Ban Giám hiệu được kiện toàn gồm 3 đồng chí [H2.02.04.05]. Cơ cấu tổ chức, bộ máy các đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu được tinh gọn, hiệu quả từ 22 đơn vị xuống còn 17 đơn vị [H2.02.04.06]. Về nhân sự viên chức quản lý các đơn vị, Hiệu trưởng nhà trường đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý viên chức quản lý các năm như: năm 2015, bổ nhiệm 42 vị trí; năm 2016, bổ nhiệm 41 vị trí; năm 2017, bổ nhiệm 43 vị trí; năm 2018, bổ nhiệm 41 vị trí [H2.02.04.07].

Đối với các đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu, sau khi tổ chức rà soát, đã kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả phù hợp với tình hình từng giai đoạn. Cụ thể:

- Năm 2015: Tách phòng Sau đại học và Quan hệ quốc tế thành 2 đơn vị: (1)- phòng Đào tạo Sau đại học, (2)- phòng Quan hệ quốc tế [H2.02.04.08].

- Năm 2016: Đổi tên phòng Quan hệ Quốc tế thành phòng Hợp tác quốc tế; Sáp nhập bộ môn Bóng đá, bộ môn Bóng chuyền thành bộ môn Bóng đá - Bóng chuyền. Thành lập khoa Võ thuật; đổi tên bộ môn Võ thành bộ môn Taekwondo trực thuộc khoa Võ thuật, đổi tên phòng Đào tạo sau đại học thành khoa Đào tạo sau đại học [H2.02.04.09].

- Năm 2017: Thực hiện Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc, Nhà trường đã kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy các đơn vị thuộc Trường gồm 22 đơn vị trực thuộc Ban giám hiệu gồm 10 phòng, 9 khoa, 2 trung tâm và 1 trạm y tế. Trong đó, kiện toàn 19 bộ môn trực thuộc 9 khoa; Kiện toàn 10 đơn vị trực thuộc Trung tâm GDQP-AN; Thành lập 2 đơn vị thuộc Trung tâm Khoa học Công nghệ Truyền thông và Thư viện [H2.02.04.10].

- Năm 2018: Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý, Nhà trường xác định cần phải hoàn thiện bộ máy quản lý theo hướng đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu lực để đảm bảo cho hệ thống làm việc tối ưu, mang lại hiệu quả, thực hiện đã

ban hành Nghị quyết chuyên đề về kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị Nhà trường [**H2.02.04.11**]; Ban Giám hiệu kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy các đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội gồm 17 đơn vị: 6 phòng, 6 khoa, 5 trung tâm [**H2.02.04.12**].

Cơ cấu tổ chức bộ máy liên tục được cải tiến đã giúp cho hệ thống quản lý, tăng hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn, trong đó, rõ rệt nhất là từ năm 2017 đến năm 2018, Nhà trường đã kiện toàn đồng bộ từ 22 đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu, giai đoạn hiện nay đã giảm xuống còn 17 đơn vị. Đây được xem là một bước kiện toàn đột phá về bộ máy của nhà trường để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, trước mắt cũng như lâu dài cho sự phát triển của Nhà trường.

Đặc biệt, quán triệt thực hiện công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ theo Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và Kết luận số 24-KL/TW, ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về “Tiếp tục đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo”. Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW ngày 5/11/2012 về “Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và gần đây nhất là Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW ngày 24/02/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý, Nhà trường đã cụ thể bằng hệ thống các văn bản kế hoạch, hướng dẫn cụ thể để tổ chức triển khai quy hoạch công tác quy hoạch cán bộ quản lý [**H2.02.04.13**]. Đổi mới công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ bằng việc ban hành Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng [**H2.02.04.14**]. Vì vậy, đã thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từ cấp phòng, khoa, trung tâm, bộ môn đều được cử đi học tập đạt chuẩn theo đúng vị trí được bổ nhiệm nên đã nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng hiệu quả vị trí công tác [**H2.02.04.15**].

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được điều chỉnh và được quy định rõ, cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường [**H2.02.04.16**]. Giai đoạn 2015-2020, đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng, năng động, dám nghĩ, dám làm góp phần quan trọng trong việc xây dựng, nhà trường, đã tổ chức điều chỉnh và ban hành hệ thống văn bản quy chế quy định quản lý theo từng lĩnh vực, phù hợp với cơ cấu tổ chức và quản trị của nhà trường, tăng hiệu quả hoạt động, quản lý rủi ro tốt

hơn [H2.02.04.17]. Các công việc, nhiệm vụ mới phát sinh đều được tổ chức tốt, khẳng định vai trò của mình trong việc thực hiện chiến lược của nhà trường.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội có hệ thống quản trị tương đối hoàn thiện với hệ thống văn bản thể chế thường xuyên được cập nhật đã giúp Trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, thực hiện thành công chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2020.

- Đảng ủy Nhà trường luôn kịp thời đưa ra các quyết định và được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, các văn bản thể chế và các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện.

- Cơ cấu tổ chức, các văn bản thể chế và nhân sự của Nhà trường được rà soát kịp thời đáp ứng tốt yêu cầu công tác lãnh đạo, quản lý Trường.

- Hệ thống quản trị nhà Trường luôn chủ động kịp thời đưa ra các quyết định và chuyển tải thành các hành động, các văn bản thể chế và các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Hội đồng trường mới thành lập, nên chưa cụ thể được các quy chế tổ chức hoạt động cũng như chưa tham gia vào thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể nhà trường.

**3. Kế hoạch cải tiến:**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng các quy chế tổ chức hoạt động hội đồng trường	Hội đồng trường	Từ tháng 3 năm 2020	
2	Điểm mạnh cần phát huy	Tiếp tục phát huy việc hệ thống văn bản thể chế thường xuyên	ĐU-Ban Giám hiệu, các đơn vị	Từ năm 2020	
		Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và kịp thời đưa ra các quyết định	Đảng ủy	Từ năm 2020	

	chuyên tải thành kế hoạch hành động, các văn bản thể chế, văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện.			
	Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản, nhân sự của Nhà trường để phù hợp với sự phát triển từng giai đoạn	Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban giám hiệu, các đơn vị chức năng	Từ năm 2020	

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 2</b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 2.1	4
Tiêu chí 2.2	4
Tiêu chí 2.3	4
Tiêu chí 2.4	4

### TIÊU CHUẨN 3. LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

***Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.***

Hệ thống tổ chức quản lý của Trường được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng lãnh đạo toàn diện, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn nhất định nhằm thực hiện các chức năng quản lý; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị; thống nhất, cơ chế quản lý, điều hành, phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định cũng như mối quan hệ lãnh đạo, quản lý, kiểm tra, phối hợp giữa tổ chức Đảng, chính quyền, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các tổ chức quần chúng khác. Việc tổ chức thực hiện tuân theo các văn bản pháp luật, theo quy định hiện hành được Nhà trường cụ thể trong “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội” [H3.03.01.01].

Về cơ cấu Đảng ủy nhiệm kỳ 2015-2020, Ban Chấp hành Đảng ủy nhà trường đã ban hành Quy chế làm việc của Đảng ủy Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội khóa X [H3.03.01.02]; phân công nhiệm vụ các thành viên trong cấp ủy khóa X, nhiệm kỳ 2015-2020 [H3.03.01.03]; Ủy ban kiểm tra Đảng ban hành quy chế làm việc của UBKT Đảng ủy Trường nhiệm kỳ 2015-2020 [H3.03.01.04]. Để đảm bảo nâng cao vai trò lãnh đạo sát với thực tiễn lĩnh vực, Đảng bộ trường tiến hành kiện toàn các chi bộ trực thuộc gồm 6 chi bộ [H3.03.01.05].

Nhiệm vụ các thành viên trong Ban Giám hiệu được phân công rõ ràng trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và bản phân công nhiệm vụ [H3.03.01.06].

Cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc trường trong giai đoạn 2014- 2019 được kiện toàn 2 lần [H3.03.01.07] trên cơ sở của đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc trường, đảm bảo phù hợp với thực tế [H3.03.01.08]. Các đơn vị phòng ban, khoa có cơ cấu quản lý rõ ràng, với các chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn gắn với một ngành hoặc một lĩnh vực đào tạo của đơn vị được cụ thể rõ tại quy chế tổ chức và hoạt động trường. Có văn bản quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn [H3.03.01.09]; Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị giúp Hiệu trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà trường thuộc Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H3.03.01.10].

Đội ngũ viên chức quản lý các đơn vị được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phù hợp với từng giai đoạn và tình hình thực tế cụ thể có tiêu chí cho từng vị trí quản lý [H3.03.01.11]; các vị trí việc làm được xác định cụ thể từng chức danh trong đơn vị qua Đề án vị trí việc làm [H3.03.01.12]. Chế độ thông tin, báo cáo của đội ngũ viên chức quản lý được thực hiện theo quy định tạm thời chế độ thông tin báo cáo nội bộ [H3.03.01.13] và tại cuộc họp giao ban tháng. Nhà trường duy trì thường xuyên chế độ họp giao ban hàng tháng, quý, năm [H3.03.01.14].

Ngoài ra, nhà trường xây dựng quy chế phối hợp giữa Ban Giám hiệu, Ban chấp hành Công đoàn, quy định rõ vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý nhằm tránh chồng chéo trong quá trình thực thi công việc cũng như đảm bảo thực hiện tính giải trình, tính minh bạch [H3.03.01.15]; Đảng ủy có quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Ban Giám hiệu, các

đơn vị và đoàn thể [H3.03.01.16]. Từ sự thiết lập cơ cấu quản lý được phân định rõ vai trò, trách nhiệm, chế độ thông tin, báo cáo nên việc tổ chức triển khai nhiệm vụ đảm bảo các mục tiêu chiến lược của từng giai đoạn.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.***

Sau khi ban hành, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược được phổ biến đến toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên cũng như các bên liên quan thông qua website của Trường [H3.03.02.01]; Đảng ủy đã ban hành kế hoạch về tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi [H3.03.02.02]. Năm 2015, 2019, Đảng ủy Trường đã có Thông báo kết luận về việc triển khai xây dựng kế hoạch hành động, nhiệm vụ ưu tiên để giữ gìn bản sắc, văn hóa, thương hiệu của Trường [H3.03.02.03]; Đồng thời Nhà trường đã ban hành kế hoạch về việc giữ gìn bản sắc, văn hóa, thương hiệu của Trường [H3.03.02.04].

Để tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược, trong cuộc họp giao ban, lãnh đạo Nhà trường đã lồng ghép nội dung sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi vào trong các cuộc họp, nhất là vào dịp đầu năm giữa lãnh đạo khoa với cán bộ giảng viên; các buổi họp lớp đầu năm giữa giáo viên chủ nhiệm với sinh viên [H3.03.02.05]. Lãnh đạo Nhà trường tổ chức các buổi gặp mặt trao đổi riêng với các đơn vị để động viên cán bộ giảng viên và nhấn mạnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược, giao nhiệm vụ cụ thể cho năm học mới. Trong buổi lễ khai giảng năm học mới và tuần sinh hoạt công dân - HSSV, lãnh đạo Nhà trường cũng truyền thông điệp đến người học giá trị truyền thống và văn hóacủa Nhà trườngĐặc biệt là tranh thủ việc được đăng cai các giải thi đấu TDTT, các hội thảo, Nhà trường đều tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan qua các bài phát biểu của lãnh đạo nhà trường [H3.03.02.06]. Sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược còn được in thành các poster treo ở một số vị trí dễ thấy trong Trường để cán bộ, giảng viên, nhân viên và SV tiện theo dõi tại khu vực cổng trường, giảng đường, nhà điều hành trung tâm, thang máy, cùng với hệ thống các pano khẩu hiệu về hành động về giá trị văn hóa được bố trí tại trực

đường đi của trường. Nhằm đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, năm 2018 Ban Giám hiệu Nhà trường đã tổ chức đạo chức cuộc thi “Mr&Ms Hupes 2018” [H3.03.02.07], cuộc thi “Hupes trong tôi” [H3.03.02.08], với mục đích định hướng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đến toàn thể cán bộ giảng viên và sinh viên. Cuộc thi đã được Ban giám hiệu chỉ đạo sát sao đến từng đơn vị và nhận được sự hưởng ứng tham gia của đông đảo cán bộ giảng viên và sinh viên toàn Trường.

Đồng thời, Nhà trường áp dụng các hình thức, hoạt động để tuyên truyền về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan như: thông tin trên ấn phẩm Bản tin Giáo dục Thể chất và Thể thao trường học [H3.03.02.09]; Tổ chức tuyên truyền thông về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan qua các hoạt động nhân dịp các ngày lễ, tổ chức các sự kiện... tổ chức các buổi mít tinh kỷ niệm, gặp mặt cựu sinh viên, thông qua các buổi gặp gỡ, sinh hoạt giao lưu, các buổi tọa đàm, trao đổi [H3.03.02.10].

Đối với Doanh nghiệp, Nhà trường thực hiện tuyên truyền thông qua việc tổ chức ngày hội tư vấn việc làm, ký kết với các doanh nghiệp giới thiệu việc làm cho sinh viên [H3.03.02.11]; tranh thủ việc đăng cai tổ chức các hội nghị, hội thảo, các giải thi đấu TĐTT, ký kết hợp tác với các cơ sở giáo dục có nhiều hoạt động tích cực để tuyên truyền về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan; tăng cường các hoạt động ký kết hợp tác, giao lưu giữa các trường, các cơ sở giáo dục để tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược của Trường [H3.03.02.12].

Ngoài ra, lãnh đạo nhà trường cũng đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền chuyên đề gắn với thực hiện nhiệm vụ sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi như: kế hoạch tổ chức tuyên truyền kỷ niệm 50 năm cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 [H3.03.02.13]; kế hoạch tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, chào xuân Canh Tý, chào mừng đại hội các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng [H3.03.02.14].

Đối với công đoàn trường, tổ chức nhiều hoạt động như: tham gia cuộc thi “An toàn vệ sinh viên giỏi” năm 2019 do Công đoàn Giáo dục Việt Nam phát động và đạt

giải nhì toàn đoàn; tham gia cuộc thi tiếng hát giáo viên nhân dân toàn quốc giành giải ba; tổ chức các hoạt động tuyên truyền qua cuộc thi tiếng hát thầy và trò; qua các dịp lễ kỷ niệm như ngày Quốc tế phụ nữ 8/3; ngày Thể thao Việt Nam 27/3; ngày nhà giáo Việt Nam 20/11... công đoàn Trường đều tổ chức các buổi mít tinh, tọa đàm, lồng ghép tuyên truyền về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.***

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý được nhà trường tiến hành rà soát thường xuyên. Đối với Đảng ủy, nhiệm kỳ 2015-2020 ngay sau đại hội đã rà soát và ban hành Quy chế làm việc [H3.03.03.01]. Trong nhiệm kỳ tiến hành rà soát đưa ra 3 đồng chí thôi không tham gia cấp ủy; bổ sung 3 đồng chí vào cấp ủy để đảm bảo cơ cấu về độ tuổi cũng như vai trò quản lý lãnh đạo [H3.03.03.02].

Đối với cơ cấu Ban Giám hiệu, giai đoạn 2015- 2019 đã đề nghị Bộ GD&ĐT miễn nhiệm 03 chức vụ gồm 01 chức vụ Hiệu trưởng; 03 chức vụ Phó Hiệu trưởng; đề nghị bổ nhiệm 3 chức vụ gồm: 01 Hiệu trưởng; 02 Phó Hiệu trưởng [H3.03.03.03];

Đối với các đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu, từ năm học 2016- 2017 đến năm học 2018- 2019, Ban Giám hiệu đã tổ chức rà soát định kỳ đội ngũ cán bộ, viên chức, thực hiện tinh giản biên chế và Đề án quy hoạch cán bộ viên chức. Cụ thể, năm 2016, triển khai Kế hoạch về việc tổ chức rà soát định kỳ đội ngũ cán bộ, viên chức, thực hiện tinh giản biên chế [H3.03.03.04]; giao cho đơn vị phòng Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm tiến hành xây dựng báo cáo kết quả rà soát, đề xuất danh sách nhân sự được quy hoạch dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, phẩm chất đạo đức và đề xuất của các đơn vị để trình Ban Giám hiệu phê duyệt [H3.03.03.05]. Năm 2017, Nhà trường triển khai kế hoạch tổ chức rà soát chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc trường; thành lập Ban rà soát chức năng, nhiệm vụ để tiến hành tổng rà soát chức năng, nhiệm vụ Trường [H3.03.03.06]. Từ kết quả rà soát, Đảng ủy ban hành Nghị quyết về kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị nhà trường [H3.03.03.07]. Thực hiện Nghị quyết, Nhà trường đã kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trong trường [H3.03.03.08]. Để đảm bảo việc triển khai chức năng nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy, năm 2018, Ban Giám hiệu ban hành Kế hoạch về việc rà soát, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ, Quy chế tổ chức và hoạt



động Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H3.03.03.09]; thành lập Ban rà soát, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động trường và hoạt động Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H3.03.03.10].

Nhằm đánh giá về kết quả triển khai nhiệm vụ của từng vị trí lãnh đạo, hàng năm, công tác đánh giá phân loại cán bộ, viên chức được nhà trường tiến hành trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ. Sử dụng các tiêu chí được xây dựng trong Quy chế đánh giá phân loại, viên chức, người lao động để đánh giá; quy trình đánh giá được thực hiện trên nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm tính khách quan, toàn diện, công khai, minh bạch, công bằng, đoàn kết nội bộ; tuyệt đối không nể nang, trù dập, thiên vị, hình thức. Đặc biệt, đối với lãnh đạo quản lý, việc đánh giá, phân loại phải dựa trên kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách, có tiêu chí rõ ràng [H3.03.03.11]. Đặc biệt, từ năm 2019, Ban Giám hiệu thực hiện thêm việc viên chức quản lý được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ Hiệu trưởng viết báo cáo tự nhận xét năm học 2018-2019 [H3.03.03.12]. Nhờ các hoạt động được triển khai đồng bộ, chất lượng đội ngũ cán bộ viên chức ngày càng được nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, hàng năm số cán bộ đánh giá phân loại mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ với tỷ lệ cao. Không có viên chức quản lý nào không hoàn thành nhiệm vụ [H3.03.03.13].

Nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ luôn có tính kế thừa, tạo động lực cho sự phấn đấu góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược, hàng năm, Nhà trường quán triệt thực hiện Kết luận số 24-KL/TW, ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về “Tiếp tục đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo” và Nghị quyết Trung ương 7, khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ (Nghị quyết số 26-NQ/TW); Hướng dẫn số 139/HD-BCSD ngày 19/9/2014 của Ban cán sự Đảng Bộ GD&ĐT về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT, Nhà trường cụ thể hóa thành văn bản hướng dẫn về công tác rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của trường; Ban hành văn bản quy định điều kiện tiêu chuẩn quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng [H3.03.03.14].

Tổng số cán bộ viên chức được quy hoạch trong các năm như:

- Diện quy hoạch Ban Giám hiệu năm 2017: 09 đồng chí (trong đó chức danh Hiệu trưởng: 02 đồng chí; Chức danh Phó Hiệu trưởng: 07 đồng chí [H3.03.03.15].

- Diện quy hoạch Ban giám hiệu năm 2018: 09 đồng chí (trong đó chức danh Hiệu trưởng: 02 đồng chí; Chức danh Phó Hiệu trưởng: 07 đồng chí [H3.03.03.16].

- Diện quy hoạch Chủ tịch Hội đồng trường năm 2019: 03 đồng chí; Diện quy hoạch Hiệu trưởng: 03 đồng chí; Diện quy hoạch Phó Hiệu trưởng 07 đồng chí [H3.03.03.17].

- Diện quy hoạch trưởng, phó, phòng khoa, trung tâm, bộ môn năm 2017: 28 đồng chí [H3.03.03.18].

- Diện quy hoạch trưởng, phó, phòng khoa, trung tâm, bộ môn năm 2018: 44 đồng chí [H3.03.03.19].

- Diện quy hoạch trưởng, phó, phòng khoa, trung tâm, bộ môn năm 2019: 45 đồng chí [H3.03.03.20].

Bên cạnh đó để thực hiện mục tiêu chiến lược của nhà trường, năm 2015, Ban Giám hiệu đã xây dựng đề án vị trí việc làm trình Bộ GD&ĐT [H3.03.03.21]; năm 2019, tiếp tục rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm [H3.03.03.22].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn***

Từ việc thực hiện rà soát thường xuyên, cơ cấu tổ chức quản lý được Nhà trường có sự cải tiến đổi mới. Đối với Đảng ủy trường, nhiệm kỳ 2015-2020 tăng số lượng nhân sự để đảm bảo thống nhất biểu quyết nghị quyết và chương trình hành động [H3.03.04.01]; Quy chế làm việc của Đảng ủy cũng được xây dựng đổi mới cải tiến. Đặc biệt là BCH Đảng ủy đã ban hành Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Ban Giám hiệu, các đơn vị và đoàn thể [H3.03.04.02]; cơ cấu Ban Giám hiệu trong giai đoạn đánh giá có sự bổ sung, điều chỉnh, thay thế các đồng chí nghỉ chế độ [H3.03.04.03]. Đặc biệt để đảm bảo tăng hiệu quả quản lý, nhà trường đã ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Giám hiệu và BCH Công đoàn trường [H3.03.04.04].

Cơ cấu tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc cũng được liên tục cải tiến: điều chỉnh vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc. Để

phù hợp với sự phát triển của nhà trường theo từng giai đoạn, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo tiến hành thực hiện cải tiến tách, sáp nhập, giải thể, đổi tên và kiện toàn các đơn vị như:

- Năm 2015: Tách phòng Sau Đại học và Quan hệ quốc tế thành 2 đơn vị: (1)- Phòng Đào tạo Sau đại học, (2)- Phòng Quan hệ quốc tế **[H3.03.04.05]**.

- Năm 2016: Đổi tên phòng Quan hệ Quốc tế thành phòng Hợp tác quốc tế. Đổi tên phòng Đào tạo sau đại học thành khoa Đào tạo sau đại học **[H3.03.04.06]**. Sáp nhập bộ môn Bóng đá, bộ môn Bóng chuyên thành bộ môn Bóng đá - Bóng chuyên. Thành lập khoa Võ thuật; đổi tên bộ môn Võ thành bộ môn Taekwondo trực thuộc khoa Võ thuật **[H3.03.04.07]**.

- Năm 2017: giải thể 12 bộ môn **[H3.03.04.08]** và kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy gồm 22 đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu **[H3.03.04.09]**.

- Năm 2018, 2019: kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy các đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội gồm 17 đơn vị **[H3.03.04.10]**.

Đồng thời, từ năm 2018 đến 2019, nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm đối với công tác quản lý, Hiệu trưởng căn cứ vào yêu cầu về chức năng, nhiệm vụ và năng lực phẩm chất của cán bộ quản lý để bổ nhiệm kiêm nhiệm các chức vụ, vừa đảm bảo việc giảm đầu mối quản lý, vừa tăng tính trách nhiệm. Cụ thể: Giám đốc Trung tâm Khoa học công nghệ - Truyền thông và thư viện, kiêm Trưởng phòng Quản lý khoa học; Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học công nghệ - Truyền thông và thư viện, kiêm phụ trách thư viện; Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng và tổ chức sự kiện, kiêm Trưởng phòng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Giám đốc Trung tâm Y học vận động và hợp tác quốc tế, kiêm Trưởng phòng Hợp tác quốc tế; Phó Trưởng khoa Điện kinh -Thể dục, kiêm trưởng bộ môn Điện Kinh; Trưởng khoa Võ- Bơi- Cờ vua kiêm trưởng bộ môn Võ cổ truyền **[H3.03.04.11]**.

Hệ thống các văn bản được cải tiến, đổi mới, cụ thể: Quy chế tổ chức hoạt động trường năm 2013 gồm 66 điều; Quy chế tổ chức và hoạt động trường ban hành năm 2018 gồm 68 điều **[H3.03.04.12]**. Cần bổ sung những quy định điều chỉnh của phiên bản 2018 so với 2013 một cách ngắn gọn đưa vào đây.

Để đảm bảo tăng hiệu quả quản lý năm 2018 và 2019, Ban Giám hiệu Nhà trường đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển viên chức quản lý phòng, ban,

trạm, trung tâm, khoa, bộ môn và tương đương thuộc Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H3.03.04.13]. Hàng năm, đơn vị chuyên môn tiến hành tổ chức rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Nhà trường và báo cáo Ban Giám hiệu để thống nhất trong quản lý điều hành [H3.03.04.14]. Đặc biệt là thực hiện đúng các quy định về quy chế dân chủ cơ sở và cải cách hành chính [H3.03.04.15]; tổ chức đánh giá phân loại viên chức, thi đua, khen thưởng [H3.03.04.16].

Từ năm 2019, cán bộ quản lý bổ nhiệm và bổ nhiệm lại được thực hiện đánh giá qua 3 bước [H3.03.04.17] như sau:

Bước 1: Cá nhân viên chức quản lý viết bản tự đánh giá kết quả đạt được ở các lĩnh vực.

Bước 2: Cá nhân thông qua tại tập thể nơi công tác để lấy lý kiến đóng góp của các thành viên; ghi biên bản và nộp về phòng Tổ chức cán bộ;

Bước 3: phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp và báo cáo Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường.

Bên cạnh đó công tác rà soát quy hoạch viên chức quản lý, kết hợp với công tác bồi dưỡng cán bộ, thực hiện quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm được thực hiện nghiêm túc và dân chủ, nên số cán bộ được bổ nhiệm mới đều cho thấy khả năng và phát huy tốt vai trò lãnh đạo, quản lý [H3.03.04.18].

Có thể bổ sung kết quả đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ tham gia cơ cấu lãnh đạo và quản lý ở đây (ngắn gọn).

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội có cơ cấu lãnh đạo, quản lý hoàn thiện theo quy định của pháp luật và đáp ứng tốt yêu cầu công tác của Trường. Công tác rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp của Trường được thực hiện định kỳ theo năm, theo nhiệm kỳ nên đáp ứng tốt yêu cầu công tác quản lý, điều hành Nhà trường và các đơn vị.

**2. Tóm tắt điểm tồn tại**

Hội đồng trường thành lập muộn, nên đến nay các thành viên chưa có điều kiện thể hiện vai trò trong việc giám sát, cũng như hoạch định các chính sách phát triển nhà trường.



### 3. Kế hoạch cải tiến:

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường vai trò trong việc giám sát, cũng như hoạch định các chính sách phát triển nhà trường.	Hội đồng trường	Từ năm 2020	
2	Điểm mạnh cần phát huy	Cơ cấu lãnh đạo, quản lý đáp ứng tốt yêu cầu công tác của Trường. Công tác rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp của Trường được thực hiện định kỳ theo năm, theo nhiệm kỳ nên đáp ứng tốt yêu cầu công tác quản lý	Ban Giám hiệu	Liên tục	

### 4. Mức đánh giá

<b>Tiêu chuẩn /tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 3</b>	<b>4,5</b>
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	4
Tiêu chí 3.4	4

#### **TIÊU CHUẨN 4. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC**

*Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.*

Trên cơ sở Đề án quy hoạch phát triển tổng thể của nhà trường giai đoạn 2008-2020 đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt [H4.04.01.01], nhằm cụ thể hóa các mục tiêu phù hợp với thực tiễn cho quá trình xây dựng và phát triển, Năm 2014, Nhà trường đã xây dựng và công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi [H4.04.01.02]. Đồng thời, ban hành chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015- 2020 [H4.04.01.03]. Đến năm 2019 tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung sứ mạng tầm nhìn, giá trị cốt lõi [H4.04.01.04].

Để đảm bảo việc tổ chức triển khai chiến lược, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển trường. Thành phần gồm: Hiệu trưởng là trưởng ban, Phó Hiệu trưởng là phó trưởng ban và các ủy viên [H4.04.01.05]. Nhà trường đã ban hành văn bản giao nhiệm vụ cho các đơn vị triển khai xây dựng kế hoạch và theo dõi việc tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội giai đoạn 2015 – 2020 như: (1) phòng Tổ chức cán bộ là đầu mối chính, giúp việc cho Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội giai đoạn 2015 - 2020; theo dõi việc tổ chức triển khai đánh giá, đề xuất, kiến nghị các giải pháp trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện; phối hợp với phòng Hành chính - Tổng hợp cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ chiến lược vào từng năm học, giao tới từng đơn vị để thực hiện, đồng thời đánh giá kết quả; Tham mưu cho Ban chỉ đạo phân công thực hiện cho từng bộ phận, đơn vị, cá nhân. (2) Bộ phận Truyền thông tuyên truyền kế hoạch chiến lược đến toàn bộ cán bộ, học viên, sinh viên của Trường đồng thời tuyên truyền nâng cao nhận thức với các tổ chức, đơn vị, thành viên nhà trường đối với việc thực hiện kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội giai đoạn 2015 - 2020. (3) Phòng Hành chính - Tổng hợp phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ cập nhật, tổng hợp dữ liệu Chiến lược báo cáo tại các hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết công tác năm học. (4) Các đơn vị, cụ thể hoá nội dung kế hoạch chiến lược bằng kế hoạch thành phần, hoặc kế hoạch năm học; xây dựng lộ trình cụ thể thực hiện chiến lược, hàng năm tiến hành đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hành động chiến lược để xác định sự tiến bộ, phù hợp với kế hoạch chiến lược. Có cơ sở để điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu chiến lược phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường [H4.04.01.06].

Để xây dựng chiến lược tổng thể và kế hoạch chiến lược (gồm các lĩnh vực: đào tạo, NCKH&CN, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng, phát triển nguồn nhân lực và

cơ cấu tổ chức, tài chính), Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng chiến lược gồm 7 bước [H4.04.01.07].

Ban chỉ đạo triển khai Chiến lược họp và thống nhất trước khi triển khai lập kế hoạch chiến lược [H4.04.01.08] và phân công nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H4.04.01.09]; tổ chức lấy ý kiến góp ý Dự thảo Kế hoạch chiến lược [H4.04.01.10]; công khai lấy ý kiến đóng góp đăng tải lên website của trường [H4.04.01.11]. Vì thế, kế hoạch chiến lược Nhà trường giai đoạn 2015-2020 với những mục tiêu và định hướng đã được cơ bản triển khai đúng với chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra [H4.04.01.12]. Để đánh giá việc thực hiện mục tiêu chiến lược, năm 2017, Nhà trường đã tổ chức hội nghị Sơ kết chiến lược phát triển Trường [H4.04.01.13]; Hội nghị đánh giá các chỉ tiêu cơ bản đều đạt theo đúng mục tiêu và có thông báo kết luận tiếp tục triển khai Chiến lược [H4.04.01.14].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

#### ***Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.***

Trên cơ sở Đề án phát triển quy hoạch tổng thể Nhà trường giai đoạn 2008-2020 được Bộ GD&ĐT phê duyệt [H4.04.02.01], trong từng giai đoạn, Ban Giám hiệu Nhà trường đã cụ thể thành chiến lược trung hạn, trong đó giai đoạn 2015-2020, xây dựng chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H4.04.02.02].

Việc xây dựng Chiến lược và kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội giai đoạn 2015 - 2020 được Nhà trường xác định rõ từng nhiệm vụ, trong đó xác định 5 nhiệm vụ chính gồm: chiến lược về công tác đào tạo; khoa học công nghệ; hợp tác quốc tế; đảm bảo chất lượng; bộ máy và phát triển đội ngũ; quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất [H4.04.02.03]. Để chuyển tải thành những hành động cụ thể hơn hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch năm học với các mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu cụ thể, có xác định rõ thời hạn hoàn thành, đơn vị chịu trách nhiệm chính [H4.04.02.04].

Để định hướng cho các đơn vị, Ban Giám hiệu ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động theo sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược phát triển trường [H4.04.02.05]; thành lập Ban chỉ đạo triển khai Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015 - 2020 để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện



**[H4.04.02.06]**; ban hành văn bản thông báo giao nhiệm vụ tập trung vào 5 nhóm nhiệm vụ như Chiến lược phát triển trường đã xây dựng. Yêu cầu trưởng các đơn vị căn cứ tình hình thực tiễn, tích cực tham mưu cho Ban Giám hiệu kế hoạch triển khai chương trình hành động cụ thể ở đơn vị mình. Chủ động phát huy sự cộng tác, phối hợp của các tổ chức đoàn thể để có điều kiện thuận lợi thực hiện tốt nhiệm vụ; Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc cán bộ viên chức, người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm các năm học; Báo cáo, phản ánh tình hình, đề xuất các giải pháp chỉ đạo, kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện; Phổ biến tới cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, người lao động, người học trong toàn trường để quán triệt và thực hiện **[H4.04.02.07]**. Hàng năm tiến hành đánh giá việc tổ chức triển khai nhiệm vụ theo từng lĩnh vực **[H4.04.02.08]**.

Các kế hoạch chiến lược, các kế hoạch ngắn hạn và trung hạn đều được Nhà trường phổ biến qua văn thư trực tiếp gửi văn bản; qua các hội nghị họp; qua việc đăng tải công khai trên trang tin điện tử của trường tại địa chỉ <http://dhsptdttthanoi.edu.vn>; thông báo trên bảng tin nội bộ. Đồng thời, thường xuyên nhắc nhở các đơn vị việc ưu tiên tập trung triển khai nhiệm vụ qua hệ thống văn bản zalo nội bộ, qua email.

Để hoàn thành Kế hoạch chiến lược, căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị đã tham mưu triển khai xây dựng hệ thống văn bản quy định gồm: Quy chế tuyển dụng viên chức **[H4.04.02.09]**; Quy định về việc ban hành các văn bản pháp lý và quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ của Nhà trường **[H4.04.02.10]**; Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường **[H4.04.02.11]**; Quy định về tiêu chuẩn và năng lực, đạo đức và cá nhân chủ nhiệm đề tài/dự án tại Trường **[H4.04.02.12]**; Quy định tính điểm cho sinh viên có công trình nghiên cứu tham gia hội nghị khoa học sinh viên toàn quốc lần thứ 7 năm 2015 **[H4.04.02.13]**; Quy định tiếp công dân **[H4.04.02.14]**; Quy định tính tiền thừa giờ đối với giảng viên **[H4.04.02.15]**; Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ đại học chính quy **[H4.04.02.16]**; Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy **[H4.04.02.17]**; Quy định chế độ nghỉ phép, nghỉ hè, nghỉ lễ tết, nghỉ việc riêng, nghỉ mát, nghỉ việc không hưởng lương, nghỉ theo chế độ không bảo hiểm xã hội đối với công chức, viên chức và người lao động của trường **[H4.04.02.18]**; Quy định về quản lý đề tài khoa học

công nghệ của trường [H4.04.02.19]; Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên [H4.04.02.20]; Quy định về việc đăng ký, biên soạn, thẩm định và phát hành giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo [H4.04.02.21]; Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường [H4.04.02.22]; Quy định công tác cố vấn học tập sinh viên [H4.04.02.23]; Quy định phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của trường [H4.04.02.24]; Quy định quản lý đài truyền thanh trường và hệ thống loa công cộng đối với các cơ quan, tổ chức hoạt động tại trường [H4.04.02.25]; Quy định về công tác khảo thí [H4.04.02.26]; Quy định tổ chức và hoạt động thanh tra [H4.04.02.27]; Quy định về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo [H4.04.02.28]; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường [H4.04.02.29]; Quy chế sử dụng tài sản công [H4.04.02.30]; Quy định chế độ hội họp trong hoạt động của trường [H4.04.02.31]; Quy chế phối hợp giữa nhà trường với các đơn vị thuê cơ sở vật chất và hoạt động dịch vụ trong nhà trường [H4.04.02.32]; Quy định về quản lý sử dụng xe ô tô [H4.04.02.33]; Quy định về thực hành thực tập sư phạm [H4.04.02.34]; Quy định chế độ làm việc của giảng viên [H4.04.02.35]; Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của trường [H4.04.02.36]; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kéo thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm luân chuyển viên chức quản lý phòng khoa của trường [H4.04.02.37]; Quy định mức hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo quản lý [H4.04.02.38]; Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại trường [H4.04.02.39]; Quy chế hợp đồng thỉnh giảng [H4.04.02.40]; Quy chế vận hành quản lý trang thông tin điện tử trường [H4.04.02.41]; Quy định chế độ làm thêm giờ đối với viên chức, người lao động [H4.04.02.42]; Quy chế dân chủ trong hoạt động trường [H4.04.02.43]; Quy chế tuyển dụng hợp đồng lao động [H4.04.02.44]; Quy định về công tác quản lý sinh viên [H4.04.02.45].

Với cách làm đảm bảo nhất quán dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự chủ động trong việc triển khai, Nhà trường đã chuyển tải được kế hoạch chiến lược trung hạn thành các kế hoạch ngắn hạn luôn đảm bảo đạt các tiêu chí, chỉ tiêu đặt ra.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.***

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đã sử dụng bộ chỉ số KPIs, các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường, đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược.

Trong kế hoạch chiến lược của Trường giai đoạn 2015 - 2020 đã đề ra 1 mục tiêu chung và 6 mục tiêu chiến lược theo từng lĩnh vực: đào tạo; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; phát triển đội ngũ; đảm bảo chất lượng; cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính. Để thực hiện các mục tiêu chiến lược đó, Nhà trường đã xây dựng 6 giải pháp chiến lược và đưa ra 6 nhóm KPIs và chỉ tiêu phấn đấu để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược [H4.04.03.01]. Cụ thể theo bảng dưới đây:

<b>Mục tiêu chiến lược</b>	<b>Giải pháp chiến lược</b>	<b>KPIs, chỉ tiêu phấn đấu</b>
Chất lượng kiến thức, chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học khi tốt nghiệp từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% môn học lý thuyết có bài giảng và tài liệu học tập Elearning</li> <li>- 90% người học ra trường có việc làm.</li> <li>- Đến năm 2020 đào tạo: 3.000 học viên, sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành GDTC; Đào tạo giáo dục quốc phòng-an ninh mỗi năm từ 15.000 đến 18.000 sinh viên cho các trường đại học, học viện, cao đẳng khu vực Hà Nội.</li> </ul>
Các công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học – công nghệ có khả năng ứng dụng và triển khai, có tính hiệu quả về mặt kinh tế – xã hội, làm nền tảng cho công tác đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo.	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 100 đề tài, trong đó từ 04-05 đề tài cấp Bộ; 100 đề tài cấp cơ sở.</li> <li>- Có trên 20 đến 25 bài báo khoa học quốc tế; 100 đến 140 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành;</li> <li>- Trên 10 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên đoạt giải toàn quốc khối các trường TĐTT.</li> <li>-100% giảng viên tham gia NCKH, 30% giảng viên thạc sĩ có ít nhất 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành/năm</li> <li>- Mỗi năm công bố 1-2 cuốn sách</li> </ul>

Mục tiêu chiến lược	Giải pháp chiến lược	KPIs, chỉ tiêu phần đầu
<p>Đội ngũ cán bộ giảng viên có năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p>	<p>Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và quản lý</p>	<p>chuyên khảo/giáo trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ giảng viên/sinh viên đạt 1/10-15</li> <li>Số giảng viên có học vị tiến sĩ chiếm tỷ lệ 18%, học vị thạc sĩ trên 95%;</li> <li>Chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên trên 90%; Chuẩn chức danh cán bộ quản lý trên 90%</li> <li>Cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ: Từ 10 - 12 người; Cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ 40- 42 người; Cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị: 05 - 08 người;</li> <li>Cử đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: từ 300-350 lượt</li> </ul>
<p>Hợp tác quốc tế về đào tạo, NCKH.</p>	<p>Tăng cường hợp tác quốc tế, trọng tâm là Trung quốc và các nước Asean.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo lưu học sinh Lào</li> <li>- Tổ chức từ 2-3 đoàn thi đấu TDTT</li> <li>- Cử 2-3 người đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại Trung Quốc</li> <li>- Cử 3- 5 lượt bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ</li> </ul>
<p>Kiểm định chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc gia</p>	<p>Nâng cao công tác đảm bảo chất lượng</p>	<p>Đến năm 2020 có hệ thống ĐBCL đạt tiêu chuẩn KĐCL cơ sở giáo dục đại học</p>
<p>Hệ thống cơ sở vật chất, sân bãi TDTT đồng bộ và hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ</p>	<p>Từng bước đầu tư cơ sở vật chất</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây mới tòa nhà làm việc trung tâm</li> <li>- Nâng cấp thư viện (thư viện điện tử)</li> <li>- Nâng cấp sân Điền kinh</li> <li>- Nâng cấp sân quần vợt</li> <li>- Cải tạo, nâng cấp các phòng họp, hội trường</li> <li>- Nâng cấp mái che bể bơi</li> </ul>

Mục tiêu chiến lược	Giải pháp chiến lược	KPIs, chỉ tiêu phần đầu
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải tạo, nâng cấp đường đi nội bộ (trục chính)</li> <li>- Cải tạo nâng cấp hệ thống cấp nước, sửa chữa các ký túc xá sinh viên.</li> <li>- Cải tạo cảnh quan, môi trường</li> <li>- Hoàn thành (bước 1) quy hoạch khu tập thể gia đình nội trú; làm xong đường đi nội bộ khu tập thể trường (ngoài khuôn viên trường)...</li> </ul>
Đa dạng hóa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính	Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính	Nguồn thu ngoài ngân sách từ 10 đến 12 tỷ/năm

(Nguồn: Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2020)

Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học, đưa ra mục tiêu, các các chỉ tiêu phần chính về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất. Đặc biệt từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã xây dựng các KPIs với các chỉ tiêu phần chính thể hiện trong kế hoạch hàng năm về đào tạo, nghiên cứu khoa học, đảm bảo chất lượng, phát triển nhân sự đều rõ ràng, đo lường được, có tính khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện [H4.04.03.02]; Kế hoạch được xây dựng có sự tham gia góp ý của các phòng, ban chức năng trong Nhà trường; Các chỉ số thực hiện chính liên quan đến công tác đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ, Hợp tác quốc tế,... được biểu quyết thông qua để thống nhất tổ chức thực hiện [H4.04.03.03]; Trên cơ sở kế hoạch năm học, các đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chức năng.

Để giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu đặt ra, Nhà trường định kỳ tổ chức các hội nghị giao ban giữa lãnh đạo Nhà trường với các đơn vị để rà soát, điều chỉnh, đưa ra giải pháp đạt được chỉ tiêu đề ra [H4.04.03.04]; Đồng thời phân công cho đơn vị chức năng tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế. Cụ thể, năm 2015 giao nhiệm vụ cho phòng Tổ chức cán bộ theo dõi, rà soát, đánh giá sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường; Năm 2016, ban hành quyết định về việc giao nhiệm vụ cho phòng Hành chính - Tổng

hợp làm đầu mối theo dõi, giám sát triển khai cải tiến chất lượng phát triển sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, các mục tiêu chiến lược của Trường; Hàng tháng, phòng Hành chính - Tổng hợp có trách nhiệm báo cáo việc theo dõi, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện của Trường so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đã được xác định thông qua hội nghị giao ban [H4.04.03.05]. Đối với các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh, hoặc có sự điều chỉnh, Ban Giám hiệu thực hiện qua việc ban hành các thông báo gửi tới các đơn vị để triển khai, thực hiện. Cuối năm, Ban Giám hiệu Nhà trường tiến hành tổng kết đánh giá kết quả đạt được các chỉ số theo kế hoạch đã đề ra từ đầu năm. Vì vậy, các chỉ số KPIs và các chỉ tiêu phân chính về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất được thể hiện cho thấy các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu thể hiện trong kế hoạch chiến lược là rõ ràng và hiệu quả, giúp đo lường, giám sát được các chỉ tiêu đã đề ra [H4.04.03.06].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.***

Trong giai đoạn 2015 - 2020, chiến lược của nhà trường được điều chỉnh, bổ sung đảm bảo cho việc đạt các mục tiêu chiến lược đề ra. Năm 2015, Nhà trường ban hành chiến lược và kế hoạch triển khai chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội giai đoạn 2015-2020 [H4.04.04.01], [H4.04.04.02]. Kế hoạch chiến lược được thực hiện trên cơ sở Đề án quy hoạch phát triển tổng thể nhà trường đến năm 2020 đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt [H4.04.04.03]. Quá trình xây dựng kế hoạch được nhà trường gửi dự thảo lấy ý kiến rộng rãi của tập thể cán bộ, viên chức, người lao động trong Nhà trường; tổ chức hội nghị mở rộng lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo gồm các thành viên bên ngoài trường như: đại diện trường THCS, THPT đóng trên địa bàn, đại diện chuyên gia trong ngành TDTT, cựu giáo chức của trường và cựu sinh viên. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Nhà trường tiếp thu, chỉnh sửa kế hoạch và ban hành thực hiện [H4.04.04.04].

Để đảm bảo tính khả thi của các chỉ tiêu trong kế hoạch chiến lược, Nhà trường đã tiến hành phân tích SWOT để xác định rõ bối cảnh thuận lợi, cơ hội và thách thức trên cơ sở các bài học kinh nghiệm rút ra từ việc kết quả thực hiện chiến lược của chu kỳ trước [Chiến lược phát triển trường giai đoạn mới nhất]. Ngoài ra,

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Phòng Hành chính - Tổng hợp theo dõi, giám sát triển khai cải tiến chất lượng phát triển sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược nhà trường [H4.04.04.05]. Nhằm đánh giá thực hiện kế hoạch chiến lược đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm đạt mục tiêu chiến lược và có biện pháp điều chỉnh phù hợp. Kết thúc năm học, Nhà trường tiến hành tổ chức hội nghị tổng kết năm học thông qua báo cáo tổng kết năm học [H4.04.04.06]. Năm 2017, nhà trường đã tổ chức hội nghị sơ kết chiến lược 2015-2020 để đánh giá các mục tiêu đặt ra, cũng như lập các kế hoạch cải tiến trong việc hoàn thành chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính [H4.04.04.07], [H4.04.04.08].

Đối với các mục tiêu, chỉ tiêu, chỉ số chưa đạt, Nhà trường yêu cầu các đơn vị được phân công tiến hành phân tích để xác định nguyên nhân khách quan và chủ quan, trên cơ sở đó tiến hành điều chỉnh áp dụng các biện pháp phù hợp mang tính khả thi để đạt được các mục tiêu. Năm 2018, ban hành kế hoạch tổ chức rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H4.04.04.09]. Trên cơ sở rà soát, Ban Giám hiệu nhà trường đã kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy các đơn vị trực thuộc trường [H4.04.04.10]. Năm 2019 tổ chức rà soát, điều chỉnh và ban hành sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H4.04.04.11].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

#### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4**

##### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

Nhà trường thực hiện tốt việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; các kế hoạch chiến lược được Nhà trường quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và trung hạn để triển khai thực hiện; Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của trường sát với thực tế nên không phải bổ sung, điều chỉnh.

##### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại***

Trong quá trình xây dựng chiến lược, Nhà trường chưa có biện pháp cụ thể để phòng ngừa rủi ro.

**3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Tồn tại cần khắc phục	Đưa ra biện pháp phòng ngừa rủi ro.	Hội đồng trường, Ban giám hiệu	Năm 2020	
2	Điểm mạnh cần phát huy	Tiếp tục thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược để đạt được sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi cho những giai đoạn tiếp theo	Ban Giám hiệu và các đơn vị trong nhà trường	Từ năm 2020	

**4. Mức đánh giá**

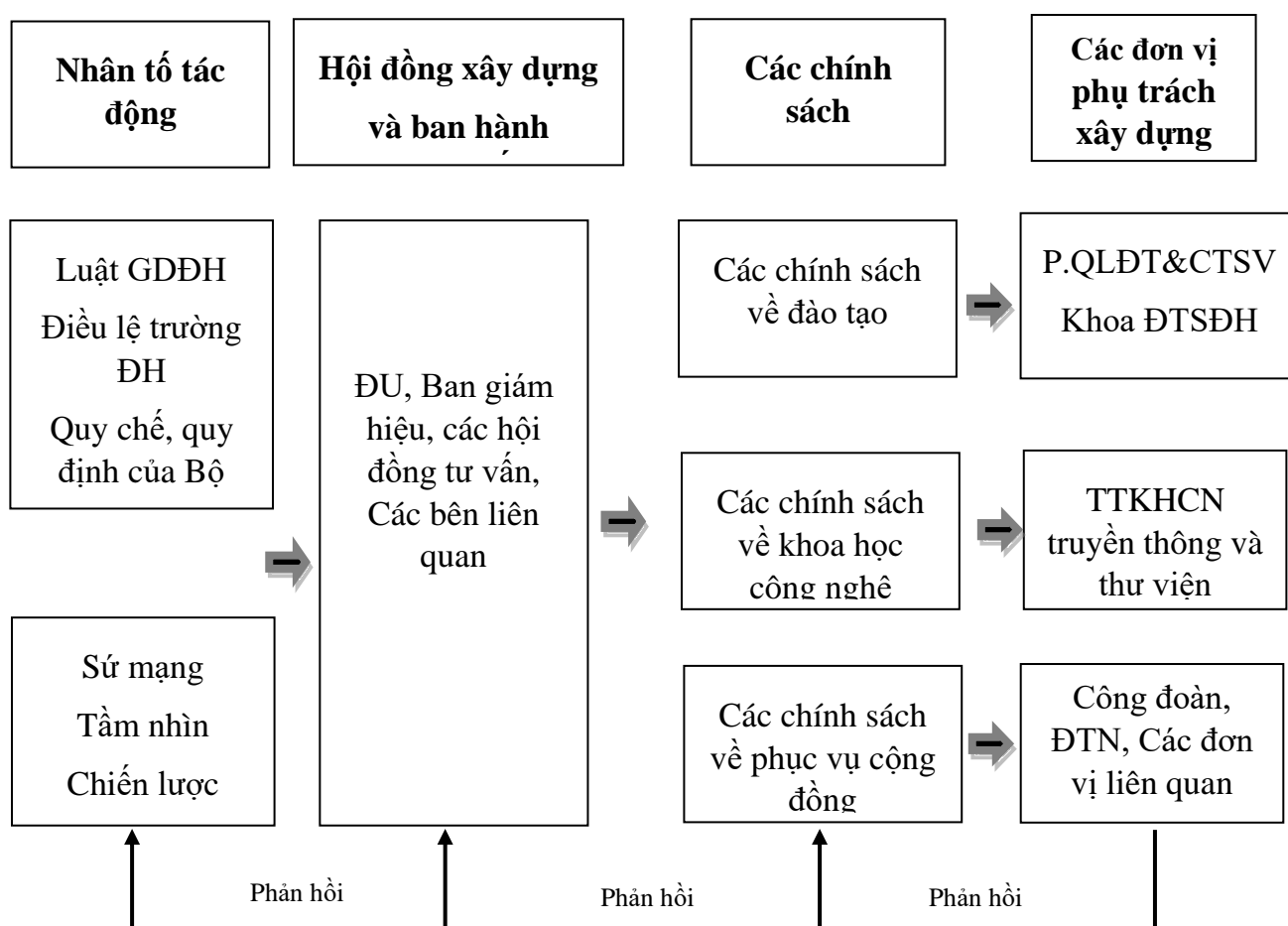
<b>Tiêu chuẩn /tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 4</b>	<b>4,25</b>
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	4
Tiêu chí 4.3	4
Tiêu chí 4.4	4



## TIÊU CHUẨN 5. CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐÀO TẠO, NCKH VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

### *Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*

Hệ thống xây dựng, ban hành các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (PVCD) của Nhà trường được mô tả theo sơ đồ 5.1.1.



Sơ đồ 5.1.1. Hệ thống ban hành quy chế, quy định về đào tạo, NCKH và PVCD

Nhà trường phân công các đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD theo quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong nhà trường, tổ chức các hoạt động giáo dục và đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng [H5.05.01.01]. Phòng QLĐT&CTSV xây dựng các chính sách về đào tạo đại học và công tác sinh viên; Khoa ĐTSĐH xây dựng các chính sách về đào tạo sau đại học. Trung tâm Khoa học công nghệ, truyền thông và thư viện xây dựng các chính sách về khoa học công nghệ. Các hoạt động phục vụ cộng đồng gồm: các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo địa chỉ, chuyển giao về khoa học công nghệ; các hoạt động mang mục

đích từ thiện, tình nguyện thể hiện với cộng đồng, xã hội, các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng. Các đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng chính sách PVCĐ là các đơn vị phụ trách theo chức năng nhiệm vụ và quy chế hoạt động của các đơn vị này.

Nhà trường có các văn bản hướng dẫn xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Đối với lĩnh vực đào tạo và NCKH đó là Kế hoạch triển khai chiến lược nhà trường giai đoạn 2015-2020, văn bản nêu rõ về phân công nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch phát triển công tác đào tạo và kế hoạch phát triển khoa học công nghệ [H5.05.01.02], đồng thời văn bản về hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động theo sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015 – 2020 [H5.05.01.03], kế hoạch công tác năm học [H5.05.01.04]. Đối với lĩnh vực phục vụ cộng đồng có văn bản Quy định về công tác phục vụ cộng đồng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, trong đó quy định rõ các hoạt động phục vụ cộng đồng, quy trình thực hiện hoạt động phục vụ cộng đồng [H5.05.01.05], được phổ biến thông qua kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu năm học được đăng tải trên website trường [H5.05.01.06].

Chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học được thể hiện trong các quy chế, quy định về đào tạo, quy định chế độ làm việc của giảng viên, các quy định về công tác đào tạo, các quy định đối với sinh viên; quy định về hoạt động khoa học, công nghệ, sở hữu trí tuệ. Các chính sách tập trung vào việc đa dạng hóa các loại hình NCKH phục vụ nhu cầu thực tiễn công tác giảng dạy, huấn luyện, các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước, kỷ yếu Hội thảo khoa học chuyên ngành, chuyên giao công nghệ, gắn chặt các hoạt động NCKH.

Các chính sách về công tác PVCĐ: các hoạt động mang tính từ thiện, tổ chức các hoạt động gây quỹ ủng hộ người nghèo, hoạt động mùa hè xanh tình nguyện, hiến máu nhân đạo...hoạt động hỗ trợ SV tìm việc làm, tư vấn tư vấn hướng nghiệp. Các hoạt động mang tính chuyên môn là các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo địa chỉ, chuyên giao công nghệ...

Nội dung các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ được ban hành phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước, theo Luật GDĐH, Điều lệ trường đại học, quy chế, quy định, thông tư của Bộ GD&ĐT; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, Chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2015-2020 [H5.05.01.07], [H5.05.01.08] và các Nghị quyết của Đảng ủy về chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ

**[H5.05.01.09].** Các văn bản này thường xuyên cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của Nhà trường cũng như các quy chế, quy định được ban hành bởi cơ quan chủ quản là Bộ GD&ĐT và cơ quan Nhà nước. Nội dung cụ thể về chính sách trong đào tạo, NCKH và PVCĐ được quy định như sau:

➤ **Trong lĩnh vực đào tạo:**

Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo đại học năm 2014, 2017 thay đổi bổ sung năm 2018, dựa trên Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT; Chế độ chính sách đối với sinh viên **[H5.05.01.10]**; Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ Thạc sĩ năm 2014 chỉnh sửa bổ sung năm 2018 **[H5.05.01.11]** nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành công tác đào tạo Thạc sĩ của trường và phù hợp với quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GD&ĐT. Chính sách trong công tác tuyển sinh **[H5.01.01.12]**; Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên **[H5.01.01.13]**.

➤ **Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học:**

Trường đã ban hành các văn bản quy định về quản lý hoạt động khoa học, công nghệ, trong đó thể hiện rõ: mục tiêu, nội dung, phân cấp hoạt động khoa học công nghệ; chính sách về quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ; hợp tác quốc tế về KHCN; Công tác sở hữu trí tuệ; các định mức khoa học công nghệ; quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên; Các chính sách khen thưởng công nhận điểm luận văn tốt nghiệp cho sinh viên đạt thành tích xuất sắc tại các hội nghị NCKH của sinh viên; các quy định biên soạn, thẩm định, phát hành giáo trình **[H5.05.01.14]**.

➤ **Trong lĩnh vực phục vụ cộng đồng:**

Các năm trước chính sách về phục vụ cộng đồng mang tính chuyên môn được thể hiện trong kế hoạch công tác năm học hàng năm. Từ năm 2019 các chính sách được thể hiện trong Quy định công tác phục vụ cộng đồng của trường.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng mang tính xã hội, thiện nguyện khác được các tổ chức đoàn thể triển khai như: Công đoàn Trường hàng năm đã tổ chức quyên góp ủng hộ đồng bào vùng ảnh hưởng của bão, lụt, ủng hộ xây dựng biển đảo; hành trình thắp sáng xây dựng biển đảo quê hương; ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa thông qua các văn bản kết nối, phục vụ cộng đồng của Công đoàn trường **[H5.05.01.15]**. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường có kế hoạch hàng năm về hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, tham gia các chương trình dâng tặng áo ấm cho trẻ em và những người có hoàn cảnh khó khăn ở khu vực miền núi phía Bắc, dạy bơi miễn

phí cho học sinh do Thành Đoàn tổ chức [H5.05.01.16], [H5.05.01.17], trong đó có chính sách ưu tiên đối với các sinh viên tham gia hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo. Các thông tin, hình ảnh tổ chức các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng trên trang website của nhà trường [H5.05.01.18].

Hàng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị liên quan trong nhà trường các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của các đơn vị được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường, các đơn vị được phân công chủ trì lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị liên quan trong nhà trường. Các văn bản, chính sách được các đơn vị phụ trách gửi đến các đơn vị trong nhà trường và lấy ý kiến phản hồi thông qua Hội nghị viên chức [H5.05.01.19] và đối thoại giữa Hiệu trưởng với sinh viên [H5.05.01.20]. Các chính sách về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng được cụ thể hóa bằng văn bản, được lãnh đạo nhà trường phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện***

Theo quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, các đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách trực tiếp theo dõi giám sát sự tuân thủ các chính sách [H5.05.02.01]. Đồng thời theo quy định chức năng nhiệm vụ của phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra (ĐBCL&TT) chịu trách nhiệm phối hợp, theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ của công tác thanh tra và quy định tổ chức và hoạt động thanh tra của trường [H5.05.02.02], ngoài ra Ban Thanh tra nhân dân cũng tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách [H5.05.02.03]. Nhà trường đã ban hành sổ tay Đảm bảo chất lượng, trong đó quy định quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ [H5.05.02.04].

Các quy định về theo dõi, giám sát chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được phổ biến đến cán bộ, giảng viên, nhân viên và SV thông qua các đợt sinh hoạt chính trị đầu năm, kế hoạch công tác năm học [H5.05.02.05]; kế hoạch công tác đào tạo năm học [H5.05.02.06]; Kế hoạch KHCN hàng năm [H5.05.02.07]; kế hoạch thanh tra hàng năm [H5.05.02.08] và kế hoạch hoạt động của Ban thanh tra nhân dân [H5.05.02.09].

Hàng năm các đơn vị phụ trách đều có báo cáo thực hiện giám sát các hoạt động về đào tạo, NCKH thông qua các bản báo cáo tổng kết công tác đào tạo năm học [H5.05.02.10]; Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ NCKH năm học [H5.05.02.11]; Báo cáo của ban thanh tra nhân dân hàng năm, nhiệm kỳ [H5.05.02.12].

Tổng kết việc thực hiện giám sát, đánh giá của các bên liên quan về các chính sách cũng như kết quả đạt được trong các lĩnh vực hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được phổ biến đến các cán bộ, giảng viên trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H5.05.02.13].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được rà soát thường xuyên.***

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được định kỳ rà soát. Các đơn vị theo quy định về chức năng nhiệm vụ tiến hành rà soát: Phòng QLĐT&CTSV, khoa ĐTSĐH phụ trách chịu trách nhiệm rà soát việc thực hiện các chính sách về ĐT; Trung tâm Khoa học công nghệ, truyền thông và thư viện chịu trách nhiệm rà soát việc thực hiện các chính sách về NCKH; Công đoàn, Đoàn thanh niên và các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ phụ trách chịu trách nhiệm rà soát việc thực hiện các chính sách về PVCĐ.

Kế hoạch rà soát và nội dung rà soát các chính sách được thể hiện trong kế hoạch triển khai chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2020 [H5.05.03.01], kế hoạch công tác năm học [H5.05.03.02]. Nội dung rà soát các quy định, quy chế, rà soát chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra, rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng nghề nghiệp đề phù hợp với nhu cầu xã hội. Rà soát hệ thống các văn bản quy định về quản lý KHCCN, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, các chính sách về phục vụ cộng đồng, các chế độ chính sách đối với giảng viên, sinh viên được triển khai thực hiện như sau:

Định kỳ Nhà trường đều tiến hành rà soát thực hiện các chính sách, xem xét việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy chế và các thủ tục, quy trình hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Trường. Việc rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thể hiện bằng các biên bản rà soát, điều chỉnh: Hội đồng xây dựng đề án tuyển sinh [H5.05.03.03]; Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo [H5.05.03.04]; Quy định hoạt

động KHCN [H5.05.03.05] và biên bản cuộc họp đối thoại giữa sinh viên với hiệu trưởng [H5.05.03.06].

Từ kết quả rà soát các chính sách, nhà trường đã ban hành những quy định mới để triển khai thực hiện như: chuẩn đầu ra [H5.05.03.07], chương trình đào tạo [H5.05.03.08], các Quy định về công tác đào tạo [H5.05.03.09], các văn bản Quy định về quản lý hoạt động KH&CN [H5.05.03.10], Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên [H5.05.03.11], Quy định chế độ, chính sách đối với sinh viên [H5.05.03.12], Quy định về công tác phục vụ cộng đồng [H5.05.03.13].

Hàng năm về việc thực hiện các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ được đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học [H5.05.03.14].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.***

Thông qua việc rà soát thường xuyên các chính sách, kết quả khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, nhân viên thông qua hội nghị CBVC hàng năm, báo cáo tổng kết năm học. Nhà trường đã cải tiến, điều chỉnh và ban hành các văn bản về chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ làm tăng hiệu quả hoạt động của nhà trường.

Về đào tạo: Qua từng năm, Nhà trường có những bổ sung, điều chỉnh chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh nhằm đảm bảo tiêu chí tuyển sinh của Nhà trường và tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh [H5.05.04.01], về chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh theo hướng giảm số giờ học và bổ sung các môn tự chọn tạo điều kiện thuận lợi cho người lựa chọn các môn học theo sở trường và đáp ứng nhu cầu xã hội [H5.05.04.02].

Về NCKH: Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh, xây dựng mới các văn bản về NCKH ngày càng chặt chẽ hơn, chi tiết hơn và bám sát hơn tình hình thực tiễn của nhà trường, gồm các nội dung: về Sở hữu trí tuệ; hướng dẫn thực thi đạo đức trong NCKH; hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, định mức khối lượng NCKH, Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên, Quy định về việc đăng ký, biên soạn, thẩm định và phát hành giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; Quy định về việc ban hành quy

chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến cơ sở [H5.05.04.03]. Các chính sách này đã tập trung vào việc đa dạng hóa các loại hình NCKH phục vụ công tác giảng dạy, huấn luyện, các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước, khuyến khích đầu tư xây dựng những đề tài NCKH chất lượng cao, chuyển giao công nghệ kết quả nghiên cứu khoa học cho các cơ sở giáo dục và tiếp nhận công nghệ hiện đại, gắn chặt các hoạt động NCKH, tăng cường kinh phí cho nghiên cứu khoa học, động viên khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường.

Về phục vụ cộng đồng: Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về công tác phục vụ cộng đồng trong đó quy định rõ các hoạt động phục vụ cộng đồng gồm: các hoạt động mang tính chuyên môn, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo địa chỉ, chuyển giao công nghệ, các hoạt động thiện nguyện mang tính từ thiện và quy trình thực hiện hoạt động phục vụ cộng đồng [H5.05.04.04].

Các chính sách sau khi rà soát, cải tiến đã được nhà trường lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của các bên liên quan thông qua các báo cáo tổng kết, báo cáo khảo sát mức độ hài lòng về các chính sách [H5.05.04.05], [H5.05.04.06], [H5.05.04.07], [H5.05.04.08]. Kết quả thực hiện các chính sách được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học tại hội nghị cán bộ viên chức [H5.05.04.09]; Báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn, Đoàn Thanh niên hàng năm [H5.05.04.10]; Báo cáo tổng kết kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 [H5.05.04.11].

Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng do nhà trường triển khai đều đem lại hiệu quả tích cực, tác động trực tiếp tới các đối tượng hưởng thụ. Số lượng và chất lượng các hoạt động PVCD đã được tăng lên như:

- Về đào tạo bồi dưỡng theo địa chỉ, Nhà trường đã tổ chức đào tạo bồi dưỡng 2 lớp cho cán bộ, giáo viên nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào vào năm 2018 và 2019 [H5.05.04.12];

- Kết quả của các đề tài NCKH được chuyển giao và đã được ứng dụng trong công tác giảng dạy, mang lại hiệu quả thiết thực [H5.05.04.13].

- Kết quả triển khai các hoạt động PVCD của Nhà trường được cấp trên, các bên thụ hưởng các hoạt động PVCD ghi nhận, đánh giá tốt qua những chia sẻ, thư cảm ơn các ý kiến đánh giá ghi nhận qua tin nhắn; Các ý kiến đánh giá ghi nhận qua phóng sự và truyền thông [H5.05.04.14], [H5.05.04.15]. Qua các hoạt động PVCD, Nhà

trường được ghi nhận và đánh giá cao Công đoàn, đoàn thanh niên được các cấp có thẩm quyền tặng Cờ thi đua, Bằng khen... về hoạt động PVCD [H5.05.04.16].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung tiêu chuẩn 5**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của nhà nước; phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Nhà trường; Các chính sách về về đào tạo, NCKH và PVCD được lấy ý kiến của các đơn vị liên quan trong nhà trường được cụ thể hóa bằng văn bản được lãnh đạo Nhà trường phê duyệt và triển khai thực hiện.

Nhà trường có phân công các bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD.

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được rà soát, cải tiến thường xuyên nhằm phù hợp với các quy định của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Nhà trường chưa có văn bản quy định cụ thể về quy trình giám sát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD.

**3. Kế hoạch cải tiến**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng văn bản quy định cụ thể về quy trình giám sát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD	Phòng QLĐT&CTSV	Năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng để đáp ứng sự phát triển của Nhà trường và nhu cầu các bên liên quan	Ban Giám hiệu, Các đơn vị liên quan	Từ năm 2020	



#### 4, *Mức đánh giá*

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>	<b>4,25</b>
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	4
Tiêu chí 5.3	4
Tiêu chí 5.4	4

### **TIÊU CHUẨN 6. QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC**

***Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.***

Nhà trường xác định nguồn nhân lực có vai trò quyết định đến hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, vì vậy đã thực hiện nhiều giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ, nguồn nhân lực và được cụ thể hóa mục tiêu trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 [H6.06.01.01]. Để đảm bảo thực hiện đạt được mục tiêu chiến lược về nguồn nhân lực Nhà trường hướng dẫn các đơn vị triển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 [H6.06.01.02]; tiến hành thực hiện công tác rà soát chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức bộ máy và công tác cán bộ các đơn vị trực thuộc Trường [H6.06.01.03]; triển khai rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức [H6.06.01.04]; xây dựng Đề án vị trí việc làm của các đơn vị [H6.06.01.05].

Nhằm xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ cốt cán, hàng năm nhà trường tiến hành thực hiện công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ nhân sự theo Nghị quyết của Đảng ủy [H6.06.01.06]; Cán bộ, viên chức được giới thiệu vào quy hoạch đều được đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; trình độ, năng lực công tác, uy tín và triển vọng phát triển và với các độ tuổi để đảm bảo tính kế thừa vững chắc, phát triển liên tục của đội ngũ [H6.06.01.07].

Để đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng, nhà trường đã xây dựng các chính sách về nhân sự được thể hiện rõ trong các quy định như: Quy định tuyển dụng viên chức và người lao động [H6.06.01.08], Quy định đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức

và người lao động [H6.06.01.09], Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.10], Quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, kéo dài viên chức quản lý [H6.06.01.11].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.***

Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và các quy định pháp luật, nhà trường đã cụ thể hóa công tác quản lý thông qua hệ thống xây dựng văn bản mang tính quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của trường để thể chế hóa các mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra. Đặc biệt các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự, trong giai đoạn đánh giá nhà trường đã ban hành quy chế về tuyển dụng viên chức, người lao động. Nội dung các quy chế được cập nhật thông tin nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi với các tiêu chí, tiêu chuẩn đạo đức, trình độ chuyên môn, học hàm, học vị tương ứng với từng vị trí việc làm đảm bảo cho việc tuyển dụng người có tài năng và phẩm chất đạo đức [H6.06.02.01].

Ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển viên chức quản lý phòng, ban, trạm, trung tâm, khoa, bộ môn và tương đương [H6.06.02.02].

Đồng thời để nâng cao chất lượng đội ngũ, Đảng ủy trường ban hành hệ thống các văn bản nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý cán bộ như: Quy định về trách nhiệm tự giác đi đầu, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, của cán bộ đảng viên nhà trường; Quy định chuẩn đạo đức của người cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhân viên nhà trường [H6.06.02.03].

Ngoài ra để có cơ sở cho công tác đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự, vị trí công tác phù hợp với trình độ đào tạo và khả năng của từng người theo hướng chuyên môn hóa tạo môi trường thuận lợi để nhân sự có điều kiện phát huy sở trường, năng lực theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển, hàng năm nhà trường ban hành quy định đánh giá phân loại viên chức, người lao động với những tiêu chí cụ thể, gắn với đặt thù nghề nghiệp của trường [H6.06.02.04].

Từ việc triển khai đồng bộ hệ thống văn bản, cùng với sự lãnh đạo của Đảng ủy trong việc xây dựng quy định tiêu chuẩn, tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức cũng như để đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, các văn bản quy chế, quy định được phổ biến công khai trên website, gửi văn bản đến các đơn vị trong trường để thuận tiện trong việc áp dụng và giám sát việc thực hiện các quy định [H6.06.02.05].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau.***

Để đảm bảo việc xây dựng tiêu chuẩn năng lực của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên Đảng ủy Trường đã chỉ đạo triển khai tổ chức xây dựng tiêu chuẩn năng lực, kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên [H6.06.03.01]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm; trong đó mô tả rõ vị trí công việc, khối lượng công việc của CB, GV, NV [H6.06.03.02]; triển khai rà soát, thống kê thực trạng đội ngũ viên chức trong Trường về giới tính, độ tuổi, chức vụ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và thâm niên công tác nhằm xác định tình hình nhân sự của các đơn vị trực thuộc trường [H6.06.03.03]. Bên cạnh đó, thực hiện theo sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu, phòng tổ chức cán bộ tiến hành rà soát nhân sự của trường [H6.06.03.04]. Để đảm bảo cho công tác cán bộ, Nhà trường đã xây dựng và ban hành văn bản quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, kéo dài viên chức quản lý các đơn vị của trường [H6.06.03.05], với nội dung được quy định rõ các tiêu chuẩn năng lực, phẩm chất, học hàm, học vị, kỹ năng và kinh nghiệm ... đối với từng chức danh cán bộ công tác quản lý.

Công tác tuyển dụng vị trí giảng viên được nhà trường cụ thể về chuyên môn, bằng cấp, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ, chuyên ngành đáp ứng nhu cầu vị trí việc làm [H6.06.03.06].

Ngoài ra, nhà trường quan tâm đến việc cử GV đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ trong và ngoài nước [H6.06.03.07], [H6.06.03.08]. Trong đó các giảng viên được cử đi học tại nước ngoài đều được tiếp nhận bố trí, sắp xếp làm việc tại các khoa, bộ môn theo đúng chuyên ngành được đào tạo, phát huy được năng lực chuyên môn của mỗi giảng viên [H6.06.03.09]. Giảng viên trong trường đều đã ứng dụng CNTT

trong giảng dạy và NCKH, các GV đều có bằng cấp chứng chỉ ngoại ngữ đạt chuẩn ngành GV theo quy định [H6.06.03.10].

Hệ thống văn bản quy định các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên do Nhà trường xây dựng và ban hành được thực hiện theo Thông tư số 36/2014/TTLT BGDDT-BNV và các quy định của trong đó yêu cầu về tiêu chuẩn chuyên môn của GV dạy đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên, đúng chuyên ngành, có kinh nghiệm giảng dạy, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, có kỹ năng tin học, có phẩm chất đạo đức tốt là phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học.

Đối với chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường, ngoài các tiêu chuẩn năng lực chức danh lãnh đạo, quản lý do Đảng, Nhà nước quy định, được nhà trường cụ thể hóa thành quy định riêng với các tiêu chuẩn cho chức danh CBQL như: Am hiểu về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược; phương pháp làm việc khoa học; có năng lực cụ thể hóa và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, quy định của Bộ GD&ĐT. Nắm chắc tình hình chung và hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực, cơ quan, đơn vị được phân công. Có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo; gương mẫu, quy tụ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; được cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân tin tưởng, tín nhiệm. Tâm huyết và có trách nhiệm với công việc; có tinh thần đoàn kết, xây dựng, gương mẫu, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp. Về trình độ Tốt nghiệp đại học trở lên, phù hợp với lĩnh vực công tác. Có trình độ trung cấp lý luận chính trị (áp dụng từ năm 2020), có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3 (áp dụng từ năm 2020). Có chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa, phòng...Nhà trường có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho từng giai đoạn [H6.06.03.11] và tổ chức cử cán bộ đi tập huấn bồi dưỡng về lãnh đạo, chuyên môn, nghiệp vụ để có những chứng chỉ chuyên môn phù hợp với các chức vụ được bổ nhiệm nhằm đáp ứng đủ tiêu chuẩn về công tác lãnh đạo, quản lý.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.***

Xác định nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo, NCKH và khẳng định uy tín, vị thế, thương hiệu của nhà trường. Trong giai đoạn đánh giá, nhà trường đã cụ thể hóa về mục tiêu chiến lược về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và xác định cho từng lộ trình cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ [H6.06.04.01]. Năm 2015 nhà trường xây dựng Đề án vị trí việc làm [H6.06.04.02] đánh giá và xác định cụ thể công tác phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên [H6.06.04.03]. Hàng năm giao cho phòng Tổ chức cán bộ rà soát nhân sự và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.04.04], [H6.06.04.05].

Căn cứ nhu cầu thực tế qua từng giai đoạn, Nhà trường triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng dựa trên nhu cầu thực tế của nhà trường và nhu cầu của cán bộ giảng viên [H6.06.04.06], [H6.06.04.07].

Để triển khai các hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả và điều chỉnh để xây dựng kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo, giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực đạt được hiệu quả tốt hơn [H6.06.04.08]. Đồng thời thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn [H6.06.04.09].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

*Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.*

Nhà trường đã xây dựng quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên thông qua quy định đánh giá phân loại viên chức người lao động [H6.06.05.01]. Việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có sự tham gia đóng góp ý kiến của các đơn vị [H6.06.05.02]. Hàng năm, phòng TCCB làm đầu mối xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tổ chức triển khai, đánh giá việc phân loại viên chức, người lao động đến các đơn vị trong trường [H6.06.05.03]. Các đơn vị tổ chức đánh giá viên chức, người lao động theo quy trình trên cơ sở đó nhà trường ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá hàng năm [H6.06.05.04].

Nhà trường ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng [H6.06.05.05]; Quy định về nâng lương trước thời hạn [H6.06.05.06] và các nội dung quy định về việc nâng lương được thể hiện trong Kế hoạch nâng lương thường xuyên cho việc

chức và người lao động [H6.06.05.07]... trước khi ban hành các quy định lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị trong nhà trường. Các quy định được phổ biến, công khai trên bảng tin, trang điện tử của nhà trường [H6.06.05.08].

Căn cứ vào kết quả phân loại viên chức và quy định về công tác thi đua khen thưởng hội đồng thi đua khen thưởng tiến hành bình xét và đề nghị nhà trường ra quyết định công nhận danh hiệu thi đua hàng năm [H6.06.05.09].

Kết quả đánh giá phân loại viên chức được lấy làm căn cứ bố trí, sử dụng bổ nhiệm, miễn nhiệm; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phân bổ kinh phí hàng năm [H6.06.05.10].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.***

Việc thực hiện các chế độ chính sách cho VC, NLD luôn được đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định, kịp thời; có đơn vị chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo về chế độ, chính sách, nên việc triển khai có nhiều thuận lợi, có khả năng thu hút nhân lực có chất lượng cao.

Hàng năm, phòng TCCB rà soát và báo cáo việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực [H6.06.06.01]. Kết quả thực hiện rà soát các chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực còn được tổng hợp trong báo cáo tổng kết hàng năm của trường [H6.06.06.02].

Quá trình rà soát, đánh giá về chế độ chính sách, quy trình căn cứ trên các ý kiến góp ý của cán bộ, giảng viên, nhân viên tại Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm [H6.06.06.03]. Từ năm 2019, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến đánh giá về chế độ chính sách, quy trình quy hoạch nguồn nhân lực, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ viên chức người lao động [H6.06.06.04]. Trong quá trình rà soát, Nhà trường đã ban hành bổ sung một số quy định, quy chế phù hợp với tình hình thực tế của trường: Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.06.05]; Quy định về quản lý hoạt động KH&CN [H6.06.06.06]; Quy chế về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển viên chức [H6.06.06.07]; Quy chế tuyển dụng viên chức, người lao động [H6.06.06.08].

Từ việc thực hiện rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực nhà trường có kế hoạch phát triển nguồn lực [H6.06.06.09].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.***

Nhà trường thường xuyên điều chỉnh, bổ sung, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, như: Bổ sung tại quy chế chi tiêu nội bộ về mục chi kinh phí cho cán bộ, giảng viên, nhân viên có bài báo khoa học đăng trên bản tin của trường [H6.06.07.01]; bổ sung định mức giờ NCKH cho các hoạt động và công trình nghiên cứu trong Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ [H6.06.07.02]; điều chỉnh giờ định mức cho giảng viên làm cán bộ công đoàn, giáo vụ khoa, ban cố vấn học tập trong quy định chế độ làm việc đối với giảng viên [H6.06.07.03]; điều chỉnh chỉ tiêu xét nâng lương trước thời hạn từ 5% lên 10% và cho phép bảo lưu thành tích trong 5 - 6 năm gần nhất tính đến thời điểm xét trong Quy chế nâng lương trước thời hạn [H6.06.07.04], bổ sung chính sách ưu tiên thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao tại quy chế tuyển dụng hợp đồng lao động [H6.06.07.05]; bổ sung quy định về chế độ đào tạo bồi dưỡng [H6.06.07.06]...

Đối với công tác quy hoạch và rà soát quy hoạch nhân sự được Nhà trường tiến hành thực hiện thêm các bước như: Triển khai việc lấy ý kiến VC, NLD thuộc Trường về các chế độ, chính sách, quy trình liên quan đến nguồn nhân lực [H6.06.07.07]. Nhà trường đã có văn bản quy định về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự [H6.06.07.08]; ban hành hướng dẫn về công tác quy hoạch trên cơ sở thực hiện các văn bản quy định, kết hợp với thực tiễn của nhà trường, vì vậy đã giúp cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển nhà trường và thực hiện phát triển nghề nghiệp và đội ngũ đảm bảo đáp ứng yêu cầu đặt ra. Trong giai đoạn đánh giá Nhà trường đã quy hoạch viên chức có triển vọng, được rèn luyện trong thực tiễn vào các vị trí chủ chốt tạo nguồn cán bộ lâu dài cho nhà trường [H6.06.07.09]; và được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H6.06.07.10].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung tiêu chuẩn**

***Tóm tắt các điểm mạnh:***

Hệ thống tiêu chuẩn năng lực chức danh nghề nghiệp giảng viên và các chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường được xây dựng đúng quy định, quy trình; Được ban

hành, rà soát, điều chỉnh và phổ biến đến toàn thể CBVC nên tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Mặc dù công tác đào tạo, bồi dưỡng đã được coi trọng tuy nhiên định mức hỗ trợ tài chính cho CB, GV đi đào tạo bồi dưỡng còn thấp.

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung các quy định hỗ trợ tài chính cụ thể hơn gắn với quy hoạch CB, GV trong đào tạo bồi dưỡng.	Phòng KHTC, TCCB	Năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định, quy trình, kế hoạch quản lý và phát triển nguồn nhân lực.	Phòng TCCB và các đơn vị	Hàng năm	

### **4. Mức đánh giá:**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 6</b>	<b>4,28</b>
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	4
Tiêu chí 6.4	4
Tiêu chí 6.5	4
Tiêu chí 6.6	4
Tiêu chí 6.7	4



## TIÊU CHUẨN 7. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

*Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành*

Quản lý tài chính và cơ sở vật chất là một trong những hoạt động cần thiết và quan trọng trong các đơn vị nói chung và các trường đại học nói riêng. Hoạt động tài chính có quan hệ hữu cơ và gắn liền với hoạt động đào tạo cũng như các hoạt động khác trong trường. Nó vừa là tiền đề cho các hoạt động trong trường, vừa là kết quả của chính những hoạt động đó. Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội luôn thực hiện công tác quản lý tài chính theo các quy định của Nhà nước. Nhà trường có bộ phận chuyên trách về quản lý tài chính là phòng Kế hoạch tài chính [H7.07.01.01]. Theo quy chế và tổ chức hoạt động của trường, phòng Kế hoạch tài chính có chức năng lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm soát hoạt động tài chính đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược [H7.07.01.02].

Căn cứ vào chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2020, nhà trường đề ra chỉ tiêu về công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính [H7.07.01.03]; Công văn chỉ đạo của Bộ GD&ĐT về công tác tự chủ tài chính, phòng Kế hoạch tài chính tham mưu xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo từng giai đoạn [H7.07.01.04] và phân bổ ngân sách cho từng năm [H7.07.01.05].

Hàng năm, nhà trường chủ động xây dựng và quyết định mức thu học phí của các khóa đào tạo đại học liên thông chính quy và các khóa đào tạo cao học của nhà trường trên cơ sở các quy định tài chính hiện hành [H7.07.01.06]. Các hoạt động báo cáo quyết toán thuế và có đăng ký mã số thuế, lập báo cáo thuế hàng tháng và quyết toán thuế của nhà trường đúng quy định của nhà nước [H7.07.01.07].

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý tài chính, Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước, xây dựng và cập nhật chi tiết định mức thu - chi, đảm bảo tiết kiệm chi, hiệu quả, tránh thất thoát, đúng mục đích và sát với thực tế được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Để đảm bảo cân đối nguồn ngân sách của nhà trường chi cho các hoạt động, định kỳ hàng năm nhà trường chỉnh sửa quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với thực tế của trường [H7.07.01.08].

Phòng Kế hoạch tài chính căn cứ vào Quyết định việc giao dự toán NSNN hàng năm của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H7.07.01.09] thực hiện công bố công khai dự toán và phân bổ ngân sách theo đúng quy định thông tư 36/2017/TT-BGDĐT về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Số liệu tài chính, kế toán được phản ánh trung thực, khách quan trên các báo cáo tài chính [H7.07.01.10]. Dựa trên dự toán ngân sách hàng năm, phòng KHTC tham mưu xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách tài chính [H7.07.01.11]. Nhằm đánh giá khách quan, từng bước nâng cao năng lực quản lý về công tác tài chính, Nhà trường đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính thông qua Công ty TNHH kiểm toán Châu Á, qua đó rút kinh nghiệm, thấy được điểm mạnh điểm yếu, để đưa công tác quản lý tài chính vào nề nếp, hiệu quả tốt hơn [H7.07.01.12].

Kết quả đánh giá thực hiện chỉ số tài chính và cơ cấu thu chi trong 5 năm được thể hiện qua các bảng 7.1.1, 7.1.2, 7.1.3.

**Bảng 7.1.1. Các chỉ số tài chính**

<b>Chỉ số tài chính</b>	<b>2015</b> (triệu đồng)	<b>2016</b> (triệu đồng)	<b>2017</b> (triệu đồng)	<b>2018</b> (triệu đồng)	<b>2019</b> (triệu đồng)
<i>Tổng thu</i>	48.797	43.887	39.652	42.350	41.620
<i>Tổng chi</i>	42.823	45.593	36.795	38.925	38.561
<i>Chênh lệch thu chi</i>	5.974	(1.706)	2.857	3.425	3.059
<i>Thu nhập trung bình của CBGV</i>	6.0	6.0	6.3	6.5	7.0

**Bảng 7.1.2. Cơ cấu nguồn thu của nhà trường**

<b>Cấu trúc nguồn thu</b>	<b>2015</b> (triệu đồng)	<b>2016</b> (triệu đồng)	<b>2017</b> (triệu đồng)	<b>2018</b> (triệu đồng)	<b>2019</b> (triệu đồng)
<i>Từ ngân sách nhà nước</i>	34.588	30.988	26.233	28.530	26.236
<i>Từ các nguồn tài trợ viện trợ</i>	0	0	0	0	0
<i>Từ các nguồn thu khác</i>	14.209	12.899	13.419	13.820	15.384

**Bảng 7.1.3. Cơ cấu nguồn chi của nhà trường**

<b>Cấu trúc nguồn chi</b>	<b>2015</b> (triệu đồng)	<b>2016</b> (triệu đồng)	<b>2017</b> (triệu đồng)	<b>2018</b> (triệu đồng)	<b>2019</b> (triệu đồng)
<i>Nhân sự</i>	18.783	19.079	19.910	21.280	20.036
<i>Học bổng sinh viên</i>	1.194	1.046	915	768	306
<i>Cho hoạt động chuyên môn</i>	4.022	3.354	1.892	2.438	2.411
<i>Cho nghiên cứu khoa học</i>	150	40	218	147	127
<i>Cho mua sắm sửa chữa</i>	5.015	10.955	7.799	3.853	3.420
<i>Các mục đích khác</i>	15.890	13.261	12.625	10.439	12.261

Công tác đánh giá hiệu quả đầu tư về công tác tài chính phù hợp với các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của nhà trường cũng như các định hướng về công tác tài chính cho các năm tiếp theo đều được chú trọng thể hiện trong báo cáo xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2019 và kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm 2019-2021 [H7.07.01.13].

Việc thực hiện các quy định của nhà nước không chỉ được quản lý qua các quy chế, quy định được trường ban hành, có sự giám sát của viên chức, người lao động. Hoạt động kiểm tra tài chính nội bộ của trường được thực hiện trong báo cáo kết quả tự kiểm tra tài chính hàng năm, báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, thanh tra trường [H7.07.01.14].

Nhà trường thực hiện báo cáo kiểm tra tài chính với cấp trên thông qua các biên bản kiểm tra xét duyệt quyết toán hàng năm [H7.07.01.15].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.***

Thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2020 [H7.07.02.01], Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng Quản trị thiết bị là đơn vị đầu mối xây dựng,

giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.02.02]. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phòng Quản trị thiết bị lập bảng phân công nhiệm vụ cho các bộ phận, cá nhân để triển khai thực hiện phát triển, bảo trì, đáp ứng các nhu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học [H7.07.02.03].

Cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị được đầu tư và bảo trì thông qua kế hoạch triển khai chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2020 [H7.07.02.04], trong đó một số giải pháp về CSVC là thực hiện các dự án xây dựng nhà trường có cơ sở vật chất, trang thiết bị khang trang, hiện đại, từng bước hiện đại hóa các phòng thí nghiệm, thư viện, hội trường, phòng họp, nhà làm việc của cán bộ, giảng viên đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Thực hiện kế hoạch chiến lược, phòng Quản trị thiết bị tham mưu lập các dự án ngắn hạn, trung hạn cho từng giai đoạn phát triển cơ sở vật chất trình hiệu trưởng phê duyệt theo thẩm quyền, trình Bộ GD&ĐT phê duyệt các dự án lớn [H7.07.02.05]; phối hợp với phòng Kế hoạch tài chính tham mưu xây dựng kế hoạch và dự toán mua sắm, sửa chữa bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị [H7.07.02.06]; phối hợp với phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên xây dựng dự trù cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học tập đảm bảo nhu cầu học tập của sinh viên [H7.07.02.07]. Cơ sở đào tạo của trường có tổng diện tích đất sử dụng 14.377.000 m<sup>2</sup> [H7.07.02.08], được xây dựng với tổng diện tích sàn phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học là 72.183 m<sup>2</sup> [H7.07.02.09], gồm:

Hệ thống phòng học lý thuyết (là trường năng khiếu nên phòng học lý thuyết diện tích chiếm tỷ trọng không nhiều) 3.703 m<sup>2</sup> (không tính giảng đường cho sinh viên trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh), được bố trí 40, 50, 100 chỗ phù hợp cho nhiều mục đích sử dụng và được trang bị hệ thống loa đài, âm thanh, bàn ghế gỗ, ánh sáng, quạt mát... Diện tích phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập chiếm tỷ trọng lớn gồm: nhà tập đa năng có diện tích 1.253 m<sup>2</sup>; nhà tập môn bóng bàn có diện tích 725 m<sup>2</sup>; nhà thi đấu thể thao đa năng diện tích 3.200 m<sup>2</sup>; 1 sân điền kinh có diện tích 6.500 m<sup>2</sup> đường chạy phủ chất dẻo tổng hợp; 01 bể bơi có diện tích 3.540 m<sup>2</sup>, có 10 làn bơi và hệ thống khán đài, nhà học lý thuyết 02 tầng; 1 sân

bóng đá cỏ nhân tạo, diện tích 10.800 m<sup>2</sup>; 05 sân bóng chuyên với diện tích 2.250 m<sup>2</sup>; 2 sân bóng rổ có diện tích 1.640 m<sup>2</sup>; 2 sân quần vợt có diện tích 1.040 m<sup>2</sup>; ngoài ra còn có các sân bóng ném, đá cầu...Hệ thống nhà tập, sân bãi thực hành trên có đầy đủ các dụng cụ chuyên ngành, hệ thống chiếu sáng ban ngày, ban đêm phục vụ tốt nhu cầu luyện tập, thi đấu, thực hành và NCKH cho giảng viên và sinh viên. Thư viện nhà trường được xây dựng khang trang, sạch đẹp, diện tích 1.152 m<sup>2</sup> được bố trí 150 chỗ ngồi đảm bảo tỷ lệ 2,5m<sup>2</sup>/chỗ ngồi đọc, được trang bị hiện đại, có đủ hệ thống ánh sáng, các thiết bị làm mát..., có kho sách và hệ thống giá sách theo quy định. Ngoài ra, thư viện còn được trang bị máy tính để tra cứu tài liệu và hệ thống internet riêng biệt. Hệ thống ký túc xá từ C1 đến C6: 10.827m<sup>2</sup> (không tính C7,8,9 cho SV trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh), được xây dựng từ 3 đến 5 tầng, vệ sinh khép kín với quy mô 3.000 SV, đáp ứng 100% nhu cầu của sinh viên trước mắt cũng như trong tương lai.

Hệ thống thiết bị hỗ trợ học tập và NCKH khác [H7.07.02.10]: Nhà trường có 02 phòng thực hành tin học gồm 65 máy vi tính được kết nối internet, 02 phòng thực hành ngoại ngữ trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, có cabin riêng và 01 máy chủ cho giảng viên. Ngoài ra, hệ thống máy tính, máy in, photocopy được trang bị đầy đủ, đúng định mức đáp ứng nhu cầu làm việc và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên. Hệ thống phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ: bộ xương người thật, các loại mô hình xương, cơ, nội tạng người, các thiết bị như đèn chiếu, kính hiển vi, các máy đo chỉ số huyết áp, tim mạch, máy đo lực tay, chân, máy chụp X quang v.v... phục vụ cho việc nghiên cứu trong luyện tập và ứng dụng thể dục thể thao; phòng tập đa năng được trang bị xe đạp điện tử, máy tập, máy chạy bộ, ...cho sinh viên luyện tập thể lực. Có 01 hội trường 300 chỗ, 03 phòng họp và hội thảo từ 40-60 chỗ, hệ thống phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu và khu làm việc phòng, khoa được trang bị máy chiếu; nối mạng Internet; các phương tiện nghe nhìn, điều hòa nhiệt độ, các thiết bị nội thất hiện đại đảm bảo chất lượng phục vụ điều hành, hội thảo và nghiên cứu khoa học....

**Bảng 7.2.1. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng**

TT	Nội dung	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	143.477	x		

TT	Nội dung	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của trường, trong đó	72.183	x		
2.1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	12.805	x		
2.2	Thư viện, trung tâm học liệu	1.152	x		
2.3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	58.226	x		

**Bảng 7.2.2. Số liệu về cơ sở vật chất đáp ứng quy mô đào tạo 2015-2019**

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 – 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019
	<b>Tổng diện tích, được chia ra</b>		<b>68.222</b>	<b>68.222</b>	<b>72.183</b>	<b>72.183</b>
1	Nhà hiệu bộ + Nhà bộ môn	02	979	979	4.940	4.940
2	KTX sinh viên	6	10.827	10.827	10.827	10.827
3	Giảng đường (nhà D1)	1	792	792	792	792
4	Giảng đường 4 tầng	1	3.703	3.703	3.703	3.703
5	Thư viện	1	1.152	1.152	1.152	1.152
6	Nhà ăn sinh viên	1	2.592	2.592	2.592	2.592
7	Bể bơi	1	909	909	909	909
8	Nhà tập thể dục	1	1.253	1.253	1.253	1.253
9	Gara ô tô	1	126	126	126	126
10	Nhà thi đấu thể thao đa năng	1	3.200	3.200	3.200	3.200

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 – 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019
11	Trạm điện 750KVA	1	80	80	80	80
12	Nhà thí nghiệm thể chất	1	1.400	1.400	1.400	1.400
13	Trạm y tế	1	1.650	1.650	1.650	1.650
14	Sân điền kinh	1	6.500	6.500	6.500	6.500
15	Sân bóng đá	1	10.800	10.800	10.800	10.800
16	Sân bóng rổ	2	1.640	1.640	1.640	1.640
17	Sân quần vợt	2	1.040	1.040	1.040	1.040
18	Sân cầu lông	2	300	300	300	300
19	Sân bóng ném	1	1.300	1.300	1.300	1.300
20	Sân bóng chuyền	7	3.150	3.150	3.150	3.150
21	Nhà máy cấp nước sạch	1	900	900	900	900

Để đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, nhà trường lập đề án và được Bộ GD&ĐT duyệt kinh phí để bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp một số cơ sở vật chất: Năm 2015 cải tạo nhà thi đấu, sân điền kinh 4.932.506.000 đồng, xây dựng, cải tạo cảnh quan sân vườn nhà điều hành trung tâm 2.623.665.000 đồng, năm 2019 cải tạo cụm công trình nhà tập, sân điền kinh, sân tennis tổng mức đầu tư 5 tỷ đồng [H7.07.02.11]; Để đảm bảo máy móc thiết bị phục vụ quản lý, điều hành vận hành tốt, nhà trường ký hợp đồng với đơn vị chuyên bảo trì, bảo dưỡng và căn cứ vào kế hoạch mua sắm đầu năm tiến hành mua bổ sung các máy móc, trang thiết bị phục vụ nhu cầu chung trong toàn trường...[H7.07.02.12].

Các kế hoạch về cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị được rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm qua kế hoạch kiểm kê và báo cáo tài sản sau kiểm kê hàng năm [H7.07.02.13]. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng, phòng Quản lý đào tạo và công tác sinh viên phối hợp với các khoa rà soát xây dựng kế hoạch dự trù cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập [H7.07.02.14]. Ngoài ra, việc theo dõi, đánh giá được phản ánh trong biên bản kiểm tra hiện trạng quản lý, sử dụng tài sản công; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản

công [H7.07.02.15]. Đối với việc đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng sau khi đầu tư được rà soát, nhà trường đã được Bộ GD&ĐT ra Quyết định ủy quyền phê duyệt quyết toán 16 dự án hoàn thành trước năm 2016 và quyết toán một số công trình nhà điều hành 9 tầng (năm 2018) tổng giá trị quyết toán 52.251 tỷ đồng, nhà y tế, nhà lý thuyết 5 tầng... [H7.07.02.16].

Có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học: Nhà trường sử dụng phần mềm kế toán misa để quản lý tài sản, qua đó thường xuyên cập nhật số liệu và nắm được những biến động tăng, giảm về cơ sở vật chất [H7.07.02.17]. Bên cạnh đó, việc quản lý thông qua các công cụ như: các sổ mượn dụng cụ, sổ cấp phát dụng cụ, sổ theo dõi giảng dạy các môn lý thuyết, sổ phân công giảng dạy... thông qua các dữ liệu này nhà trường đánh giá hiệu quả sử dụng và hiệu quả đầu tư CSVC trang thiết bị [H7.07.02.18].

Cải tiến cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị được thực hiện qua việc nâng cao quản lý và mua sắm trang thiết bị kịp thời, nhà trường đã ban hành quy trình mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất; quy định hướng dẫn sử dụng CSVC tại các khu vực lớp học sân tập, nhà tập... quy chế quản lý, sử dụng tài sản công [H7.07.02.19] và triển khai hiệu quả. Thông qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học, các ý kiến phản ánh chưa hài lòng về cơ sở vật chất chiếm khoảng 12% (theo báo cáo kết quả khảo sát) [H7.07.02.20]. Tiếp thu các ý kiến phản ánh, nhà trường đã từng bước đáp ứng nhu cầu của người học, cụ thể: Đầu tư mua bổ sung máy tính, máy chiếu, đầu tư sửa chữa điện, nước KTX, điều hòa và trang thiết bị làm việc theo yêu cầu, đầu tư sửa chữa sân, lắp đặt hệ thống thảm tập và một số thiết bị học tập nhà thi đấu thể thao đa năng trị giá hàng tỷ đồng (năm 2018), đầu tư từ ngân sách để cải tạo tầng 1 tại KTX C4 thành các phòng chất lượng cao có điều hòa, nóng lạnh, đến năm 2019 tiếp tục cải tạo tầng 2 nhà C4 theo hình thức xã hội hóa [H7.07.02.21]. Lập tờ trình và được Bộ GD&ĐT điều chuyển thiết bị văn phòng, dụng cụ làm việc..có giá trị trên 01 tỷ đồng góp phần hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ học tập, làm việc cho các khoa, phòng và các phòng họp, hội thảo phục vụ sinh viên NCKH...[H7.07.02.22].



Bên cạnh đó, Nhà trường trú trọng đầu tư cải tạo hạ tầng, cảnh quan, môi trường khang trang hiện đại phục vụ tốt cho các sinh hoạt cộng đồng như: đầu tư làm đường nhựa bê tông át-phan nội bộ mặt cắt ngang 9m, có vỉa hè 2 bên 6m trồng cây xanh, cải tạo khuôn viên vườn hoa, trồng cây xanh, làm đường vào khu tập thể cán bộ giảng viên... được thực hiện từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, nguồn quỹ phát triển sự nghiệp và một phần từ xã hội hóa [H7.07.02.23].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.***

Nhà trường giao cho phòng Quản trị thiết bị là đầu mối trong việc lập kế hoạch đầu tư, nâng cấp trang thiết bị và tổ chức thực hiện việc đầu tư, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị tin học và bảo trì hệ thống; Trung tâm KHCN - Truyền thông và Thư viện tổ chức quản lý và khai thác sử dụng hiệu quả hệ thống website, được quy định theo chức năng, nhiệm vụ các đơn vị tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường [H7.07.03.01].

Hàng năm, Nhà trường dựa trên báo cáo kiểm kê, đánh giá lại tài sản và đề xuất nhu cầu về trang thiết bị công nghệ thông tin của các đơn vị để tổng hợp trình Bộ GD&ĐT phê duyệt; đối với các thiết bị phải tiến hành mua sắm tập trung, trình hiệu trưởng phê duyệt đối với việc trang bị từ nguồn chi thường xuyên, chi từ quỹ phát triển và lập kế hoạch và dự toán đầu tư nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng thông tin, mua sắm, sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất trang thiết bị [H7.07.03.02]. Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, phòng Quản trị thiết bị tham mưu xây dựng kế hoạch công tác năm học để triển khai thực hiện đáp ứng nhu cầu quản lý điều hành, phục vụ đào tạo và NCKH [H7.07.03.03].

Hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được nhà trường thiết lập, cụ thể: Có 02 phòng thực hành tin học gồm 65 máy, được kết nối internet cáp quang FTTH, có 02 phòng thực hành ngoại ngữ có 88 cabin riêng biệt cho từng học viên học tiếng và 01 máy chủ cho giáo viên được đầu tư đạt chuẩn từ dự án ADB. Ngoài ra, hệ thống máy tính, máy

in, photocopy được trang bị đầy đủ, đúng định mức đáp ứng nhu cầu làm việc và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên. Các phòng học lý thuyết đều có trang bị hệ thống loa, máy chiếu. Các phòng họp được trang bị hệ thống âm ly, loa, mic không dây dùng để hội họp và hội thảo [H7.07.03.04]. Hệ thống mạng Lan nội bộ được trang bị đầy đủ đến từng máy tính, hệ thống bảo mật được đầu tư đảm bảo hệ thống hoạt động tốt qua việc cài đặt các phần mềm bản quyền BKAV cho các máy quản lý và điều hành, quyền truy cập được sử dụng gói cáp quang FTTH tốc độ cao, có 01 trang website www.dhsptdtthanoi.edu.vn. Ngoài ra để tăng hiệu quả của mạng Lan (nội bộ) nhà trường ký hợp đồng thuê Server; thuê hosting cung cấp không gian lưu trữ cho website vận hành. Việc đầu tư nâng cấp, bảo trì được thực hiện theo kế hoạch để bổ sung hệ thống máy tính, máy chiếu, hạ tầng mạng, nâng cao khả năng truy cập đáp ứng tốt nhu cầu học tập và làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên; máy in, máy photocopy (dùng chung) và các máy móc thiết bị khác đủ đáp ứng nhu cầu học tập [H7.07.03.05]. Các phần mềm ứng dụng, các dịch vụ thuộc lĩnh vực CNTT được thiết lập vận hành nâng cao hiệu quả trong phục vụ đào tạo như: Phần mềm quản lý đào tạo; phần mềm quản lý cán bộ; phần mềm quản lý văn bản Version; phần mềm kế toán MISA... [H7.07.03.06].

Hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được rà soát đánh giá thông qua bảng tần suất sử dụng phòng máy, phòng tin học; thông qua báo cáo công tác kiểm kê hàng năm, từ đó có kế hoạch sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, khai thác hiệu quả... [H7.07.03.07]. Ngoài ra, để khai thác có hiệu quả hệ thống nhà trường ban hành các nội quy, quy định... để nâng cao hiệu quả quản lý [H7.07.03.08].

Việc đánh giá hiệu quả đánh giá hiệu quả sử dụng được lấy ý kiến phản hồi từ người học hàng năm làm cơ sở đầu tư tổng thể toàn bộ hệ thống giai đoạn tiếp theo [H7.07.03.09]. Theo đó, với mức độ đáp ứng bình thường khoảng 25%, chưa tốt khoảng 7-8%, nhà trường đã từng bước tiếp tục việc đầu tư, cải tiến, nâng cấp hệ thống, đó là: Nâng cấp tốc độ đường truyền từ ADSL download, upload: 0,8 Mbps sang FTTH download, upload: 45 Mbps; Nâng cấp từ 3 đường truyền lên 6 đường truyền internet FTTH vào năm 2018, trong đó có 01 gói internet miễn phí của Viettel lắp phục vụ cho thư viện [H7.07.03.10], cùng với việc đưa vào sử dụng nhà điều hành 9 tầng, nhà trường đã lắp đặt hệ thống mạng Lan đảm bảo kết nối internet thông suốt cho việc quản lý, điều hành của các phòng, khoa, trung tâm [H7.07.03.11]. Hệ thống

bảo mật được nâng cấp lên bảo mật cao năm 2016 [H7.07.03.12]. Kết quả cải tiến hạ tầng và dịch vụ công nghệ thông tin được mô tả qua bảng sau:

**Bảng 7.2.3. Kết quả cải tiến hạ tầng và công nghệ thông tin của Trường**

<b>T T</b>	<b>Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT</b>	<b>Năm học 2014 - 2015</b>	<b>Năm học 2015 - 2016</b>	<b>Năm học 2016-2017</b>	<b>Năm 2017-2019</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Về trang web site: <a href="http://dhsptd.tthanoi.edu.vn/">http://dhsptd.tthanoi.edu.vn/</a>  Về máy chủ của nhà trường và hệ thống bảo mật.	Sử dụng giao thức TLS 1.1  Sử dụng dịch vụ thuê Server (dữ liệu được bảo vệ chuyên nghiệp)	Sử dụng giao thức TLS 1.1  Sử dụng dịch vụ thuê Server (dữ liệu được bảo vệ chuyên nghiệp)	Sử dụng giao thức TLS 1.2, tăng tính bảo mật và tốc độ duyệt web.  Sử dụng dịch vụ thuê hosting: Hỗ trợ đầy đủ các dịch vụ; dễ dàng quản lý website; Bảo mật cao	Sử dụng giao thức TLS 1.2, tăng tính bảo mật và tốc độ duyệt web.  Sử dụng dịch vụ thuê hosting: Hỗ trợ đầy đủ các dịch vụ; dễ dàng quản lý website; Bảo mật cao	
2	1. Phòng thực hành máy tính của nhà trường.  2. Hệ thống máy văn phòng, loa máy học tập và hội thảo.	05 phòng (145 máy tính các loại)  65 máy văn phòng. Máy chiếu: 12 bộ; 01 phòng	04 phòng: 02 tin học; 02 phòng Lap học ngoại ngữ trang bị hiện đại  68 máy văn phòng. Máy chiếu: 12 bộ; 01 phòng Hội thảo	04 phòng: 02 tin học; 02 phòng Lap học ngoại ngữ trang bị hiện đại.  65 máy văn phòng. Máy chiếu: 12 bộ; 01 phòng Hội thảo	04 phòng: 02 tin học 64 máy tính trang bị hiện đại; 02 phòng Lap học ngoại ngữ 88 cabin.  65 máy văn phòng. Máy chiếu:	Tổng có 04 phòng với 152 máy (gồm máy vi tính và cabin học ngoại ngữ) 65 máy

T T	Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016-2017	Năm 2017-2019	Ghi chú
		Hội thảo			12 bộ; 01 phòng Hội thảo	văn phòng. Máy chiếu: 12 bộ; 02 phòng Hội thảo
3	1. Hệ thống mạng internet (nội bộ) của nhà trường. 01 hệ thống wifi miễn phí phủ sóng toàn trường; 01 mạng internet miễn phí	01 hệ thống ADSI download, và upload: 0,8 Mbps	03 đường truyền FTTH download, và upload: 45 Mbps	04 đường truyền FTTH download, và upload: 45 Mbps	06 đường truyền FTTH download, và upload: 45 Mbps.  Kết hợp với VNPT lắp wifi tốc độ cao miễn phí 24/24 toàn trường	Tổng có 06 đường truyền FTTH, phân bố đến các khu vực trong trường.  Hệ thống wifi tốc độ cao miễn phí 24/24 toàn trường
4	Quyền truy cập			-Tài khoản website www.moet.g	Tài khoản website www.moet.	

T T	Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016-2017	Năm 2017-2019	Ghi chú
				ov.vn của Bộ GD&ĐT đối với CB, GV	gov.vn của Bộ GD&ĐT đối với CBGV -Trang Fanpage đối với SV, học viên tên miền trên nền facebook	
5	1. website và các phần mềm quản lý 1. Hệ thống dự phòng	01 website: <a href="http://dhsptdtthanoi.edu.vn">http://dhsptdtthanoi.edu.vn</a> . 01.Phần mềm kế toán 01.Phần mềm quản lý Đào tạo. 01.Phần mềm quản lý Thư viện	01 website: <a href="http://dhsptdttthanoi.edu.vn">http://dhsptdttthanoi.edu.vn</a> . 01.Phần mềm kế toán 01.Phần mềm quản lý Đào tạo	01 website: <a href="http://dhsptdtthanoi.edu.vn">http://dhsptdtthanoi.edu.vn</a> . 01.Phần mềm kế toán 01.Phần mềm quản lý Đào tạo	01 website: <a href="http://dhsptdtthanoi.edu.vn">http://dhsptdtthanoi.edu.vn</a> . 01.Phần mềm kế toán 01.Phần mềm quản lý Đào tạo	

Hệ thống hạ tầng và công nghệ thông tin ngoài việc đầu tư kinh phí để cải tiến đã phối hợp với VNPT lắp wifi tốc độ cao miễn phí 24/24 phủ sóng toàn trường, do vậy phục vụ tốt quản lý điều hành, phục vụ đào tạo, NCKH và các lợi ích cộng đồng thông qua lượng truy cập <http://dhsptdttthanoi.edu.vn> và hồ sơ lắp đặt hệ thống wifi miễn phí của VNPT có thống kê lượng truy cập để đánh giá chất lượng dịch vụ [H7.07.03.13].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học thuật như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành***

Tru chi 7.4. Hệ thống lập kế hoạch có chủ trương đầu tư phát triển các nguồn lực học tập để đáp ứng các nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Theo quy chơng đầu tư phát triển các nguồn lực học tập để đáp ứng các nhu cầu đào tạo, NCKH và phục ệm vụ tổ chức, quản lý nguồn học liệu gồm giáo trình, tài liệu tham khảo; phòng Quản trị thiết bị có chức năng tổ chức, quản lý các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến [H7.07.04.01]. Nhà trư.01ong đầu tư phát triển các nguồn lực học tập để ng quy định, trong đó thư viện là đơn vị trực thộc Trung tâm KHCN - Truyền thông và Thư viện [H7.07.04.02].

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch và dự toán mua sắm CSVC, trang thiết bị phục vụ công tác học tập và giảng dạy [H7.07.04.03].

VH7.07.04.03 chất, thiết bị và hạ tầng thông tin được trang bị đồng bộ. Hệ thống các phòng được kết nối liên hoàn, được phủ sóng wifi khắp khuôn viên nhà trường theo bản vẽ thi công wifi miễn phí Vinaphone [H7.07.04.04].

Thư viện nhà trường được xây dựng khang trang, sạch đẹp, diện tích 1150 m<sup>2</sup> được bố trí 150 chỗ ngồi đảm bảo tỷ lệ 2,5m<sup>2</sup>/chỗ ngồi đọc, được trang bị hiện đại, có đủ hệ thống ánh sáng, các thiết bị làm mát, có kho sách và hệ thống giá sách theo quy định. Ngoài ra, thư viện còn có sảnh lớn trang bị giá, tủ trưng bày giới thiệu sách, báo, tủ mục lục tra cứu tài liệu, 01 phòng đọc cho công tác nghiên cứu, 01 phòng làm việc cho cán bộ thư viện được trang bị máy tính và hệ thống internet riêng biệt [H7.07.04.05]. Thư viện hiện có 1766 đầu sách phục vụ cho cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trường [H7.07.04.06], trong đó sách in là 1.135 đho cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trườngiết bị làm mát, có kho sách và hệ thống giá sách theo quy định. Ngoài ra, thư viện còn có sảnh lớn trang bị giá, tủ trưng bày gi

Hàng năm, thư viãm đều làm điãm, ách in là 1.135 đho cán bộ, giảng viên, sinh viên nh dự trù cho kinh phí để trang bị cho nguồn học liệu nhà trường được đảm bảo và cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH [H7.07.04.07]. Căn cứ vào hãn cứ vào hiết bị hỗ trợ cho các hoạt động đ hàng năm, Trung tâm KHCN - Truyền thông và Thư viện mua thêm sách, báo, bổ sung nguồn tài

liệu phục vụ cho việc học tập, NCKH của cán bộ phục vụ cho v và sinh viên trong trường [H7.07.04.08]. Thư viện quản lý, theo dõi mượn, trả sách của sinh viên và cán bộ giảng viên nhà trường thông qua hệ thống sổ sách [H7.07.04.09].

Hệ thống thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH khác: Nhà trường có 02 phòng thực hành tin học gồm 65 máy vi tính được kết nối internet, 02 phòng thực hành ngoại ngữ trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, có cabin riêng và 01 máy chủ cho giáo viên. Ngoài ra, hệ thống máy tính, máy in, photocopy được trang bị đầy đủ, đúng định mức đáp ứng nhu cầu làm việc và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên. Hệ thống phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ: bộ xương người thật, các loại mô hình xương, cơ, nội tạng người, các thiết bị như đèn chiếu, kính hiển vi, các máy đo chỉ số huyết áp, tim mạch. máy đo lực tay, chân, máy chụp X quang phục vụ cho việc nghiên cứu trong luyện tập và ứng dụng thể dục thể thao; phòng tập đa năng được trang bị xe đạp điện tử, máy tập, máy chạy bộ, ...cho sinh viên luyện tập thể lực. Có 01 hội trường 300 chỗ, 03 phòng họp và hội thảo từ 40-60 chỗ, hệ thống phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu và khu làm việc phòng, khoa được trang bị máy chiếu; nối mạng Internet; các phương tiện nghe nhìn, điều hòa nhiệt độ, các thiết bị nội thất hiện đại đảm bảo chất lượng phục vụ điều hành, hội thảo và nghiên cứu khoa học.... [H7.07.04.10].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến SV về nguồn học liệu ở thư viện có đáp ứng nhu cầu tra cứu, học tập và NCKH cũng như lịch hoạt động của thư viện. Qua báo cáo tổng kết công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác phục vụ đào tạo, nhà trường có những điều chỉnh trong hoạt động hỗ trợ người học tốt hơn [H7.07.04.11].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.***

Về công tác giữ gìn môi trường, sức khỏe, sự an toàn và các nhu cầu tiếp cận của các cá nhân; Nhà trường có sự phân công chức năng, trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường [H7.07.05.01]. Trong đó, trạm y tế trường là đơn vị chịu trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường; trạm y tế nhà trường được thành lập ngày năm 2005 [H7.07.05.02].

Để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, sự an toàn, nhà trường ban hành nội quy, quy định về khám chữa bệnh đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên toàn trường **[H7.07.05.03]**.

Hàng năm, Trạm y tế xây dựng kế hoạch công tác chăm sóc sức khỏe, y tế cộng đồng, vệ sinh an toàn thực phẩm, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ y tế đảm bảo công tác khám sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên nhà trường theo quy định **[H7.07.05.04]**.

Công tác phòng cháy chữa cháy có sự phối hợp giữa các đơn vị: phòng Quản trị thiết bị, phòng Kế hoạch tài chính, phòng Tổ chức cán bộ và ban phòng chống thiên tai. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch phòng cháy chữa cháy và tổ chức tập huấn đến các cán bộ, GV và SV toàn trường về công tác phòng cháy chữa cháy **[H7.07.05.05]**.

Về công tác môi trường: nhà trường xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường **[H7.07.05.06]**, thuê công ty môi trường để vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt của nhà trường **[H7.07.05.07]**. Để đảm bảo môi trường làm việc và học tập, hàng năm Trạm y tế xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống bệnh sốt xuất huyết và kế hoạch phun hóa chất diệt côn trùng phòng bệnh trong nhà trường **[H7.07.05.08]**.

Công tác bảo vệ trật tự an ninh trong nhà trường: Công tác này do phòng Quản trị thiết bị tổ chức và thực hiện, hàng năm phòng Quản trị thiết bị đều xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai theo kế hoạch **[H7.07.05.09]**.

Công tác sức khỏe, y tế cộng đồng, tham gia bảo hiểm y tế: Căn cứ kế hoạch hàng năm, Trạm y tế chịu trách nhiệm thông báo, lựa chọn đơn vị và ký hợp đồng khám sức khỏe cho toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên trong toàn trường **[H7.07.05.10]**; 100% sinh viên Nhà trường tham gia bảo hiểm y tế **[H7.07.05.11]**.

Để đảm bảo công tác khám sức khỏe trong trường, hàng năm nhà trường đều trích nguồn kinh phí để bổ sung đầy đủ và kịp thời trang thiết bị cho Trạm y tế **[H7.07.05.12]**.

Chất lượng các đợt khám sức khỏe định kỳ ngày càng nâng cao. Số lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên và SV được khám sức khỏe được thể hiện theo bảng 7.5.1.



**Bảng 7.5.1. Số lượng CB, SV khám sức khỏe định kỳ**

<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2015 (người)</b>	<b>Năm 2016 (người)</b>	<b>Năm 2017 (người)</b>	<b>Năm 2018 (người)</b>	<b>Năm 2019 (người)</b>
Số CBNV	0	254	248	185	184
Số SV	702	604	351	172	210

Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo theo dõi kết quả khám sức khỏe tổng quát cho toàn bộ cán bộ, giảng viên, nhân viên cũng như tổ chức nhiều hoạt động khám, tư vấn sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, nhân viên [H7.07.05.13]; báo cáo công tác vệ sinh y tế học đường [H7.07.05.14].

Các hoạt động chăm sóc sức khỏe, công tác môi trường, sự an toàn cũng được tổng kết trong báo cáo năm học của Nhà trường [H7.07.05.15].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Quy trình quản lý tài chính của nhà trường rõ ràng, thống nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật và đáp ứng mục tiêu phát triển của nhà trường.

- Đảm bảo các hoạt động phục vụ hỗ trợ cho giảng dạy và học tập: phòng học, môi trường học tập, trang thiết bị học tập, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, an toàn, chăm sóc sức khỏe.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Kinh phí hạn hẹp, việc đầu tư và sử dụng nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ chưa thực sự hiệu quả.

- Một số công trình xây dựng xuống cấp cần được cải tạo, nâng cấp; chưa đầu tư được nhiều KTX có chất lượng cao.

**3. Kế hoạch cải tiến**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn	Tăng cường nguồn kinh phí để đầu tư cho công tác đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ bằng nhiều hình	Phòng Kế hoạch tài chính	Từ 2020	

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
	tại 1	thức: dịch vụ, liên kết, ...			
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng kế hoạch ưu tiên việc sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy, học tập. Có kế hoạch cải tạo KTX thành phòng ở chất lượng cao.	Phòng Quản trị thiết bị	Từ 2020	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Quy trình quản lý tài chính của nhà trường rõ ràng, thống nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật và đáp ứng mục tiêu phát triển của nhà trường.	Phòng KHTC	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Đảm bảo các hoạt động phục vụ hỗ trợ cho giảng dạy và học tập: phòng học, môi trường học tập, trang thiết bị học tập, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, an toàn, chăm sóc sức khỏe.	Trạm y tế	Đề nghị bổ sung	

#### **4. Mức đánh giá**

<i>Tiêu chuẩn /tiêu chí</i>	<i>Tự đánh giá</i>
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 7.1	4
Tiêu chí 7.2	4
Tiêu chí 7.3	4
Tiêu chí 7.4	4

## TIÊU CHUẨN 8. CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

*Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu thế hội nhập quốc tế của quốc gia nói chung và trong giáo dục nói riêng, hoạt động đối ngoại là một trong những nhiệm vụ chiến lược của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, thể hiện rõ trong chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2015-2020 [H8.08.01.01]. Trên cơ sở chiến lược phát triển, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và nhiệm vụ của hoạt động hợp tác đối ngoại trong Kế hoạch thực hiện chiến lược để theo dõi, triển khai và giám sát các hoạt động quan hệ đối ngoại của Trường. Đây là căn cứ định hướng cho các hoạt động quan hệ đối ngoại của Trường [H8.08.01.02].

Hiện nay, trong cơ cấu tổ chức của Trường, Trung tâm Y học vận động và Hợp tác quốc tế là đơn vị đầu mối phụ trách với tiền thân là Phòng HTQT được thành lập từ năm 2013. Trung tâm có chức năng quản lý tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác quan hệ và hợp tác của trường với các tổ chức, đơn vị và cá nhân nước ngoài. Trung tâm có nhiệm vụ xây dựng và đề xuất kế hoạch công tác Hợp tác quốc tế của Nhà trường trong Kế hoạch hàng năm của trường; bao gồm công tác xây dựng và quản lý các dự án quốc tế, triển khai các ký kết hợp tác, biên bản ghi nhớ hợp tác và theo dõi, báo cáo định kỳ về tình hình HTQT [H8.08.01.03], [H8.08.01.04]. Bên cạnh đó, Phòng HTQT còn chịu trách nhiệm về việc triển khai các chương trình trao đổi nâng cao trình độ chuyên môn cho các Giảng viên của Nhà trường đi học nước ngoài [H8.08.01.05], [H8.08.01.06]. Bên cạnh đó, Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên có trách nhiệm khai thác các mối quan hệ với DN, CSGD nhằm hỗ trợ việc làm, thực hành, thực tập cho sinh viên Nhà trường [H8.08.01.07], [H8.08.01.08].

Hoạt động hợp tác quốc tế, được triển khai dựa theo Quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế trong đó quy định rõ trách nhiệm quản lý, theo dõi và báo cáo đối với các hoạt động cụ thể trong công tác HTQT cũng như phân quyền cho các Phòng, Khoa, Trung tâm khi triển khai các công tác HTQT mà họ làm đầu mối [H8.08.01.09]. Bên cạnh đó, công tác quản lý người nước ngoài đến học tập tại trường được quy định trong Quy chế về quản lý người nước ngoài học tập tại trường [H8.08.01.10]. Nhà trường đã đăng tải Quy định về hoạt động HTQT trên website của Trường và Phòng

HTQT, có yêu cầu các phòng, ban, khoa, trung tâm, viện trực thuộc thông báo đến toàn thể GV, CBNV biết và thực hiện [H8.08.01.11].

Trên cơ sở kế hoạch và quy định của Nhà nước, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội chủ động liên hệ với các đối tác quốc tế nhằm phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, sẵn sàng và nhanh chóng xúc tiến các thủ tục để ký kết với các đối tác trong nước và quốc tế liên hệ với Trường như: Cao đẳng thể thao Quảng Tây- Trung Quốc, Học viện thể thao Vũ Hán- Trung Quốc, Học viện thể thao Thượng Hải, Cao đẳng giáo dục thể chất cộng hòa dân chủ nhân dân Lào... Đã tổ chức giáo dục và nghiên cứu với Trung quốc, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, cũng đã triển khai ký kết với một số doanh nghiệp và các trường đại học để triển khai các vấn đề liên quan đến chương trình học, tiếp nhận thực tập....[H8.08.01.12], [H8.08.01.13]. Hàng năm, công tác HTQT được tổng hợp và báo cáo định kỳ cũng như lập kế hoạch, phương hướng cụ thể cho năm sau và phổ biến đến toàn trường tại báo cáo tổng kết năm học [H8.08.01.14].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.***

Thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hàng năm, từ năm 2015 đến nay, Nhà trường đã ký kết gần 20 biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, bao gồm các trường đại học, học viện, các công ty, DN và các tổ chức với nội dung hợp tác đa dạng về đào tạo, nghiên cứu, giao lưu văn hóa thể thao và trao đổi sinh viên, giảng viên...[H8.08.02.01]. Nhà trường có triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại và thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trên cơ sở xây dựng, ban hành các quy định, chính sách về quản lý hoạt động hợp tác đối ngoại và xây dựng định hướng kế hoạch trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường [H8.08.02.02].

Các biên bản ghi nhớ (MOU) và thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội với các đối tác đã được triển khai hiệu quả, bước đầu mang lại lợi ích cho Nhà trường với nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực như hợp tác đào tạo, trao đổi GV và SV, trao đổi học thuật, tham quan khảo sát, giao lưu thi đấu thể thao trong và ngoài nước... Nhà trường đã cử các GV sang trường Cao đẳng thể thao Quảng Tây - Trung Quốc học tập ngoại ngữ là tiền đề cho việc đi học nâng cao trình độ thạc sỹ, tiến sỹ trong giai đoạn phát triển tiếp theo [H8.08.02.03],

[H8.08.02.04]. Nhờ mạng lưới công tác HTQT của Nhà trường, nhiều GV được cấp học bổng toàn phần của chính phủ Trung Quốc và học bổng hiệp định Nhà nước cho học Thạc sĩ, Tiến sĩ tại các trường đại học đối tác như Học viện thể thao Vũ Hán - Trung Quốc, Học viện thể thao Thượng Hải - Trung Quốc, Đại học thể thao Bắc Kinh - Trung Quốc, Đại học văn hóa Trung Quốc (Đài Loan) v.v... [H8.08.02.05]. Ngược lại, nhiều GV, chuyên gia nước ngoài cũng đã đến trường giảng dạy chuyên đề cho SV, HV của Nhà trường. Từ năm 2015 đến nay có khoảng gần 10 chuyên gia, GV nước ngoài đến giảng dạy tại trường [H8.08.02.06]. Hoạt động giao lưu thi đấu văn hóa thể thao SV cũng được triển khai mạnh mẽ tại trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Thông qua nhiều chương trình hợp tác giao lưu với các đối tác trong nước và quốc tế, trong năm 2017, có 02 SV của trường đã nhận được học bổng “Một vành đai – Một con đường” của trường Đại học thể thao Bắc Kinh -Trung Quốc đi học tập hệ đào tạo đại học chính quy [H8.08.02.07]. Bên cạnh đó, với đặc thù về thể thao nhiều SV có cơ hội được đi giao lưu thi đấu quốc tế và mang lại thành tích cao cho Nhà trường và nhiều đoàn SV quốc tế đã đến thăm, giao lưu thi đấu tại trường [H8.08.02.08], [H8.08.02.09]. Năm 2018, sau nhiều năm hoạt động liên kết đào tạo với phía Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào bị gián đoạn, Nhà trường đã tiếp tục tiếp nhận lưu học sinh Lào đến trường học tập theo CTĐT đại học và sau đại học theo diện học bổng Hiệp định. Đồng thời cũng trong năm 2018, 2019 nhà trường tiếp nhận và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên GDTC Lào [H8.08.02.10].

Đối với các hoạt động hợp tác trong nước, nhận định được nhu cầu tuyển dụng rất lớn của các công ty về lĩnh vực thể thao và các nhãn hàng thể thao, Nhà trường đã tổ chức chương trình “Ngày hội việc làm” cho sinh viên toàn trường để SV có cơ hội được trải nghiệm và chuẩn bị những kỹ năng cần thiết trong thời gian học tập tại trường hoặc tìm việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp [H8.08.02.11]. Về tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật cũng rất được Nhà trường coi trọng, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội nghị và hội thảo mang tầm quốc gia trong lĩnh vực chuyên sâu của Nhà trường với sự tham dự của nhiều nhà khoa học như Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng giáo viên GDTC trong các trường phổ thông, Hội nghị Nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học, Hội thảo Định hướng xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên Giáo dục thể chất, đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 [H8.08.02.12]. Giảng viên Nhà trường cũng đã tích cực tham gia các Hội thảo,

hội nghị trong nước và quốc tế được tổ chức tại Việt Nam và quốc tế. Nhiều nhà khoa học có bài báo được công bố trên tạp chí quốc tế, Kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế [H8.08.02.13].

Để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hợp tác đối ngoại, hàng năm, hoạt động hợp tác quốc tế là một nội dung quan trọng được tổng kết, đánh giá cũng như đề xuất phương hướng nhiệm vụ trong Hội nghị tổng kết hàng năm của Nhà trường và Báo cáo hoạt động Hợp tác quốc tế. Bên cạnh đó, hoạt động hợp tác đối ngoại còn được đánh giá trên bảng chấm điểm hàng năm của Trường theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.02.14].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát***

Trong Báo cáo tổng kết hàng năm, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đều rà soát và đánh giá các hoạt động, đối với vấn đề phát sinh và những kiến nghị liên quan đến công tác đối ngoại như: Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại; các hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV, người học với đối tác trong và ngoài nước; Hoạt động NCKH với sự hợp tác của đối tác trong và ngoài nước. Trên cơ sở đánh giá, Nhà trường đề xuất các giải pháp và mục tiêu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thành các mục tiêu hàng năm cũng như mục tiêu chiến lược [H8.08.03.01]. Trong hội nghị tổng kết, căn cứ ý kiến góp ý của cán bộ, giảng viên, người lao động, nhà trường hoàn thiện báo cáo tổng kết và các nhiệm vụ cho năm tiếp theo [H8.08.03.02]. Hoạt động HTQT còn được rà soát và cập nhật kết quả rà soát thường xuyên thông qua các báo cáo tháng, quý, 6 tháng và tổng kết năm học. Nhà trường triển khai áp dụng các biện pháp đối với những ký kết hợp tác hoạt động kém hiệu quả hoặc chấm dứt với các hợp tác không hiệu quả. Các hoạt động, vấn đề phát sinh và những kiến nghị liên quan đến công tác đối ngoại được rà soát và cập nhật thường xuyên trong báo cáo tháng, quý thảo luận trực tiếp tại các cuộc họp giao ban hàng tháng [H8.08.03.03]. Trong hoạt động tổng kết và rà soát điều chỉnh chiến lược, thì hoạt động hợp tác đối ngoại cũng đã được đánh giá, tổng kết chỉ ra những thành công, hạn chế để có những chiến lược, nhiệm vụ phù hợp. Hoạt động đánh giá này có sự đóng góp ý kiến của mọi thành viên trong Trường [H8.08.03.04].

Căn cứ vào tình hình hoạt động, Trung tâm Y học vận động và Hợp tác quốc tế đã kịp thời xây dựng đề xuất lãnh đạo Nhà trường cập nhật và ban hành các quy định có liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế, như ban hành quy định quản lý lưu học sinh nước ngoài khi có các sinh viên Lào đến học tại trường, đề xuất thành lập Ban quản lý lưu học sinh để có thể quản lý và hỗ trợ lưu học sinh tốt hơn [H8.08.03.05], [H8.08.03.06]. Trong công tác cử cán bộ, GV đi học tập nâng cao trình độ theo chương trình học bổng hoặc tự túc đều phải thông báo qua phòng TCCB để phía phòng chức năng xem xét phân bổ nhân sự đi học tập cho phù hợp với thời gian công tác và hoạt động chung của Nhà trường và phòng HTQT điều chỉnh hồ sơ xin đi học của GV, trong đó phải có sự phê duyệt đồng ý của trưởng bộ môn, trưởng khoa trong đơn xin đi học [H8.08.03.07]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường thực hiện tốt công tác đối ngoại theo quy định, không có bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động đối ngoại theo quy định của pháp luật. Tập thể và cá nhân của Phòng HTQT có nhận được bằng khen, giấy khen của các cấp vì đã có thành tích trong công tác đối ngoại [H8.08.03.08].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức:4/7**

***Tiêu chuẩn 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục***

Trong giai đoạn 2015-2019, đối tác ngoại giao của Nhà trường có được tăng cường cả về số lượng, lĩnh vực hợp tác và chất lượng hợp tác ngày một nâng cao. Các văn bản hợp tác, hoạt động trao đổi sinh viên, tiếp nhận sinh viên quốc tế đều tăng. Sau nhiều năm, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, học sinh cho nước bạn Lào với mỗi năm khoảng 10 lưu học sinh Lào và 01 lớp đào tạo bồi dưỡng giáo viên. Về đối tác quốc tế, trường mở rộng hợp tác với các Trường của Ba Lan và Hàn Quốc, đồng thời tăng cường với các đối tác truyền thống từ Trung Quốc và Lào [H8.08.04.01], [H8.08.04.02]. Các hoạt động hợp tác này đều được Nhà trường công khai trên trang website chính thức của nhà trường [H8.08.04.03].

Để tăng hiệu quả công tác HTQT, Nhà trường đã triển khai cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bằng những hình thức trao đổi, liên kết... Trên cơ sở đó, số lượng chương trình thực tập và trao đổi SV tăng lên. Hàng năm, Phòng HTQT có đối sánh mục tiêu của Nhà trường đạt được trong công tác HTQT của năm học so với năm học trước để có biện pháp cải tiến kịp thời. Với sự nỗ lực không ngừng của trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội trong việc phát triển các

mạng lưới hợp tác, số lượng kí kết của Nhà trường với các đối tác trong nước và ngoài nước đã tăng dần trong những năm gần đây. Số lượng đoàn ra, đoàn vào cũng duy trì ở mức ổn định [H8.08.04.04] cũng thể hiện được những nỗ lực và thành quả của Nhà trường trong công tác phát triển mở rộng mạng lưới hợp tác cũng như cải thiện các mối quan hệ với các đối tác, đặc biệt là những đối tác trọng tâm. Trường thường xuyên có thư thăm hỏi các trường đối tác để gắn chặt hơn nữa quan hệ giữa các trường với nhau từ đó nâng cao hiệu quả hợp tác [H8.08.04.05].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức:4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Nhà trường có chiến lược và chính sách phát triển hoạt động quan hệ đối ngoại rõ ràng, đồng thời có quy chế, quy định về các hoạt động đối ngoại. Nhà trường có mạng lưới quan hệ hợp tác khá mạnh và ổn định cả trong nước và quốc tế. Nhiều biên bản ghi nhớ, kí kết hợp tác được triển khai hiệu quả.

Công tác hợp tác đối ngoại thường xuyên được rà soát và không có vi phạm nào trong quá trình xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Nhà trường chưa có được dự án, công trình khoa học liên kết quốc tế mang lại lợi ích cho Trường, chưa tổ chức hoặc đồng tổ chức được hội thảo, hội nghị quốc tế nào tại trường.

**3. Kế hoạch cải tiến**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thảo khoa học quốc tế tại trường	Trung tâm YHVD & HTQT; Trung tâm KHCN & TV	Năm 2020	



<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên tổ chức rà soát và cập nhật, điều chỉnh các Quy chế, Quy định, mạng lưới hợp tác trong công tác đối ngoại.	Trung tâm YHVD & HTQT	Hàng năm	

#### **4. Mức đánh giá**

<i>Tiêu chuẩn /tiêu chí</i>	<i>Tỷ đánh giá</i>
<b>Tiêu chuẩn 8</b>	<b>4,5</b>
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 8.4	4

#### **TIÊU CHU 8.4tiêu chíTrà soát và cập nhật, điều chỉnh**

**Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.**

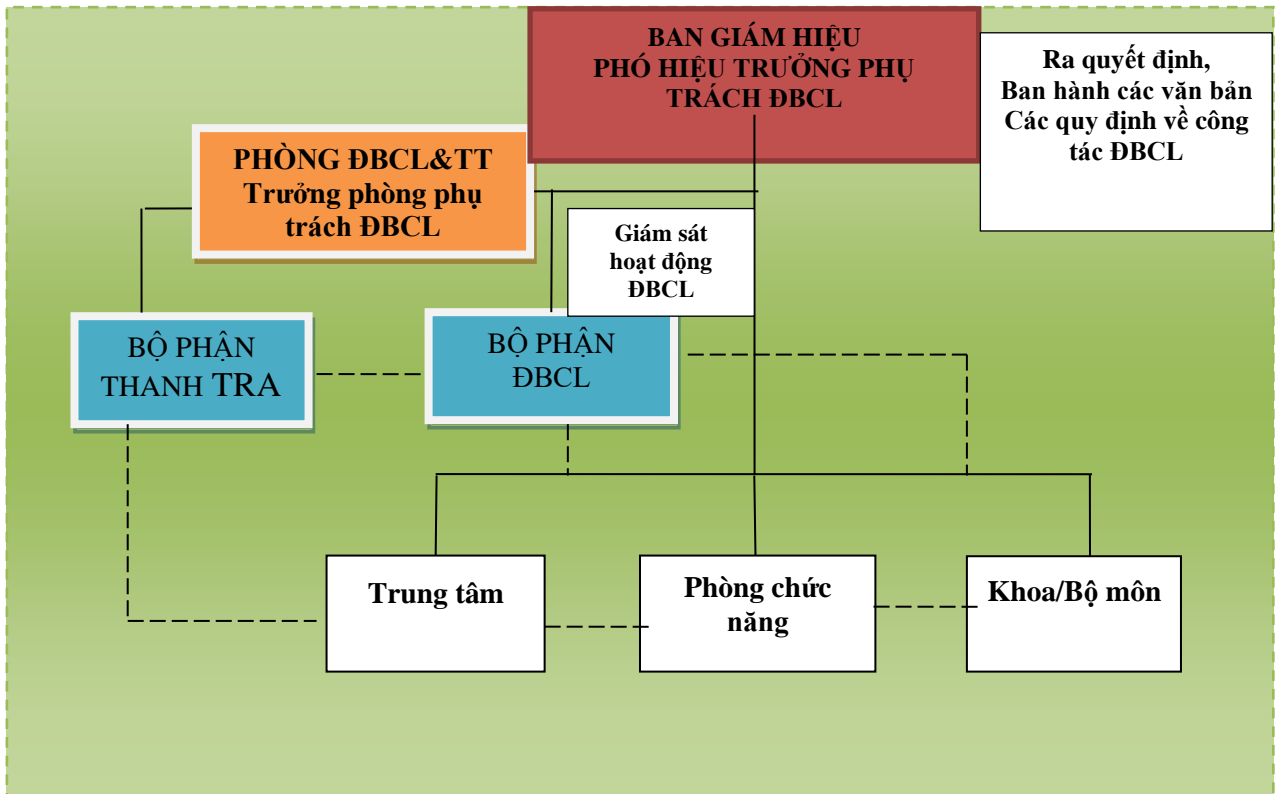
Hệ thống ĐBCL bên trong là nhân tố quyết định cho thành công của công tác ĐBCL trong trường. Mọi hoạt động ĐBCL trong trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đều được thực hiện dựa trên sự hỗ trợ của hệ thống ĐBCL bên trong. Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ của trường được thiết kế, xây dựng, và phát triển nhằm hướng đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động của nhà trường như hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trường có bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL là phòng ĐBCL&TT mà tiền thân là Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng, được thành lập vào tháng 7 năm 2008. Qua nhiều lần đổi tên cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ, ngày 09/6/2018 Hiệu trưởng ký Quyết định số 258/QĐ-ĐHSPTĐTTN đổi tên Phòng ĐBCL&TT,

sáp nhập bộ phận Thanh tra về phòng [H9.09.01.01]. Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, hàng năm phòng ĐBCL&TT đều có bản phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong phòng [H9.09.01.02]. Nhà trường đã cử 10 cán bộ, viên chức tham gia lớp tập huấn về công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục. Hiện nay, nhà trường có 02 cán bộ viên chức được cấp chứng chỉ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục, trong đó 01 đồng chí phó hiệu trưởng phụ trách công tác ĐBCL. Ngoài ra các đồng chí chuyên viên trong phòng ĐBCL&TT thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn về công tác ĐBCL, được cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ và có đủ năng lực để triển khai các hoạt động ĐBCL trong trường [H9.09.01.03]. Để triển khai hoạt động tự đánh giá đến các tổ chức, đơn vị, cá nhân trong toàn trường, nhà trường đã mời chuyên gia về kiểm định chất lượng giáo dục tập huấn công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục cho toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên của nhà trường [H9.09.01.04].

Hệ thống ĐBCL của trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng bên trong của nhà trường. Hệ thống đó được cấu trúc chặt chẽ, đảm bảo sự vận hành thống nhất từ cấp chỉ đạo là Ban Giám hiệu tới đơn vị cấu tạo nhỏ nhất là các bộ môn.

Nhà trường chưa thành lập Hội đồng ĐBCL giáo dục, tuy nhiên có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ chế thực hiện, phối hợp giữa Phòng ĐBCL&TT với các đơn vị trực thuộc trong việc triển khai công tác ĐBCL. Hàng năm, phòng ĐBCL&TT là đơn vị tham mưu xây dựng kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường, văn bản về công tác ĐBCL sau khi được ban hành được triển khai đến các đơn vị thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu năm [H9.09.01.05]. Căn cứ vào kế hoạch đặt ra, cuối mỗi học kỳ và cuối năm học hoạt động này được đánh giá thông qua sơ kết cuối kỳ và tổng kết cuối năm học. Trong quá trình triển khai Phòng ĐBCL&TT theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch ĐBCL của các đơn vị. Các đơn vị trong trường nếu có khó khăn phản hồi đến phòng ĐBCL&TT để xin ý kiến chỉ đạo trực tiếp đồng chí phó hiệu trưởng. Tổ chức hoạt động ĐBCL của nhà trường được thể hiện ở sơ đồ vận hành tổ chức hoạt động ĐBCL (Sơ đồ 9.1.1).



*Sơ đồ sát việc thực hiện kế hoạch ĐBCL của cá*

Đơ đ sát việc thực hiện kế hoạch ĐBCL của các đơn vị. Các đơn vị tronđơ đ sát việc thực hiện kế hoạch **[H9.09.01.06]**.

Công tác ĐBCL bên trong luôn đưđ Trug tác ĐBCL bên trong luôn đưđ xác đác ĐBCL bên trong luôn đưđ ĐBCL của các đơn vị. Các đơn vị trong trường nếu có khó khăn phản hồi đến phòng ĐBCL&TT để xin ý ki

+ Nhằm đánh giá, đo lường, kiểm soát chất lượng toàn diện và trên cơ sở đó đảmbảo và nâng cao chất lượng của nhà trường.

+ Sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định của các tổ chức, cơ quan KĐCL bên ngoài (trong và ngoài nước) như Bộ GD&ĐT.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.**

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội xác định 6 mục tiêu chiến lược cơ bản cần thực hiện trong chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2020: Chiến lược phát triển về đào tạo chiến lược phát triển NCKH; chiến lược về hợp tác quốc tế; chiến lược

về ĐBCL; chiến lược về phát triển nguồn nhân lực; chiến lược phát triển cơ sở vật chất tài chính **[H9.09.02.01]**.

Căn cứ vào chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2020, phòng ĐBCL&TT tham mưu xây dựng kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng giai đoạn 2015-2020 **[H9.09.02.02]**, đây là cơ sở để xây dựng kế hoạch ĐBCL theo từng năm học. Trong kế hoạch chiến lược ĐBCL giai đoạn 2015 - 2020 đã đánh giá thực trạng về công tác ĐBCL của nhà trường từ năm 2008 đến năm 2014 và xây dựng kế hoạch giai đoạn 2015-2020. Kế hoạch thể hiện chính sách chất lượng, nhiệm vụ trọng tâm, các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn về công tác ĐBCL; sự tham gia của các bên liên quan và tập huấn nâng cao năng lực ĐBCL cho đội ngũ cán bộ chuyên trách. Năm 2018, để hướng dẫn cụ thể cho công tác ĐBCL đến các đơn vị trong trường, nhà trường ban hành sổ tay đảm bảo chất lượng là tài liệu mô tả hệ thống quản lý chất lượng của trường và cách thức mà nhà trường đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn để được chứng nhận là phù hợp với các tiêu chuẩn kiểm định **[H9.09.02.03]**.

Trên cơ sở của chiến lược ĐBCL các giai đoạn, hàng năm phòng ĐBCL&TT tham mưu cho Ban Giám hiệu xây dựng kế hoạch ĐBCL theo năm học **[H9.09.02.04]**. Kế hoạch ĐBCL hàng năm tập trung vào những nội dung tổ chức và quản lý; công tác đào tạo; công tác khảo thí; điều tra khảo sát; công tác ĐBCL; công tác thanh tra; hợp tác quốc tế; nghiên cứu khoa học; cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm. Trong đó, tập trung ưu tiên tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ĐBCL cho cán bộ giảng viên. Tổ chức các hội nghị/hội thảo, các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về công tác ĐBCL cho tất cả viên chức, người lao động, sỹ quan và sinh viên trong toàn trường **[H9.09.02.05]**. Các khóa học có nội dung liên quan tới nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn; xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong; tham gia viết báo cáo tự đánh giá phục vụ cho công tác kiểm định trường.

Hàng năm, nhà trường dành kinh phí chi cho hoạt động ĐBCL bên trong, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác ĐBCL. Từ năm 2015 đến năm 2019 nhà trường đã cử viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng về công tác ĐBCL ở trong nước. Số lượng cán bộ, viên chức được cử đi tập huấn nâng cao năng lực về công tác ĐBCL được thể hiện qua bảng thống kê 9.1.1.

**Bảng 9.1.1. Thống kê các đợt tập huấn tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ về công tác ĐBCL từ năm 2015 đến năm 2019**

<b>Tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ</b>	<b>Số đợt</b>	<b>Số lượt người tham dự</b>	<b>Ghi chú</b>
Tập huấn ngoài trường	5	13	- Đào tạo Kiểm định viên: 2 người - Có chứng chỉ kiểm định viên: 2 người
Tập huấn trong trường	5	1.290	
<b>Tổng cộng:</b>	<b>10</b>	1.303	

Các chính sách ưu tiên cho hoạt động ĐBCL giáo dục tại trường được thể hiện trong các nguồn kinh phí về đào tạo bồi dưỡng đội ngũ làm công tác ĐBCL. Trong quá trình triển khai thực hiện công tác ĐBCL, nhà trường phân công, giao trách nhiệm cho các đơn vị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, điều này thể hiện rõ trong các kế hoạch thực hiện ĐBCL hàng năm, các thông báo kết luận tại cuộc họp giao ban tháng, trong các quy định, quy trình thực hiện của nhà trường.

Để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL, nhà trường có ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để làm cơ sở thực hiện việc cải tiến chất lượng. Phòng ĐBCL&TT chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động thuộc các lĩnh vực đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng nhằm từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng. Cụ thể phòng ĐBCL&TT đã phối hợp với các đơn vị để triển khai lấy ý kiến khảo sát của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, công tác phục vụ đào tạo, đo lường mức độ hài lòng của dịch vụ giáo công [H9.09.02.06]. Phòng ĐBCL&TT chịu trách nhiệm tổng hợp, xây dựng báo cáo lấy ý kiến phản hồi của người học để triển khai đánh giá định kỳ hàng năm đối với các bên liên quan. Việc xử lý báo cáo kết quả phản hồi từ người học cụ thể với kết quả của từng loại khảo sát từ đó Nhà trường thực hiện cải tiến chất lượng qua các lần lấy ý kiến phản hồi để có biện pháp nâng cao chất lượng của Nhà trường. Đồng thời trong quá trình xử lý kết quả đã chú ý đến độ tin cậy của thông tin phản hồi.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.***

Trên cơ sở Nghị quyết Đảng ủy, chiến lược định hướng phát triển trường giai đoạn 2015-2020 và kế hoạch thực hiện chiến lược giai đoạn 2015-2020 [H9.09.03.01], Nhà trường ban hành kế hoạch chiến lược ĐBCL giai đoạn 2015-2020 vào tháng 2 năm 2015 [H9.09.03.02] được phổ biến đến các đơn vị thông qua cuộc họp giao ban tháng 2 năm 2015. Căn cứ kế hoạch chiến lược đó nhà trường xây dựng kế hoạch ĐBCL theo từng năm học [H9.09.03.03] và được phổ biến đến toàn thể CB, VC, NLD thông qua đợt học tập chính trị đầu năm [H9.09.03.04]. Ngoài ra, các kế hoạch ĐBCL từng giai đoạn và kế hoạch ngắn hạn hàng năm còn được công bố rộng rãi đến toàn thể VC, NLD trong trường thông qua website của trường. Trên cơ sở đó, các đơn vị trong trường xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm học của đơn vị cá nhân/bộ phận, chịu trách nhiệm/phối hợp và kết quả đạt được là gì và được chi tiết hoá trong báo cáo công tác tháng của các đơn vị và phòng HCTH tổng hợp thành báo cáo giao ban tháng [H9.09.03.05].

Để triển khai hoạt động ĐBCL đạt hiệu quả, Nhà trường luôn chú trọng đến hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, mời chuyên gia thuộc tổ chức kiểm định về tập huấn công tác ĐBCL cho toàn thể viên chức, người lao động và sinh viên trong toàn trường [H9.09.03.06]. Đồng thời, nhà trường cử cán bộ tham gia hội thảo, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCL trong nước và đã được cấp chứng chỉ, chứng nhận [H9.09.03.07].

Ngoài ra, nhà trường còn ban hành sổ tay đảm bảo chất lượng để hướng dẫn các quy trình nghiệp vụ đến các đơn vị/cá nhân trong trường. Có 4 thành phần chính trong hệ thống ĐBCL là: Tất cả mọi người đều có trách nhiệm duy trì chất lượng đào tạo; tất cả mọi người đều có trách nhiệm củng cố chất lượng đào tạo; tất cả mọi người hiểu, sử dụng, thấy mình là chủ hệ thống; nhà quản lý/người học/các bên liên quan khác thường xuyên kiểm tra hệ thống và chất lượng đào tạo của Nhà trường. Các mục tiêu chiến lược, kế hoạch thực hiện ĐBCL và tất cả các quy trình nghiệp vụ được công bố công khai trên Website để mọi người thực hiện, theo dõi giám sát, góp ý và đánh giá [H9.09.03.08].

Hàng năm, Nhà trường có tổ chức rà soát, đánh giá công tác ĐBCL thông qua báo cáo tổng kết năm học [H9.09.03.09].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.***

Việc lưu trữ hệ thống văn bản, các quy trình về ĐBCL sau khi triển khai được lưu trữ bằng các hình thức: văn bản giấy lưu trong các hộp tại phòng ĐBCL&TT, Phòng HCTH và các đơn vị trong trường sau khi triển khai. Văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được Nhà trường lưu trữ theo đúng quy định. Phòng Hành chính tổng hợp lưu bằng phần mềm chuyên dụng [H9.09.04.01]. Việc lưu trữ văn bản được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước.

Với mỗi loại hoạt động, Nhà trường có các văn bản, các quy trình nghiệp vụ, các hướng dẫn và các biểu mẫu đính kèm, giúp cho việc thực hiện thuận tiện và dễ dàng. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng tài liệu Sổ tay chất lượng. Tài liệu này mô tả hệ thống quản lý chất lượng của Nhà trường và cách thức mà Nhà trường đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn để được chứng nhận là phù hợp. Sổ tay chất lượng bao gồm: Cam kết về chính sách chất lượng của Nhà trường, bộ máy tổ chức và phương pháp quản lý công tác giảng dạy và quản lý SV, các quy trình nghiệp vụ phục vụ cho sự phối hợp công tác của các đơn vị; mô tả sự tương tác giữa các quá trình trong hệ thống quản lý chất lượng giúp cho việc thực hiện, duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của Trường có hiệu quả, nhằm ĐBCL cho các bên quan tâm của Nhà trường; hướng dẫn VC, NLD và SV thực hiện theo đúng chính sách chất lượng mà Ban Giám hiệu nhà trường cam kết thông qua việc áp dụng đúng các nguyên tắc quản lý chất lượng, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường có đầy đủ hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý tất cả các hoạt động. Phòng HCTH đã xây dựng một quy trình nghiệp vụ để quản lý toàn bộ hệ thống văn bản trong Trường: Quy trình quản lý văn bản đi - đến [H9.09.04.02], vì vậy tất cả các văn bản ban hành đều được kiểm soát chặt chẽ về nội dung và tính pháp lý đồng thời được Phòng HCTH và các đơn vị lưu trữ, nhằm tránh sự xung đột hoặc chông chéo về nội dung giữa các văn bản.

Văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành của Nhà trường sau khi được phê duyệt, Phòng Hành chính tổng hợp chịu trách nhiệm scan tài liệu gửi qua email của các trưởng đơn vị và trên Zalo nhóm lãnh đạo các đơn vị. Nhà trường lập Email nội bộ để triển khai các văn bản tới các trưởng đơn vị. Ngoài ra tại các đơn vị chức năng còn sử dụng các phần mềm quản lý chuyên môn thuộc lĩnh vực mình quản lý như: phần mềm

quản lý đào tạo, tài chính, nhân sự. Đơn vị sử dụng phần mềm bảo đảm cơ sở dữ liệu được lưu trữ đầy đủ, cập nhật kịp thời.

Về tổ chức, quản lý các hoạt động đào tạo, nhà trường ban hành các văn bản về thực hiện quy chế đào tạo, quy trình xây dựng thẩm định và ban hành CTĐT và CDR, quy định xếp kế hoạch và thời khóa biểu, quy trình mời giảng và quản lý hoạt động giảng dạy của GV, quy định xếp lịch thi học kỳ, hướng dẫn tổ chức thi học phần, quy định hướng dẫn và chấm đề tài tốt nghiệp; quy định xét tốt nghiệp **[H9.09.04.03]**.

Về hoạt động ĐBCL, phòng ĐBCL&TT tham mưu xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm **[H9.09.04.04]**.

Về hoạt động khoa học công nghệ, trung tâm KHCN-TT&TV đã tham mưu ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ để quản lý đề tài KHCN của CB-GV-NV, quy định về hoạt động NCKH để quản lý đề tài NCKH của SV **[H9.09.04.05]**. Ngoài ra, trường còn các hệ thống văn bản về quản lý người học, hệ thống văn bản về hoạt động ĐBCL, hệ thống văn bản về hoạt động hợp tác quốc tế **[H9.09.04.06]**. Bên cạnh đó, tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thuộc trường cũng có hệ thống các văn bản để tổ chức và quản lý hoạt động của tổ chức **[H9.09.04.07]**.

Nhà trường triển khai rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL cho phù hợp với quy định và mục tiêu chiến lược của nhà trường. Hệ thống văn bản về tổ chức, quản lý và hoạt động ĐBCL của nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả. Tất cả các chủ trương, chính sách, định hướng về công tác ĐBCL của Nhà trường đều được triển khai, thảo luận đóng góp ý kiến thông qua họp giao ban lãnh đạo hàng tháng **[H9.09.04.08]**. Các văn bản pháp quy và các văn bản quản lý được nhà trường phổ biến rộng rãi trong toàn trường qua các kênh thông tin: Hệ thống văn bản đi đến của phòng HCTH, website nhà trường, zalo nội bộ, hệ thống email cá nhân, trong đó các thông tin về ĐBCL được đăng tải trên hệ thống thông tin của trường <http://dhsptdtthanoi.edu.vn> **[H9.09.04.09]**.

Với sự chỉ đạo luôn kịp thời, điều hành, triển khai công việc có hệ thống, nhất quán từ Ban Giám hiệu đến các đơn vị, từ đó công việc được hoàn thành theo đúng tiến độ. Cuối học kỳ, năm học có tổng kết đánh giá hoạt động ĐBCL, đưa ra các biện pháp, phương hướng cho năm học sau. Đồng thời, các công việc, các chính sách, kế hoạch, các quy trình nghiệp vụ cũng được rà soát, điều chỉnh và đảm bảo nhất quán trong toàn Trường **[H9.09.04.10]**.



### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.***

Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2020 trong đó đưa ra 6 nhóm chỉ tiêu phân đầu cụ thể về đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, ĐBCL, nguồn nhân lực, tài chính- cơ sở vật chất [H9.09.05.01]. Nhà trường ban hành kế hoạch chiến lược giai đoạn 2015-2020 để cụ thể hóa việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược và quan trọng nhất đó là thực hiện các chỉ tiêu đặt ra cho 6 nhóm lĩnh vực [H9.09.05.02].

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị trong trường đưa ra các chỉ tiêu phân đầu cho từng năm học. Trên cơ sở đó, nhà trường ban hành kế hoạch năm học đưa ra các nhiệm vụ chỉ tiêu chủ yếu phân công nhiệm vụ đến từng đơn vị trong nhà trường [H9.09.05.03]. Căn cứ vào kế hoạch đó, cuối năm học nhà trường tổng kết đánh giá các hoạt động đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng, nguồn nhân lực, tài chính- CSVC và đưa ra các chỉ tiêu phân đầu năm sau.

Đến năm học 2017-2018 để đánh giá kết quả của các lĩnh vực hoạt động trong nhà trường được chặt chẽ hơn. Trên cơ sở thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành về Quy định kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Nhà trường xây dựng chỉ số năng lực thực hiện (KPIs) đưa ra các tiêu phân đầu và chỉ số thực hiện được xác định đối với các chỉ số thể hiện rõ nội dung thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phân đầu, chỉ số thực hiện cho từng lĩnh vực hoạt động [H9.09.05.04] bao gồm nhóm chỉ tiêu đào tạo, nhóm chỉ tiêu về nghiên cứu khoa học; phát triển đội ngũ; nguồn lực tài chính; hợp tác quốc tế và phục vụ cộng đồng. Đến cuối năm học căn cứ vào chỉ tiêu đặt ra, các đơn vị đánh giá tổng kết việc thực hiện các chỉ tiêu đó được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của nhà trường [H9.09.05.05].

Với mỗi lĩnh vực công tác, các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện để đạt mục tiêu đề ra, cá nhân/đơn vị nào chịu trách nhiệm chính/phối hợp để thực hiện; thời gian nào thì hoàn thành. Đến cuối năm học các cá nhân căn cứ vào phân công nhiệm vụ của mình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình [H9.09.05.06].

Đối với viên chức hàng năm, Nhà trường ban hành quy định về chế độ làm việc của GV, quy chế trả lương cho CB-GV-NV, quy định giờ, giảng dạy năm học...

[H9.09.05.07] v9.09.05.07]n hành quy định về chế độ làm việc của GV, quy chế trả lương cho CBông việc theo các kế hoạch đề ra. Trên căn cứ đó, Nhà trường đánh giá xếp loại thi đua cá nhân với những mức khen thưởng hoặc kỷ luật hợp lý. Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm tổ chức theo dõi ngày giờ công, khối lượng và chất lượng công việc của VC, NLD thuộc đơn vị và gửi về Phòng TCCB làm cơ sở thanh toán tiền lương hàng tháng; cuối năm học tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của VC, NLD thuộc đơn vị gửi về Phòng TCCB làm cơ sở để Hội đồng thi đua khen thưởng làm cơ sở để đánh giá phân loại viên chức.

Đối với hoạt động ĐBCL, Phòng ĐBCL&TT có báo cáo sơ kết học kỳ, tổng kết năm học hoạt động ĐBCL đánh giá tỷ lệ % hoàn thành mục tiêu đề ra đối với các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường theo từng chỉ tiêu phân đầu. Phân tích nguyên nhân chưa thực hiện, chưa hoàn thành mục tiêu đối với từng chỉ tiêu phân đầu chính và chỉ số thực hiện chính theo từng lĩnh vực hoạt động, từ đó xây dựng phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo [H9.09.05.08].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.***

Nhằm đảm bảo các kế hoạch, các chỉ số và các chỉ tiêu phân đầu đề ra đáp ứng mục tiêu chiến lược, phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển đã đề ra, Nhà trường liên tục hoàn thiện và cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong ở tất cả các lĩnh vực trong trường thông qua việc lập kế hoạch đầu năm học của các đơn vị. Xây dựng các chỉ tiêu phân đầu thực hiện vào đầu năm học, cuối mỗi học kỳ sơ kết, đánh giá các hoạt động thuộc hai khối đào tạo và khối hành chính để đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu đặt ra và tiếp tục điều chỉnh đưa ra những phương hướng cho học kỳ tiếp theo. Từ năm học 2017 - 2018, căn cứ thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành về Quy định kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, nhà trường xây dựng chỉ số năng lực thực hiện (KPIs) đưa ra các chỉ tiêu phân đầu và chỉ số thực hiện cho từng lĩnh vực hoạt động của trường [H9.09.06.01]. Để xây dựng cho năm tiếp theo Nhà trường tiến hành đối sánh các chỉ tiêu của năm học trước làm cơ sở xây dựng chỉ tiêu phân đầu của năm sau [H9.09.06.02].

Cuối năm học, căn cứ vào các chỉ tiêu đặt ra của các đơn vị nhà trường đánh giá tổng kết công tác trên các chỉ tiêu phấn đấu tại phương hướng năm học và kế hoạch thực hiện của các đơn vị đánh giá kết quả thực hiện, những nguyên nhân thành công, tồn tại thông qua báo cáo tổng kết năm học hàng năm [H9.09.06.03]. Việc cải tiến chất lượng được giao cho các đơn vị trong nhà trường, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ thực hiện hàng năm để đưa ra kế hoạch cải tiến cho đơn vị mình.

Định kỳ, Nhà trường tổ chức các cuộc họp để rà soát, phân tích và kết luận về tình hình hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, xem xét tính phù hợp, tính đầy đủ, tính hiệu lực và không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng của Nhà trường. Các hoạt động xem xét được thực hiện thông qua các cuộc họp: họp giao ban hàng tháng [H9.09.06.04].

Các nội dung được Ban Giám hiệu đưa ra xem xét gồm một số vấn đề sau: Việc thực hiện và kết quả của các đợt đánh giá; kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan (CBQL, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng); Tình hình thực hiện công tác quản lý, dạy học và NCKH đáp ứng yêu cầu người học; tình trạng thực hiện các biện pháp khắc phục phòng tránh rủi ro; kết quả thực hiện các quyết định của cuộc họp xem xét trước; mức độ đạt được các mục tiêu chất lượng; những thay đổi có liên quan đến hệ thống chất lượng; các đề nghị cải tiến chất lượng được thể hiện trong bản tổng kết năm học tại hội nghị viên chức trường. Cụ thể với các mảng công việc chính như sau:

Công tác quản lý chất lượng: Thực hiện kiểm soát, cập nhật các quy trình, biểu mẫu đã được phê duyệt; định kỳ báo cáo kết quả đánh giá nội bộ và các điểm không phù hợp đã xảy ra trong năm học và đề xuất cải tiến. Kết quả thực hiện công việc (đạt hay không đạt) là cơ sở để các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học tiếp theo, đồng thời các quy trình nghiệp vụ cũng được cập nhật theo hướng cải tiến cho phù hợp; thực hiện đầy đủ các báo cáo sơ kết/tổng kết năm học và các báo cáo khác về hoạt động của đơn vị và được đánh giá tại buổi sơ kết giữa nhiệm kỳ của đảng bộ trường [H9.09.06.05].

Công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ trường: Thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng giảng dạy và phục vụ của Nhà trường; xử lý, phân tích dữ liệu thu được và đưa ra các đề xuất cải tiến [H9.09.06.06].

Nhà trường đã tự đánh giá cơ sở giáo dục giai đoạn 2008-2013 theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT hiện hành. Sau khi tự đánh giá căn cứ vào những tồn tại, nhà

trường xây dựng kế hoạch cải tiến sau tự đánh giá nhằm khắc phục những tồn tại và nâng cao chất lượng các lĩnh vực trong nhà trường [H9.09.06.07]. Hàng năm, để việc cải tiến có hiệu quả nhà trường đã có báo cáo đánh giá việc thực hiện kế hoạch cải tiến đó qua từng mốc thời gian cụ thể, các đơn vị nào chưa thực hiện được đề đưa ra phương hướng cho sự điều chỉnh năm tới [H9.09.06.08].

Phòng ĐBCL&TT được phân công theo dõi việc thực hiện việc cải tiến của các đơn vị. Hàng tháng, thông qua cuộc họp giao ban phòng ĐBCL&TT báo cáo việc thực hiện theo các chỉ tiêu phân đấu từng lĩnh vực các đơn vị. Từ những kết quả báo đó, các đơn vị điều chỉnh, cải tiến để khắc phục những tồn tại để đạt được mục tiêu đề ra. Cuối năm học, Nhà trường có tổ chức đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, thực hiện đánh giá trong toàn hệ thống theo các chỉ tiêu phân đấu chính và chỉ số thực hiện chính được xác định vào đầu năm học thông qua các chỉ số năng lực thực hiện (KPIs) qua đó các đơn vị rà soát lại mục tiêu thực hiện trong năm, điều chỉnh, lược bỏ các chỉ tiêu phân đấu chính và chỉ số thực hiện chính không còn phù hợp. Nhà trường định kỳ rà soát cải tiến về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, có các quy trình giám sát được thể hiện qua sổ tay đảm bảo chất lượng [H9.09.06.09]. Kết quả của việc rà soát, cải tiến phản ảnh việc nâng cao chất lượng công việc trong từng mảng hoạt động.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

#### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9**

##### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Lãnh đạo nhà trường quan tâm và chỉ đạo sâu sát hoạt động ĐBCL bên trong.
- Nhà trường đã xây dựng, vận hành một hệ thống các quy trình nghiệp vụ và các thủ tục bắt buộc, chuyển đến các bên liên quan nhằm triển khai, kiểm soát tất cả các hoạt động trong Trường, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng cũng như các lĩnh vực chiến lược khác.

- Kế hoạch chiến lược đã được chuyển tải thành các mục tiêu chiến lược với các chỉ tiêu rõ ràng, được rà soát qua đánh giá tổng kết hàng năm và được khắc phục, cải tiến kịp thời.

##### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Mạng lưới ĐBCL bên trong tại các đơn vị trong trường chưa được thành lập nên việc triển khai công tác ĐBCL bên trong trường còn khó khăn nhất định.

- Số lượng CB, GV được đi tập huấn về công tác ĐBCL còn hạn chế nên phần nào ảnh hưởng đến công tác ĐBCL bên trong trường.

- Một số hoạt động của trường còn chưa được lưu trữ hồ sơ có hệ thống nên còn ảnh hưởng đến việc tìm kiếm minh chứng.

### 3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1,2	Thành lập mạng lưới ĐBCL tại các đơn vị trong trường. Cử đội ngũ VC, NLĐ làm công tác ĐBCLGD tham gia học tập các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn, đạt yêu cầu về chuẩn ĐBCLGD.	Ban Giám hiệu, P.TCCB, ĐBCL&TT	Từ năm 2020	
2	Khắc phục tồn tại 3	Hoàn thiện các hồ sơ lưu trữ của các đơn vị từ năm 2014 đến nay tại phòng lưu trữ của trường để công tác tìm kiếm minh chứng được thuận tiện.	P.HCTH	Từ năm 2020	
5	Phát huy điểm mạnh 1	Lãnh đạo nhà trường quan tâm và chỉ đạo sâu sát hoạt động ĐBCL bên trong	Ban Giám hiệu, ĐBCL&TT, các đơn vị	Từ năm 2020 - 2022	
6	Phát huy điểm mạnh 2	Duy trì, cập nhật, cải tiến các quy trình nghiệp vụ và các biểu mẫu đính kèm, chuyển đến các bên liên quan nhằm triển khai, kiểm soát tất cả các hoạt động trong Trường, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục	P.ĐBCL&TT Tất cả các đơn vị có biên soạn các quy trình nghiệp vụ	Từ năm 2020 - 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		vụ cộng đồng cũng như các lĩnh vực chiến lược khác.			
7	Phát huy điểm mạnh 3	Các kế hoạch chiến lược được chuyển tải thành các mục tiêu chiến lược với các chỉ số KPIs rõ ràng, được rà soát qua đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài hàng năm và được khắc phục, cải tiến kịp thời.	ĐBCL&TT Tất cả các đơn vị	Từ năm 2020 - 2022	

#### 4, Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 9</b>	<b>4,16</b>
Tiêu chí 9.1	4
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	4
Tiêu chí 9.4	4
Tiêu chí 9.5	4

### TIÊU CHUẨN 10. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

**Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập**

Xác định tự đánh giá là nhiệm vụ quan trọng để cải tiến chất lượng, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của trường đại học trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu, trong Chiến lược phát triển trường Đại học Sư phạm Thủ Đức Thủ khoa Hà Nội giai đoạn 2015-2020, Ban Giám hiệu Nhà trường xác định là một trong 6 nội dung cốt lõi chương trình hành động và được cụ thể bằng kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng trường Đại học Sư phạm Thủ Đức Thủ khoa Hà Nội giai đoạn 2015-2020. Trong đó đánh giá thực trạng công tác đảm bảo chất lượng

giáo dục, những thành tựu nổi bật về công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường. Bên cạnh đó nêu rõ hạn chế như: Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục trong Nhà trường chưa hoàn thiện, đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng chưa được tập huấn chuyên sâu, một số cán bộ viên chức chưa nhận thức rõ được tầm quan trọng của việc thực hiện đảm bảo chất lượng trong giáo dục. Từ đó kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng **[H10.10.01.01]** nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm về đảm bảo chất lượng của nhà trường:

1) Đến năm 2020, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội có hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đạt tiêu chuẩn của kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

2) Đến năm 2020 Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội hoàn thành đánh giá ngoài cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT;

3) Chuẩn bị các điều kiện để chuẩn bị đánh giá chương trình đào tạo vào giai đoạn đầu của giai đoạn 2020-2025;

4) Trong giai đoạn này, Nhà trường cử viên chức đi tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn như (01 cán bộ đi học thạc sĩ đo lường đánh giá (hoặc quản lý giáo dục), 01 viên chức có chứng chỉ đào tạo kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo và trung cấp chuyên nghiệp;

5) Cử cán bộ (3-5 người) các phòng ban tham gia lớp bồi dưỡng kiểm định chất lượng các trường đại học cao đẳng.

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng giai đoạn 2015-2020, hàng năm Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ để đạt mục tiêu trong chiến lược đảm bảo chất lượng đã đề ra. Trong kế hoạch hàng năm Nhà trường đã nêu rõ mục đích, yêu cầu và các hoạt động cụ thể qua đó có cơ sở đánh giá việc thực hiện hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong của nhà trường **[H10.10.01.02]**.

Để thực hiện lộ trình và kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài, Nhà trường giao cho phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra là đơn vị đầu mối triển khai các bước tự đánh giá. Trong đó đã tiến hành xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá đảm bảo mục tiêu đề ra. Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra đã tham mưu cho Ban Giám hiệu tổ chức các đợt tập huấn cho toàn thể cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, sĩ quan, người học hiểu

được ý nghĩa, tầm quan trọng của tự đánh giá và đánh giá ngoài đối với sự phát triển của nhà trường. Trong kế hoạch tập huấn đảm bảo chất lượng và tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017/TT-BGD&ĐT đã nêu mục đích, yêu cầu đặc biệt nội dung kế hoạch đã nêu rõ văn bản hướng dẫn công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài. Các nội dung tự đánh giá đã được triển khai hướng dẫn đến các cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, sĩ quan, người học hiểu nhằm thực hiện kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài theo thời gian đề ra [H10.10.01.03].

Để triển khai kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGD&ĐT, năm 2018 Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và 06 nhóm công tác chuyên trách theo quy định [H10.10.01.04]. Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá giai đoạn 2015-2019, trong kế hoạch tự đánh giá đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng, ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách và các đơn vị trong trường. Bên cạnh đó có chỉ rõ các đơn vị phối hợp để thực hiện tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017/TT-BGD&ĐT. Nhà trường có giao nhiệm vụ cho phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra tham mưu làm hồ sơ, thủ tục đăng ký đánh giá ngoài năm 2020 [H10.10.01.05].

Nhà trường đã thực hiện các bước chuẩn bị cho tự đánh giá và đánh giá ngoài theo kế hoạch. Bên cạnh việc thực hiện kế hoạch tập huấn công tác đảm bảo chất lượng trong toàn trường ở trên. Nhà trường đã hợp đồng với chuyên gia để triển khai tập huấn tự đánh giá cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan, nhân viên và người lao động. Qua tập huấn chuyên gia đã tư vấn những nội dung mà trong quá trình triển khai nhà trường gặp khó khăn để chuẩn bị đánh giá ngoài. Từ đó Nhà trường chỉ đạo các đơn vị triển khai khắc phục những tồn tại, hạn chế để chuẩn bị cho đánh giá ngoài theo thời gian đã đề ra [H10.10.01.06]. Nhà trường đã cử 06 viên chức tham gia lớp bồi dưỡng kiểm định viên KĐCL giáo dục; Cử 01 viên chức tham gia với tư cách là quan sát viên trong đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài tại trường Đại học Thủy Lợi để học hỏi kinh nghiệm triển khai công tác đánh giá ngoài của Nhà trường [H10.10.01.07]. Hội đồng tự đánh giá chỉ đạo, triển khai cho các nhóm lập danh mục minh chứng, thu thập và phân tích thông tin minh chứng, viết báo cáo tự đánh giá, định kỳ hàng tuần các nhóm công tác họp để



đánh giá tiến độ thực hiện; đăng ký đánh giá ngoài với Trung tâm KĐCL giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội; báo cáo Cục Quản lý chất lượng về kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài. Nhà trường đã có công văn và gửi báo cáo tự đánh giá đến Trung tâm KĐCL giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội để làm thủ tục đánh giá ngoài theo quy định [H10.10.01.08].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo***

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá và hoàn thành báo cáo TĐG năm 2014 theo Bộ tiêu chuẩn ban hành theo Quyết định 65/2007/QĐBGDDĐT [H10.10.02.01], [H10.10.02.02]. Sau quá trình tự đánh giá năm 2014, Nhà trường có rà soát và cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động của nhà trường nhưng chưa tiến hành đánh giá ngoài cơ sở giáo dục. Năm 2018, Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá và xây dựng kế hoạch tự đánh giá theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT [H10.10.02.03]. Đến nay, Nhà trường đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá năm 2019 [H10.10.02.04] và xây dựng kế hoạch đánh giá ngoài vào năm 2020 [H10.10.02.05].

Hiện nay, Nhà trường có 2 viên chức đã đuna chứng chỉ "Đào tạo kiểm định viên Kiểm định chất lượng giáo dục và Trung cấp chuyên nghiệp" do Trung tâm KĐCL - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp [H10.10.02.06]; Có 05 viên chức được cử đi tham gia các đợt tập huấn do Bộ GD&ĐT, Trung tâm KĐCL giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Quản lý giáo dục; trường Đại học ngoại thương và ti học IIG Việt Nam&CQAIE Việt Nam tổ chức tại Hà Nội và đã được cấp giấy chứng nhận [H10.10.02.07]. Trong những năm gần đây, việc thi thê kiểm định viên chưa được Bộ GD&ĐT tổ chức nên đến thời điểm hiện tại chưa có viên chức có thê kiểm định viên. Năm 2019, Nhà trường đã mm 2019, Nhà trTrung tâm KĐCL - Đ- 2019, Nhà trT tập huấn cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá và toàn thê viên chhê quản lý, giảng viên, nhân viên, người lao động và người học nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài đối với sự phát triển của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội [H10.10.02.08].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát***

Nhà trường thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục và hoàn thành báo cáo năm 2014. Trong đó, các điểm mạnh được Nhà trường tiếp tục phát huy; đồng thời đã xác định 38 tồn tại của 10 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, trong đó có 1 tồn tại thuộc Tiêu chuẩn 1 (Sứ mạng và Mục tiêu của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội), 5 tồn tại thuộc Tiêu chuẩn 2 (Tổ chức và quản lý), 4 tồn tại thuộc Tiêu chuẩn 3 (Chương trình đào tạo), 4 tồn tại thuộc Tiêu chuẩn 4 (Hoạt động đào tạo), 3 tồn tại thuộc Tiêu chuẩn 5 (Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên), 1 tồn tại thuộc Tiêu chuẩn 6 (Người học), 10 tồn tại thuộc Tiêu chuẩn 7 (Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ), 2 tồn tại thuộc Tiêu chuẩn 8 (Hoạt động hợp tác quốc tế), 5 tồn tại thuộc Tiêu chuẩn 9 (Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác) và 3 tồn tại thuộc Tiêu chuẩn 10 (Tài chính và quản lý tài chính) **[H10.10.03.01]**.

Trên cơ sở các nội dung tồn tại được xác định, Nhà trường đã có kế hoạch cải tiến nhằm khắc phục các tồn tại của giai đoạn 2009 – 2014 **[H10.10.03.02]**. Nhà trường rất chú trọng thực hiện kế hoạch khắc phục tồn tại theo Báo cáo tự đánh giá năm 2014 để công tác tự đánh giá giai đoạn tiếp theo được hoàn thiện hơn. Một số tồn tại được khắc phục như: Tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược của Nhà trường được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên; Định kỳ tổ chức xây dựng và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo vào năm 2016 và năm 2018; đã xây dựng ngân hàng đề thi bài bản đảm bảo đánh giá khách quan, công bằng đáp ứng chuẩn đầu ra **[H10.10.03.03]**.

Từ tháng 8 năm 2018 Nhà trường bắt đầu quá trình tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học (Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017). Trong quá trình tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn mới Nhà trường cũng đã tự nhận thấy có một số tồn tại và đã đưa ra kế hoạch cải tiến được trình bày trong báo cáo tự đánh giá của Nhà trường **[H10.10.03.04]**.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục***

Năm 2013, trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội đã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá và Kế hoạch tự đánh giá trong đó có phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Trong giai đoạn này, Nhà trường tiến hành tổ chức

tập huấn hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT, triển khai các hoạt động tự đánh giá đến tất cả các thành viên trong trường. Tháng 11/2013, trường đã tổ chức tập huấn quán triệt các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT cho toàn thể các thành viên Hội đồng TĐG, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách, cán bộ, giảng viên, nhân viên và đại diện sinh viên nhà trường. Trong gian đoạn này, Nhà trường tiến hành quy trình tự đánh giá theo Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [H10.10.04.01]. Dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu và sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá [H10.10.04.02], Hội đồng xây dựng kế hoạch tự đánh giá [H10.10.04.03], phân công trách nhiệm cho các thành viên trong hội đồng tự đánh giá, triển khai các bước thực hiện, cách thức thu thập minh chứng, việc phân tích xử lý thông tin minh chứng để viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Năm 2018, Nhà trường đã ban hành quyết định số 806/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 05/02/2018 của Hiệu trưởng về Quy định công tác Đảm bảo chất lượng đào tạo trong đó có quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài [H10.10.04.04]. Đây là sự cải tiến trong việc thực hiện công tác tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài được bài bản và khoa học.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

#### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10**

##### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

Nhà trường đã tổ chức tự đánh giá giai đoạn 2009-2014 và giai đoạn 2015-2019. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài được thiết lập cho từng giai đoạn, nhiệm vụ các bên liên quan được quy định rõ ràng.

Hoạt động tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài đã được tuyên truyền đến toàn bộ các đơn vị trong trường, được triển khai cụ thể theo đúng kế hoạch của nhà trường, có kết quả tốt.

##### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

Đội ngũ nhân sự phụ trách công tác đảm bảo chất lượng chưa được tham gia tập huấn thường xuyên và số lượng được cấp chứng chỉ, chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục còn hạn chế.

### 3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cử đội ngũ cán bộ tham gia công tác đảm bảo chất lượng tập huấn các khóa/lớp về kiểm định chất lượng giáo dục	Ban Giám hiệu, phòng TCCB, phòng ĐBCL&TT	Từ năm 2020	
2	Điểm mạnh cần phát huy	Tiếp tục triển khai tốt công tác chuẩn bị cho đánh giá ngoài và tuyên truyền đến các bên liên quan thực hiện tốt công tác đánh giá ngoài của nhà trường	Ban Giám hiệu, Các đơn vị	Từ năm 2020	

### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 10</b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 10.1	4
Tiêu chí 10.2	4
Tiêu chí 10.3	4
Tiêu chí 10.4	4

### TIÊU CHU 10.4i HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

**Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập**

Để quản lý thông tin ĐBCL bên trong nhằm hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã ban hành quy định về việc quản lý thông tin nội bộ hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và quy chế công tác văn thư lưu trữ **[H11.11.01.01]**,

[H11.11.01.04]. Quá trình nhận và chuyển thông tin được Nhà trường thực hiện thông qua các cuộc họp giao ban, công văn, báo cáo, thông qua điện thoại, gặp gỡ, trao đổi trực tiếp, qua hòm thư góp ý, qua mạng nội bộ, email cá nhân. Hệ thống văn bản của trường được lưu trữ tại phòng Hành chính-Tổng hợp. Bên cạnh việc lưu trữ bản giấy, Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý văn bản Version 3.0.

Để cụ thể hóa việc quản lý hệ thống thông tin thuộc các lĩnh vực, Nhà trường ban hành các quy định, quy chế về công tác đào tạo, NCKH, PVCĐ, các chính sách, quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Ngoài chức năng nhiệm vụ của các đơn vị được phân công, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho phòng HC-TH làm đầu mối và phối hợp với các đơn vị trong việc xây dựng quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.01.03].

Nhà trường có phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong như: trang bị hệ thống internet với tốc độ cao, lắp đặt mạng wifi trong toàn trường, nâng cấp Website, cấp hộp thư điện của ngành giáo dục, điện thoại, mạng xã hội, phần mềm... [H11.11.01.04].

Để quản lý và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, Nhà trường thành lập phòng Truyền thông giúp chuyển tải thông tin tới các đơn vị kịp thời và công khai đến các bên liên quan [H11.11.01.05]. Giao cho phòng Quản trị thiết bị cử cán bộ phụ trách mảng công nghệ thông tin của nhà trường [H11.11.01.06] có chức năng quản trị hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, chủ trì triển khai xây dựng và nâng cấp hạ tầng, tham mưu về ứng dụng CNTT, hỗ trợ việc quản lý CNTT tại các đơn vị của trường. Hiện nay, các khoa/phòng chưa có website riêng để cập nhật thông tin, sự kiện mà vẫn sử dụng chung đầu mối phòng Truyền thông đưa thông tin của các đơn vị theo quy định.

Hiện nay, để nâng cao chất lượng trong việc phục vụ SV, nhà trường đã xây dựng quy định về công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi tự người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và công tác phục vụ đào tạo trong đó nêu rõ quy trình khảo sát [H11.11.01.07]. Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên của nhà trường hiện nay chủ yếu qua trả lời trực tiếp bằng phiếu hỏi.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

*Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các*

***bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn***

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Để thực hiện hiệu quả nội dung đó, nhà trường triển khai ứng dụng CNTT và thực hiện trong hầu hết các hoạt động của nhà trường và được định hướng kết nối với các đơn vị. Hiện nay, việc ứng dụng CNTT được triển khai tại trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội như: Trang thông tin điện tử nhà trường <http://dhsptdtthanoi.edu.vn/> cung cấp đầy đủ các thông tin các bên liên quan về: Chiến lược phát triển nhà trường trong từng giai đoạn; cơ cấu tổ chức và nhân lực; cơ sở vật chất; 3 công khai; thông tin tuyển sinh và các văn bản quản lý theo quy định [H11.11.02.01].

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong được Nhà trường xây dựng trên nền tảng CNTT để hỗ trợ ra quyết định cho mọi hoạt động trong trường và chuyển tải thông tin đến các bên liên quan. Nhà trường có quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, xây dựng hệ thống thông tin điện tử để quản lý dữ liệu tập trung, lắp đặt wifi phủ sóng cho CB, GV, NV, SV phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học [H11.11.02.02]. Nhà trường đầu tư các phần mềm phục vụ các hoạt động liên quan đến người học như: Phần mềm quản lý đào tạo có chức năng quản lý các danh mục như khóa học, lớp học, học kì, môn học, danh mục điểm, tính điểm tổng kết môn học, truy xuất bảng điểm; điểm môn học ra file; bảng điểm tổng kết theo lớp... [H11.11.02.03]. Phần mềm quản lý thư viện giúp tra cứu thông tin tài liệu học tập; Đăng ký mượn tài liệu, giáo trình; Tạo mã thẻ thư viện cho sinh viên... [H11.11.02.04].

Phòng Tổ chức Cán bộ đã sử dụng phần mềm quản lý cán bộ giúp nhà trường quản lý, lưu trữ dữ liệu về công chức, viên chức, và người lao động, cập nhập dữ liệu nhanh chóng, đơn giản giúp cho việc tổng hợp báo cáo, thống kê công chức, viên chức, người lao động trong phạm vi toàn trường. Việc nắm bắt dữ liệu chi tiết cũng như số liệu tổng hợp về tình hình công chức, viên chức, của nhà trường sẽ tạo điều kiện lãnh đạo ra những quyết định kịp thời liên quan quyền lợi, nghĩa vụ của công chức, viên chức và người lao động [H11.11.02.05]. Phòng Kế hoạch - Tài chính sử dụng phần mềm Misa nhằm quản lý chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, giúp nhà trường thực hiện các nghiệp vụ như: kho bạc, tiền mặt, tiền gửi, tài sản cố định, tiền lương, hóa

đơn, công nợ, thuế, tổng hợp... [H11.11.02.06]. Phòng HC-TH sử dụng phần mềm quản lý văn bản Version 3.0 nhằm quản lý văn bản đến, đi và nội bộ của nhà trường [H11.11.02.07].

Với các thông tin thu được, các đơn vị có liên quan đến thông tin có trách nhiệm phân loại, xử lý, sắp xếp, đánh mã số để quản lý và thuận tiện cho việc tra cứu và sử dụng. Khi phát hành, nhận tài liệu, các đơn vị phải có sổ theo dõi văn bản đi, đến nhằm đảm bảo tất cả các thông tin Nhà trường được phát hành đến các bên liên quan để nhận biết và triển khai thực hiện thống nhất trong toàn trường [H11.11.02.08].

Cơ sở dữ liệu được các đơn vị liên quan quản lý, lưu trữ và sắp xếp tại đơn vị theo từng mảng công việc. Cơ sở dữ liệu được nhà trường lưu trữ ở 02 dạng: cơ sở dữ liệu dạng văn bản cứng và cơ sở dữ liệu file mềm tại phòng HC-TH. Các văn bản đó được kiểm soát theo số văn bản, tên văn bản, ngày ban hành, nơi nhận, nơi lưu, ngoài ra tất cả các văn bản nội bộ của trường trước khi trình ký ban hành phải thông qua phòng HC-TH đối với cơ sở dữ liệu file mềm được lưu trữ dưới dạng file scan, được số hóa trên phần mềm E-Office, lưu trữ dưới dạng cây thư mục trên mạng máy tính nội bộ trường và phần mềm quản lý chuyên dụng, có chế độ phân quyền sử dụng để đảm bảo tính bảo mật thông tin cho CBGV, NV liên quan có thể tiếp cận và truy xuất thông tin theo quy chế văn thư lưu trữ [H11.11.02.09].

Nhà trường ban hành quy trình hướng dẫn, quy định về xử lý, lưu trữ kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan. Nhằm thực hiện có hiệu quả hoạt động khảo sát, Nhà trường tăng cường ứng dụng CNTT vào các khâu: tổ chức khảo sát, xử lý và phân tích dữ liệu, lập báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến các bên liên quan [H11.11.02.10].

Tất cả các thông tin về ĐBCL bên trong Nhà trường đều được phổ biến rộng rãi và lưu trữ theo đúng các quy định hành chính của Nhà nước, luôn sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan, đồng thời hỗ trợ cho việc ra các quyết định giúp cho việc điều hành và quản lý của Nhà trường thuận lợi và hiệu quả. Hệ thống quản lý thông tin về ĐBCL bên trong của nhà trường được xây dựng trên nền tảng CNTT để hỗ trợ công tác ra quyết định cho mọi hoạt động trong đơn vị và chuyển tải thông tin đến các bên liên quan. Cơ sở dữ liệu về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong Nhà trường đã được sắp xếp, quản lý có hệ thống theo từng lĩnh vực hoạt động của đơn vị. Mặc dù vậy, hiện nay, hệ thống phần mềm của Nhà trường chưa được tích hợp trên một hệ thống thông tin tổng thể thống nhất.

Để đảm bảo sự thống nhất, an toàn và bảo mật dữ liệu, Nhà trường có các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong thông qua các quy định sử dụng phần mềm, phân quyền admin, phân cấp quản lý và sử dụng password, sử dụng các phần mềm bảo vệ như: Avast antivirus, Kaspersky Bkav tích hợp trong windows [H11.11.02.11]. Ngoài ra, Nhà trường còn xây dựng hệ thống thông tin dự phòng đáng tin cậy và hiệu quả.

Các quy định về chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn với hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được chuyển tới tất cả các cán bộ, giảng viên, các bộ phận liên quan thông qua email nội bộ, thông qua các cuộc họp giao ban, qua các văn bản gửi tới các đơn vị trong Trường được nêu rõ trong quy trình quản lý thông tin nội bộ của nhà trường [H11.11.02.12].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin***

Nhà trường giao cho phòng HC-TH thực hiện việc rà soát điều chỉnh Quy trình quản lý thông tin nội bộ hệ thống quản lý chất lượng bên trong. Nội dung rà soát thể hiện trong biên bản cuộc họp giữa Ban Giám hiệu với các trưởng, phó đơn để điều chỉnh hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong [H11.11.03.01].

Để xây dựng hệ thống thông tin dựa trên nền tảng ứng dụng CNTT, nhà trường giao cho các đơn vị thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; đảm bảo số lượng, chất lượng, bảo mật an toàn. Trong đó, tập trung vào việc rà soát các quy trình và thủ tục quản lý: quy trình trình phê duyệt văn bản, quy trình quản lý văn bản đi đến của các đơn vị; Thủ tục kiểm soát tài liệu và thủ tục kiểm soát hồ sơ. Việc rà soát được thực hiện từ khâu kiểm soát thể thức văn bản do Phòng HC-TH chịu trách nhiệm, tính nhất quán trong nội dung thông tin, tiến độ thực hiện, phát hành, lưu trữ... Nhà trường giao trách nhiệm cho từng đơn vị chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính bảo mật và an toàn dữ liệu, thông tin thuộc đơn vị mình quản lý. Lập “Danh mục theo dõi sửa đổi tài liệu”, “Danh mục theo dõi tài liệu lỗi thời” nhằm đảm bảo thông tin trao đổi luôn được rà soát, cập nhật. Tất cả các đơn vị trong trường đều phải có cơ chế sao lưu dữ liệu theo chuyên môn đơn vị mình đảm nhiệm, đảm bảo không để mất mát thông tin dữ liệu và được kiểm soát trong mỗi đợt



đánh giá nội bộ. Bên cạnh đó, nhà trường tiến hành lưu trữ hồ sơ, giúp cho việc tra cứu thuận tiện [H11.11.03.02].

Đối với thông tin dạng điện tử được giao cho phòng truyền thông đăng tải theo quy định [H11.11.03.03]. Hàng năm, Phòng quản trị thiết bị báo cáo hiệu quả đầu tư CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy học, CNTT, nguồn lực học tập, môi trường, sức khỏe, sự an toàn cho người học; hợp đồng với các doanh nghiệp để cung cấp vật tư, sửa chữa bảo dưỡng máy tính văn phòng, mạng internet nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ của nhà trường [H11.11.03.04].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong thông qua việc lấy ý kiến phản hồi mức độ hài lòng của sinh viên và các bên liên quan [H11.11.03.05]; Tổ chức hội nghị tổng kết năm học có nội dung đánh giá về các hoạt động phối hợp, thông tin, ứng dụng CNTT từ đó để bổ sung, điều chỉnh [H11.11.03.06].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng***

Nhà trường tiến hành xây dựng quy trình quản lý thông tin nội bộ hệ thống quản lý chất lượng bên trong vào năm 2016, trong đó nêu rõ các thông tin bằng văn bản, trình tự văn bản đến đi, lưu chuyển phát, các đơn vị chủ trì, các đơn vị phối hợp trong việc chuyển tài thông tin từ Ban giám hiệu đến các đơn vị và các thông tin phải hồi ngược lại. Tuy nhiên, ở quy trình năm 2016 chưa nêu rõ chức năng chủ yếu của hệ thống thông tin [H11.11.04.01]. Năm 2017, nhà trường tiến hành rà soát và bổ sung, cải tiến quy trình giúp cho các đơn vị nắm được các chức năng chủ yếu của hệ thống thông tin và đơn vị đầu mối cung cấp, phản hồi các thông tin về: Đào tạo; nghiên cứu khoa học, TCCB, tài chính... [ H11.11.04.02].

Nhà trường có tiến hành cải tiến quy trình, từng bước hoàn thiện và ban hành mới các chính sách, quy chế, quy định, hình thành môi trường thúc đẩy ứng dụng CNTT cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn nhằm đảm bảo công tác quản lý, vận hành của trường. Hàng năm, nhà trường đã cụ thể các biểu mẫu để áp dụng cho từng lĩnh vực như: Đào tạo, NCKH, TCCB, Hành chính, ĐBCL, KHTC. Các biểu mẫu được đăng tải trên trang tin điện tử của nhà trường [H11.11.04.03].

Các đơn vị chức năng đã có cải tiến bằng việc xây dựng các quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả công việc như: Phòng ĐBCL&TT tham mưu ban hành quy định về công tác lấy ý kiến phải hỏi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và công tác phục vụ đào tạo [H11.11.04.04]. Phòng Quản lý khoa học đã tham mưu xây dựng quy trình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, quản trị tài sản trí tuệ [H11.11.04.05].

Các phần mềm được cải tiến nâng cấp theo hướng hỗ trợ tích cực người dùng và quản lý thông tin hiệu quả: Phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm tổ chức, phần mềm kế hoạch tài chính, phần mềm quản lý thư viện ... hàng năm được bảo trì và nâng cấp phù hợp các dữ liệu mới đem lại nhiều lợi ích thiết thực như tiết kiệm chi phí, thời gian, thông tin chính xác, cập nhật thông tin nhanh nhất và được GV, SV đánh giá cao [H11.11.04.06].

Định kỳ nhà trường lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, các đơn vị chức năng hoàn thiện, cải tiến các chính sách, quy trình, kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong để hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H11.11.04.07], [H11.11.04.08].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Hệ thống thông tin của nhà trường đảm bảo việc thu nhận, xử lý, báo cáo, cập nhập và chuyển thông tin đến các bên liên quan kịp thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong luôn được rà soát, cải tiến về số lượng, chất lượng, sự thống nhất và tính bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

#### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Hệ thống phần mềm của Nhà trường chưa được tích hợp trên một hệ thống thông tin tổng thể thống nhất.

#### **3. Kế hoạch cải tiến**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	Khắc phục tồn	Đầu tư xây dựng phần mềm quản lý thông tin đồng bộ giữa	Ban Giám hiệu, các	Từ Năm 2021	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	tại	các đơn vị.	đơn vị liên quan		
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên duy trì, rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống thông tin của nhà Trường	Ban Giám hiệu, các đơn vị	Từ năm 2020	

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 11</b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 11.1	4
Tiêu chí 11.2	4
Tiêu chí 11.3	4
Tiêu chí 11.4	4

### TIÊU CHUẨN 12. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

**Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.**

Nâng cao chất lượng là một hoạt động có tính chiến lược và có kế hoạch trong trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội. Được thực hiện thông qua việc không ngừng cải tiến, không ngừng nâng cao chất lượng các mặt hoạt động trong Trường về chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục, nguồn lực,... nhằm thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Tất cả các đơn vị đều phải có trách nhiệm thực hiện rà soát, cải tiến hoạt động của đơn vị. Nhà trường có các kế hoạch nâng cao chất lượng về chính sách; hệ thống; quy trình, thủ tục; nguồn lực cụ thể như sau:

**Chính sách:** Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát hàng năm, sau đó được cải tiến cho năm học mới thông qua hệ thống các quy chế như: quy chế đào tạo [H12.12.01.01], quy chế chi tiêu nội bộ [H12.12.01.02]; các quy định như quy định về chế độ làm việc của GV, trong đó quy định về định mức giảng

dạy [H12.12.01.03]; các chính sách về tài chính ngày càng tăng cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H12.12.01.04]. Các đơn vị chức năng chịu trách nhiệm rà soát các chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của đơn vị, đề nghị hướng cải tiến các chính sách, chế độ trình Ban Giám hiệu xem xét giải quyết.

*Hệ thống:* Toàn bộ hệ thống hoạt động của nhà trường đều được rà soát, cải tiến thông qua đợt đánh giá tổng kết cuối năm học. Đảng uỷ, ban giám hiệu nhà trường nhìn nhận được những tồn tại để từ đó có biện pháp khắc phục cải tiến khả thi nhằm đáp ứng tâm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược cho những năm kế tiếp [H12.12.01.05].

*Quy trình, thủ tục:* Để quản lý tất cả các hoạt động một cách có hiệu quả, Nhà trường ban hành một hệ thống các quy trình nghiệp vụ, các thủ tục bắt buộc kèm các hướng dẫn và biểu mẫu rõ ràng. Đồng thời, toàn bộ các quy trình và thủ tục này cũng thường xuyên được rà soát, cải tiến sao cho phù hợp với hệ thống và không ngừng nâng cao chất lượng quản lý các mặt hoạt động trong Trường. Việc rà soát, cải tiến các quy trình nghiệp vụ, các thủ tục bắt buộc được các đơn vị biên soạn tiến hành vào cuối mỗi năm học để chuẩn bị cho năm học mới, Phòng ĐBCL&TT chịu trách nhiệm giám sát việc cải tiến, tổng hợp, đưa lên website cho mọi người thực hiện [H12.12.01.06].

*Nguồn lực:* Hệ thống đào tạo cũng như thương hiệu của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội ngày càng tăng. Trong những năm gần đây, nhà trường đã có kế hoạch mở thêm ngành học mới, vì vậy kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn lực mà đặc biệt là nguồn nhân lực và tài chính luôn là vấn đề được Ban Giám hiệu đề cập trong các cuộc họp.

-Về nguồn nhân lực: Hàng năm, nhà trường rà soát, bổ sung quy chế về tuyển dụng viên chức, người lao động, bồi dưỡng đội ngũ, thu hút nhân tài cho phù hợp [H12.12.01.07].

-Về tài chính: Kế hoạch tăng cường nguồn lực tài chính, đa dạng hoá các nguồn thu cũng được đề cập đến trong Nghị quyết của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu về chiến lược gia tăng các nguồn lực tài chính [H12.12.01.08].

- Chiến lược phát triển các nguồn thu của Trường được thể hiện qua thống kê về cơ cấu thu 5 năm (tỷ lệ thu từ tất cả các nguồn) [H12.12.01.09].

Nhà trường có tổ chức phân công trách nhiệm cho từng đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm học. Có sự phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng phụ trách từng mảng công tác theo dõi, giám sát [H12.12.01.10].

Trên cơ sở kết quả so chuẩn, đối sánh của các lĩnh vực hoạt động, năm 2018 nhà trường ban hành quy định về công tác đảm bảo chất lượng, trong đó có quy định về đối sánh, so chuẩn với các trường khác, giữa các năm học với nhau [H12.12.01.11]. Nhà trường có điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu và chỉ số thực hiện có sử dụng kết quả khảo sát của các bên liên quan để xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của trường.

Kế hoạch cải tiến liên tục, không ngừng nâng cao chất lượng các mặt hoạt động trong trường về chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục, nguồn lực,... nhằm thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng luôn được đưa ra trong các cuộc xem xét lãnh đạo. Sau các cuộc họp, Ban Giám hiệu sẽ đưa ra các quyết định để cải tiến hiệu lực của các quá trình thuộc hệ thống quản lý chất lượng, nhằm liên tục nâng cao chất lượng của các hoạt động này.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.***

Chất lượng mọi hoạt động trong Trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội ngày càng được nâng cao là nhờ nhà trường đã thiết lập các quy trình và tiêu chí lựa chọn đối tác hợp tác rõ ràng và nhờ các đơn vị luôn sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để đưa ra các biện pháp, kế hoạch và cải tiến mọi hoạt động của đơn vị mình. Các hoạt động đối sánh và so chuẩn chỉ tiêu đặt ra hàng năm và năm này với năm khác [H12.12.02.01].

- *Tiêu chí lựa chọn đối tác:* Là cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân trong đó ưu tiên chọn các trường có cùng chuyên ngành đào tạo; thuộc loại hình trường đại học công lập; có sự tương đồng về quy mô giảng viên, quy mô người học, trình độ đào tạo và ngành đào tạo; sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

Các đối tác hợp tác trong nước và khu vực của trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội bao gồm: Các trung tâm TĐTT trong nước; các trường đại học cùng chuyên ngành TĐTT trong nước và nước ngoài; hội cựu SV; các tổ chức khác, ... Các đối tác này do

nhà trường tìm kiếm hoặc các tổ chức tự tìm đến đặt vấn đề hợp tác với Nhà trường hoặc thông qua các cơ quan ngoại giao để cùng nhà trường hợp tác trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và phát triển, trao đổi nguồn nhân lực (học giả, SV và chuyên gia), xây dựng và phổ biến CTĐT, học tập suốt đời,... Nhà trường xây dựng các tiêu chí rõ ràng để lựa chọn đối tác hợp tác.

*Đối với các trường đại học:* Là trường đại học có chuyên môn tốt về lĩnh vực TĐTT; CTĐT tương thích để có thể trao đổi SV và công nhận bằng cấp lẫn nhau; đảm bảo tính pháp lý của văn bằng được cấp; có kinh nghiệm chăm sóc và hỗ trợ SV quốc tế, đặc biệt là SV Việt Nam; có các chương trình hỗ trợ việc làm cũng như các dịch vụ tiện ích; có nhiều chính sách học bổng hữu ích; ...

*Đối với các trung tâm TĐTT:* Đối tác phải vững mạnh, nổi tiếng, đáng tin cậy; có nguồn tài chính vững chắc; làm sao đảm bảo hiểu các đối tác của mình thông qua các chuyên viên tham quan hai chiều, gặp gỡ Ban Giám hiệu hai bên và đảm bảo các trường hợp tác phải được công nhận. Trước hết, trong biên bản thỏa thuận giữa hai bên phải ghi rõ làm sao đo lường được chất lượng của chương trình giảng dạy, cũng như quản lý được chất lượng và bảo đảm được chất lượng của chương trình [H12.12.02.02].

- *Tiêu chí xác định nội dung:* Trong so chuẩn và đối sánh xác định các nội dung cần đối sánh về các lĩnh vực ĐT, NCKH, PVCD. Đối với từng lĩnh vực hoạt động có nội dung so chuẩn, đối sánh cụ thể: đối với hoạt động ĐT (*tuyển sinh, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên học lại, thi lại học phần, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, tỷ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp*), hoạt động NCKH (*số lượng đề tài NCKH, giáo trình, xuất bản thông tin khoa học, các bài báo được đăng tải...*), hoạt động PVCD (*số lượng các hoạt động PVCD, loại hình PVCD*). Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của trường không chỉ xác định các tiêu chí để so chuẩn, đối sánh chung, mà còn phải xây dựng tiêu chí cụ thể, xác định thang điểm, phương pháp đánh giá và minh chứng thu thập khi đối sánh với trường đại học định hướng ứng dụng và đối sánh với trường đại học đạt chất lượng trong nước. Cuối năm học tổng kết có báo cáo tổng hợp về kết quả so chuẩn, đối sánh theo các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường.

- *Hướng dẫn sử dụng các tiêu chí:* Các hoạt động so chuẩn, đối sánh có nội dung hướng dẫn quy trình thực hiện so chuẩn, đối sánh gồm các bước: thu thập dữ liệu, thực hiện đối sánh, sử dụng kết quả đối sánh và giám sát, đánh giá việc sử dụng

kết quả đối sánh. Nhà trường giao cho các đơn vị chức năng lựa chọn đối tác, tiến hành so chuẩn đối sánh theo từng lĩnh vực hoạt động. Phòng ĐBCL&TT tổng hợp kết quả đối sánh của trường để nâng cao chất lượng.

Hướng đến cải tiến liên tục và nâng cao chất lượng, Nhà trường Tự đánh giá CSGD dựa trên bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Trên cơ sở các thông tin so chuẩn từ các tiêu chí của các bộ tiêu chuẩn, nhà trường đối sánh với chính mình, để từ đó đưa ra những nhận định về những điểm mạnh, điểm tồn tại chung của hệ thống, đưa ra các kế hoạch cải tiến, xác định những thực tiễn tốt và rút ra những bài học kinh nghiệm để giúp trường nâng cao chất lượng và vị thế trong hệ thống giáo dục đại học.

Nhà trường thực hiện đối sánh nhằm vào một trong các mục tiêu sau: Đối sánh để hiểu rõ hiện trạng của chính mình; đối sánh để xác định khoảng cách giữa mình và các chuẩn mực khách quan bên ngoài mà mình muốn đạt; và đối sánh nhằm học hỏi những phương pháp thực hành tốt nhất từ bên ngoài để triển khai tại đơn vị. Ba mục tiêu này không tồn tại độc lập, mà kết hợp với nhau thành một hệ thống thứ bậc, các mục tiêu đi từ thấp đến cao trên con đường tự cải tiến của nhà trường. Các đơn vị thường tiến hành đối sánh nội bộ một số hoạt động chính sau: Đối sánh trong các mặt hoạt động đào tạo của năm trước và năm sau thông qua việc đánh giá tổng kết năm học về công tác đào tạo. Tỷ lệ SV lên lớp/thôi học, tốt nghiệp hàng năm; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp...[H12.12.02.03]; đối sánh trong tuyển sinh [H12.12.02.04], đối sánh CTĐT của một số trường trong nước và khu vực ; đối sánh kết quả đạt được với CDR; đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.***

Trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội thực hiện việc so chuẩn đối sánh nội bộ năm trước với năm sau về số thí sinh trúng tuyển; số thí sinh nhập học; tỷ lệ thí sinh trúng tuyển so với chỉ tiêu được giao; tỷ lệ sinh viên lên lớp; tỷ lệ sinh viên học lại, thi lại; tỷ lệ sinh viên bỏ học; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình... Căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên vào cuối mỗi học kỳ, cuối mỗi năm học [H12.12.03.01], phòng Quản lý đào tạo và công tác sinh viên và khoa đào tạo sau đại học thống kê số lượng sinh viên, học viên học lại, thi lại, số lượng đủ điều kiện lên lớp

và thôi học. Số liệu và chỉ tiêu đạt được về kết quả học tập và rèn luyện của người học được lưu giữ bởi phần mềm quản lý đào tạo và được thể hiện trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm. Ngoài ra, nhà trường còn xây dựng báo cáo về số liệu tốt nghiệp của sinh viên, học viên hàng năm [H12.12.03.02].

Để giám sát, theo dõi người học trong quá trình học, nhà trường giao cho bộ phận quản lý sinh viên lập sổ theo dõi sinh viên, thống kê số liệu sinh viên buộc thôi học và quyết định buộc thôi học sinh viên hàng năm [H12.12.03.03].

Dưới đây là các bảng đối sánh giữa các năm về tỷ lệ tốt nghiệp; tỷ lệ lên lớp; tỷ lệ học lại thi lại; tỷ lệ sinh viên bỏ học. Từ những tỷ lệ đó sẽ được nhà trường điều chỉnh những hạn chế, yếu kém trong những năm kế tiếp.

**Bảng 12.3.1. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của SV, học viên qua các năm**

Năm	ĐHCQ	ĐHLTCQ	ĐHLT VLVH	Thạc sĩ
2015	496 (98.3%)	227 (99%)	505 (99%)	28 (93.3%)
2016	408 (98.8 %)	52 (99.5%)	65 (99.5%)	42 (100%)
2017	347 (97.2 %)	14 (99%)	173 (99%)	62 (95.4%)
2018	326 (95.4 %)	100 (99%)	0	59 (100%)
2019	187 (93%)	130 (96.3%)	16 (100%)	47 (94%)

Qua bảng cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên, học viên hàng năm đạt từ 93% trở lên.

**Bảng 12.3.2. Đối sánh tỷ lệ thôi học của SV qua các năm học (Hệ ĐH)**

Năm học	Tỷ lệ thôi học %	Tỷ lệ lên lớp %	Tỷ lệ thi lại học lại %
2015 - 2016	6.77 %	97.9 %	13.3%
2016 - 2017	4.59 %	97.1 %	14.4%
2017 - 2018	4.54 %	96.7 %	16.5%
2018 -2019	2.24 %	98.9 %	15.1%

Qua bảng đối sánh tỷ lệ thôi học trên có thể thấy số lượng sinh viên bị buộc thôi học có giảm qua các năm, một phần do tổng số lượng sinh viên qua các năm có biến động giảm, nhưng một phần là do nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp để giảm tỷ lệ sinh viên thôi học như: phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên chủ nhiệm với cán bộ lớp, giữa giáo viên chủ nhiệm với gia đình. Ban chủ nhiệm sinh viên, ban cố vấn học tập



chủ động tư vấn cho sinh viên. Tỷ lệ lên lớp của sinh viên hàng năm đạt từ 96% trở lên, do nhà trường có kế hoạch tổ chức cho sinh viên học lại, thi lại kịp thời cho sinh trả nợ để đủ điều kiện xét lên lớp. tỷ lệ sinh viên học lại, thi lại hàng năm từ 13.3% đến 16.5%. Để hạn chế tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần, nhà trường đã thành lập ban cố vấn học tập để tư vấn, nhắc nhở, động viên sinh viên trong học tập [H12.12.03.04].

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học, nhà trường có tham khảo chương trình dạy học ngành giáo dục thể chất của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thông qua việc đối sánh 2 chương trình về cấu trúc: tổng số tín chỉ; khối kiến thức đại cương; khối kiến thức cơ sở ngành; khối kiến thức ngành; số học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành; thời gian thực hành, thực tập sư phạm [H12.12.03.05]. Kết quả đối sánh thể hiện qua bảng dưới đây.

**Bảng 12.3.3.** Bảng so sánh chương trình dạy học trình độ đại học ngành giáo dục thể chất của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội và Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Cơ sở giáo dục	Số tín chỉ	Kiến thức đại cương	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức ngành	Học phần tự chọn trong kiến thức ngành	THSP, TTSP	Khóa luận TN
Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội	125	28 tín chỉ	30 tín chỉ	52 tín chỉ	16 tín chỉ	8 tín chỉ	7 tín chỉ
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	121	30 tín chỉ	31 tín chỉ	46 tín chỉ	16 tín chỉ	8 tín chỉ	6 tín chỉ

Qua bảng cho thấy: Về cấu trúc 2 chương trình có sự khác nhau ở số lượng tín chỉ, khối kiến thức đại cương và khối kiến thức ngành (từ 2 đến 6 tín chỉ); phân bổ số tín chỉ ở các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khóa luận tốt nghiệp chênh lệch không nhiều (1 tín chỉ); số tín chỉ dành cho các học phần tự chọn trong kiến thức ngành và thực hành, thực tập sư phạm là tương đương nhau. Điều đó cho thấy 2 chương trình dạy học có sự tương đồng, có số lượng các môn tự chọn nhiều, tăng lựa chọn cho sinh viên đáp ứng nhu cầu của xã hội trong việc tìm kiếm việc làm sau này.

Công tác tuyển sinh của nhà trường được tổng kết vào tháng 11 hàng năm. Kết quả tuyển sinh được phòng QLĐT & CTSV tổng hợp thông qua báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm [H12.12.03.06]; trong đó việc so sánh và phân tích các kết quả tuyển sinh đạt được so với năm trước (số thí sinh trúng tuyển, số thí sinh nhập học, chỉ tiêu TS, kết quả TS; vùng tuyển, ...). Dựa trên kết quả việc làm của SV tốt nghiệp ra trường; điều chỉnh, cải tiến, cập nhật chính sách và xây dựng kế hoạch TS hàng năm cho phù hợp, điều chỉnh đề án tuyển sinh, ... nhằm duy trì số lượng đầu vào ít nhất là bằng hoặc tăng lên so với năm trước.

Dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh, nhà trường có cải tiến, ưu tiên tập trung nguồn lực để tăng cường hoạt động ĐBCL nhằm khắc phục các hạn chế, tồn tại so với các yêu cầu của tiêu chuẩn. Năm 2014, nhà trường xây dựng kế hoạch về việc cải tiến chất lượng [H12.12.03.07] để thực hiện tốt các khuyến nghị của hội đồng Tự đánh giá tiêu chí đạt mức trường về kiểm định chất lượng giáo dục. Kế hoạch đã được triển khai đến các đơn vị trong trường nhằm khắc phục những tồn tại và cải tiến chất lượng các hoạt động không ngừng đổi mới sáng tạo trên tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng về chất lượng giảng dạy của GV, về CTĐT và CDR, về chất lượng dịch vụ nhà trường và về chất lượng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phòng ĐBCL&TT tiến hành báo cáo và gửi kết quả các loại khảo sát về cho Ban Giám hiệu và tất cả các đơn vị trong trường [H12.12.03.08]. Các đơn vị sẽ lập một báo cáo về việc sử dụng các kết quả khảo sát cho việc xây dựng kế hoạch, có các hoạt động cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động của đơn vị mình theo biểu mẫu.

Nhà trường còn cử nhiều đoàn VC, NLD đi tham quan học tập ở nước ngoài để học tập về mô hình quản lý, về chuyên môn nghiệp vụ, về công tác công tác giảng dạy, huấn luyện... nhằm nâng cao năng lực và tiếp thu các kiến thức, kỹ năng tiên tiến để nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường [H12.12.03.09]. Việc so chuẩn và đối sánh, ngoài việc giúp nhà trường tăng cường các hoạt động ĐBCL, còn giúp các đơn vị xác định những điểm mạnh của mình (để phát triển chúng hơn nữa) cũng như những điểm yếu của người khác để biến chúng thành cơ hội của mình; khuyến khích đổi mới và sáng tạo và tạo điều kiện cho những thay đổi trong quản lý.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.***

Từ năm 2015 đến 2017 hoạt động đối sánh thể hiện trong các báo cáo tổng kết cuối năm học. Các tỷ lệ đối sánh giữa năm trước với năm sau từ đó điều chỉnh, cải tiến đưa các chỉ tiêu phấn đấu vào phương hướng cho năm sau. Đến năm 2018 nhà trường ban hành quy định về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có một chương về đối sánh, so chuẩn [H12.12.04.01] để các đơn vị trong trường thực hiện. Các tiêu chí đặt ra được cụ thể hơn, các thông tin so chuẩn và đối sánh được thực hiện hàng năm trong tất cả các hoạt động tuyển sinh, đào tạo, NCKH, tài chính, phục vụ cộng đồng,...

Các thông tin so chuẩn và đối sánh trong tất cả các hoạt động: Tuyển sinh, đào tạo, KHCN, ĐBCL, tài chính,... được rà soát hàng năm để điều chỉnh, cải tiến kịp thời. Nhà trường luôn rà soát các hoạt động của mình với các mốc chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng của Bộ GD&ĐT với những điều chỉnh, bổ sung cần thiết để không ngừng nâng cao chất lượng các mặt hoạt động nhà trường.

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội luôn rà soát, đối sánh yêu cầu của các điều khoản và so chuẩn giữa các yêu cầu của điều khoản với thực tế nhà trường. Các đơn vị chức năng tổ chức rà soát, tham mưu, cập nhật văn bản, quy chế, quy định cho phù hợp với quy định của nhà nước và tình hình thực tế của trường [H12.12.04.02]. Các tiêu chí lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn và đối sánh có rà soát, điều chỉnh thường xuyên trong giai đoạn đánh giá từ khi có quy định ban hành.

Về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Trường cũng tiến hành Tự đánh giá tiêu chí đạt mức theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục văn bản hợp nhất 06/VBHN-BGDĐT, ngày 04/3/2014 (10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí) giai đoạn 2009 -2014. Từ những hạn chế của các mặt hoạt động trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên những mặt còn tồn tại được Tự đánh giá tiêu chí đạt mức [H12.12.04.03]. Hàng năm, nhà trường tổng kết rà soát việc thực hiện kế hoạch cải tiến, chỉ ra những điểm còn tồn tại chưa làm được để xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cho năm sau [H12.12.04.04].

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, tất cả các quy trình, các quy định, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, cơ cấu tổ chức nhà trường, quy chế tổ chức và hoạt động trường [H12.12.04.05] luôn được rà soát nhằm đảm bảo mọi hoạt động được đi

đúng hướng, phù hợp với chức năng nhiệm vụ và chiến lược phát triển của trường qua từng giai đoạn.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.***

Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của trường được ban hành năm 2018 và được rà soát, điều chỉnh năm 2019 [H12.12.05.01]. So với quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh năm 2018 thì quy định năm 2019 đã cải tiến, bổ sung thêm một số chỉ tiêu về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng, nguồn nhân lực... Một số đơn vị chức năng có thực hiện so chuẩn, đối sánh ở các lĩnh vực hoạt động của nhà trường với các trường khác như hoạt động về NCKH, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo đối sánh với các trường nước ngoài... Việc so chuẩn, đối sánh giữa các lĩnh vực của nhà trường qua các năm học được thực hiện thường xuyên được thể hiện qua các báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm [H12.12.05.02]. Các thông tin so chuẩn và đối sánh các mặt hoạt động của nhà trường với những yêu cầu mới của các tiêu chí, điều khoản của các hệ thống quản lý chất lượng luôn được cải tiến cho phù hợp với các tiêu chí mới. Các quyết định, kế hoạch, nội dung Tự đánh giá tiêu chí đạt mức sau khi được rà soát so chuẩn, được chỉnh sửa lại cho phù hợp. Kết quả công tác cải tiến liên tục hệ thống ĐBCL của nhà trường đã được Bộ GD&ĐT công nhận đạt chuẩn chất lượng.

Kết quả phân tích so chuẩn và so sánh, đối sánh chất lượng được các đơn vị chức năng sử dụng để có những cải tiến nhất định về đào tạo, NCKH, PVCĐ, cụ thể:

Đối với hoạt động đào tạo: phòng QLĐT&CTSV thực hiện đối sánh về tỉ lệ SV có kết quả học tập, rèn luyện yếu, kém và tỉ lệ SV bỏ học trong các năm học để đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, giảm tỉ lệ SV bỏ học. Đối với hoạt động tuyển sinh, phòng QLĐT&CTSV thực hiện so chuẩn, đối sánh chỉ tiêu tuyển sinh, nhập học và điểm trúng tuyển để bổ sung, phát triển nguồn nhân lực, nâng cấp cơ sở vật chất, có chính sách tuyển sinh phù hợp nhằm nâng cao chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Khi xây dựng các đề án tuyển sinh, ngoài việc đối sánh các tiêu chí xét tuyển phòng QLĐT&CTSV cũng đã tham chiếu các tiêu chí đối sánh của các trường khác khi lựa chọn, xác định thang đo chuẩn [H12.12.05.03].

Đối với hoạt động NCKH: phòng QLKH thực hiện so chuẩn, đối sánh về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV, SV, các công bố khoa học để tăng cường kinh phí khuyến khích hoạt động NCKH cho GV, SV [H12.12.05.04].

Đối với hoạt động PVCD: Sau mỗi hoạt động các tổ chức đoàn thể, phòng chức năng đã đánh giá thông qua báo cáo tổng kết để cải tiến về số lượng, chất lượng ngày một tốt hơn [H12.12.05.05].

Trong các cuộc họp giao ban của Ban giám hiệu và lãnh đạo các đơn vị hàng tháng các quy trình, các quy định, các chính sách, ... sau khi rà soát được trao đổi và cuối cùng đưa ra các nghị quyết, quy chế, quy định, quyết định, các chính sách mới đã được cải tiến nhằm đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và PVCD. Trong giai đoạn phát triển hiện nay, tất cả các đơn vị trong trường đều phải tập trung triển khai thực hiện các nội dung: ĐBCL giáo dục đào tạo toàn diện; tăng SV giỏi, giảm SV yếu kém, SV bị buộc thôi học. đảm bảo thực hiện tốt công tác kiểm định. Đẩy mạnh hoạt động NCKH trong toàn trường; ban hành quy chế chính thức về hoạt động NCKH. Hoàn thiện quy hoạch sử dụng, nâng cấp toàn diện CSVC, tiếp tục tăng cường đầu tư trang thiết bị theo yêu cầu giảng dạy và đồng bộ đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra.

Xây dựng quy chế mới về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, thu hút nhân tài [H12.12.05.06]. Xây dựng quy chế chính thức về công tác chăm sóc, hỗ trợ SV, động viên SV tự giác, chủ động nỗ lực phấn đấu, rèn luyện, tu dưỡng, học tập và phát triển toàn diện [H12.12.05.07]. Hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong CBGV và SV được triển khai thông qua các hoạt động của các tổ chức đoàn thể: Công đoàn và Đoàn Thanh niên như tổ chức thao giảng “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học”, tổ chức Hội chợ việc làm cho sinh viên. Kết quả từ năm 2018 đã tổ chức được 01 Hội chợ việc làm và 01 buổi tư vấn hướng nghiệp; Công đoàn phối hợp với các đơn vị chức năng đã tổ chức thao giảng, thi giảng “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học” [H12.12.05.08].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Nhà trường đã có kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng hệ thống ĐBCL bên trong bền vững, bao gồm các chính sách, các quy trình, thủ tục và các nguồn lực với

các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Các kết quả so chuẩn và đối sánh được sử dụng để tăng cường các hoạt động ĐBCL trong trường.

- Quy trình lựa chọn đối tác, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được xây dựng nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động trong Trường. Các tiêu chí và quy trình lựa chọn đối tác thường xuyên được rà soát và cải tiến sao cho phù hợp với từng bối cảnh phát triển nhà trường.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Nhà trường chưa có biện pháp chế tài để các đơn vị thực hiện hành động khắc phục cải tiến các lỗi phát hiện sau mỗi đợt đánh giá.

### **3. Kế hoạch cải tiến**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và kết thúc)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Có biện pháp chế tài cho các đơn vị còn chậm trễ việc thực hiện hành động khắc phục cải tiến các lỗi phát hiện sau mỗi đợt đánh giá.	Các đơn vị trong trường	Từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường có kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng hệ thống ĐBCL bên trong bền vững, bao gồm các chính sách, các quy trình, thủ tục và các nguồn lực với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Tất cả các đơn vị,	Từ năm 2020 - 2022	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Sử dụng các kết quả so chuẩn và đối sánh để tăng cường các hoạt động ĐBCL trong trường.	Tất cả các đơn vị	Từ năm 2020 - 2022	

4	Phát huy điểm mạnh 3	Luôn áp dụng quy trình lựa chọn đối tác, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động trong Trường. Các tiêu chí của quy trình lựa chọn đối tác thường xuyên được rà soát và cải tiến sao cho phù hợp với từng bối cảnh phát triển Nhà trường.	Tất cả các đơn vị	Từ năm 2020 - 2022	
---	----------------------------	---	----------------------	-----------------------	--

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 12</b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 12.1	4
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	4

### TIÊU CHUẨN 13. TUYỂN SINH VÀ NHẬP HỌC

**Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của CSGD**

Trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội đào tạo các trình độ đại học và sau đại học. Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo.

#### Về chính sách tuyển sinh:

**Với đào tạo trình độ đại học:** Theo thông báo giao chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT [H13.13.01.01], nhà trường thành lập ban xây dựng đề án tuyển sinh [H13.13.01.02], xây dựng đề án tuyển sinh đại học chính quy, xác định các tiêu chí và chính sách tuyển sinh trình độ đại học chính quy phù hợp với từng năm [H13.13.01.03], [H13.13.01.04]. Trên cơ sở đề án tuyển sinh đại học chính quy, Nhà trường ra thông báo tuyển sinh trong đó thể hiện chính sách tuyển sinh gồm đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh (xét tuyển + thi năng khiếu

TDDT),...[H13.13.01.05]. Với tuyển sinh liên thông đại học, Nhà trường họp xác định các chính sách tuyển sinh [H13.13.01.06], ra thông báo tuyển sinh gồm đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh (thi tuyển 2 môn lý luận + thi năng khiếu) [H13.13.01.07].

**Với đào tạo trình độ thạc sĩ:** Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ nhà trường thực hiện theo thông báo giao chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2018, trong các thông báo giao chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, Bộ GD&ĐT cho phép nhà trường tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018; hàng năm, nhà trường đã thành lập hội đồng xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ và ban hành quyết định chỉ tiêu đào tạo hàng năm [H13.13.01.08]. Tiêu chí và chính sách tuyển sinh trình độ thạc sĩ được cụ thể hóa trong quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hệ chính quy tập trung của nhà trường [H13.13.01.09]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ra thông báo tuyển sinh thạc sĩ gồm các thông tin về phương thức tuyển sinh, nội dung thi tuyển, đối tượng và chính sách ưu tiên... [H13.13.01.10].

**Về kế hoạch tuyển sinh:** Trên cơ sở các Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Nhà trường họp xây dựng và ban hành kế hoạch tuyển sinh các chương trình đào tạo, trong kế hoạch tuyển sinh có phân công trách nhiệm của các đơn vị và xác định thời gian thực hiện [H13.13.01.11], [H13.13.01.12], [H13.13.01.13]. Để tổ chức tuyển sinh, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng, trong đó giao trách nhiệm và nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị, từng thành viên hội đồng [H13.13.01.14], [H13.13.01.15], [H13.13.01.16].

**Về truyền thông:** Căn cứ theo kế hoạch tư vấn tuyển sinh [H13.13.01.17], Nhà trường tổ chức cho các đoàn giáo sinh thực tập, cán bộ, giảng viên về các trường THPT ở các tỉnh để tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh cho học sinh phổ thông. Ngoài ra, Nhà trường còn truyền thông qua cổng thông tin Bộ GD&ĐT và các báo điện tử [H13.13.01.18]; Qua trang thông tin điện tử của trường tại địa chỉ <http://dhsptdtthanoi.edu.vn> và fanpage <https://www.facebook.com/SPTDTHN> [H13.13.01.19]. Đồng thời, để nâng cao hơn vai trò của công tác truyền thông, năm 2017 nhà trường đã thành lập phòng truyền thông [H13.13.01.20] giúp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn trực tuyến cho công tác tuyển sinh trình độ đại học và thạc sĩ.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**



***Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.***

Hàng năm, Nhà trường xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

**Tuyển sinh đại học chính quy:**

Để xây dựng Đề án tuyển sinh, Nhà trường thành lập Ban xây dựng đề án, xác định các tiêu chí tuyển sinh [H13.13.02.01], [H13.13.02.02]. Trong đề án tuyển sinh hàng năm có các tiêu chí rõ ràng như: vùng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, nội dung thi tuyển năng khiếu TĐTT, đối tượng xét tuyển thẳng, đối tượng ưu tiên,... Ngoài ra các tiêu chí lựa chọn người học còn được thể hiện trong các thông báo tuyển sinh hàng năm [H13.13.02.03].

Phương thức tuyển sinh của Nhà trường phù hợp với từng năm: Có thể kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển; Thi tuyển; xét tuyển thẳng cụ thể:

Từ năm 2015 đến 2017, nhà trường thực hiện 02 phương thức tuyển sinh: Phương thức 1 xét kết quả thi THPT quốc gia môn Toán + Sinh kết hợp thi tuyển môn năng khiếu TĐTT tại trường và phương thức 2 xét kết quả học tập năm lớp 12 môn Toán + Sinh bậc học THPT kết hợp thi tuyển môn năng khiếu TĐTT tại trường [H14.14.02.04].

Năm 2018, Nhà trường thực hiện 03 phương thức tuyển sinh: Phương thức 1 xét tổng điểm 02 môn (Toán, Sinh hoặc Văn, Sinh) của kỳ thi THPT Quốc gia và thi năng khiếu TĐTT. Phương thức 2 xét tổng điểm 2 môn (Toán, Sinh hoặc Văn, Sinh) của năm lớp 12 THPT và thi năng khiếu TĐTT. Phương thức 3: Tổ chức thi 2 môn Toán + Sinh theo đề riêng của trường và thi năng khiếu TĐTT. Bên cạnh đó còn có diện xét tuyển thẳng (miễn thi năng khiếu) và diện ưu tiên xét tuyển (cộng điểm môn thi năng khiếu) [H14.14.02.05].

Năm 2019, căn cứ thông tư 02/2019/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh với các phương thức: Xét tuyển và thi tuyển qua 04 tổ hợp xét tổng điểm 02 môn (Toán, Sinh hoặc Văn, Sinh hoặc Toán, Giáo dục công dân hoặc Văn, Giáo dục công dân) của năm lớp 12 THPT và thi năng khiếu TĐTT; Diện xét tuyển thẳng (miễn thi năng khiếu) và diện ưu tiên xét tuyển (cộng điểm thi năng khiếu) [H14.14.02.06].

### **Tuyển sinh liên thông đại học (Chính quy và vừa làm vừa học):**

Hàng năm, Nhà trường thành lập hội đồng xác định các tiêu chí tuyển sinh [H13.13.02.07], [H13.13.02.08]. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển; Nội dung thi 3 môn, trong đó có 2 môn lý luận chuyên ngành (Lý luận & phương pháp giáo dục thể chất, Sinh lý thể dục thể thao) và thi năng khiếu TDTT (chạy nhanh khéo và bật xa tại chỗ) [H13.13.02.09].

**Tuyển sinh cao học:** Tiêu chí tuyển sinh trình độ thạc sĩ được xác định trong đề án mở mã ngành đào tạo [H13.13.02.10] và được cụ thể hóa trong quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hệ chính quy tập trung của nhà trường [H13.13.02.11]. Phương thức tuyển sinh: thi tuyển; Nội dung thi 3 môn: Lý luận và phương pháp thể dục thể thao, Sinh lý thể dục thể thao, Ngoại ngữ (Áp dụng miễn thi môn ngoại ngữ với thí sinh có đủ điều kiện theo quy chế) [H13.13.01.12].

### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức:5/7**

#### ***Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.***

Căn cứ theo kế hoạch tuyển sinh đại học [H13.13.03.01], kế hoạch tuyển sinh thạc sĩ [H13.13.03.02], nhà trường xây dựng quy trình tuyển sinh, quy trình đón tiếp nhập học cho các hệ đào tạo như đại học chính quy; đại học liên thông hệ chính quy, liên thông hệ vừa làm vừa học và thạc sĩ [H13.13.03.03].

**Với đại học chính quy, thạc sĩ:** Từ năm 2015 - 2017, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho hội đồng, trong đó có ban thanh tra giám sát công tác tuyển sinh [H13.13.03.04]. Quá trình tổ chức tuyển sinh có danh sách phân công coi thi, giám sát thi và biên bản tiến trình tổ chức thi [H13.13.03.05]. Trong công tác nhập học, Nhà trường xây dựng quy trình đón tiếp sinh viên, học viên nhập học, cụ thể: Phòng QLĐT&CTSV phụ trách công tác đón tiếp, thu hồ sơ đối với sinh viên đại học; Khoa sau đại học phụ trách công tác đón tiếp, thu hồ sơ đối với học viên cao học; phòng KHTC phụ trách thu kinh phí nhập học; phòng TCCB phụ trách giải quyết tạm vắng-tạm trú đối với sinh viên; Đoàn TN phụ trách thu hồ sơ đoàn của sinh viên [H13.13.03.06]. Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường thành lập đoàn thanh tra tuyển sinh đại học, thanh tra tuyển sinh thạc sĩ [H13.13.03.07]; thanh tra công tác nhập học và kiểm tra hồ sơ thí sinh trúng tuyển đại học và thạc sĩ [H13.13.03.08]. Đoàn thanh tra xây dựng kế hoạch thanh tra công tác tuyển sinh [H13.13.03.09], kế hoạch thanh tra nhập học và kiểm tra hồ sơ thí sinh trúng tuyển [H13.13.03.10], xây dựng báo cáo

công tác thanh tra tuyển sinh về công tác chuẩn bị, công tác tuyển sinh, công tác đón tiếp, nhập học [H13.13.03.11].

***Tuyển sinh Đại học liên thông hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học:*** Từ năm 2015 đến nay, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho hội đồng, trong đó có ban thanh tra giám sát công tác tuyển sinh [H13.13.03.12]. Quá trình tổ chức tuyển sinh có danh sách phân công coi thi, giám sát thi và biên bản tiến trình tổ chức thi [H13.13.03.13]. Trong công tác nhập học, Nhà trường giao cho các phòng chức năng phối hợp đón tiếp sinh viên, học viên: Phòng QLĐT&CTSV phụ trách công tác đón tiếp thu hồ sơ, Phòng KHTC phụ trách thu kinh phí nhập học [H13.13.03.14].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác đào tạo, tổng hợp số liệu tuyển sinh và nhập học của các chương trình đào tạo đại học và thạc sĩ [H13.13.03.15].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học***

Từ năm 2015 - 2017, trong công tác tuyển sinh ban thanh tra của Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm trong việc giám sát tuyển sinh [H13.13.04.01], [H13.13.04.02].

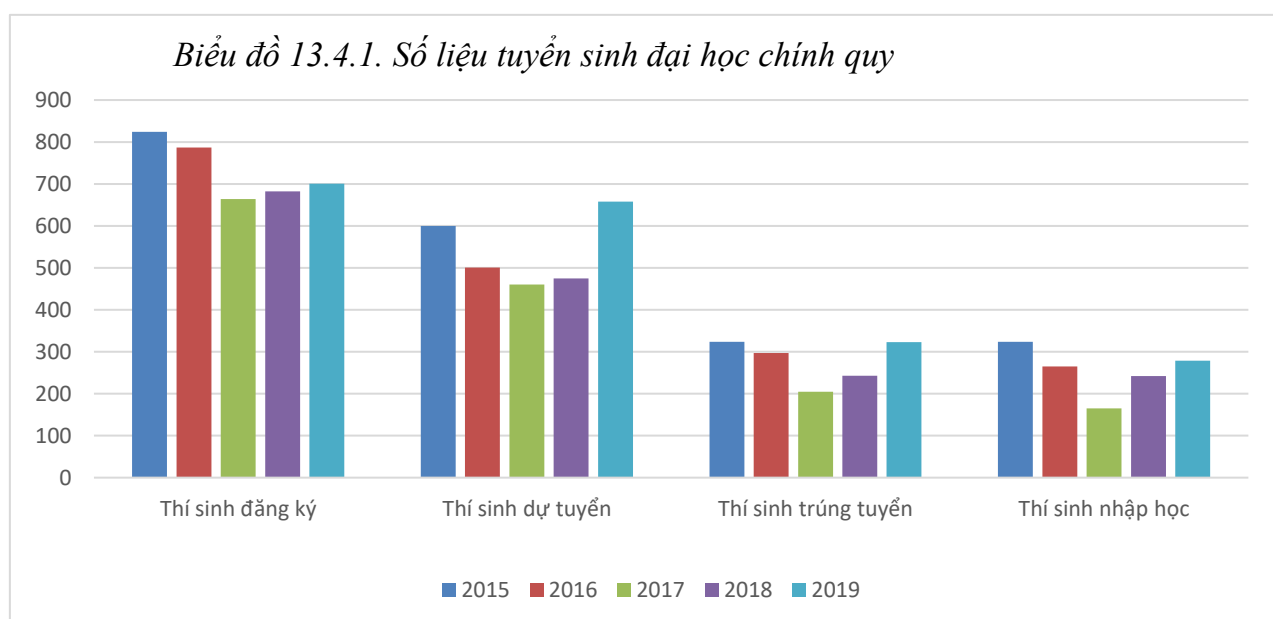
Từ năm 2018, Nhà trường thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh và nhập học đại học chính quy và thạc sĩ [H13.13.04.03], [H13.13.04.04]. Đoàn thanh tra xây dựng kế hoạch thanh tra, phân công trách nhiệm cho các thành viên [H13.13.04.05], [H13.13.04.06]. Kết quả giám sát về tuyển sinh và nhập học được thể hiện trong kết luận của đoàn thanh tra [H13.13.04.07]. Sau tuyển sinh, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh nhằm đánh giá, nhìn nhận lại quá trình thực hiện công tác tuyển sinh của nhà trường và xây dựng phương hướng tuyển sinh cho năm tiếp theo [H13.13.04.08], [H13.13.04.09].

Hàng năm, Nhà trường tổng kết công tác đào tạo, thống kê số liệu tuyển sinh và nhập học [H13.13.04.10].

Số liệu thí sinh đăng ký dự thi, số thí sinh dự tuyển, số thí sinh trúng tuyển, số thí sinh nhập học của đại học chính quy từ 2015-2019 được thể hiện qua bảng 13.4.1 và biểu đồ 13.4.1.

**Bảng 13.4.1. Số liệu tuyển sinh đại học chính quy từ năm 2015 - 2019**

Năm	Thí sinh đăng ký	Thí sinh dự tuyển	Thí sinh trúng tuyển	Thí sinh trúng tuyển nhập học
2015	824	600	324	324
2016	787	501	297	265
2017	664	460	205	165
2018	682	475	243	242
2019	701	658	323	279



Qua bảng 13.4.1 cho thấy: Số lượng thí sinh đăng ký thi tuyển, thí sinh đăng ký dự tuyển, thí sinh trúng tuyển và trúng tuyển nhập học có sự biến động trong các năm do nhu cầu xã hội.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả***

Từ năm 2018, nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học. Trên cơ sở đánh giá công tác tuyển sinh từ đó đề xuất các biện pháp cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học cho các năm tiếp theo [H13.13.05.01].

Qua từng năm, Nhà trường có những bổ sung, điều chỉnh chính sách tuyển sinh. Từ năm 2108, thêm đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển với hình thức cộng

điểm thi năng khiếu; Điều chỉnh phương thức tuyển sinh (tăng tổ hợp môn xét tuyển), số lần tuyển sinh (từ 2 - 3 đợt/năm) nhằm đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà trường và tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh trong việc lựa chọn tổ hợp môn xét tuyển [H13.13.05.02]. Từ năm 2019, quy trình nhận hồ sơ dự tuyển được điều chỉnh cải tiến thuận tiện nhất cho thí sinh như: nộp hồ sơ online, tư vấn trực tuyến.

Hàng năm, Nhà trường tổng kết công tác đào tạo, đánh giá về nội dung tuyển sinh và nhập học, thống kê số liệu tuyển sinh, nhập học cụ thể [H13.13.05.03].

Từ năm 2019, trong buổi nhập học của tân sinh viên, Nhà trường đã tổ chức phát phiếu hỏi lấy ý kiến tân sinh viên về công tác tuyển sinh và nhập học [H13.13.05.04]. Đây là một kênh thông tin để nhà trường có những điều chỉnh, bổ sung công tác tuyển sinh phù hợp và hiệu quả của những năm tiếp theo.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh và nhập học theo đúng quy chế. Xây dựng đề án tuyển sinh với chính sách tuyển sinh phù hợp. Có kế hoạch tuyển sinh rõ ràng; Phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân.

Tích cực trong công tác tuyên truyền, quảng bá tuyển sinh với nhiều hình thức, sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Chưa sơ đồ hóa quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

**3. Kế hoạch cải tiến**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sơ đồ hóa quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.	P. QLĐT&CTSV K.SĐH P.ĐBCL&TT	Năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo công tác tuyển sinh theo quy chế. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh cụ thể, rõ ràng.	P. QLĐT&CTSV Khoa SĐH	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		Tiếp tục sử dụng các hình thức quảng bá, tuyên truyền về công tác tuyển sinh của nhà trường.	Phòng Truyền thông, các đơn vị, cá nhân		

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 13</b>	<b>4,6</b>
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	4
Tiêu chí 13.5	4

### TIÊU CHUẨN 14. THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

**Tiêu chí 14.1.** *Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.*

Trong giai đoạn đánh giá 2015 - 2019, Nhà trường chưa xây dựng mới chương trình đào tạo, tuy nhiên, các chương trình đào tạo được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo chu kỳ 2 năm 1 lần. Căn cứ thông tư 07/2015/TT-BGDĐT [H14.14.01.01] nhà trường đã triển khai việc rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành GDTC trình độ đại học, thạc sĩ cho phù hợp với thực tế. Theo chức năng và nhiệm vụ được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường: phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên là đầu mối trong việc triển khai rà soát, bổ sung và tham mưu phê duyệt, ban hành chương trình đào tạo ngành GDTC trình độ đại học; khoa Đào tạo sau đại học là đầu mối trong việc rà soát, bổ sung chương trình đào tạo ngành GDTC trình độ thạc sĩ;

các đơn vị phối hợp trong việc rà soát, bổ sung, phát triển chương trình đào tạo là các khoa, trung tâm, bộ môn [H14.14.01.02].

Quy trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo đã được thực hiện theo các bước: Xác định nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội thông qua việc lấy ý kiến các bên liên quan; xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; xác định cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo; ban hành chương trình đào tạo; thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xây dựng (mục tiêu học phần/môn học, yêu cầu về chuẩn đầu ra học phần/môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá) và ban hành đề cương chi tiết các học phần/môn học.

Trong giai đoạn đánh giá, nhà trường tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo 2 lần vào các năm 2016 và 2018 cho các đối tượng đại học chính quy và thạc sĩ.

Để chỉ đạo quá trình rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, nhà trường đã thành lập ban rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ [H14.14.01.03]. Lập kế hoạch chỉnh sửa chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, trong đó có nội dung tổ chức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chương trình đào tạo của nhà trường với phương pháp lấy ý kiến trực tiếp thông qua tổ chức hội nghị và tổng hợp ý kiến bằng biên bản và giao cho khoa/bộ môn là đơn vị chủ trì nghiệm thu đề cương sau khi ban hành chương trình đào tạo [H14.14.01.04]. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên, nhà khoa học) tại hội nghị [H14.14.01.05] và ý kiến của các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên ở các trường phổ thông (được lấy ý kiến bằng phiếu hỏi qua các đợt sinh viên đi thực tập hàng năm) [H14.14.01.06], ban rà soát tổng hợp tiếp thu các ý kiến bằng văn bản [H14.14.10.07] và xây dựng dự thảo chương trình sửa đổi; Nhà trường thành lập hội đồng đánh giá để thẩm định sự thảo chương trình đào tạo sửa đổi [H14.14.01.08], các ý kiến của thành viên hội đồng cơ bản đều nhất trí thông qua chương trình đào tạo [H14.14.01.09], trên cơ sở đó nhà trường ban hành chương trình đào tạo đã sửa đổi ở 2 trình độ đại học và thạc sĩ [H14.14.01.10].

Với lần rà soát năm 2018, nhà trường có tham khảo chương trình dạy học ngành GDTC trình độ thạc sĩ và trình độ đại học của trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

[H14.14.01.11], [H14.14.01.12]; tham khảo chương trình dạy học thạc sĩ ngành GDTC của trường Đại học thể thao Bắc Kinh, Trung Quốc [H14.14.01.13].

Đối với hình thức đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học, trên cơ sở các văn bản Quy định của Bộ GD&ĐT, năm 2016 nhà trường ban hành Quy định chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành GDTC [H14.14.01.14]. Năm 2018, căn cứ thông tư 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017, nhà trường thành lập ban rà soát chỉnh sửa quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học [H14.14.01.15], hội đồng hợp và thống nhất chỉnh sửa quy định với 2 đối tượng đúng ngành và ngành gần [H14.14.01.16], trên cơ sở đó trình hiệu trưởng ban hành quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập với đối tượng cao đẳng liên thông đại học [H14.14.01.17]. Căn cứ quy định chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học, hàng năm nhà trường thành lập hội đồng Hội đồng xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học ngành giáo dục thể chất [H14.14.01.18]. Trên cơ sở chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy, hội đồng hợp xác định các môn miễn trừ và thống nhất về khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi đào tạo liên thông từ trình độ CĐ lên ĐH [H14.14.01.19], trên cơ sở đó nhà trường ban hành quyết định khối lượng kiến thức được miễn trừ cho đối tượng này [H14.14.01.20].

Như vậy, quy trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo được nhà trường thực hiện theo đúng thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trong đó quá trình thực hiện rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có sự tham gia góp ý của các giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.***

Nhà trường thực hiện việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường, phòng Quản lý đào tạo và công tác



sinh viên và Khoa đào tạo sau đại học là đầu mối tham mưu lập kế hoạch xây dựng, rà soát, điều chỉnh và tổ chức lấy ý kiến góp ý, tham mưu ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ [H14.14.02.01].

Định kỳ 2 năm/1 lần nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tế.

Trong giai đoạn đánh giá, nhà trường thực hiện rà soát chuẩn đầu ra trình độ đại học và trình độ thạc sĩ vào năm 2016 và 2018. Quy trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra gồm các bước: Thành lập ban rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo [H14.14.02.02]; Xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, trong đó có nội dung lấy kiến phản hồi các bên liên quan về chuẩn đầu ra của 2 trình độ đại học và thạc sĩ [H14.14.02.03], phương pháp lấy ý kiến trực tiếp tại hội nghị; Tổ chức hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về dự thảo chuẩn đầu ra (giảng viên, cựu sinh viên, cựu học viên, nhà tuyển dụng, nhà khoa học) [H14.14.02.04]; Xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo trên cơ sở tổng hợp tiếp thu ý kiến của các bên liên quan tại hội nghị [H14.14.02.05] và ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên ở các trường phổ thông (được lấy ý kiến bằng phiếu hỏi qua các đợt sinh viên đi thực tập hàng năm) [H14.14.02.06]; Thành lập hội đồng đánh giá dự thảo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ở 2 trình độ đại học, thạc sĩ [H14.14.02.07]; Tổ chức họp hội đồng đánh giá lấy ý kiến góp ý và hoàn thiện chuẩn đầu ra [H14.14.02.08]; Ban hành quyết định công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo [H14.14.02.09].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.***

Theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường và theo kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, các khoa, bộ môn là đơn vị chủ trì việc xây dựng, rà soát đề cương môn học theo chương trình đào tạo đại học và thạc sĩ của nhà trường [H14.14.03.01], [H14.14.03.02]. Các khoa/bộ môn có văn bản phân công giảng viên rà soát, bổ sung đề cương môn học [H14.14.03.03] và tổ chức nghiệm thu đề cương môn học báo cáo văn bản nghiệm thu về nhà trường [H14.14.03.04], trên cơ sở đó nhà trường có quyết định ban hành đề

cương môn học để đưa vào sử dụng [H14.14.03.05]. Đề cương môn học/học phần đảm bảo đầy đủ các nội dung: Tên môn học; mã môn học; số học trình (đối với chương trình đào tạo theo niên chế)/số tín chỉ (đối với chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ); thời lượng giảng dạy; điều kiện tiên quyết; mục tiêu môn học/học phần; nội dung môn học (nội dung tóm tắt và nội dung chi tiết); hình thức tổ chức dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá. Đề cương môn học được các khoa, bộ môn phân công giảng viên giảng dạy các học phần công bố cho sinh viên vào đầu năm học, đầu học kỳ khi xuất hiện các học phần do giảng viên đảm nhiệm.

Dựa vào chương trình đào tạo đã ban hành, trên cơ sở kế hoạch đào tạo hàng năm, phòng Quản lý đào tạo và công tác sinh viên xây dựng kế hoạch giảng dạy từng năm học của các khóa đại học, khoa đào tạo sau đại học xây dựng kế hoạch giảng dạy từng năm học của các khóa cao học [H14.14.03.06] và thời khóa biểu hàng tuần, hàng tháng [H14.14.03.07].

Các văn bản về kế hoạch giảng dạy, các quy định về công tác đào tạo được phổ biến đến sinh viên qua tuần sinh hoạt công dân [H14.14.03.08], ngoài ra các nội dung về kế hoạch giảng dạy, các quy chế, quy định dành cho sinh viên trong sổ tay sinh viên được phổ biến thông qua website của nhà trường [H14.14.03.09].

Các hoạt động dạy học được triển khai theo kế hoạch, đôi khi có sự điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế và thực hiện theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các nội dung dạy học, hoạt động kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo đúng đề cương môn học. Tuy nhiên, hình thức phổ biến đề cương môn học đến người học còn hạn chế.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.***

Nhà trường triển khai quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học theo thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành. Trong giai đoạn đánh giá, nhà trường thực hiện 2 năm 1 lần việc rà soát, đánh giá chương trình dạy học để phù hợp với yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội.

Năm 2018, trong quá trình rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học trình độ đại học theo học chế tín chỉ, nhà trường tiến hành so sánh chương trình giữa các năm 2016,

2018 [H14.14.04.01] và tham khảo chương trình dạy học ngành giáo dục thể chất của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thông qua việc đối sánh 2 chương trình về cấu trúc: tổng số tín chỉ; khối kiến thức đại cương; khối kiến thức cơ sở ngành; khối kiến thức ngành; số học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành; thời gian thực hành, thực tập sư phạm. Về cấu trúc 2 chương trình có sự khác nhau ở số lượng tín chỉ, khối kiến thức đại cương và khối kiến thức ngành (từ 2 đến 6 tín chỉ); phân bổ số tín chỉ ở các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khóa luận tốt nghiệp chênh lệch không nhiều (1 tín chỉ); số tín chỉ dành cho các học phần tự chọn trong kiến thức ngành và thực hành, thực tập sư phạm là tương đương nhau. Điều đó cho thấy 2 chương trình dạy học có sự tương đồng, có số lượng các môn tự chọn nhiều, tăng lựa chọn cho sinh viên đáp ứng nhu cầu của xã hội trong việc tìm kiếm việc làm sau này [H14.14.04.02].

Với chương trình dạy học trình độ thạc sĩ, ngoài việc so sánh chương trình dạy học giữa các năm 2016, 2018 [H14.14.04.03], nhà trường chọn chương trình dạy học của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh để so sánh về cấu trúc: tổng số tín chỉ, sự phân bổ các khối kiến thức đại cương, kiến thức ngành, kiến thức bắt buộc, kiến thức tự chọn và luận văn tốt nghiệp. Qua bảng so sánh 2 chương trình dạy học của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội và trường Đại học TDTT Bắc Ninh cho thấy: Cấu trúc chương trình dạy học của 2 trường có sự tương đồng với nhau; sự khác nhau thể hiện ở sự phân bổ số lượng tín chỉ của các khối kiến thức đại cương, kiến thức ngành, luận văn tốt nghiệp. Ngoài ra trong khối kiến thức ngành chương trình của nhà trường giảm số tín chỉ học phần bắt buộc và tăng số tín chỉ đối với học phần tự chọn so với chương trình dạy học của Đại học TDTT Bắc Ninh [H14.14.04.04].

Nhà trường còn chọn chương trình dạy học trình độ thạc sĩ của trường Đại học TDTT Bắc Kinh (Trung Quốc) để so sánh với chương trình dạy học thạc sĩ của trường thông qua các tiêu chí: tổng số tín chỉ, khối kiến thức chung, học phần bắt buộc, học phần tự chọn và luận văn tốt nghiệp.

Qua bảng đối sánh cho thấy: Cấu trúc chương trình dạy học của trường Đại học Thể thao Bắc Kinh - Trung Quốc và Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đều chia theo các khối kiến thức. Với chương trình dạy học của Trường Đại học Thể thao Bắc Kinh - Trung Quốc: Không quy định số tín chỉ dành cho luận văn tốt nghiệp; quy định số tín chỉ hoạt động thực tiễn; số lượng môn phương hướng chuyên ngành nhiều; trong

chương trình có khối kiến thức môn tự chọn dành cho học viên có thể tự chọn để học nhưng không yêu cầu, gồm môn tự chọn phổ biến và môn tự chọn bất kỳ. Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa 2 chương trình dạy học [H14.14.04.05].

Cùng với việc đối sánh các chương trình dạy học; trong quá trình rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo nhà trường đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy học phù hợp với nhu cầu xã hội [H14.14.04.06].

Như vậy, nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá chương trình dạy học để phù hợp với nhu cầu xã hội. Trong quá trình rà soát đã tham khảo chương trình dạy học của cơ sở giáo dục khác trong nước, nước ngoài và so sánh chương trình dạy học năm 2016, 2018; tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về chương trình dạy học. Tuy nhiên, nhà trường chưa tiến hành đối sánh chương trình dạy học đại học của trường với chương trình dạy học đại học tiên tiến trong khu vực.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.***

Chương trình đào tạo ngành GDTC của nhà trường được thiết kế, rà soát theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường không xây dựng quy trình thiết kế, rà soát riêng. Chương trình dạy học trình độ đại học và trình độ thạc sĩ được rà soát, điều chỉnh 2 lần vào năm 2016 và 2018 [H14.14.05.01].

Từ năm học 2018-2019, nhà trường tiến hành song song 2 chương trình dạy học ngành GDTC trình độ đại học theo hệ thống niên chế và hệ thống tín chỉ. Do vậy năm 2018, nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học trình độ đại học phù hợp với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó tăng số lượng lấy ý kiến góp ý cho chương trình đào tạo của các nhà tuyển dụng (ngoài nhà tuyển dụng là các cơ sở giáo dục, thêm ý kiến của trung tâm TĐTT) [H14.14.05.02]. Ngoài ra, nhà trường còn tham khảo chương trình dạy học trình độ đại học của trường Đại học TĐTT Bắc Ninh [H14.14.05.03]; tham khảo chương trình dạy học trình độ thạc sĩ của 1 cơ sở giáo dục trong nước (trường Đại học TĐTT Bắc Ninh) [H14.14.05.04] và 1 cơ sở giáo dục trong khu vực (Đại học Thể thao Bắc Kinh) [H14.14.05.05]. Việc đánh giá,

phương pháp đánh giá cũng được cải tiến thể hiện trong đề cương môn học năm 2018 [H14.14.03.06].

Từ năm 2019 nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát sinh viên trước khi tốt nghiệp thông qua phiếu hỏi về chương trình dạy học của nhà trường, về hoạt động tổ chức và quản lý đào tạo,... [H14.14.05.04]. Báo cáo tổng kết các ý kiến cho thấy: 86.08% sinh viên cho rằng mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra là tốt và rất tốt; 82.54% sinh viên được hỏi cho rằng tỷ lệ phân bố hợp lý giữa lý thuyết và thực hành [H14.14.05.05]. Đây là 1 kênh thông tin giúp nhà trường có những điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học cho chu kỳ rà soát tiếp theo.

Như vậy, trong quá trình thiết kế, rà soát chương trình dạy học của nhà trường năm 2018 đã có sự cải tiến trong việc tăng số lượng lấy ý kiến phản hồi và tham khảo, so sánh chương trình dạy học với cơ sở giáo dục khác trong nước và nước ngoài.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

#### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14**

##### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Quy trình rà soát, bổ sung chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của nhà trường tiến hành theo đúng thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra được thiết kế, cải tiến đáp ứng với nhu cầu các bên liên quan.

##### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Chưa tiến hành đối sánh chương trình dạy học đại học của trường với chương trình dạy học đại học tiên tiến trong khu vực.

##### **3. Kế hoạch cải tiến**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành so sánh, tham khảo chương trình đào tạo đại học với các cơ sở giáo dục trong khu vực.	Phòng QLĐT&CTSV, Khoa SDH	Năm 2020	
2	Phát huy điểm	Thực hiện quy trình rà soát, bổ sung chuẩn đầu ra và	Phòng QLĐT&CTSV,	Theo chu kỳ 2 năm 1 lần.	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	mạnh	chương trình đào tạo của nhà trường theo đúng thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra được thiết kế, cải tiến đáp ứng với nhu cầu các bên liên quan.	Khoa SĐH, các khoa, bộ môn		

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá tiêu chí đạt mức
<b>Tiêu chuẩn 14</b>	<b>4.0</b>
Tiêu chí 14.1	4
Tiêu chí 14.2	4
Tiêu chí 14.3	4
Tiêu chí 14.4	4
Tiêu chí 14.5	4

### TIÊU CHUẨN 15. GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

**Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.**

Năm 2015 triết lý “Cùng nhau kiến tạo cơ hội” chính thức được Nhà trường tuyên bố tại Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội giai đoạn 2015-2020 [H15.15.01.01]. Nội dung quan điểm triết lý này phù hợp với mục tiêu chung được Luật giáo dục đại học đó là “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”

**[H15.15.01.02].** Đồng thời phù hợp với sứ mạng của Trường đó là “đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo viên giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; nghiên cứu và ứng dụng về giáo dục thể chất và thể thao trường học; bồi dưỡng tài năng thể dục thể thao, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao chất lượng hiệu quả và hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục Việt Nam” **[H15.15.01.03].**

Từ triết lý giáo dục được xác định, Nhà trường đã xây dựng chuẩn đầu ra cho các CTĐT với nội dung chuẩn đầu ra được thiết kế tăng cường bài tập, thực hành và số các môn tự chọn để nâng cao tính chủ động của SV, do đó trong quá trình dạy/học SV phải tự tìm hiểu và thực hiện chứ không đơn thuần là tiếp thu kiến thức do GV cung cấp. Nhất là với đặc thù về sự phạm TĐTT, nghề không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức, mà còn cùng nhau tạo cơ hội để cùng phát triển **[H15.15.01.04].** Đồng thời nhằm cụ thể hóa chuẩn đầu ra, nhà trường đã ban hành các chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ **[H15.15.01.05]**, Ban hành Kế hoạch đào tạo cho từng năm học **[H15.15.01.06].**

Để đảm bảo việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục, nhà trường đã ban hành Quy định về công tác đào tạo **[H15.15.01.07]**, cụ thể hóa việc phân công nhiệm vụ cho giảng viên của khoa/bộ môn **[H15.15.01.08]**, xây dựng kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu cho các khóa **[H15.15.01.09]**, **[H15.15.01.10].**

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.***

Nhà trường xác định, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên là chủ trương mang tính chiến lược, chủ trương đó được cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội giai đoạn 2015 - 2020 **[H15.15.02.01].** Nhằm cụ thể hóa mục tiêu của Chiến lược, Nhà trường đã triển khai nhiều giải pháp, trong đó đã xây dựng đề án vị trí việc làm, xác định rõ tiêu chuẩn chức danh cho từng vị trí của giảng viên **[H15.15.02.02]**; Ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức quy định rõ về: nguyên tắc tuyển dụng; điều kiện đăng ký dự tuyển; tổ chức thực hiện tuyển dụng,... đồng thời nhằm cụ thể chính sách thu hút tuyển chọn đội ngũ giảng viên trình độ cao, tại Điều 18 của Quy chế đã có quy định cụ thể về xét tuyển đặc cách với các đối tượng ưu tiên

[H15.15.02.03]. Để tuyển chọn đội ngũ giảng viên, việc tuyển dụng được Nhà trường vừa thực hiện thông báo rộng rãi công khai trên trang website tại địa chỉ <http://dhsptdtthanoi.edu.vn>, vừa đăng trên Báo Giáo dục và Thời đại [H15.15.02.04] và đã tuyển dụng được 21 giảng viên [H15.15.02.05].

Đặc biệt năm 2016 Đảng ủy Trường đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về chính sách thu hút tuyển chọn đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao đến làm việc tại Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H15.15.02.06]. Với chính sách này, trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã thực hiện thu hút được 02 giảng viên có trình độ chuyên môn cao, gồm: 01 giáo sư, tiến sĩ; 02 tiến sĩ [H15.15.02.07].

Nhà trường có chính sách cho giảng viên các tỉnh xa mượn đất làm nhà ở tạo điều kiện thuận lợi để yên tâm công tác [H15.15.02.08]. Về chính sách đào tạo bồi dưỡng: hỗ trợ tiền học phí và mức thưởng cho giảng viên sau khi hoàn thành nghiên cứu sinh; Thưởng cho các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế [H15.15.02.09]; Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, nhà trường có những chế độ, chính sách như cử giảng viên đi học tập trong và ngoài nước [H15.15.02.10]. Những cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm quản lý sẽ được bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt [H15.15.02.11].

Từ các chính sách thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, đến nay số lượng GV của Trường được tăng cả về lượng và chất [H15.15.02.12].

Để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, Ban Giám hiệu Nhà trường thực hiện thống nhất giao cho các khoa phân công nhiệm vụ cho giảng viên dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm [H15.15.01.13]; đối với giảng viên có trình độ thạc sĩ mới được tuyển dụng, được nhà trường bố trí thực hiện nhiệm vụ dự giờ, trợ giảng; đối với đối tượng sinh viên giỏi giữ lại trường để làm giảng viên có trình độ cử nhân được nhà trường tạo điều kiện tiếp tục cho đi học để đạt chuẩn.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.***

Để giúp sinh viên có ý thức và điều kiện thực hiện việc học tập suốt đời, trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội đã tạo ra môi trường học tập đa dạng, phong phú cho sinh viên.



Hàng năm, căn cứ vào Chương trình đào tạo [H15.15.03.01] Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết môn học từng kỳ, năm học, khóa học [H15.15.03.02]; cũng như thời khóa biểu cụ thể cho từng kỳ, từng khóa, từng lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, nghiên cứu [H15.15.03.03].

Ngoài việc học tập tại các sân thực hành, giảng đường, sinh viên còn được học tập tại phòng thực hành khu Thí nghiệm thể chất ... và tham gia các hoạt động thực hành sư phạm [H15.15.03.04], thực tập sư phạm [H15.15.03.05] tại các trường THCS, THPT trong cả nước nhằm tạo điều kiện cho sinh viên được trải nghiệm, tích lũy kiến thức chuyên môn nghiệp vụ; học hỏi thêm những kỹ năng sống để trưởng thành hơn.

Nhằm triển khai các hoạt động học tập đa dạng cho sinh viên, bên cạnh việc thường xuyên rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tăng kỹ năng thực hành, tăng tỉ lệ bài tập và các môn thực hành, công khai các kế hoạch, thời khóa biểu năm học. Nhà trường tổ chức thi, kiểm tra công nhận đăng cấp vận động viên; tổ chức các giải TDTT truyền thống; Giải nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên [H15.15.03.06]; Tổ chức các khóa học bồi dưỡng phương pháp dạy bơi và cứu đuối [H15.15.03.07]. Ngoài ra tổ chức cho sinh viên tham gia đi thi đấu ở các giải thể thao khu vực Hà Nội và toàn quốc; tham gia hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học toàn quốc; Từ năm 2018 Nhà trường tổ chức hội nghị nghiên cứu khoa học của sinh viên [H15.15.03.08].

Với đặc thù về đào tạo lĩnh vực TDTT, Nhà trường đặc biệt quan tâm tới việc đầu tư cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt chuẩn đầu ra như: tập trung đầu tư trang bị vào cơ sở vật chất, sân bãi dụng cụ gồm 01 sân bóng đá trải thảm cỏ nhân tạo; 01 sân điền kinh phủ chất dẻo tổng hợp; bể bơi thông minh; nhà thi đấu đa năng; nhà thí nghiệm thể chất; thư viện; nhà tập thể dục; 06 sân bóng chuyền; 02 sân quần vợt; 01 sân bóng ném; 02 sân bóng rổ; 02 giảng đường 4 tầng với các phòng học được trang bị máy chiếu, máy tính kết nối internet [H15.15.03.09]. Ngoài ra hàng năm nhà trường đăng cai tổ chức các giải thi đấu TDTT khu vực Hà Nội và toàn quốc phục vụ cộng đồng và tăng cường trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ tổ chức các giải thi đấu.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.***

Việc giám sát hoạt động dạy và học được Nhà trường thực hiện dưới nhiều hình thức như: Giao cho các khoa, bộ môn, phòng chuyên môn trực tiếp thực hiện. Việc theo dõi lên lớp giảng dạy của giảng viên theo đúng phân công giảng dạy của các khoa, bộ môn [H15.15.04.01]. Phòng QLĐT & CTSV giám sát quá trình lên lớp giảng viên thông qua việc ký giờ, ký mượn dụng cụ, ký sổ đầu bài [H15.15.04.02]. Căn cứ vào việc giám sát quá trình lên lớp của giảng viên là một tiêu chí để đánh giá phân loại viên chức hàng năm [H15.15.04.03].

Việc đi học của sinh viên được giám sát qua đội tác phong sư phạm, cán bộ lớp và giảng viên giảng dạy. Kết quả giám sát được thể hiện trong báo cáo sơ kết công tác sinh viên hàng tháng [H15.15.04.04]. Thông qua việc giám sát kết thúc học kỳ, năm học nhà trường đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học làm cơ sở cho việc khen thưởng và cấp học bổng [H15.15.04.05], [H15.15.04.06].

Ngoài giám sát hoạt động dạy và học trên giảng đường, cán bộ thư viện cũng giám sát việc mượn tài liệu của giảng viên, sinh viên trong Nhà trường [H15.15.04.07].

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch tổ chức thi giảng, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, dự giờ đột xuất [H15.15.04.08] và lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy hàng năm [H15.15.04.09]. Kết quả thi giảng, kiểm tra hồ sơ chuyên môn được thể hiện trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo năm học [H15.15.04.10]. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được thể hiện thông qua báo cáo tổng kết [H15.15.04.11]. Từ đó các khoa/bộ môn điều chỉnh, cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời***

Thực hiện nguyên lý, mục tiêu giáo dục và triết lý được xác định “Cùng nhau kiến tạo cơ hội” như sợi chỉ đỏ xuyên suốt các hoạt động của Nhà trường [H15.15.05.01]. Năm 2017, trong dịp sơ kết Chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã tiến hành rà soát nội hàm của triết lý giáo dục theo chu kỳ [H15.15.05.02].

Đối với hoạt động giảng dạy, quán triệt và thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản và toàn diện, Nhà trường đặc biệt

coi trọng nhiệm vụ đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Ban Giám hiệu đến hoạt động quản lý và việc tham gia của cán bộ, giảng viên. Để đảm bảo việc đổi mới bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp nhà trường đã tiến hành rà soát định kỳ 2 năm/1 lần nhằm điều chỉnh và bổ sung, đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của xã hội, của người sử dụng lao động, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động [H15.15.05.03], [H15.15.05.04].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy [H15.15.05.05] và khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo [H15.15.05.06] và sử dụng ý kiến phản hồi này như 1 kênh thông tin quan trọng để cải tiến, nâng cao chất lượng của hoạt động dạy và học.

Ngoài ra, để đáp ứng các mục tiêu đào tạo từng thời kỳ cũng như nâng cao chất lượng dạy và học, hàng năm căn cứ qua việc dự giờ, đánh giá giảng viên, khảo sát lấy ý kiến từ giảng viên, sinh viên; các khoa/bộ môn tổ chức họp điều chỉnh các hoạt động dạy và học, thay đổi hình thức thi kiểm tra ở những môn thấy cần thiết [H15.15.05.07].

Đặc biệt Nhà trường chú trọng đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên, do vậy ngoài việc đào tạo theo chương trình, Nhà trường còn tăng cường cho sinh viên luôn tự tin trong việc thể hiện bản thân, làm việc nhóm, xử lý các tình huống để dễ dàng thích ứng với công việc, đáp ứng chuẩn đầu ra [H15.15.05.08].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Nhà trường đã xác định, xây dựng được triết lý giáo dục và chuẩn đầu ra phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020.

- Nhà trường đã tạo được môi trường học tập đa dạng, giúp sinh viên phát triển được kiến thức, kỹ năng cũng như phục vụ việc học tập suốt đời.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Do đặc thù về ngành nghề Giáo dục thể chất nên việc ứng dụng công nghệ thông tin cho việc quản lý đào tạo áp dụng hình thức đào tạo tín chỉ còn chậm so với các ngành nghề khác.

### 3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư công nghệ thông tin cho việc quản lý đào tạo theo hình thức đào tạo tín chỉ	Phòng QLĐT&CTSV Khoa ĐTSDH	Năm học 2019-2020	
2	Phát huy điểm mạnh	<p>Tiếp tục thực hiện tốt chính sách tuyển GV dụng linh hoạt để có đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.</p> <p>Tiếp tục tạo môi trường học tập đa dạng, giúp sinh viên phát triển được kiến thức, kỹ năng cũng như phục vụ việc học tập suốt đời.</p>	Phòng TCCB; Phòng QLĐT&CTSV ; các khoa	Hàng năm	

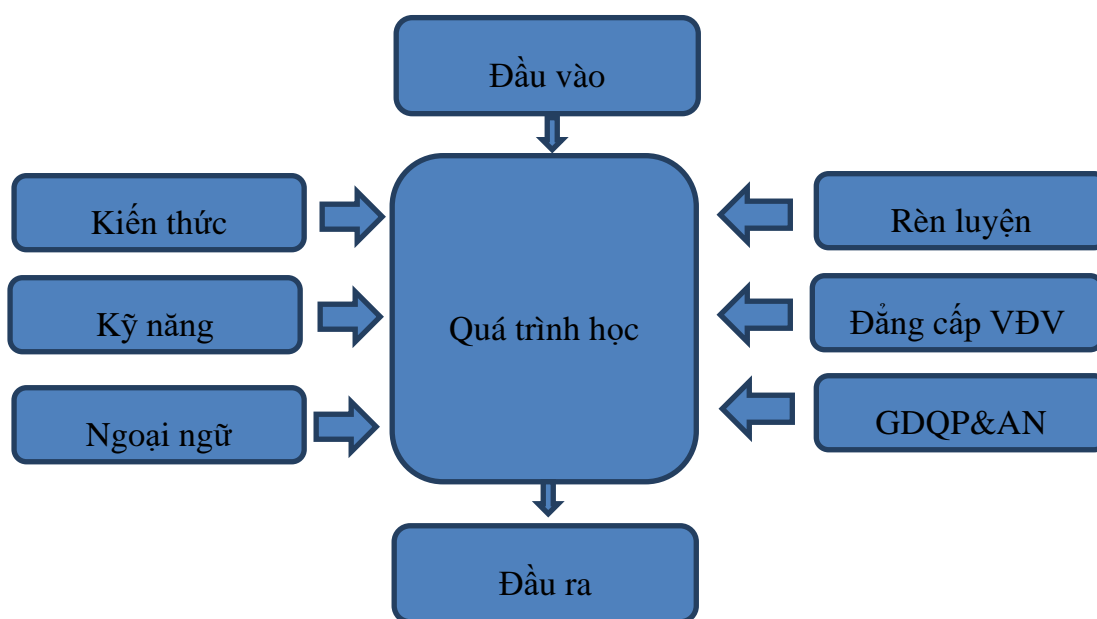
### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 15</b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 15.1	4
Tiêu chí 15.2	4
Tiêu chí 15.3	4
Tiêu chí 15.4	4
Tiêu chí 15.5	4

## TIÊU CHUẨN 16. ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

### *Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp với quá trình học tập*

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những hoạt động có tầm quan trọng trong hệ thống đào tạo. Hoạt động này đòi hỏi sự chính xác, khách quan, công bằng, đồng thời có tác dụng khuyến khích người học hướng đến mục tiêu học tập suốt đời. Vì vậy, việc đa dạng hóa các phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá luôn được nhà trường quan tâm và chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT. Từ những quy định của Bộ GD&ĐT, nhà trường xây dựng quy trình đánh giá người học cho chương trình đào tạo đại học, sau đại học và phổ biến cho các khoa, bộ môn từ đó giao cho Khoa/bộ môn chủ động tổ chức triển khai các hình thức đánh giá, kiểm tra cho phù hợp với các môn học và chuyên ngành đào tạo. Chi tiết thể hiện như sơ đồ 16.1.1.



*Sơ đồ 16.1.1. Mô tả các nội dung đánh giá người học tại trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.*

Quá trình đánh giá được công khai tới sinh viên, học viên trong suốt quá trình đào tạo, cụ thể: ngay khi xét tuyển đầu vào, quá trình học tập các học phần cho đến đánh giá đầu ra của một khóa học. Căn cứ chỉ tiêu của Bộ GD&ĐT giao, Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và công bố Đề án tuyển sinh trong đó có nêu rõ: các phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh,

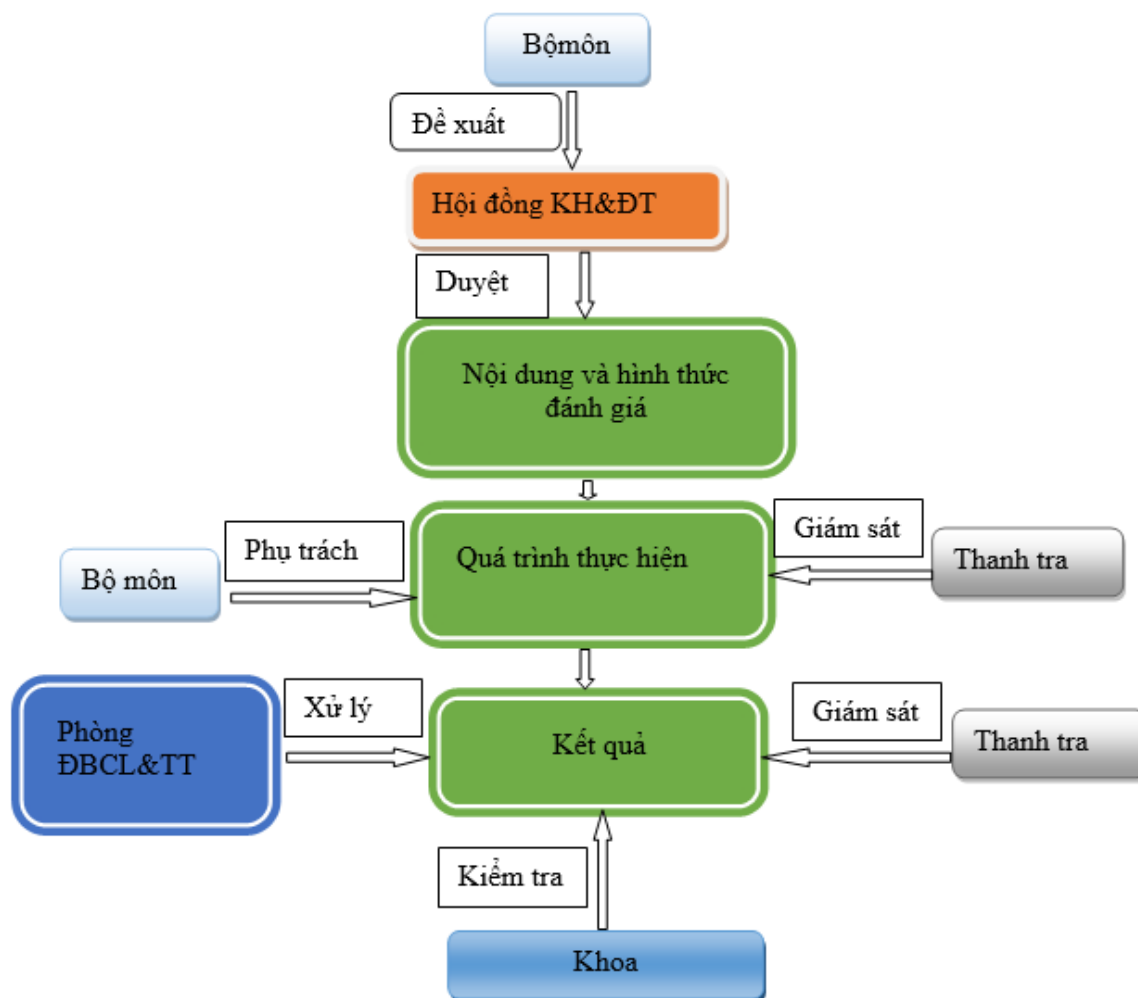
ngưỡng đảm bảo chất lượng, các tổ hợp môn xét tuyển **[H16.16.01.01]**. Trên cơ sở Đề án tuyển sinh nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm nhằm đưa ra các nội dung thời gian cụ thể đơn vị chủ trì và phối hợp đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác tuyển sinh của nhà trường **[H16.16.01.02]**. Căn cứ quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban hành hệ thống các quy chế, quy định trong đó lựa chọn hình thức đánh giá người học phù hợp với mục tiêu và quá trình đào tạo cụ thể: Quy định đối với công tác đào tạo, công tác nghiên cứu khoa học, công tác sinh viên của trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội; Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy; Văn bản hướng dẫn công tác thực tập sư phạm năm 2018, năm 2019; Quy định về công tác khảo thí; Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của các hệ đào tạo.

Để nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường, đảm bảo tính khách quan, công bằng và phủ kín chương trình học tập, nhà trường triển khai xây dựng ngân hàng đề thi kết thúc học phần **[H16.16.01.03]**.

Trên cơ sở các quy định đã được Nhà trường ban hành có quy định rõ về công tác kiểm tra đánh giá kết quả người học, các khoa/bộ môn, đã lựa chọn các loại hình đánh giá quá trình học tập của người học phù hợp đối với mỗi học phần, các loại hình được lựa chọn thông qua xây dựng chương trình đào tạo, đề cương môn học **[H16.16.01.04]**. Các loại hình đánh giá sau khi được thống nhất lựa chọn đã được thể hiện trong đề cương môn học **[H16.16.01.05]**.

Quy trình đánh giá người học được thể hiện trong các quy định của nhà trường. Bộ môn có nhiệm vụ đề xuất nội dung và hình thức đánh giá các môn học do mình phụ trách, Hội đồng Khoa học và Đào tạo xét duyệt trước khi được đưa vào thực hiện. Sau khi ban hành phương thức đánh giá cho môn học, toàn bộ quá trình thực hiện đánh giá sẽ do bộ môn phụ trách, công tác khảo thí sẽ do Phòng ĐBCL&TT đảm nhiệm. Kết quả này cũng được các bên cùng phối hợp kiểm tra (Bộ môn, khoa, phòng QLĐT&CTSV). Thanh tra có nhiệm vụ giám sát trong suốt quá trình thực hiện và công bố kết quả.

Bên cạnh đó, tất cả các quy định, quy trình, các hình thức xử lý, trách nhiệm của các bên liên quan cũng được thể hiện trong các quy định của nhà trường.



Sơ đồ 16.1.2 Quy trình đánh giá người học và trách nhiệm các bên liên quan

Quy trình đánh giá tốt nghiệp người học và nhiệm vụ của các bên liên quan được thể hiện như sau: Bộ môn có nhiệm vụ đề xuất nội dung và hình thức đánh giá học phần, tốt nghiệp. Toàn bộ các nội dung sẽ được Hội đồng Khoa học và Đào tạo đánh giá, Hiệu trưởng xét duyệt, trước khi áp dụng chính thức. Sau khi ban hành phương thức đánh giá tốt nghiệp, toàn bộ quá trình thực hiện đánh giá sẽ do bộ môn và khoa thực hiện. Kết quả này cũng sẽ được khoa và phòng QLĐT& CTSV, ĐBCL&TT kiểm tra trước khi Hiệu trưởng phê duyệt và công bố chính thức. Thanh tra có nhiệm vụ giám sát trong suốt quá trình thực hiện và công bố kết quả.

Việc đánh giá người học của Nhà trường được quy định, hướng dẫn cụ thể trong hệ thống các văn bản trên. Trong quá trình đào tạo tại trường, người học được đánh giá thông qua hệ thống các bài kiểm tra giữa học phần, kết thúc học phần của các môn học. Cụ thể:

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 căn cứ vào 3 điểm đánh giá bộ phận gồm điểm chuyên cần (10%) điểm thi giữa học phần (20%), điểm thi kết thúc học phần (điểm bắt buộc) 70%. Đối với khóa học từ năm 2018 và những khóa tiếp theo, Nhà trường đánh giá theo hệ thống tín chỉ điểm đánh giá môn học được thể hiện theo hệ chữ bao gồm A, B, C, D, F. Để được công nhận tốt nghiệp, ngoài các điều kiện về phẩm chất đạo đức, chứng nhận đăng cấp vận động viên, chứng chỉ Giáo dục quốc phòng thì mỗi sinh viên phải tích lũy đủ khối lượng của chương trình đào tạo, điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đối với sinh viên học theo niên chế phải đạt đạt từ 5,0 trở lên điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đối với sinh viên học theo hệ thống tín chỉ đạt từ 2,00 trở lên [H16.16.01.06], [H16.16.01.07], [H16.16.01.08].

Kỹ năng của người học bao gồm kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm... được đánh giá thông qua điểm đánh giá thực hành và thực tập sư phạm. Trong quá trình sinh viên đi thực tập nhà trường giao cho giảng viên của trường phối hợp với giáo viên tại cơ sở thực tập trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực tập cho sinh viên theo các nội dung quy định gồm: Công tác chủ nhiệm lớp, công tác chuyên môn giảng dạy, công tác ngoại khóa và việc chấp hành các nội quy, quy định của trường và cơ sở thực tập [H16.16.01.09].

Việc đánh giá ý thức học tập, tham gia các phong trào, thực hiện quy chế, nội quy của trường và pháp luật của nhà nước...điểm rèn luyện được đánh giá thường xuyên sau mỗi kỳ học, năm học, khóa học [H16.16.01.10].

Hình thức đánh giá mỗi môn học được thể hiện rõ trong đề cương môn học và được phổ biến tới người học ngay khi bắt đầu môn học. Để phân tích đánh giá loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá mức độ phù hợp, phòng ĐBCL&TT thường xuyên tiến hành lấy phiếu phản hồi của sinh viên trong đó có nội dung về kiểm tra đánh giá môn học và việc sử dụng các hình thức kiểm tra đánh giá của giảng viên. Kết quả đó là một trong tiêu chí để cải tiến phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp [H16.16.01.11].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra***



Hoạt động đánh giá người học là nội dung quan trọng trong quá trình đào tạo. Vì vậy, ngay từ khi nhập học sinh viên đã được phổ biến cụ thể, rõ ràng nội dung, yêu cầu về đánh giá người học trên cơ sở chuẩn đầu ra của trường. Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo được xây dựng và rà soát theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Căn cứ khung chương trình đào tạo các khoa tiến hành xây dựng Chuẩn đầu ra của từng học phần/môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra từng học phần/môn học, của chương trình đào tạo các khoa xây dựng và lựa chọn các phương pháp đánh giá người học phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Căn cứ vào chuẩn đầu ra của ngành, toàn bộ các hoạt động đánh giá người học trong suốt quá trình học được thiết kế để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra và được quy định cụ thể về đánh giá điểm thi [H16.16.02.01].

Nhà trường đã thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra như: tiểu luận, bài thu hoạch, tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, chấm khóa luận tốt nghiệp. Đặc biệt với một số môn chuyên ngành kết hợp hình thức kiểm tra lý thuyết với thực hành [H16.16.02.02], [H16.16.02.03].

Nhà trường thực hiện đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên vào cuối kỳ, năm học theo quy chế đánh giá kết quả điểm rèn luyện [H16.16.02.04] theo các bước như sau:

Bước 1: Sinh viên Tự đánh giá tiêu chí đạt mức điểm cho bản thân.

Bước 2: Họp lớp để đánh giá.

Bước 3: Thông qua giáo viên chủ nhiệm.

Bước 4: Phòng QLĐT&CTSV tổng hợp báo cáo trình hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên.

Bước 5: Ký quyết định công nhận điểm rèn luyện.

Đối với chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ, viết và bảo vệ luận văn là bắt buộc. Kết thúc học kỳ I, học viên đăng ký đề tài luận văn theo năng lực về mặt chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo và phải thông qua hội đồng xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ [H16.16.02.05]; Sau khi thông qua đề cương luận văn thạc sĩ nhà trường sẽ ra quyết định giao đề tài luận văn cho học viên để triển khai thực hiện [H16.16.02.06]; Sau khi hoàn thành luận văn được giảng viên hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ, và đủ điều kiện bảo vệ luận văn theo quy chế, quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành [H16.16.02.07]; Nhà trường tiến hành thành lập Hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ

cho học viên theo quyết định của Hiệu trưởng, học viên phải bảo vệ đề tài trước hội đồng được thành lập theo đề đánh giá kết quả [H16.16.02.08].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra***

Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học sinh viên được cung cấp sổ tay sinh viên trong đó quy định rõ nội dung, yêu cầu, quy trình rèn luyện và đánh giá kết quả học tập [H16.16.03.01]. Sinh viên được giảng viên phổ biến mục tiêu, nội dung, phương thức đánh giá kết quả học tập vào đầu mỗi môn học. Quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên, quy trình phúc khảo, việc phối hợp rà soát đảm bảo chính xác khách quan đã được quy định rõ trong quy định về công tác khảo thí. Quy định này đã được đăng tải trên website và tuần sinh hoạt công dân trước khi bước vào năm học.

Theo hướng dẫn của Thông tư 07/2015TT-BGDĐT, nhà trường đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo vào năm 2016 và năm 2018. Ngoài ra, trong quá trình tổ chức giảng dạy và học tập, giảng viên có thể đề xuất điều chỉnh thay đổi hình thức, phương pháp đánh giá, trọng số đánh giá điểm quá trình và điểm thi cuối kỳ tùy thuộc vào kỹ năng, thái độ của người học và đảm bảo sự công bằng, đảm bảo tính linh hoạt, tự chủ trong đào tạo theo học chế tín chỉ [H16.16.03.02].

Để đánh giá tính phù hợp và chính xác đối với mỗi loại hình kiểm tra đánh giá, Nhà trường đã thực hiện khảo sát khi kết thúc học phần, học kỳ, năm học. Việc khảo sát người học được thực hiện thông qua phát phiếu trực tiếp [H16.16.03.03]. Các kết quả khảo sát đã được tổng hợp, phân tích, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, thay đổi các phương pháp kiểm tra đánh giá người học cho kỳ kiểm tra đánh giá tiếp theo [H16.16.03.04]. Dựa trên kết quả phân tích các phương pháp kiểm tra đánh giá, các khoa tiến hành rà soát và điều chỉnh các phương pháp đánh giá người học cho từng giai đoạn, phù hợp với đặc thù bộ môn và sự thay đổi và cải tiến chương trình đào tạo. Điều đó thể hiện qua nhà trường có kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi được nghiệm thu hai cấp là cấp khoa và cấp trường. Trong quá trình xây dựng và nghiệm thu ngân hàng đề thi các khoa đề xuất hình thức thi đáp ứng mục tiêu giai đoạn hiện nay [H16.16.03.05].

Việc công bố kết quả đánh giá người học tại Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định về công tác đào tạo; công tác khảo thí và kiểm định chất lượng: “Giảng viên bộ môn phải công bố công khai điểm kiểm tra, công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi ở buổi học cuối cùng; Đối với các bài thi kết thúc học phần điểm thi được công bố sau 10 ngày thi, phòng QLĐT&CTSV gửi về các khoa. Khoa công bố điểm thi ...”; Sau khi nhận kết quả thi 3 ngày, người học có quyền làm đơn xin phúc khảo nếu thấy kết quả chưa phù hợp, việc tổ chức chấm phúc khảo bài thi được thực hiện theo đúng theo quy trình chấm thi, giảng viên chấm thi phúc khảo phải là 02 giảng viên khác ...; Các bài thi có sự thay đổi điểm sẽ được dán công khai trên bảng tin [H16.16.03.06].

Từ báo cáo về kết quả khảo sát người học cho thấy trên 80% ý kiến đánh giá tốt với các phương pháp đánh giá hiện có của Nhà trường, và các phương pháp này phù hợp với đề cương môn học, phù hợp với kiến thức và chương trình đào tạo, đồng thời có nhiều ý kiến cho rằng các phương pháp đánh giá hiện đang áp dụng có chất lượng và hiệu quả trong việc phân loại người học sinh viên rất đồng ý về việc kết quả đánh giá được công bố kịp thời. Từ kết quả trên cho thấy các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được Nhà trường rà soát, thực hiện đúng theo quy định như công khai ban đầu, đảm bảo độ chính xác, độ tin cậy và công bằng hướng tới đạt chuẩn đầu ra.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.***

Trên cơ sở tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo và thực hiện Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo trong đó có quy định về rà soát chương trình đào tạo, đề cương môn học; Nhà trường đã tiến hành thay đổi hình thức thi cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường, thực hiện chỉ đạo trên một số môn học đã được chuyển đổi hình thức thi, kiểm tra từ tự luận sang tiểu luận; từ tự luận sang vấn đáp; chuyển từ hình thức thi viết sang hình thức thi 4 kỹ năng đối với ngoại ngữ [H16.16.04.01]. Từ năm 2018 đến nay, nhà trường đào tạo theo hình thức tín chỉ từ khóa 51, việc thi tốt nghiệp theo hình thức đào tạo niên chế sẽ thực hiện hết khóa 50.

Khi kết thúc môn học, học kỳ, năm học phòng ĐBCL&TT kết hợp với phòng QLĐT&CTSV và các khoa thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học, thông qua đó để đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các loại hình phương pháp đánh giá [H16.16.04.02]. Kết quả phân tích, đánh giá cho thấy hầu hết các phương pháp ánh giá hiện có tại nhà trường có độ tin cậy trên 80%. Kết quả này cho thấy việc rà soát, thay đổi hình thức đánh giá đáp ứng được mục tiêu đề ra [H16.16.04.03].

Quy trình xây dựng, đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp kiểm tra, đánh giá đã được chỉ rõ trong các cuộc họp rà soát chương trình đào tạo. Theo đó việc xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp kiểm tra, đánh giá được thực hiện trong quy trình xây dựng chương trình đào tạo, rà soát chương trình đào tạo, xây dựng đề cương chi tiết các học phần. [H16.16.04.04].

Chương trình đào tạo, các phương pháp kiểm tra được công bố công khai trước khi bắt đầu môn học, sổ tay sinh viên và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H16.16.04.05].

Tất cả các phương pháp đánh giá người học được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch đúng theo kế hoạch đã đề ra. Tất cả hoạt động đánh giá người học được giám sát bởi chính người học thông qua các ý kiến đóng góp phản hồi trực tiếp, qua email của lãnh đạo Nhà trường, qua trang sinh viên hoặc thông qua các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên; Bộ phận thanh tra thông qua việc thanh tra khâu chọn đề thi, in sao đề thi, coi thi, chấm thi, chấm kiểm tra và công bố kết quả đánh giá người học. Do đó trong suốt 5 năm qua, Nhà trường không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập. Tính công bằng, minh bạch của các phương pháp đánh giá đã được khảo sát trên sinh viên toàn trường.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16**

***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

Việc đánh giá người học được thực hiện xuyên suốt, thống nhất từ lúc nhập học tới khi ra trường. Quy trình đánh giá chặt chẽ, đảm bảo tính công bằng, khách quan. Các hình thức đánh giá đa dạng, giúp người học phát triển bản thân một cách toàn diện. Mặt khác, hình thức đánh giá được công khai và phổ biến cụ thể tới người học.

## 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Chưa có giải pháp hiệu quả nhằm khuyến khích người học rèn luyện ngoại ngữ trong suốt quá trình học.

## 3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xem xét áp dụng chuẩn yêu cầu tiếng anh cho từng năm học để biến việc học ngoại ngữ là quá trình thường xuyên, liên tục của người học	Các khoa	Hằng năm	
2	Điểm mạnh cần phát huy	Tiếp tục rà soát các quy trình kiểm tra, đánh giá nhằm bổ sung kịp thời những quy định về đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu xã hội			

## 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 16</b>	<b>4,25</b>
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	4
Tiêu chí 16.3	4
Tiêu chí 16.4	4

## **TIÊU CHUẨN 17. CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC**

***Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.***

Với mục tiêu đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh hội nhập, trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội đã xác định “người học” là trung tâm của quá trình đào tạo. Là cơ sở giáo dục đào tạo chuyên môn đặc thù về lĩnh vực Giáo dục thể dục thể thao, có nhiều ưu thế về hoạt động thể chất, năng động, tích cực tham gia các hoạt động phong trào, hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội... Do đó, nhu cầu hỗ trợ các mặt học tập, rèn luyện và hoạt động của đối tượng tham gia học tập tại trường là rất lớn và đa dạng về nhu cầu, lợi ích chính đáng.

Để triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, Nhà trường đã xây dựng và ban hành hệ thống văn bản pháp quy mang tính quy định chặt chẽ, làm căn cứ cho việc triển khai công tác phục vụ và hỗ trợ người học, cũng như tăng cường hệ thống giám sát người học, theo dõi và quản lý quá trình học tập, rèn luyện, tu dưỡng của sinh viên, học viên các hệ đào tạo, hoàn thiện nhân cách, nâng cao năng lực chuyên môn, cụ thể như: Quy định về công tác quản lý sinh viên [H17.17.01.01]; Quy chế đánh giá điểm rèn luyện sinh viên [H17.17.01.02]; Quy định về công tác đào tạo của Nhà trường [H17.17.01.03]; các chế độ chính sách liên quan tới việc đảm bảo các quyền lợi hợp pháp, chính đáng của sinh viên [H17.17.01.04]; Quy định về hoạt động NCKH cho sinh viên [H17.17.01.05]; Quy định công tác cố vấn học tập cho sinh viên [H17.17.01.06]; Quy định về công tác khám chữa bệnh cho sinh viên [H17.17.01.07]; Quy chế quản lý học tập người nước ngoài [H17.17.01.08]; Sổ tay sinh viên [H17.17.01.09].

Nhằm triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được hiệu quả, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch công tác năm học và kế hoạch đào tạo phân công trách nhiệm cho đơn vị chuyên trách triển khai [H17.17.01.10] theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị chuyên trách như Phòng QLĐT&CTSV, phòng ĐBCL&TT, Đoàn thanh niên, ... [H17.17.01.11].

Phòng QLĐT&CTSV căn cứ vào kế hoạch năm học của Nhà trường và chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình, phân công cán bộ trong phòng thực hiện các nội dung hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.01.12], [H17.17.01.13].

Các đơn vị phối hợp phục vụ, hỗ trợ cho người học là Ban cố vấn học tập, Ban chủ nhiệm sinh viên [H17.17.01.14]; đặc biệt Đoàn thanh niên Nhà trường cũng đã phối hợp với các phòng chức năng xây dựng chương trình công tác đoàn và phong trào sinh viên theo từng năm học để giúp các sinh viên phát huy tốt vai trò của đoàn viên và được trải nghiệm các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp sinh viên có thêm các kỹ năng và kiến thức trong quá trình tham gia các hoạt động: hội thi, phong trào thi đua học tốt, thi đấu tốt, tình nguyện hè, câu lạc bộ sinh viên, tập huấn kỹ năng mềm, giao lưu,... [H17.17.01.15].

Việc giám sát hoạt động đào tạo được căn cứ từ đối chiếu kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên với các nội dung quy định pháp lý của nhà trường, quá trình học, thi, nghiên cứu, dựa trên các nguyên tắc, yêu cầu của các quy định được ban hành [H17.17.01.16], [H17.17.01.17]. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo edu 1.0 được xây dựng trên nền tảng ngôn ngữ lập trình Visual Basic 6.0, Crystal Report 8.0 và hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server trong việc hỗ trợ theo dõi, đánh giá người học một cách sát thực và khoa học, phục vụ quá trình quản lý kết quả học tập của sinh viên trong toàn khóa học, xét lên lớp, xét tốt nghiệp [H17.17.01.18]. Các cán bộ của phòng QLĐT&CTSV, giáo vụ các khoa, ban cố vấn học tập, cán bộ phòng ĐBCL&TT, cán bộ thanh tra căn cứ vào hệ thống văn bản pháp quy nói trên để tiến hành giám sát quá trình học tập, rèn luyện của người học trong suốt quá trình học tập theo các nội dung đã được phòng chức năng phân công. Cơ sở dữ liệu kết quả đánh giá người học trong cả tiến trình học tập và rèn luyện được cán bộ phụ trách điểm học tập, rèn luyện theo dõi tổng hợp thể hiện qua bảng điểm kết quả học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên theo từng học kỳ được lưu dưới dạng bản cứng và file mềm [H17.17.01.19].

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và mô tả vị trí việc làm của các đơn vị, Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ hỗ trợ thông qua đánh giá phân loại viên chức hàng năm [H17.17.01.20], [H17.17.01.21]. Kết thúc năm học đội ngũ cán bộ tham gia quá trình phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học dựa trên hiệu quả công tác, việc hoàn thành nhiệm vụ, ý kiến phản hồi của người học về công tác phục vụ và hỗ trợ tự kiểm điểm, đánh giá quá trình công tác của mình thông qua phòng, sau đó hội đồng đánh giá phân loại viên chức của Nhà trường sẽ họp để đánh giá. Kết quả được thể hiện bằng đánh giá phân loại viên chức, lao động hằng năm theo 4 mức, mỗi mức

độ đều có tiêu chí đánh giá cụ thể riêng dành cho từng đối tượng khác nhau, từ đó nhà trường có những điều chỉnh hợp lý về vị trí, hiệu quả việc làm đối với từng cán bộ, viên chức.

Trên cơ sở triển khai các hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học nhà trường đã xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi để đánh giá mức độ hài lòng của người học về công tác phục vụ đào tạo hàng năm [H17.17.01.22].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.***

Nhà trường giao cho Phòng QLĐT&CTSV là đơn vị đầu mối phối hợp cùng các phòng chức năng và chuyên môn triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được quy định trong Quy chế hoạt động của Nhà trường [H17.17.02.01], [H17.17.02.02]. Phòng QLĐT&CTSV phân công 01 phó trưởng phòng phụ trách trực tiếp về về hoạt động công tác sinh viên và các chuyên viên thực hiện việc hỗ trợ người học [H17.17.02.03].

Nhà trường thành lập Ban cố vấn học tập, Ban chủ nhiệm sinh viên thực hiện chức năng phối hợp để hỗ trợ, phục vụ người học [H17.17.02.04].

Đội ngũ cán bộ của các phòng, ban chức năng nói trên đều có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và giàu kinh nghiệm, thường xuyên được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, đáp ứng quá trình cải tiến các phương thức phục vụ, hỗ trợ cũng như giám sát người học. Riêng đội ngũ Ban cố vấn học tập và Giáo viên chủ nhiệm đều có trình độ từ thạc sỹ trở lên, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn đảm bảo việc phục vụ và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện [H17.17.02.05].

Căn cứ vào kế hoạch công tác năm của Nhà trường phòng QLĐT&CTSV cùng các phòng chức năng triển khai các hoạt động hỗ trợ và phục vụ sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện, cụ thể: Thiết lập hệ thống thông tin trải rộng trong toàn trường với thông tin đa dạng, phong phú thể hiện qua hệ thống website của Nhà trường, qua đó sinh viên nắm bắt được các thông tin về hoạt động đào tạo nói chung, lịch học, lịch thi, các hệ thống văn bản pháp quy liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên, các thông báo và hướng dẫn về các hoạt động của Nhà trường, các hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong trường, các phòng ban, khoa, bộ môn cũng như các hoạt động ngoại khóa [H17.17.02.06]. Đầu các khóa học và năm học, sinh viên



được phổ biến, hướng dẫn đầy đủ, chi tiết về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các văn bản quy định của Nhà trường; các chế độ, chính sách, nghĩa vụ, quyền lợi liên quan đến hoạt động học tập của sinh viên thông qua tuần sinh hoạt công dân cho sinh viên [H17.17.02.07]. Trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn như: sinh viên có gia đình thuộc hộ nghèo, sinh viên là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thuộc vùng đặc biệt khó khăn, sinh viên là người dân tộc thiểu số ít người, sinh viên là người dân tộc thiểu số có gia đình thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo đều được hưởng các chế độ chính sách đảm bảo đầy đủ theo đúng quy định của Nhà nước, học bổng của các tổ chức và quỹ khuyến học của Nhà trường theo từng năm học [H17.17.02.08], [H17.17.02.09]. Năm học 2019 - 2020 từng thành viên trong Ban cố vấn học tập xây dựng kế hoạch triển khai công tác tư vấn học tập cho sinh viên từng khóa theo từng nội dung được phân công cụ thể. Đồng thời phối hợp với chuyên viên các phòng ban, Đoàn thanh niên, Chi bộ sinh viên cùng giảng viên và giáo vụ các khoa để trao đổi, cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến các vấn đề về học tập, rèn luyện, hoạt động sinh hoạt hàng ngày, giải quyết các vấn đề vướng mắc giúp SV [H17.17.02.10]. Trạm y tế hỗ trợ sinh viên các vấn đề về sức khỏe như sơ cứu khi có chấn thương trong quá trình học tập và tập luyện, triển khai chế độ bảo hiểm y tế, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo vệ sinh môi trường, cấp phát thuốc hàng ngày. Đồng thời phối hợp với phòng QLĐT&CTSV triển khai khám sức khỏe cho sinh viên khi nhập học và chuẩn bị thi tốt nghiệp [H17.17.02.11]. Song song với trang bị kiến thức chuyên môn của người giáo viên GDTC tương lai, Nhà trường luôn quan tâm và coi trọng việc trang bị các kỹ năng mềm cho sinh viên trong suốt quá trình đào tạo tại trường. Trong các hoạt động, chương trình trang bị kỹ năng mềm, không thể không kể tới hoạt động tập huấn nghiệp vụ công tác Đoàn đội [H17.17.02.12]; Tập huấn công tác tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao [H17.17.02.13].

Năm 2019 Đoàn thanh niên đã phối hợp với phòng QLĐT&CTSV, Ban cố vấn học tập, Ban chủ nhiệm sinh viên xây dựng Đề án thành lập các câu lạc bộ như: Câu lạc bộ hướng nghiệp và việc làm, CLB sinh viên nghiên cứu khoa học, CLB bóng đá sinh viên, CLB thanh niên tình nguyện, CLB nghệ thuật và truyền thông sinh viên, CLB ngoại ngữ sinh viên, CLB các môn thể thao chuyên sâu khác với hình thức hoạt động tự nguyện nhằm tạo cho sinh viên có môi trường hoạt động chính đáng, giao tiếp, ứng xử, vui chơi giải trí lành mạnh, bày tỏ quan điểm, tâm tư nguyện vọng, đồng thời

hỗ trợ giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong học tập, rèn luyện và trong cuộc sống của sinh viên. Tuy nhiên mới thành lập ra câu lạc bộ thanh niên tình nguyện với sự tham gia của 32 sinh viên [H17.17.02.14]. Ngoài ra các hoạt động ngoại khóa do Đoàn thanh niên tổ chức theo các chủ điểm như: Tháng thanh niên chào mừng 26/3; Chiến dịch Mùa hè Thanh niên tình nguyện; Hội thi tiếng hát sinh viên; Hội trại thanh niên; Liên hoan dân vũ và các đội nhảy cổ động; ... cũng tạo môi trường cho các sinh viên có khả năng và năng khiếu đặc biệt ngoài năng khiếu thể thao được bộc lộ, rèn luyện và phát triển, tạo điều kiện cho sinh viên trưởng thành về mọi mặt. Bên cạnh đó các khoa tổ chức các giải thể thao truyền thống vào hằng năm cho sinh viên toàn trường nhằm mục đích tạo sân chơi cho sinh viên giao lưu học hỏi và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ [H17.17.02.15]. Năm 2018 phòng QLĐT&CTSV cùng với Đoàn thanh niên đã phối hợp với một số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội tổ chức chương trình tư vấn kỹ năng nghề nghiệp và ngày hội việc làm cho sinh viên năm cuối nhằm giúp các sinh viên có định hướng đúng đắn về nghề nghiệp và có cơ hội tìm được công việc phù hợp với năng lực và chuyên môn nghiệp vụ của mình ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Thông qua buổi tư vấn trên đã tư vấn việc làm cho 128 lượt sinh viên tại các trung tâm: Tuổi trẻ, Deathlon, Curves, Fitless, ... [H17.17.02.16].

Các hoạt động giám sát người học được triển khai và đánh giá nghiêm túc, đúng quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường được thể hiện qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo để quản lý điểm học tập của sinh viên. Điểm học tập của sinh viên sau khi giảng viên chấm thi sẽ nộp về phòng ĐBCL&TT rà soát và kiểm tra sau đó chuyển về phòng QLĐT&CTSV cho chuyên viên tiến hành nhập điểm vào hệ thống phần mềm [H17.17.02.17]. Việc theo dõi ý thức học tập và rèn luyện của sinh viên hàng ngày thông qua đội ngũ cán bộ lớp, giáo viên chủ nhiệm và việc điểm danh trong từng tiết học của giảng viên khi lên lớp để từ đó phối hợp nhắc nhở, giáo dục sinh viên trong việc chấp hành nội quy, quy định của Nhà trường về công tác đào tạo [H17.17.02.18]. Định kỳ hàng tháng phòng QLĐT&CTSV phối hợp với Ban chủ nhiệm sinh viên cùng Đoàn thanh niên tổ chức sơ kết công tác sinh viên để đánh giá ghi nhận kết quả các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên trong tháng và triển khai phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong tháng sau cho sinh viên toàn trường nhằm tăng cường hiệu quả quản lý sinh viên tốt hơn trong quá trình học tập và rèn

luyện [H17.17.02.19]. Cuối mỗi kỳ học chuyên viên quản lý điểm của phòng QLĐT&CTSV căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên các khóa rà soát danh sách những sinh viên còn nợ môn thông báo cho sinh viên các khóa biết để sắp xếp kế hoạch học trả nợ môn cho kịp tiến trình học tập trong năm và sinh viên năm cuối kịp thời gian xét điều kiện thi tốt nghiệp [H17.17.02.20].

Thông qua Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên đã nhận được sự đánh giá ghi nhận những mặt tích cực và phản hồi trực tiếp của sinh viên về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện. Qua buổi đối thoại giúp cho Nhà trường có thêm thông tin để điều chỉnh trong quá trình tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động hỗ trợ, phục vụ sinh viên, đồng thời còn giúp cho mỗi sinh viên cảm nhận mình luôn là đối tượng được coi trọng, thực sự giữ vai trò trung tâm trong hoạt động đào tạo của nhà trường [H17.17.02.21]. Nhà trường tiến hành khảo sát người học về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát theo từng năm học. Kết quả của sự phản hồi được khái quát trong báo cáo tổng kết công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác phục vụ đào tạo hầu như được người học đánh giá tốt về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát [H17.17.02.22].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.***

Nhà trường thực hiện việc triển khai rà soát, đánh giá các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, giám sát người học qua việc rà soát các quy định, quy chế; từ đó điều chỉnh, bổ sung các quy định, quy chế phù hợp [H17.17.03.01], [H17.17.03.02], [H17.17.03.03], [H17.17.03.04], [H17.17.03.05], [H17.17.03.06]. Trong quá trình thực hiện để phù hợp cho việc hỗ trợ, phục vụ người học Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại trường [H17.17.03.07].

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được triển khai sâu rộng trong suốt quá trình học tập, rèn luyện của người học. Đồng thời được thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học với sự phối hợp hoạt động của phòng QLĐT&CTSV, Đoàn thanh niên và các phòng ban chức năng trong toàn trường. Các hoạt động rà soát, đánh giá được thể hiện qua các báo cáo sơ kết công

tác sinh viên, tổng kết công tác đào tạo, đoàn thanh niên [H17.17.03.08], [H17.17.03.09], [H17.17.03.10].

Bên cạnh các hoạt động rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, hàng năm Nhà trường luôn triển khai việc rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát người học sau khi kết thúc năm học thông qua báo cáo công tác thanh tra hàng năm [H17.17.03.11]. Việc đánh giá mức độ hài lòng của người học về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ được thể hiện trong Báo cáo khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của sinh viên trong lĩnh vực phục vụ đào tạo và hoạt động giảng dạy của giảng viên trong và hoạt động phục vụ của nhà trường [H17.17.03.12].

Căn cứ vào hiệu quả của việc tư vấn, hỗ trợ và phục vụ người học của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được Nhà trường đánh giá và ghi nhận thông qua kết quả phân loại viên chức, người lao động hàng năm [H17.17.03.13].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan***

Để cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học nhà trường luôn coi trọng nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Căn cứ vào nguồn lực của Nhà trường, các báo cáo tổng kết công tác khối đào tạo cũng như ý kiến phản hồi của sinh viên tại Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng Nhà trường với đại diện sinh viên trong các năm học, Nhà trường đã đề ra các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể theo từng kỳ thông qua phân phương hướng nhiệm vụ trong báo cáo tổng kết từ đó để cải tiến các hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học được tốt hơn [H17.17.04.01]. Các hoạt động hỗ trợ người học được cải tiến thể hiện qua hệ thống văn bản được xây dựng cải tiến qua từng năm, trước đây chế độ chính sách của sinh viên được áp dụng theo hệ thống văn bản chung của nhà nước ban hành. Từ năm 2018 đến nay nhà trường căn cứ vào văn bản hướng dẫn của nhà nước và căn cứ điều kiện thực tiễn của nhà trường để xây dựng hệ thống văn bản áp dụng riêng cho sinh viên học tại trường [H17.17.04.02]; Văn bản Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được cải tiến khung điểm đánh giá rèn luyện của sinh viên qua các năm [H17.17.01.03].

Bên cạnh đó, hệ thống phần mềm quản lý đào tạo mới triển khai trong nội bộ phòng QLĐT&CTSV để quản lý điểm học tập của sinh viên chưa kết nối với các đơn vị khác trong trường. Do đó cơ sở dữ liệu về kết quả đánh giá người học được lưu dưới dạng bản cứng và file mềm tại phòng QLĐT&CTSV. Cơ sở dữ liệu về kết quả đánh giá người học được thể hiện qua điểm học tập, rèn luyện [H17.17.04.04], số liệu sinh viên đạt học bổng, khen thưởng trong từng kỳ học [H17.17.04.05], số lượng sinh viên tốt nghiệp hàng năm [H17.17.04.06] thể hiện qua bảng 17.4.1 đối sánh số liệu sinh viên tốt nghiệp các năm.

**Bảng 17.4.1. Số liệu sinh viên tốt nghiệp các năm**

<b>Đối tượng</b> <b>Năm</b>	<b>ĐHCQ</b>	<b>ĐHLTCQ</b>	<b>ĐHLT VLVH</b>	<b>Cao học</b>
2015	496 (98.3%)	227 (99%)	505 (99%)	28 (93,3%)
2016	408 (98.8%)	52 (99.5%)	65 (99.5%)	42 (100%)
2017	347 (97.2%)	14 (99%)	173 (99%)	62 (95.4%)
2018	326 (95.4%)	100 (99%)	0	59 (100 %)
2019	187 (93%)	130 (96.3%)	16 (100%)	47 (94%)

Ban cố vấn học tập đã xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng thành viên; Có quy định địa điểm và lịch trực để tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên trong và ngoài giờ hành chính [H17.17.04.07].

Để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ người học, ngoài việc xây dựng, triển khai các hoạt động thiết thực nhất hỗ trợ người học trong mọi lĩnh vực học tập và rèn luyện, Nhà trường luôn coi trọng những ý kiến phản hồi của từng sinh viên trong công tác phục vụ đào tạo và hỗ trợ khác. Qua việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, kết quả khảo sát cho thấy trên 75% số người học được khảo sát sự hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, từ đó làm căn cứ khắc phục hạn chế, nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ sinh viên gắn liền với điều kiện thực tiễn của Nhà trường và mong muốn của đối tượng được hỗ trợ và phục vụ [H17.17.04.08].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17**

### **1, Tóm tắt các điểm mạnh:**

Nhà trường đã có hệ thống các văn bản và thường xuyên rà soát, bổ sung, cải tiến để triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Phân công cụ thể cho đơn vị chuyên trách và phối hợp để triển khai nhiệm vụ phục vụ và hỗ trợ người học.

### **2, Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Chưa có bộ tiêu chí riêng để đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ và hỗ trợ người học.

### **3, Kế hoạch cải tiến**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng bộ tiêu chí riêng để đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ và hỗ trợ người học.	Phòng TCCB, phòng ĐBCL&TT	Năm 2020	
2	Điểm mạnh cần phát huy	Tiếp tục rà soát, bổ sung, cải tiến hệ thống văn bản để triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.	Các đơn vị liên quan	Năm 2020	

### **4, Mức đánh giá**

<b>Tiêu chuẩn/tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 17</b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 17.1	4
Tiêu chí 17.2	4
Tiêu chí 17.3	4
Tiêu chí 17.4	4

## TIÊU CHUẨN 18. QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

*Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.*

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội xác định NCKH là yếu tố quan trọng giúp Nhà trường gia tăng giá trị học thuật phục vụ cho thực hiện hoạt động đổi mới, sáng tạo. Do vậy, từ khi thành lập đến nay, nhà trường đã chú trọng hoạt động chỉ đạo, giám sát các hoạt động nghiên cứu cụ thể:

Về cơ cấu tổ chức: Nhà trường giao nhiệm vụ phụ trách hoạt động NCKH cho phòng Quản lý khoa học [H18.18.01.01]. Phòng QLKH có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, tổ chức thực hiện hoạt động KH&CN, xuất bản bản tin, tạp chí khoa học, các ấn phẩm NCKH khác,... được thể hiện ở Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội [H18.18.01.02]. Để triển khai các hoạt động KH&CN, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các Hội đồng khoa học đánh giá đề xuất, thông qua thuyết minh, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng đánh giá các Hội nghị khoa học [H18.18.01.03].

Năm 2018, Nhà trường đã kiện toàn cơ cấu tổ chức, thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo [H18.18.01.04]. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường có nhiệm vụ tư vấn định hướng phát triển khoa học công nghệ; kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ, giao nhiệm vụ KH&CN; xây dựng, sửa đổi quy chế, quy định về hoạt động NCKH, thành lập các Hội đồng khoa học, đánh giá công tác quản lý và thực hiện hoạt động KH&CN của các đơn vị trong Nhà trường.

Về các chính sách: Đảng ủy đã ban hành nghị quyết xây dựng chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2020; Để cụ thể việc thực hiện nhà trường ban hành Chiến lược phát triển trường trong đó có mục tiêu, chính sách NCKH [H18.18.01.05]. Phòng QLKH tham mưu cho Ban Giám hiệu xây dựng Quy trình đề xuất quản lý nhiệm vụ KH&CN, Sơ đồ kế hoạch KH&CN chi tiết cho từng năm học [H18.18.01.06]. Phòng QLKH trực tiếp giám sát, rà soát các hoạt động NCKH theo quy trình, kế hoạch đề ra từ giai đoạn đề xuất các nhiệm vụ NCKH cho đến giai đoạn thông qua thuyết minh, báo cáo tiến độ, nghiệm thu sản phẩm trên cơ sở bám sát các Quy định về Quản lý hoạt động NCKH hiện hành từ đó báo cáo lên cấp trên.

Nhà trường đã xây dựng được các quy định, hướng dẫn công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu, quy định về khối lượng NCKH đối với CB, GV. Ban hành Quy định về Quản lý hoạt động KH&CN của Nhà trường trong đó có Quy định rõ về các hoạt động NCKH của CB, GV; Quy định về việc đăng ký, biên soạn, thẩm định và phát hành giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; Quy định về tính giờ chuẩn NCKH, hướng dẫn khóa luận, luận văn, luận án đối với giảng viên; Quy định về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến cơ sở; Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên [H18.18.01.07].

Hàng năm, nhà trường công bố công khai dự toán và phân bổ ngân sách, trong đó có kế hoạch kinh phí cấp cho hoạt động NCKH [H18.18.01.08] và dựa trên số lượng thực tế nguồn kinh phí được giao theo Quyết định việc giao dự toán ngân sách nhà nước [H18.18.01.09], nguồn kinh phí huy động được từ các nguồn khác để thực hiện các hoạt động NCKH theo kế hoạch.

Nhà trường có các tiêu chí đánh giá số lượng NCKH thể hiện trong chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2020 và bản chỉ số năng lực thực hiện hàng năm (KPIs) [H18.18.01.10]. Tiêu chí đánh giá về chất lượng được thể hiện trong các thông tư của Bộ KH&CN, Bộ GD&ĐT và quy định, hướng dẫn về hoạt động KH&CN của nhà trường.

Nhà trường giao cho Phòng Quản lý Khoa học – Trung tâm KH&CN-TT&TV là đơn vị chức năng theo dõi, giám sát trực tiếp các hoạt động NCKH, tham mưu xây dựng Kế hoạch hoạt động KH&CN, thành lập các Hội đồng đề xuất, đánh giá nghiệm thu các kết quả nghiên cứu, tổng kết hoạt động KH&CN và xây dựng các báo cáo lên cấp trên. Các hội đồng có nhiệm vụ đánh giá chất lượng các NCKH.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.***

Đặc thù của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội là đào tạo giáo viên trong lĩnh vực giáo dục thể chất, Sứ mạng của Trường ĐHSPTĐTT HN đã xác định “...nghiên cứu và ứng dụng về giáo dục thể chất và thể thao trường học...”. Với đặc thù như vậy, Nhà trường xác định các hoạt động NCKH tập trung vào việc đổi mới và sáng tạo trong hoạt động đào tạo và hướng tới phục vụ cộng đồng, việc triển khai các



hoạt động NCKH để có nguồn thu cho trường không phải là mục tiêu trọng tâm của Nhà trường với nguồn lực và điều kiện thực tế của Nhà trường.

Ngoài các nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách Nhà nước, Nhà trường đã tập trung huy động nguồn kinh phí cho NCKH giai đoạn 2015-2019 chủ yếu từ việc áp dụng kết quả NCKH vào công tác huấn luyện, giảng dạy trong thực tiễn. Ví như, việc áp dụng kết quả NCKH vào việc đào tạo, huấn luyện Quốc phòng an ninh giúp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng và an ninh đã thu hút được rất nhiều các Trường ĐH, CĐ, THCN, THPT bên ngoài vào ký kết hợp đồng với Nhà trường để đào tạo huấn luyện quốc phòng an ninh, nhà trường cũng cấp chứng chỉ chứng nhận khóa học sau khi học viên hoàn thành khóa học, mỗi năm mang lại nguồn thu cho Nhà trường cũng lên tới vài tỷ đồng. Giai đoạn 2015-2019 thu được số tiền là 28.791.427.000 đồng [**H18.18.02.01**], riêng năm 2019 thu được 7.340.975.000 đồng. Áp dụng kết quả NCKH các đề tài của bộ môn Thể dục, Võ thuật vào việc biên tập các màn đồng diễn phục vụ cộng đồng. Giảng viên các khoa và SV toàn trường tham gia vào chương trình đồng diễn nghệ thuật tại Lễ Khai mạc Hội thao Quốc phòng và Thể dục thể thao lực lượng vũ trang Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội năm 2017 thu 249.600.000 đồng, năm 2019 đã thu về cho Nhà trường 358.800.000 đồng; Việc áp dụng kết quả NCKH của bộ môn Bơi lội vào công tác bồi dưỡng kỹ năng bơi, an toàn bơi và cứu hộ cho CB, CNV công ty Điện lực Chương Mỹ phục vụ công tác phòng chống thiên tai và cứu nạn cứu hộ năm 2019 mang lại cho Nhà trường số tiền **75.000.000** đồng; Từ kết quả NCKH, bộ môn Nghệ thuật Đoàn đội đã áp dụng vào công tác tổ chức hoạt động Trại hè kỹ năng năm 2019 thu về 338.800.000 đồng với số tiền trích về Nhà trường 43.609.600 đồng [**H18.18.02.02**]. Ngoài ra, từ các nguồn thu khác của đơn vị cũng được đầu tư cho NCKH nhưng số lượng còn hạn chế: Năm 2018, cấp cho NCKH 88.615.000 đồng, năm 2019 là 176.530.000 đồng.

**Bảng 18.2.1. Kết quả các nguồn thu từ kinh phí cho NCKH giai đoạn 2015 – 2019**

(Đvt: Triệu đồng)

<b>Năm</b>	Kinh phí từ việc áp dụng kết quả NCKH các đề tài về Quốc phòng và An ninh	Kinh phí từ việc áp dụng kết quả NCKH các đề tài Thẻ dực, Võ thuật	Kinh phí từ việc áp dụng kết quả NCKH các đề tài Bơi	Kinh phí từ việc áp dụng kết quả NCKH các đề tài NTĐĐ	Huy động kinh phí từ nguồn kinh phí tự chủ của đơn vị (nguồn khác)	<b>Tổng cộng</b>
2015	3,030.566				11.700	<b>3,042.266</b>
2016	4,595.778				24.920	<b>4,620.698</b>
2017	5,193.535	249.600			22.680	<b>5,465.815</b>
2018	8,630.573				88.615	<b>8,719.188</b>
2019	7,340.975	358.800	75.000	43.610	176.530	<b>7,994.915</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>28,791.427</b>	<b>608.400</b>	<b>75.000</b>	<b>43.610</b>	<b>324.445</b>	<b>29,842.882</b>

Do trường đặc thù về TĐTT, Nhà Trường chưa ký quyết định thành lập nhóm nghiên cứu mạnh với quy chế tổ chức hoạt động chính thức. Các nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội chủ yếu hình thành trên cơ sở thực hiện các đề tài NCKH. Tuy nhiên, trong những năm vừa qua để thúc đẩy hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, Nhà trường đã ưu tiên đầu tư nguồn kinh phí vào công tác giảng dạy, huấn luyện cho các giải thi đấu của CB, GV, SV tham gia trong các giải đấu lớn trong và ngoài nước với số tiền 264.630.000đ [H18.18.02.03] và đã mang lại hiệu quả cao được minh chứng bằng các thành tích tại các giải thi đấu của CB, GV, các em sinh viên trên đấu trường quốc tế và trong nước khối ngành TĐTT được thể hiện trên Phụ lục báo cáo tổng kết công tác khối đào tạo [H18.18.02.04]. Các giải đấu này là cơ hội cho việc ứng dụng các ý tưởng, kết quả trong nghiên cứu các bài tập TĐTT, từ đó hình thành các hướng nghiên cứu, đề tài NCKH.

Mặc dù nguồn lực còn nhiều hạn chế, nhà trường đã xây dựng các quy định, quy chế khuyến khích giảng viên, sinh viên tham gia NCKH như quy đổi giờ NCKH cho giảng viên, hỗ trợ công bố bài báo quốc tế, thưởng điểm NCKH cho sinh viên [H18.18.02.05], [H18.18.02.06], [H18.18.02.07], [H18.18.02.08]. Bên cạnh đó trường

Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội cũng rất quan tâm đến việc thu hút các nhà khoa học có trình độ cao về trường công tác hoặc tham gia hoạt động NCKH [H18.18.02.09].

Để thúc đẩy hoạt động NCKH phù hợp với mục tiêu “Đổi mới và sáng tạo trong hoạt động đào tạo và hướng tới phục vụ cộng đồng”, trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội khuyến khích các chủ nhiệm đề tài có minh chứng chuyển giao kết quả NCKH trong bộ sản phẩm đề tài NCKH. Do đó trong giai đoạn 2015-2019 nhà trường chuyển giao kết quả NCKH cho: Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao TP. Hồ Chí Minh, Trường THCS Phụng Châu, Trường THCS Lê Quý Đôn, Trung tâm văn hóa Thể thao huyện Chương Mỹ.... [H18.18.02.10]. Các trường nhận sản phẩm bàn giao đã áp dụng vào thực tiễn đạt được kết quả nhất định [H18.18.02.11]. Ngoài hoạt động chuyển giao theo đề tài NCKH nhà trường còn thực hiện các hoạt động chuyển giao kết quả nghiên cứu, đào tạo trên cơ sở các hợp đồng dịch vụ như: tổ chức hoạt động đồng diễn cho các Tỉnh, tổ chức hội thao cho các cơ quan đơn vị...Đối với đề tài NCKH, Trường luôn có hợp tác với các nhà khoa học ngoài trường cùng tham gia để nâng cao chất lượng NCKH. Đối với hợp tác NCKH với các đối tác nước ngoài, Nhà trường khuyến khích tăng cường năng lực NCKH của giảng viên thông qua cử giáo viên đi đào tạo nâng cao trình độ, tham gia hội nghị hội thảo do các trường đối tác tổ chức, mời các trường đối tác tham dự các hội nghị, hội thảo của trường [H18.18.02.12].

Hoạt động NCKH của Nhà trường luôn bám sát với kế hoạch và được triển khai theo kế hoạch đề ra [H18.18.02.13] và được đánh giá trong báo cáo tổng kết cuối năm [H18.18.02.14]. Giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã dành kinh phí cho hoạt động NCKH là 1.572.800.000 đồng cho đề tài, hội thảo, giáo trình... theo bảng thống kê dưới đây.

**Bảng 18.2.2. Bảng kê các khoản chi cho hoạt động NCKH giai đoạn 2015-2019**

(Đvt: Triệu đồng)

Năm	Chi cho đề tài cấp Bộ/TP/NN	Chi cho đề tài cơ sở	Chi cho Hội nghị NCKH sinh viên	Kinh phí tổ chức hội thảo	KP xuất bản giáo trình	CT quản lý GT	Chi khác	Tổng	Ghi chú
2015	150	25.05	12.285	150	285.215	34.65	0.2	657.4	
2016	40	26.69	14.12	64.116		28.35	0.18	173.46	

Năm	Chi cho đề tài cấp Bộ/TP/NN	Chi cho đề tài cơ sở	Chi cho Hội nghị NCKH sinh viên	Kinh phí tổ chức hội thảo	KP xuất bản giáo trình	CT quản lý GT	Chi khác	Tổng	Ghi chú
2017	218	57.45	2.7			27.45	0.18	305.78	
2018	210	32.65	11.18			14.25	0.18	268.26	
2019	84	36.82	6.8	27.95	12.372			167.94	
<b>Tổng cộng</b>	<b>702</b>	<b>178.66</b>	<b>47.085</b>	<b>242.066</b>	<b>297.587</b>	<b>104.7</b>	<b>0.74</b>	<b>1572.8</b>	

#### Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

**Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.**

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Nhà trường đã xây dựng các tiêu chí đánh giá cốt lõi (KPIs) cho hoạt động NCKH trong kế hoạch thực hiện chiến lược của trường [H18.18.03.01]. Hàng năm, nhà trường cụ thể chỉ tiêu NCKH trong kế hoạch năm học gồm: Số đề tài KH&CN các cấp; Số bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, trong nước; Số báo cáo khoa học; Số lượng hội nghị, hội thảo khoa học... [H18.18.03.02]. Từ năm 2017, thực hiện theo các Thông tư, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã xây dựng các Chỉ số năng lực thực hiện (KPIs) bao gồm: nhóm các chỉ tiêu về đào tạo, chỉ tiêu nghiên cứu khoa học, chỉ tiêu phát triển đội ngũ, chỉ tiêu về nguồn lực tài chính, chỉ tiêu phục vụ cộng đồng [H18.18.03.03]. Bên cạnh các tiêu chí (KPIs) nhà trường còn đánh giá hoạt động NCKH bằng các thông tư của Bộ GD&ĐT, quy định của nhà trường [H18.18.03.04].

Căn cứ vào các chỉ số KPIs đặt ra, hàng năm phòng Quản lý khoa học tổng kết đánh giá kết quả NCKH: tiến độ thực hiện đề tài, định mức NCKH của giảng viên từ đó đánh giá chỉ số chung của toàn trường [H18.18.03.05]. Trong quá trình thực hiện để phù hợp với thực tiễn tại các hội nghị tổng kết năm học của trường các chỉ tiêu được rà soát, điều chỉnh hoạt động NCKH để triển khai cho năm tiếp theo [H18.18.03.06], [H18.18.03.07]. Số liệu về NCKH được thể hiện trong bảng 18.3.1.

**Bảng 18.3.1. Bảng tổng hợp số lượng đề tài, bài báo KH thực tế thực hiện**

<b>Năm học</b>	<b>Tổng số đề tài cấp Bộ đã triển khai/chỉ tiêu KH</b>	<b>Tổng số đề tài cơ sở đã triển khai /chỉ tiêu KH</b>	<b>Tổng số bài báo KH đã công bố/chỉ tiêu KH</b>	<b>Số Hội nghị, hội thảo KH đã tổ chức /chỉ tiêu KH</b>	<b>Số bản tin KH xuất bản /chỉ tiêu KH</b>
2015-2016	1/1	25/25	05/5	1/0	0/0
2016-2017	1/1	27/27	55/55	1/0	0/0
2017-2018	1/1	23/18	27/24	2/2	2/2
2018-2019	1/1	11/9	56/27	2/2	4/3
2019-2020	0/1	17/15	8/33	4/2	4/4
<b>Tổng số:</b>	<b>4/5</b>	<b>103/94</b>	<b>151/144</b>	<b>10/6</b>	<b>10/9</b>

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.**

Để cải tiến nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học, Phòng Quản lý khoa học phối kết hợp với các đơn vị phòng ban, các CB, GV, SV triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, cụ thể như sau:

Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tới hoạt động NCKH, bao gồm: khảo sát các đối tượng là CB, GV, SV đang học tập tại Nhà trường, từ đó rút kinh nghiệm, cải tiến để đáp ứng tốt sứ mạng, tầm nhìn của Trường về hoạt động khoa học công nghệ. Các phiếu khảo sát trên nhiều khía cạnh khác nhau như: Cách tiếp cận thông tin NCKH, Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, môi trường NCKH, hoạt động NCKH, tài liệu phục vụ NCKH, kinh phí cho hoạt động NCKH, hoạt động sở hữu trí tuệ, mức độ ứng dụng các sản phẩm NCKH vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện, học tập [H18.18.04.01].

Thông qua việc tổng hợp phiếu khảo sát hoạt động NCKH được thể hiện trong báo cáo tổng kết [H18.18.04.02]. Phòng QLKH xây dựng các Kế hoạch hoạt động KHCN cho năm học tiếp theo, cũng như chỉnh sửa bổ sung các văn bản quản lý hoạt động KHCN, đổi mới quy trình quản lý nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thực tiễn. Việc xây dựng mới các quy định về quản lý hoạt động NCKH phù hợp với tình hình

thực tiễn trong từng giai đoạn gắn với mục tiêu nâng cao chất lượng NCKH [H18.18.04.03]. Quy trình thẩm định đánh giá, nghiệm thu các sản phẩm NCKH được rà soát, bổ sung thông qua việc xây dựng mới các chỉ tiêu đánh giá trong các biểu mẫu đánh giá ban hành kèm theo các quy định trên. Các Quy định này được dự thảo rồi gửi về các đơn vị Trung tâm, Khoa, phòng và gửi tới từng CB, GV trong toàn trường để góp ý xây dựng trước khi chính thức được ban hành [H18.18.04.04]. Trong quá trình khảo sát 100 CB, GV và 200 SV năm 2018 bằng phiếu khảo sát gồm 35 câu hỏi tập trung ở 8 phần nội dung chính về mức độ hài lòng về các thông tin, hoạt động NCKH, chúng tôi thu được kết quả như sau: Tổng điểm hài lòng trung bình của một CB, GV là 126/175 điểm với tỷ lệ hài lòng là 3.6/5 điểm; tổng điểm hài lòng trung bình của 1SV là 137 điểm/175 điểm với tỷ lệ hài lòng là 3.8/5 điểm; Tỷ lệ đáp ứng chung so với mong đợi là 65%, điều đó chứng tỏ hoạt động NCKH được Nhà trường triển khai phù hợp theo quy định của Nhà nước. Công tác quản lý nghiên cứu của Nhà trường được cải tiến và nâng cao có hiệu quả trong tình hình thực tiễn với điều kiện nguồn kinh phí hạn hẹp, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ nghiên cứu còn rất hạn chế. Cũng qua quá trình khảo sát, bằng việc tiếp thu các ý kiến đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động NCKH, nhà trường đã bổ sung được các cơ chế, chính sách quản lý hoạt động nghiên cứu trong giai đoạn tiếp theo như: Bổ sung quy định về hoạt động Sở hữu trí tuệ (2019), bổ sung chính sách hỗ trợ kinh phí cho NCKH như hỗ trợ kinh phí cho đề tài cơ sở (từ năm học 2018-2019), hỗ trợ kinh phí cho công bố quốc tế (từ năm 2018), từng bước nâng cấp Bản tin GDTC&TTTT của trường lên Bản tin KH có chỉ số ISSN (2019), Tăng cường nâng cao nhận thức của CB, GV đối với hoạt động NCKH, có kế hoạch tổ chức thường niên Hội nghị, Hội thảo NCKH tại trường (GV, SV)....

Từng bước tin học hóa hệ thống quản lý KHCN, xây dựng cơ sở dữ liệu về KHCN trên trang Web của Trường [H18.18.04.05] để từ đó các CB, GV, sinh viên có nguồn tài liệu tham khảo phong phú hơn cho các nội dung đề tài dự kiến đưa vào nghiên cứu.

Hàng năm, theo Báo cáo kết quả đánh giá, chấm điểm tiêu chí thi đua với chủ đề “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học” [H18.18.04.06], phòng Quản lý khoa học tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được, tập trung vào các tiêu chí có điểm số chưa

đạt để xây dựng các kế hoạch, các phương án cải thiện cho giai đoạn tiếp theo phần đầu đưa các tiêu chí đạt được theo tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung tiêu chuẩn 18**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

Nhà trường có hệ thống chỉ đạo, điều hành, giám sát, rà soát hoạt động nghiên cứu ngày càng hoàn thiện, hệ thống văn bản quản lý được điều chỉnh, bổ sung chặt chẽ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn. Nguồn kinh phí huy động được cho NCKH tăng lên, các kết quả NCKH có tính ứng dụng cao, sản phẩm NCKH có nhiều đóng góp cho xã hội.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Sự hợp tác nghiên cứu với các viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục khác còn hạn chế.

Nhà Trường chưa thành lập nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu tiềm năng, đầu tư cho nghiên cứu đỉnh cao, những phát kiến khoa học, để triển khai các công trình nghiên cứu mũi nhọn.

**3. Kế hoạch cải tiến:**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Có biện pháp khuyến khích, tìm kiếm các hợp đồng với đơn vị trong nước và quốc tế để các nhóm nghiên cứu đưa ra được các sản phẩm NCKH có giá trị khoa học và ứng dụng cao trong thực tiễn xã hội, không chỉ đối với lĩnh vực giảng dạy và huấn luyện TDTT mà nên đa dạng hóa các hình thức nghiên cứu nhằm tạo ra các sản phẩm thương mại hóa.	Trung tâm KHCN-TT&TV Các nhóm nghiên cứu, Khoa/bộ môn; các trung tâm.	Thực hiện từ năm học 2019-2020	

2	Khắc phục tồn tại 2	Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để triển khai các công trình nghiên cứu mũi nhọn của nhà trường	Ban Giám hiệu; Trung tâm KHCNTT & TV		
3	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát các hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động nghiên cứu đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn.	Trung tâm KHCN-TT&TV Các nhóm nghiên cứu, Khoa/bộ môn; các trung tâm.	Thực hiện từ Tháng 01/2020	

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 18</b>	<b>4,25</b>
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	4
Tiêu chí 18.3	4
Tiêu chí 18.4	4

### TIÊU CHUẨN 19. QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

#### *Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu*

Trên cơ sở các quy định của Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung bổ sung 2009; Luật KHCN số 29/2013/QH13; Luật số 36/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Luật chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội thành lập đơn vị chuyên trách và giao nhiệm vụ cho Phòng Quản lý Khoa học thuộc Trung tâm KHCN-TT&TV phụ trách và phân công bộ phận chuyên trách tổ chức quản lý và triển khai thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và công tác sở hữu trí tuệ của trường, đồng thời thực hiện nhiệm vụ phát hiện,



ghi nhận các tài sản trí tuệ phát sinh, từ đó tiến hành các thủ tục để bảo vệ quyền SHTT [H19.19.01.01]. Bộ phận chuyên trách có chức năng giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động SHTT, thực hiện các nhiệm vụ: tổ chức việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chính sách, pháp luật về SHTT và các quy định quản lý hoạt động SHTT của Nhà trường thông qua các buổi học tập chính trị đầu năm học [H19.19.01.02]; ghi nhận, khai báo, phát hiện, quản lý Tài sản trí tuệ và hỗ trợ các biện pháp xác lập kịp thời quyền sở hữu theo đúng quy định của pháp luật; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về SHTT của Nhà trường, kết nối mạng thông tin quốc gia về quản lý nhà nước về SHTT; thực hiện chế độ báo cáo tình hình và kết quả thực hiện hoạt động SHTT gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo hàng năm hoặc định kỳ... Ngoài ra, phòng QLKH còn là đơn vị giúp việc cho Hiệu trưởng làm đầu mối quản lý các chương trình, đề tài NCKH thuộc Bộ, và các đơn vị chủ trì quản lý các đề tài nghiên cứu do đơn vị đăng ký/được phân công thực hiện. Đồng thời, phòng QLKH làm đầu mối liên hệ với Bộ KH&CN, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, ban ngành khác về các vấn đề có liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ... được quy định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường [H19.19.01.03]. Để triển khai các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, Phòng QLKH phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và phân công cho chuyên viên phụ trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ [H19.19.01.04].

Nhà trường cũng đã ban hành quy định và quy cách trích dẫn và chú thích nguồn trong các công trình nghiên cứu của Nhà trường để bảo vệ Tài sản trí tuệ của cán bộ, GV. Đồng thời cũng nghiêm cấm đạo văn dưới mọi hình thức [H19.19.01.05]. Tùy theo mức độ đạo văn, Nhà trường sẽ có các hình thức xử phạt, kỷ luật đối với người học và cán bộ, GV khi viết bài tham luận, nghiên cứu đề tài [H19.19.01.06]. Đối với các hệ đào tạo ĐH và SDH đều có quy định cụ thể hướng dẫn SV NCKH và làm luận văn/khóa luận tốt nghiệp, các quy định về trích dẫn tài liệu tham khảo, GV và người hướng dẫn học thuật có trách nhiệm nhắc nhở người học và kiểm soát các nội dung, thông tin có liên quan đến luận văn/ luận án để đảm bảo tuân thủ các quy định về SHTT [H19.19.01.07].

Nhà trường có chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu như: có quy định và hướng dẫn tổ chức cá nhân thực hiện chuyển giao các hoạt động đào tạo, hợp đồng nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và sở hữu trí tuệ [H19.19.01.08]. Bên cạnh đó Nhà trường có quy định về việc

khai thác tài sản trí tuệ như: thử nghiệm, thương mại hóa để tăng các nguồn thu về dịch vụ khoa học công nghệ cho nhà trường [H19.19.01.09].

Để thuận tiện cho quá trình quản lý nhà trường có quy định về quy trình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, trong đó có quy định về công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học, sáng kiến kinh nghiệm của cán bộ, giảng viên và quy định về xuất bản Bản tin GDTC-TTTH của trường. [H19.19.01.10], [H19.19.01.11]. Vấn đề sở hữu trí tuệ cũng được nhà trường quan tâm trong Quy định tiêu chuẩn, năng lực và đạo đức của cá nhân chủ nhiệm đề tài/ dự án của Nhà trường [H19.19.01.12]. Sinh viên năm cuối được học môn Phương pháp nghiên cứu khoa học trong thể dục thể thao trong chương trình học tập [H19.19.01.13] trong đó có các nội dung liên quan đến sở hữu trí tuệ.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

#### ***Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai***

Trong giai đoạn đánh giá từ năm 2015-2019, Nhà trường có 4 đề tài NCKH cấp Bộ được triển khai và nghiệm thu theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT từ khâu đăng ký, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện. Để đánh giá các kết quả nghiên cứu, Nhà trường tổ chức Hội đồng nghiệm thu có đủ thành phần theo quy định [H19.19.02.01]. Các kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí, kỷ yếu Hội thảo khoa học chuyên ngành và quốc tế... [H19.19.02.02].

Để triển khai hoạt động khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ, Phòng Quản lý Khoa học trực thuộc Trung tâm KHCN-TT&TV phổ biến nội dung quy định về hoạt động khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ cho toàn thể cán bộ, giảng viên vào tuần học tập chính trị đầu năm học [H19.19.01.03]. Các Khoa/ Bộ môn có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho giảng viên, cán bộ nghiên cứu và sinh viên của Trường các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký bản quyền, sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện hành vi xâm hại bản quyền của cán bộ nhà trường và của trường thông qua hệ thống website, các thông báo, sổ tay sinh viên... [H19.19.02.04].

Việc đăng ký, thẩm định, đánh giá nghiệm thu đề tài NCKH các cấp được thực hiện nghiêm túc theo quy trình [H19.19.02.05]. Hàng năm, Phòng Quản lý Khoa học tham mưu cho Ban Giám hiệu thành lập Hội đồng KHCN để xét duyệt các đề tài

NCKH các cấp (từ cấp cơ sở cho đến cấp Nhà nước) cho GV và SV [H19.19.02.06]. Đối với các sản phẩm nghiên cứu sách tham khảo, giáo trình, bài giảng... Nhà trường ký hợp đồng với tác giả yêu cầu quyền sở hữu của nhà trường khi công bố phải ghi đầy đủ tên Trường và địa chỉ của trường [H19.19.02.07]. Đối với các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ khi hoàn thành thực hiện theo các bước của thông tư quy định [H19.19.02.08].

Để đẩy mạnh công tác thông tin KHCN, Nhà trường đã được cấp phép xuất bản bản tin Giáo dục Thể chất – Thể thao trường học từ năm 2017 [H19.19.02.09]. Hầu hết các bài đăng trên bản tin của nhà trường được sinh viên, giảng viên các độc giả trong và ngoài trường sử dụng làm nguồn tài liệu để học tập và nghiên cứu [H19.19.02.10].

Tài sản SHTT của nhà trường được ghi nhận chủ yếu là: sách, giáo trình, bài giảng, bài báo khoa học, bản tin, các sản phẩm là các kết quả NCKH và chuyển giao công nghệ. Các giáo trình, công trình NCKH của SV được lưu trữ chủ yếu tại thư viện [H19.19.02.11]. Các hồ sơ về các hoạt động KHCN được lưu trữ tại phòng QLKH và tại các đơn vị chủ quản. Sau khi hoàn thành kết quả nghiên cứu Phòng QLKH cấp giấy xác nhận hoàn thành đề tài NCKH cho các giảng viên trong nhà trường [H19.19.02.12].

Các tài liệu và ấn phẩm khoa học của các đề tài, bài báo khoa học, sáng kiến của cán bộ giảng viên, hội nghị khoa học sinh viên hàng năm được lưu giữ, phát hành để sinh viên và giảng viên khai thác sản phẩm trí tuệ trong công tác nghiên cứu, học tập tiếp cận phương pháp, hướng nghiên cứu khoa học [H19.19.02.13]. Để rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ Nhà trường đã ban hành quy định về đạo đức nhà giáo trong hoạt động khoa học và công nghệ và xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật [H19.19.02.14]. Đối với các đề tài NCKH của CBGV và SV mặc dù Nhà trường chưa có phần mềm kiểm tra trùng lặp nhưng trước khi tổ chức các Hội đồng đánh giá nghiệm thu phòng QLKH giao cho chuyên viên phụ trách rà soát tên các đề tài và nội dung đề tài để tránh đạo văn và trùng lặp [H19.19.02.15]. Nếu phát hiện sẽ đề nghị Hội đồng hủy kết quả nghiên cứu theo quy định.

Trung tâm KHCN-TT&TV xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống các đề tài NCKH, SKKN, tài sản trí tuệ của CBGV là các danh mục đề tài, bài báo được quản lý theo thư mục và tệp lưu. Bên cạnh đó các đề tài NCKH, khóa luận, luận văn, luận án của CBGV và SV được lưu trữ tại Thư viện để làm cơ sở dữ liệu cho CBGV, SV khai thác phục vụ cho công tác NCKH [H19.19.02.16].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7*****Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện***

Công tác quản lý rà soát hoạt động NCKH và SHTT được thực hiện định kỳ hàng năm và 2 năm 1 lần, dựa trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của Phòng Quản lý Khoa học thuộc Trung tâm KH-CN-TT&TV được nhà trường giao nhiệm vụ tổ chức quản lý hoạt động NCKH, thẩm định, nghiệm thu các đề tài NCKH [H19.19.03.01], [H19.19.03.02]. Trong công tác quản lý hoạt động NCKH và SHTT nhà trường có quy định về trích dẫn tài liệu tham khảo và nhấn mạnh ý nghĩa, vai trò của trích dẫn tài liệu tham khảo về đánh giá độ chuyên sâu và tính nghiêm túc của đề tài/luận văn/khóa luận [H19.19.03.03].

Ngoài ra, chuyên viên theo dõi tài sản trí tuệ cũng có nghĩa vụ phối hợp với bộ phận quản lý đề tài để kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các sản phẩm SHTT của đề tài NCKH thông qua các buổi nghiệm thu đề tài giữa kỳ hoặc cuối kỳ. Tuy nhiên việc đăng ký có sản phẩm SHTT từ các đề tài còn hạn chế vì thời gian thực hiện đề tài tương đối ngắn nên chưa có sản phẩm đăng ký SHTT.

Quá trình rà soát công tác sở hữu trí tuệ được tiến hành 2 năm một lần theo chu kỳ đánh giá và rà soát hàng năm. Rà soát thường xuyên được tiến hành trực tiếp tại thời điểm trước khi cho phép bảo vệ luận văn và nghiệm thu đề tài NCKH và trước khi đăng bài trên bản tin GDTC-TTTH của trường [H19.19.03.04]. Ngoài ra, để đảm bảo tránh đạo văn Nhà trường yêu cầu các chủ nhiệm đề tài, học viên, sinh viên viết cam kết (theo mẫu) không đạo văn và ngay trang đầu các đề tài, luận văn học viên cam kết các kết quả nghiên cứu và số liệu là trung thực chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác [H19.19.03.05]. Trên cơ sở các kết quả rà soát công tác sở hữu trí tuệ của Trung tâm KH-CN-TT&TV, Nhà trường có tiến hành tổng kết hàng năm về công tác quản lý Tài sản trí tuệ [H19.19.03.06].

Bên cạnh đó theo chu kỳ đánh giá 2 năm một lần, Nhà trường giao cho Phòng Quản lý Khoa học tiến hành rà soát, báo cáo kết quả công tác sở hữu trí tuệ đánh giá các mặt mạnh, những hạn chế để cải tiến công tác SHTT. Những năm trước công tác SHTT đã được triển khai theo quy định của nhà nước. Năm 2018 trên cơ sở kết quả rà soát, phòng QLKH đã tham mưu xây dựng bổ sung vào chương V hoạt động SHTT trong quy định quản lý khoa học công nghệ của trường và Quy định về quản trị tài sản

trí tuệ [H19.19.03.07], [H19.19.03.08]. Kết quả cũng cho thấy Nhà trường chưa có bằng phát minh, sáng chế hoặc các tài sản trí tuệ khác được đăng ký. Tuy nhiên, để triển khai công tác Thông tin KH-CN, Nhà trường đã được Sở Thông tin và Truyền thông cấp phép Bản tin Giáo dục Thể chất và Thể thao trường học từ năm 2017 [H19.19.03.09].

Hàng năm, Nhà trường có thống kê đề tài nghiên cứu khoa học nhằm ngăn chặn, phòng chống hiện tượng đạo văn đối với khóa luận, luận văn của người học [H19.19.03.10]. Đối với công tác quản lý tài sản trí tuệ nhà trường có thông báo cho các đơn vị, cá nhân thực hiện theo Thông tư 17/2017/TT-BKH-CN ngày 29/12/2017 Quy định quản lý chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 – 2020 và quy định về Quản trị tài sản trí tuệ của Trường [H19.19.03.11].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

#### ***Tiêu chí 19.4 Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng***

Để cải tiến nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản trí tuệ, trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá công tác Quản lý tài sản trí tuệ, Nhà trường giao cho phòng Quản lý Khoa học xây dựng kế hoạch và thực hiện triển khai cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Nhà trường, các CBGV và các lợi ích cộng đồng có hiệu quả [H19.19.04.01] đồng thời phổ biến văn bản tới toàn thể CBGV và SV thông qua tuần học tập chính trị đầu năm [H19.19.04.02] và thông qua hệ thống website của trường [H19.19.04.03]. Công tác rà soát quản lý tài sản trí tuệ qua các khâu tạo dựng/ phát hiện, bảo hộ, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài sản trí tuệ về các quy trình hướng dẫn đăng ký quyền SHTT, rà soát các biểu mẫu có liên quan được triển khai theo chu kỳ 2 năm 1 lần [H19.19.04.04].

Nhà trường luôn chú trọng đến việc xây dựng hệ thống cơ chế giám sát, tăng cường hệ thống quản lý và triển khai các hoạt động SHTT trong công tác đào tạo, NCKH. Đồng thời, Nhà trường cũng đã quan tâm đến việc xác lập tài sản trí tuệ phải song hành với hoạt động bảo vệ, khai thác hiệu quả những tài sản đó [H19.19.04.05]. Nhà trường cử cán bộ đi đào tạo, tập huấn về công tác SHTT [H19.19.04.06] hoàn thiện các văn bản pháp quy về SHTT: Xây dựng quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong trường Đại học Sư phạm TĐT Hà Nội, cải tiến các quy trình nghiệp vụ hoạt động KH-CN cho phù hợp với thực tế phát triển của Nhà trường [H19.19.04.07].

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý KHCN và SHTT, hàng năm đơn vị chức năng tổ chức đánh giá tổng kết công tác NCKH và SHTT [H19.19.04.08]. Thông qua báo cáo tổng kết công tác sở hữu trí tuệ cho thấy: Nhà trường đã xây dựng và tiến hành triển khai các văn bản theo đúng quy định của Nhà nước về sở hữu trí tuệ. Mặc dù chưa có sản phẩm trí tuệ được đăng ký bản quyền hoặc quyền tác giả nhưng các sản phẩm nghiên cứu khoa học của trường được thực hiện theo quy trình có đánh giá nghiệm thu và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng như tạp chí, Hội thảo... [H19.19.04.09].

Sau khi rà soát lại các hoạt động KHCN và sở hữu trí tuệ, phân tích các thuận lợi, khó khăn, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ, cụ thể: Xây dựng hệ thống cơ chế giám sát, tăng cường hệ thống quản lý và triển khai các hoạt động SHTT trong công tác đào tạo, NCKH theo quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học [H19.19.04.10]. Đồng thời, Trường cũng đã quan tâm đến việc xác lập tài sản trí tuệ phải song hành với hoạt động bảo vệ, khai thác hiệu quả những tài sản đó. Cử cán bộ đi đào tạo, tập huấn về công tác SHTT. Hoàn thiện các văn bản pháp quy về SHTT.

Ngăn chặn hoặc hạn chế việc vi phạm quyền SHTT bằng cách tăng cường hướng dẫn sử dụng các phần mềm chống sao chép online (Turnitin) cho GV, CB nghiên cứu và áp dụng kiểm tra đạo văn đối với các đề tài của học viên cao học và SV đại học chính quy năm cuối. Phòng QLKH & Trung tâm KHCN-TT&TV đã tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn CBGV, học viên và SV về cách trích dẫn tài liệu tham khảo, lưu ý SV khi sử dụng tài liệu photo, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quyền SHTT... nhằm hạn chế việc vi phạm SHTT [H19.19.04.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường Ban hành quy định về kiểm soát và xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật [H19.19.04.12].

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý KHCN và SHTT, Nhà trường định kỳ tổ chức khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan tới hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó có nội dung sở hữu trí tuệ. Kết quả khảo sát cho thấy, 75% CBGV và sinh viên của Nhà trường hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường. [H19.19.04.13].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19**

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh

Quá trình quản lý tài sản trí tuệ của nhà trường được thường xuyên tiến hành, việc ra soát để đảm bảo kết quả quản lý tài sản trí tuệ được minh bạch, chính xác, bảo hộ quyền tác giả, tác phẩm trong nghiên cứu khoa học phát minh sáng chế.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa có phần mềm đánh giá sự trùng lặp phục vụ chống đạo văn.

### 3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mua phần mềm đánh giá sự trùng lặp của đề tài phục, xây dựng CSDL vụ hoạt động SHTT và công tác đào tạo của trường	Ban giám hiệu, Phòng QLKH, KHTC	Năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh quá trình quản lý tài sản trí tuệ của nhà trường, rà soát để đảm bảo kết quả quản lý tài sản trí tuệ được minh bạch, chính xác thường xuyên.	Các đơn vị trong trường	Từ năm 2020	

### 4, Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 19</b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 19.1	4
Tiêu chí 19.2	4
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	4

**TIÊU CHUẨN 20. HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

*Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.*

Thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu là giải quyết mối quan hệ giữa khoa học và thực tiễn, trong nước và quốc tế, đảm bảo nâng hiệu quả hợp tác, mang lại lợi ích cho các bên tham gia trong khuôn khổ pháp luật. Trong chiến lược phát triển của mình, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội luôn xác định đẩy mạnh hợp tác đối ngoại nhằm tăng cường khả năng của nhà trường trong đào tạo và nghiên cứu khoa học [H20.20.01.01]. Sứ mạng và tầm nhìn được nhà trường điều chỉnh trong năm 2019 cũng đã nhấn mạnh “hội nhập quốc tế” để “là trung tâm nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế hàng đầu về giáo dục thể chất” [H20.20.01.02]. Cụ thể hóa mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã xây dựng Quy định về Quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường, trong đó đã nói rõ phương hướng và các nội dung hợp tác quốc tế [H20.20.01.03]. Ngoài ra hoạt động hợp tác NCKH quốc tế còn phải tuân thủ theo Quy định về quản lý hoạt động Quan hệ Quốc tế [H20.20.01.04].

Đối với đề tài NCKH, Trường luôn có hợp tác với các nhà khoa học ngoài trường cùng tham gia để nâng cao chất lượng NCKH. Kết quả NCKH luôn được Nhà trường khuyến khích chuyển giao cho các cơ sở giáo dục, thể thao để ứng dụng kết quả nghiên cứu, cũng như đánh giá khả năng ứng dụng vào thực tiễn của các công trình NCKH [H20.20.01.05], [H20.20.01.06] làm nền tảng cho đào tạo, NCKH đạt chất lượng của Trường. Đối với hợp tác NCKH với các đối tác nước ngoài, Nhà trường khuyến khích tăng cường năng lực NCKH của giảng viên thông qua cử giáo viên đi đào tạo nâng cao trình độ, tham gia hội nghị hội thảo do các trường đối tác tổ chức, mời các trường đối tác tham dự các hội nghị, hội thảo của trường. Các biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Nhà trường và các đối tác đều được phòng HTQT rà soát hàng năm và thực hiện theo các nội dung đã ký kết [H20.20.01.07]. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ KHCN định kỳ hàng năm, kiểm tra công tác KHCN tại các đơn vị trong Trường để báo cáo kịp thời lên Vụ KHCN của Bộ GD&ĐT về những khó khăn, vướng mắc phát sinh để xin ý kiến chỉ đạo và có biện pháp khắc phục kịp thời, tạo điều kiện cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chế độ báo cáo tổng kết hoạt động HTQT và NCKH được thực hiện đầy đủ, hàng năm trong các Báo cáo tổng kết năm học của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội



và Báo cáo tổng kết công tác HTQT, NCKH gửi cơ quan cấp trên [H20.20.01.08], [H20.20.01.09].

Là trường chuyên ngành trong lĩnh vực thể thao, hoạt động hợp tác trong NCKH không chỉ giới hạn trong các hoạt động nghiên cứu mà còn được hiểu thông qua hoạt động thi đấu. Thông qua hoạt động thi đấu, giúp Trường kiểm nghiệm các kết quả tập huấn, các phương pháp giảng dạy mới để từ đó nâng cao chất lượng đào tạo, công bố các kết quả nghiên cứu trong thể thao. Trong giai đoạn 5 năm vừa qua, Trường đã mở rộng mối quan hệ với các CSGD nước ngoài qua các hình thức trao đổi CB, GV, SV sang học tập nâng cao trình độ và giao lưu thi đấu TDTT mang lại nhiều thành tích cao, từ đó quảng bá được hình ảnh của Nhà trường với các bạn bè quốc tế. Bên cạnh đó, việc đón các đoàn chuyên gia nước ngoài sang giảng dạy chuyên đề và giao lưu thi đấu cũng được Nhà trường chú trọng trong công tác HTQT hàng năm [H20.20.01.10].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác với đối tác nghiên cứu.***

Trên cơ sở xây dựng hệ thống chính sách và quy định về quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội phổ biến đến từng đơn vị và các nhà khoa học thông qua hệ thống email, các buổi họp giao ban, tổng kết và trên website của Nhà trường để các quy chế, chính sách này được triển khai trong toàn trường [H20.20.02.01], [H20.20.02.02]. Triển khai các nội dung này, trong thời gian qua, hợp tác giữa Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội được đẩy mạnh với doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục, bao gồm hỗ trợ sinh viên thực tập, thực hành chuyên môn, hợp tác trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, ... [H20.20.02.03], [H20.20.02.04].

Thông qua các chương trình hợp tác đào tạo, học viên của Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội có cơ hội tham gia các hoạt động NCKH bên ngoài trường tại các hội nghị NCKH dành cho sinh viên, và sinh viên của trường đã đạt được những kết quả tốt. Nhà trường cũng đã cử cán bộ CB, GV, NV tới một số nước trong khu vực như Trung Quốc, Lào tham gia các hội nghị, hội thảo về khoa học, tìm kiếm và thiết lập cơ hội hợp tác mới; học hỏi mô hình đào tạo; học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H20.20.02.05], [H20.20.02.06]. Nhà trường có ngày càng nhiều các GV tốt

nghiệp trình độ thạc sỹ, tiến sỹ học từ Trung Quốc trở về công tác đang là một lợi thế cho việc tạo dựng các cơ hội hợp tác NCKH với đối tác Trung Quốc do họ có thể tiếp tục duy trì việc nghiên cứu với giảng viên hướng dẫn cũ hoặc thông qua các quan hệ hợp tác chuyên môn mở rộng của mình. Các hoạt động hợp tác về NCKH trong những năm vừa qua có hiệu quả còn được thể hiện qua việc các giảng viên của Trường đã công bố các kết quả nghiên cứu tại các hội nghị, hội thảo quốc tế [H20.20.02.07].

Để thúc đẩy hợp tác với các trường đại học trong và ngoài nước, nhà trường đã đầu tư thích hợp cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước. Đã tổ chức các đoàn ra nước ngoài giao lưu, ký kết hợp tác với các đối tác của Trung Quốc như: Học viện Thể thao Vũ Hán, Đại học Thể Thao Nam Ninh, Học viện Thể thao Thượng Hải, Trường Đại học Bách Khoa Côn Minh – Trung Quốc... Bên cạnh đó nhà trường còn tổ chức giao lưu với các cơ sở giáo dục đại học trong nước như: Đại học Lâm Nghiệp Việt Nam, Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh...[H20.20.02.08].

Từ năm 2017, Nhà trường đã xây dựng được bản tin khoa học. Trường đã xây dựng đề án thành lập tạp chí Giáo dục thể chất và thể thao trường học và đã được Bộ TT&TT trình Ban tuyên giáo trung ương [H20.20.02.09]. Các kết quả hợp tác NCKH đều được đánh giá trong Báo cáo tổng kết năm học của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội và Báo cáo tổng kết công tác HTQT, NCKH gửi cơ quan cấp trên [H20.20.02.10], [H20.20.02.11].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện***

Hàng năm đối với hoạt động NCKH nói chung và hợp tác NCKH nói riêng, Phòng Quản lý khoa học phối là đơn vị đầu mối triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tới hoạt động NCKH, để đánh giá sự phản hồi của CB, GV, sinh viên đang học tập đối với hoạt động NCKH và hợp tác NCKH của trường qua đó, chỉnh sửa bổ sung các văn bản quản lý hoạt động hợp tác KH-CN, quy trình quản lý nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thực tiễn, chất lượng NCKH [H20.20.03.01], [H20.20.03.02]. Bên cạnh đó Trung tâm Y học vận động và Hợp tác quốc tế có trách nhiệm rà soát các đối tác quốc tế, nhằm đề xuất các hoạt động hợp tác cụ thể và có hiệu quả.

Hàng năm, phòng QLKH, Trung tâm Y học vận động và Hợp tác quốc tế theo dõi các tiến độ thực hiện của các thoả thuận hợp tác đối ngoại trên cơ sở đó đánh giá hiệu quả hợp tác NCKH thông qua các chỉ tiêu bài báo, đào tạo ngắn hạn, hội thảo, hội nghị, số lưu học sinh tăng thêm... Tuy nhiên, trong hợp tác NCKH, Nhà trường mới chỉ thực được các nội dung trao đổi giảng viên sang giảng dạy các nội dung thể thao chuyên sâu tại trường như: Bóng Bàn, Bóng rổ, Y học... chưa có các đề tài NCKH chung với các trường nước ngoài [H20.20.03.03].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu thành tựu***

Thông qua hoạt động hợp tác NCKH, mặc dù là một trường đặc thù trong lĩnh vực thể thao, nhưng kết quả hợp tác NCKH giúp giảng viên của trường có các bài báo trình bày tại hội thảo quốc tế, có sinh viên trao đổi thi đấu với các trường đại học quốc tế. So với giai đoạn trước, trường bắt đầu đào tạo và bồi dưỡng cho lưu học sinh Lào. Có được kết quả trên do Nhà trường hàng năm rà soát các nhiệm vụ đặt ra để đánh giá thành công, hạn chế và nguyên nhân, từ đó, có các mục tiêu nhiệm vụ thích hợp [H20.20.04.01], [H20.20.04.02].

Các hoạt động hợp tác quốc tế và các đối tác khác về NCKH mà Nhà trường thực hiện ngày càng có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện các đề tài NCKH chuyển giao các kết quả NCKH, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học [H20.20.04.03], [H20.20.04.04]. Do đó, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội được nhiều trường đại học trong và ngoài nước biết, đề nghị hợp tác [H20.20.04.04].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20**

### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh***

Nhà trường có chiến lược dài hạn và trung hạn trong phát triển hợp tác trong NCKH, có quy chế, quy định về quản lý các công trình hợp tác nghiên cứu.

Nhà trường đã có những kết quả bước đầu trong hợp tác, luôn tích cực đầu tư để thúc đẩy mở rộng mạng lưới đối tác NCKH.

### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại***

Trường chưa có các đề tài NCKH hợp tác với các trường quốc tế.

Chưa tổ chức được Hội thảo quốc tế với nhiều nhà khoa học trên thế giới tham dự và số lượng bài báo công bố quốc tế còn thấp.

### 3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và kết thúc)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tổ chức hoặc đồng tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.	Trung tâm KHCN&TT, Trung tâm YHVD & HTQT	Từ năm 2020	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả hợp tác NCKH và lập cơ chế khuyến khích hoạt động hợp tác NCKH và công bố bài báo quốc tế	Trung tâm KHCN&TV, Trung tâm YHVD & HTQT	Từ năm 2020	
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các quy định về khuyến khích giảng viên tham gia hợp tác nghiên cứu khoa học	Trung tâm KHCN&TT, phòng KHTC, các khoa	Từ năm 2020	

### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 20</b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 20.1	4
Tiêu chí 20.2	4
Tiêu chí 20.3	4
Tiêu chí 20.4	4

## TIÊU CHUẨN 21. KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

***Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.***

Cùng với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nhằm thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược giai đoạn 2015-2020, nhà trường luôn coi công tác phục vụ cộng đồng là một trong những nội dung xuyên suốt. Nhằm triển khai hoạt động này, nhà trường có kế hoạch cụ thể từng năm, gắn với chuyên môn được lồng ghép trong kế hoạch năm học được xây dựng với những tiêu chí rõ ràng [H21.21.01.01]; Ngoài kế hoạch năm học chung, nhằm phát huy thế mạnh của trường để phục vụ cộng đồng, nhà trường đã cụ thể bằng Kế hoạch tổ chức lớp Tập huấn phương pháp dạy bơi và cứu đuối [H21.21.01.02]. Bên cạnh đó Công đoàn trường cũng xây dựng chương trình công tác nhiệm kỳ với những nội dung này sát với thực tiễn [H21.21.01.03]. Đặc biệt với vai trò là một tổ chức chính trị, Đoàn thanh niên nhà trường đã phát huy lực lượng xung kích đã cụ thể hóa mục tiêu phục vụ cộng đồng bằng các kế hoạch như: Chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên từng năm [H21.21.01.04]; Kế hoạch chiến dịch thanh niên tình nguyện [H21.21.01.05]; Hoạt động tình nguyện (Tết ấm, Hiến máu nhân đạo, dạy bơi miễn phí, dạy võ miễn phí cho trẻ em,...) [H21.21.01.06].

Trong giai đoạn đánh giá, nhà trường đã ban hành Quy định về công tác phục vụ cộng đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và năng lực đặc thù đối với ngành nghề đào tạo. Nội dung quy định đã quy định rõ về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng; đồng thời hướng dẫn cụ thể về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật [H21.21.01.07].

Để đảm bảo việc tổ chức triển khai nhiệm vụ có hiệu quả, cũng như việc thực thi đúng các quy định hiện hành về công tác kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng, nhà trường giao nhiệm vụ cho Trung tâm Bồi dưỡng và Tổ chức sự kiện là đơn vị đầu mối để thực hiện nhiệm vụ này [H21.21.01.08].

Từ hệ thống văn bản kế hoạch được xây dựng, cùng với công tác quản lý, phương pháp tổ chức triển khai đồng bộ, trong giai đoạn đánh giá, nhà trường đã thực hiện nhiều hoạt động phục vụ cộng đồng, như: Đăng cai tổ chức Giải Điền kinh khu vực Hà Nội; Giải Bơi lội cán bộ sinh viên khu vực Hà Nội; Đại hội Thể thao lưu học sinh Lào; Giải bóng rổ sinh viên toàn quốc; Giải bóng rổ học sinh Hà Nội; Trại huấn

luyện kim đồng toàn quốc [H21.21.01.09]; Trại hè “Kỹ năng trải nghiệm” năm 2018, 2019 [H21.21.01.10].

Tất cả các hoạt động này đều được đăng tải trên trang tin điện tử của trường nhận được sự đồng tình cao của xã hội, được nhiều cơ quan báo chí đưa tin [H21.21.01.11].

**Tự đánh tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.***

Trên cơ sở hệ thống các kế hoạch kết nối và phục vụ cộng đồng được thiết lập, hàng năm nhà trường tổ chức sinh hoạt chính trị đầu năm [H21.21.02.01]; tổ chức hội nghị giao ban để phổ biến chi tiết từng mảng công việc, lồng ghép giữa nhiệm vụ chuyên môn với nhiệm vụ kết nối và phục vụ cộng đồng [H21.21.02.02].

Để đảm bảo các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật, nhà trường thiết lập cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối thông qua chế độ báo cáo giao ban, báo cáo của công đoàn, đoàn thanh niên, về các chỉ tiêu về phục vụ công đồng thông qua các hoạt động từ thiện, tình nguyện thể hiện tinh thần sẻ chia, hỗ trợ, giúp đỡ các đối tượng trong cộng đồng, xã hội cũng thể hiện rõ kết quả của việc thực hiện các chính sách phù hợp và các hướng dẫn hiệu quả đối với các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H21.21.02.03].

Đặc biệt nhà trường có nhiều chính sách cho hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng như: Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia làm công tác trọng tài [H21.21.02.04]; Xây dựng tiêu chí về thi đua khen thưởng [H21.21.02.05]; Tổ chức cho thí sinh, phụ huynh được ăn, ở miễn phí, đón thí sinh trong kỳ tuyển sinh hàng năm của nhà trường [H21.21.02.06]. Tất cả các chính sách trên đều được công khai trên trang tin điện tử của trường.

Từ các chính sách trên, các đơn vị đã chủ động cụ thể hóa nội dung, gắn với chuyên môn mang lại kết quả cụ thể như: Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động: Chiến dịch thanh niên tình nguyện; động tình nguyện (Tết ấm, Hiến máu nhân đạo, dạy bơi miễn phí, dạy võ miễn phí cho trẻ em,...). Công đoàn trường tổ chức kết nối và phục vụ cộng đồng gắn mang tính từ thiện như: ủng hộ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn hàng năm cũng được cụ thể hóa bằng chỉ tiêu 1 ngày lương, ủng hộ từng khả

năng thu nhập lương của từng cán bộ, giảng viên trong trường [H21.21.02.07]; các đối tượng chính sách tại địa phương hàng năm nhân dịp kỷ niệm 27/7 cũng được nhà trường tặng quà tri ân [H21.21.02.08].

Nhà trường đã tổ chức được nhiều hoạt động như; Đăng cai tổ chức Giải Điền kinh khu vực Hà Nội; Giải Bơi lội cán bộ sinh viên khu vực Hà Nội; Đại hội Thể thao lưu học sinh Lào; Giải bóng rổ sinh viên toàn quốc; Giải bóng rổ học sinh Hà Nội; Trại huấn luyện kim đồng toàn quốc.

Ngoài một số hoạt động chuyên môn vừa mang ý nghĩa phục vụ, vừa có nguồn thu như: Tổ chức màn đồng diễn cho Bộ Tư lệnh Thủ đô; Các lớp tập huấn kỹ năng trại hè; lớp dạy bơi cứu đuối [H21.21.02.09] góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, giảng viên. Tổng số tiền thu được từ các hoạt động này trong giai đoạn 2015-2019 là 358.800.000 đồng.

Tự đánh tiêu chí đạt mức: 4/7

***Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng***

Nhà trường xây dựng hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và kết quả phục vụ cộng đồng thông qua kế hoạch năm học hàng năm và xác định chỉ tiêu KPIs cho từng lĩnh vực cụ thể [H21.21.03.01]. Các hoạt động phục vụ cộng đồng đều được Đảng ủy lãnh đạo thực hiện gắn liền với chuyên môn thế mạnh của nhà trường như: Đăng cai tổ chức Giải Điền kinh khu vực Hà Nội; Giải Bơi lội cán bộ sinh viên khu vực Hà Nội; Đại hội Thể thao lưu học sinh Lào; Giải bóng rổ sinh viên toàn quốc; Giải bóng rổ học sinh Hà Nội; Trại huấn luyện kim đồng toàn quốc; Tổ chức màn đồng diễn cho Bộ Tư lệnh Thủ đô... [H21.21.03.02], [H21.21.03.03]; Các lớp tập huấn kỹ năng trại hè; lớp dạy bơi cứu đuối... Các tổ chức đoàn thể tổ chức các lớp dạy bơi, dạy võ tự vệ, dạy bóng đá cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số, hỗ trợ người nghèo... mỗi hoạt động đều có kế hoạch cụ thể và được đánh giá kết quả [H21.21.03.04].

Để đảm bảo việc kết nối và phục vụ cộng đồng, nhà trường triển khai hệ thống giám sát qua báo cáo tổng kết năm học; báo cáo tổng kết của Công đoàn, Đoàn thanh niên hàng năm [H21.21.03.05], [H21.21.03.06], [H21.21.03.07]. Đồng thời thông tin đầy đủ kế hoạch triển khai và kết quả trên trang website của Nhà trường để tăng cường sự giám sát của xã hội. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động kết nối

và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được yêu cầu tự giám sát hoạt động của đơn vị. Tại các cuộc họp giao ban giữa Ban giám hiệu nhà trường với trưởng các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện và hiệu quả của các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để lãnh đạo Trường theo dõi, giám sát [H21.21.03.08]. Các đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ sử dụng hệ thống đo lường kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng để đánh giá hiệu quả của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng Nhà trường đã thực hiện.

**Tự đánh tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan***

Các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của nhà trường gồm hoạt động mang mục đích từ thiện, hoạt động tình nguyện thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, hoạt động mang tính chuyên môn. Hàng năm nhà trường đều đưa ra kế hoạch phục vụ và kết nối cộng đồng thông qua kế hoạch, chương trình công tác năm học gắn liền với nhiệm vụ đào tạo và NCKH [H21.21.04.01], [H21.21.04.02], [H21.21.04.03], [H21.21.04.04], [H21.21.04.05].

Căn cứ kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng qua các năm, nhà trường đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp, hội nghị thường niên để đánh giá, nhận định và đề ra những giải pháp cải tiến việc cung cấp các dịch vụ và kết nối cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H21.21.04.06], [H21.21.04.07], [H21.21.04.08]. Cụ thể, nội dung, hình thức và biện pháp tổ chức các hoạt động cũng được thay đổi liên tục qua các năm, như hoạt động dạy bơi miễn phí cho trẻ em, từ năm 2017 về trước mới dừng lại ở việc tổ chức dạy bơi, dạy võ tự vệ miễn phí cho con, em cán bộ nhà trường, từ 2019 đã triển khai mở rộng đối tượng cho các địa phương như Hà Nội, Cao Bằng (trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số) qua đó đã đáp ứng phù hợp với quy mô, cấp độ và yêu cầu của từng nội dung hoạt động dịch vụ và kết nối cộng đồng [H21.21.04.09]. Bên cạnh đó, trong phương hướng hoạt động, đề xuất kiến nghị sau mỗi hoạt động, chương trình đưa ra các ý kiến cải tiến, đổi mới các vấn đề cần thiết, đáp ứng nhu cầu các bên liên quan, đặc biệt các dịch vụ xã hội như các lớp bồi dưỡng chuyên môn, trại hè thiếu nhi việc cải tiến, thay đổi phương thức tổ chức luôn luôn được cập nhật, đáp ứng nhu cầu mang tính thời sự và thực tiễn của xã hội cũng như các đối tượng thụ hưởng [H21.21.04.10]. Mặt khác



việc chuyển giao kết quả của các đề tài NCKH được chuyển giao cho các cơ sở giáo dục đã được ứng dụng trong công tác giảng dạy, mang lại hiệu quả thiết thực, cụ thể đã chuyển giao: giáo trình môn học phòng chống chấn thương trong giảng dạy, học tập thể dục thể thao ở các trường Đại học, Cao đẳng khối sư phạm Thể dục thể thao; đề tài “Giáo dục kỹ năng phòng đuối nước và cứu đuối nước cho học sinh trung học cơ sở tại khu vực miền núi” cho các trường phổ thông [H21.21.04.11].

Có thể nói tất cả các hoạt động PVCĐ của nhà trường được người thụ hưởng đánh giá cao. Các phản hồi được tổng hợp thông qua các trang mạng xã hội, các bài báo biểu dương, bằng khen, giấy khen các cấp (như giấy khen tỉnh Đoàn Cao Bằng, Bằng khen Thành Đoàn Hà Nội,...), cờ thi đua [H21.21.04.12], [H21.21.04.13], [H21.21.04.14].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được triển khai bám vào nhiệm vụ, chức năng cụ thể của nhà trường và các đơn vị.

Nội dung, hình thức PVCĐ phong phú, đa dạng, cập nhật cải tiến thường xuyên, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của các bên liên quan.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Hoạt động điều tra khảo sát về hoạt động PVCĐ chưa được tổ chức thường xuyên và theo một quy định thống nhất.

### **3. Kế hoạch cải tiến**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống các văn bản triển khai lấy thông tin phản hồi qua các kênh khác nhau từ đối tác	P.ĐBCL&TT	Năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng hóa các hoạt động và đối tượng thụ hưởng hoạt động PVCĐ.	Các đơn vị và tổ chức đoàn thể	Hàng năm	

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	4,0
Tiêu chí 21.1	4
Tiêu chí 21.2	4
Tiêu chí 21.3	4
Tiêu chí 21.4	4

### TIÊU CHUẨN 22. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

***Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.***

Nhà trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Thời gian của một khóa học đối với sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội là 4 năm đối với hệ đại học chính quy, 2 năm đối với hệ liên thông đại học chính quy, liên thông đại học vừa làm vừa học và thạc sĩ. Hàng năm, vào đầu năm học nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch cho các hệ đào tạo trong đó thể hiện các yếu tố: dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh; Số lượng sinh viên, học viên lên lớp; Số lượng sinh viên, học viên học lại, thi lại; Số lượng sinh viên, học viên thôi học; Số lượng, tỷ lệ sinh viên, học viên tốt nghiệp trong năm [H22.22.01.01].

Căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên vào cuối mỗi học kỳ, cuối mỗi năm học [H22.22.01.02], phòng Quản lý đào tạo và công tác sinh viên, khoa đào tạo sau đại học thống kê số lượng sinh viên, học viên học lại, thi lại, số lượng đủ điều kiện lên lớp và thôi học. Số liệu, chỉ tiêu đạt được về kết quả học tập, rèn luyện của người học được lưu giữ bởi phần mềm quản lý đào tạo và được thể hiện trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm [H22.22.01.03], [H22.22.01.04]. Ngoài ra, nhà trường còn xây dựng báo cáo về số liệu tốt nghiệp của sinh viên, học viên hàng năm [H22.22.01.05].

**Bảng 22.1.1. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của SV, HV qua các năm**

<b>Đối tượng</b> <b>Năm</b>	<b>ĐHCQ</b>	<b>ĐHLTCQ</b>	<b>ĐHLT</b> <b>VLVH</b>	<b>Cao học</b>
2015	496 (98.3%)	227 (99%)	505 (99%)	28 (93,3%)
2016	408 (98.8%)	52 (99.5%)	65 (99.5%)	42 (100%)
2017	347 (97.2%)	14 (99%)	173 (99%)	62 (95.4%)
2018	326 (95.4%)	100 (99%)	0	59 (100 %)
2019	187 (93%)	130 (96.3%)	16 (100%)	47 (94%)

Qua bảng so sánh tỷ lệ tốt nghiệp cho thấy: tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên, học viên hàng năm đạt từ 93% trở lên.

Để giám sát, theo dõi người học, nhà trường giao cho bộ phận quản lý sinh viên lập sổ theo dõi sinh viên, thống kê số liệu sinh viên buộc thôi học [H22.22.01.06].

**Bảng 22.1.2. Đối sánh tỷ lệ thôi học của SV qua các năm học**

<b>Năm học</b>	<b>Tổng số SV toàn trường</b>	<b>Số SV thôi học</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
2015 - 2016	1108	75	6.77 %
2016 - 2017	915	42	4.59 %
2017 - 2018	749	34	4.54 %
2018 -2019	804	18	2.24 %

Qua bảng đối sánh tỷ lệ thôi học trên có thể thấy số lượng sinh viên bị buộc thôi học có giảm qua các năm, một phần do tổng số lượng sinh viên qua các năm có biến động giảm, nhưng một phần là do nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp để giảm tỷ lệ sinh viên thôi học như: phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên chủ nhiệm với cán bộ lớp, giữa giáo viên chủ nhiệm với gia đình. Ban chủ nhiệm sinh viên, ban cố vấn học tập chủ động tư vấn cho sinh viên.

Hàng năm tỷ lệ sinh viên lên lớp, học lại, thi lại được thống kê trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo và được tổng hợp trong bảng 22.1.3, 22.1.4.

**Bảng 22.1.3. Đối sánh tỷ lệ lên lớp của SV qua các năm học**

<b>Năm học</b>	<b>Tổng số SV toàn trường</b>	<b>Số SV lên lớp</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
2015 - 2016	1108	1085	97.9 %
2016 - 2017	915	889	97.1 %
2017 - 2018	749	724	96.7 %
2018 -2019	804	795	98.9 %

Qua bảng so sánh tỷ lệ lên lớp cho thấy: tỷ lệ lên lớp của sinh viên hàng năm đạt từ 96% trở lên, do nhà trường có kế hoạch tổ chức cho sinh viên học lại, thi lại kịp thời cho sinh trả nợ để đủ điều kiện xét lên lớp.

**Bảng 22.1.4. Đối sánh tỷ lệ thi lại, học lại của SV qua các năm học**

Năm học	Tổng số SV toàn trường	Số sinh viên thi lại, học lại	Tỷ lệ %
2015 - 2016	1108	252	13.3%
2016 - 2017	915	132	14.4%
2017 - 2018	749	124	16.5%
2018 -2019	804	122	15.1%

Tỷ lệ sinh viên học lại, thi lại hàng năm từ 13.3% đến 16.5%. Để hạn chế tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần, nhà trường đã thành lập ban cố vấn học tập [H22.22.01.07] để tư vấn, nhắc nhở, động viên sinh viên trong học tập.

Như vậy nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm cụ thể, chi tiết, xác lập, dự đoán khả năng tốt nghiệp; học lại, thi lại; thời học của sinh viên, học viên.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức:4/7**

**Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

Hàng năm, trong kế hoạch đào tạo của trường đều dự kiến thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho các hệ đào tạo đại học chính quy, liên thông đại học và thạc sĩ [H22.22.02.01]. Nhà trường tổ chức mỗi năm 2 đợt thi tốt nghiệp cho sinh viên chính quy (tháng 5 và tháng 10 hàng năm) [H22.22.02.02]. Trước mỗi đợt xét công nhận tốt nghiệp, đơn vị chức năng xây dựng báo cáo về tỷ lệ người học tốt nghiệp [H22.22.02.03]; thành lập hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp [H22.22.02.04]. Sau khi Hội đồng xét tốt nghiệp cho người học sẽ ra biên bản họp xét tốt nghiệp [H22.22.02.05] để làm căn cứ ra Quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học [H22.22.02.06]. Số liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được thể hiện trong báo cáo tổng kết đào tạo hàng năm [H22.22.02.07] và được thể hiện qua bảng 22.2.1.

**Bảng 22.2.1** *Đổi sánh tỷ lệ thời gian tốt nghiệp trung bình của người học qua các năm*

<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Khóa học</b>	<b>Thời gian tốt nghiệp theo CTĐT thiết kế (năm)</b>	<b>Thời gian tốt nghiệp TB (năm)</b>
Cao học	2015-2017	2	2
	2016-2018	2	2
<b>Tỷ lệ chung</b>			<b>2</b>
Đại học chính quy	2011-2015	4	4.21
	2012-2016	4	4.21
	2013-2017	4	4.21
	2014-2018	4	4.25
	2015-2019	4	4.25
<b>Tỷ lệ chung</b>			<b>4.23</b>
Liên thông chính quy	2015-2017	2	2
	2016-2018	2	2
<b>Tỷ lệ chung</b>			<b>2</b>

Nhìn chung, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học gần đúng với thiết kế chương trình đào tạo. Đây là tỷ lệ rất tốt cho thấy đa số người học ra trường đúng hạn, đồng nghĩa với việc các chính sách quản lý của nhà trường và sự hỗ trợ cho người học kịp thời và hiệu quả. Nhà trường chỉ đạo phòng Quản lý đào tạo và công tác sinh viên, khoa sau đại học sắp xếp lịch học lại, thi kịp thời song song cùng với học kỳ chính để giúp người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn. Các hoạt động này góp phần giảm số thời gian tốt nghiệp trung bình của người học đảm bảo ra trường đúng hạn.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đổi sánh để cải tiến.**

Nhà trường luôn quan tâm tới tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Trong kế hoạch công tác đào tạo hàng năm, nhà trường dự đoán tỷ lệ có việc làm của người học tốt nghiệp của các hệ đào tạo [H22.22.03.01].

Để có dữ liệu về tình hình có việc làm của sinh viên sau 6 tháng và sau 1 năm tốt nghiệp, hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp [H22.22.03.02] và báo cáo tình hình có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp [H22.22.03.03]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết đào tạo hàng năm đều có dữ liệu đánh giá về tỷ lệ người học có việc làm sau nghiệp [H22.22.01.04].

Để giúp người học có cơ hội tìm việc làm sau tốt nghiệp, nhà trường đã tổ chức ngày hội việc làm [H22.22.03.05], qua đó các tổ chức, doanh nghiệp đã trao đổi, hướng dẫn giúp sinh viên có những thông tin về việc làm tốt hơn. Kết quả này một lần nữa minh chứng cho các hoạt động liên tục nhằm tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường, doanh nghiệp và sinh viên tức là một phần của công tác quản lý chất lượng.

**Bảng 22.3.1. Bảng đối sánh tỷ lệ có việc làm của sinh viên (%)**

Năm	Việc làm đúng ngành	Không đúng ngành
	PL8	PL8
2015	80.75 (80.7)	12.93 (19.3)
2016	80.79 (80.7)	15.82 (19.3)
2017	81.18 (81.3)	14.02 (18.7)
2018	40.84 (80.9)	51.15 (19.1)
2019	82.21 (82.5)	14.11 (18.5)

Qua bảng so sánh tỷ lệ có việc làm hàng năm cho thấy tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đều đạt trên 80%, điều này cho thấy trong quá trình sinh viên học tập nhà trường đã định hướng, trang bị cho các em những kiến thức, kỹ năng phù hợp với như cầu của xã hội.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức:4/7**

#### ***Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh cải tiến***

Chất lượng sinh viên tốt nghiệp là một vấn đề rất quan trọng được nhà trường quan tâm, thường xuyên thực hiện khảo sát xin ý kiến của các bên liên quan, được thực hiện theo quy định về ĐBCL [H22.22.04.01]. Vì đặc thù là trường đào tạo giáo viên GDTC hàng năm nhà trường tổ chức cho sinh viên đi TTSP ở các trường phổ thông trên toàn quốc. Thông qua hoạt động này nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên (trường PTTH và giảng viên giảng dạy môn thể dục là cựu sinh viên của trường) về chương trình đào tạo, mức

độ đáp ứng của người học [H22.22.04.02]. Hoạt động lấy ý kiến khảo sát được giao cho các giảng viên chỉ đạo TTSP lấy ý kiến bằng phiếu khảo sát. Phòng QLĐT&CTSV xử lý, thống kê và viết báo cáo kết quả khảo sát [H22.22.04.03]. Thông qua báo cáo tổng kết trong những năm gần đây người sử dụng lao động, cựu sinh viên hài lòng với chất lượng đào tạo của nhà trường. Tuy nhiên, một số ý kiến đề nghị nhà trường tăng cường kỹ năng mềm, cập nhật chương trình thường xuyên hơn. Đây là một trong những căn cứ để nhà trường xem xét, rà soát và điều chỉnh chương trình [H22.22.04.04].

Bên cạnh việc điều tra khảo sát thông qua hoạt động TTSP, nhà trường còn điều tra khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp theo quy định của Bộ GD & ĐT. Nhà trường thực hiện các quy trình lấy ý kiến khảo sát theo quy định. Trong đó, nội dung điều tra khảo sát có liên quan đến việc điều chỉnh chương trình, đánh giá chất lượng đào tạo của người học [H22.22.04.05]. Nhìn chung các sinh viên đều cho rằng chương trình đào tạo của nhà trường đáp ứng yêu cầu tìm kiếm việc làm và đáp ứng cơ bản yêu cầu công việc của xã hội [H22.22.04.06].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Nhà trường triển khai hoạt động đào tạo theo đúng kế hoạch, có kiểm tra giám sát, rà soát và cải tiến chương trình đào tạo. Để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra, các hoạt động giám sát, điều chỉnh đều được xin ý kiến các bên liên quan thông qua hội thảo, hội nghị, phát phiếu điều tra khảo sát. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên đúng với thiết kế chương trình đào tạo.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Hoạt động điều tra khảo sát được tiến hành với đối tượng khảo sát còn hẹp, trong đó đối tượng không phải là trường phổ thông còn ít. Việc rà soát điều chỉnh mẫu phiếu điều tra còn chưa thường xuyên.

**3. Kế hoạch cải tiến**

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1		Tổ chức điều tra khảo sát đa			

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
	Khắc phục tồn tại	dạng hơn, thường xuyên rà soát để thay đổi mẫu phiếu cho phù hợp.	P.QLĐT&CTSV	Năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các quy trình giám sát, hoạt động đào tạo kịp thời đáp ứng yêu cầu đổi mới của Bộ GD & ĐT, xã hội.	Phòng QLĐT&CTSV, Các đơn vị	Năm 2020	

#### **4. Mức đánh giá**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 22</i></b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 22.1	4
Tiêu chí 22.2	4
Tiêu chí 22.3	4
Tiêu chí 22.4	4

### **TIÊU CHUẨN 23. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

#### ***Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

Nghiên cứu khoa học và công nghệ được coi là nhiệm vụ trọng yếu trong chiến lược phát triển của trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội. Để triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu theo đúng sứ mạng, tầm nhìn của Trường, trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đã xây Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015 - 2020 [H23.23.01.01]. Hoạt động KHCN của trường được tổ chức thực hiện trên cơ sở huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực, trí lực) từ bên trong và bên ngoài.

Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015 - 2020 [H23.23.01.02], hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN



**[H23.23.01.03]** và giao cho phòng QLKH là đơn vị chịu trách nhiệm chính để triển khai hoạt động này **[H23.23.01.04]**. Nhà trường có cơ chế khuyến khích và bắt buộc giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học. Từ năm 2015 đến năm 2019, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường quy định rõ loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng, chất lượng NCKH mà đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu phải thực hiện **[H23.23.01.05]**. Nhà trường đã ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên bao gồm nhiệm vụ của giảng viên và thời gian làm việc của giảng viên **[H23.23.01.06]**.

Nhà trường đã xây dựng quy trình quản lý khối lượng NCKH của GV trong đó quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan từ cấp khoa, bộ môn và các đơn vị chức năng làm đầu mối quản lý khối lượng NCKH nhà trường **[H23.23.01.07]**.

Với sứ mạng của một trường đại học đào tạo và nghiên cứu khoa học về GDTC và thể thao trường học cho các cấp học, các chỉ tiêu về khối lượng NCKH của trường tương đương với yêu cầu chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về NCKH đối với giảng viên (Thông tư 47/TT-BGDĐT Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, Thông tư 22/2011/TT-BGDĐT Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học) **[H23.23.01.08]**.

Để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của giảng viên Nhà trường giao cho phòng QLKH theo dõi, giám sát và có quy trình hướng dẫn về hoạt động này.

Để thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ, đồng thời có những điều chỉnh về chính sách khoa học và công nghệ, bắt đầu từ năm 2016 phòng Quản lý Khoa học là đầu mối thiết kế, xây dựng phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đến hoạt động nghiên cứu. Từ đó có những báo cáo đề xuất để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu trong nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy: đa số giảng viên, cán bộ nghiên cứu và sinh viên đều hài lòng với hoạt động nghiên cứu khoa học và có các đề xuất cải tiến nâng cao chất lượng nghiên cứu như: bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, chi kinh phí cho đề tài cấp cơ sở, khuyến khích giảng viên công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế **[H23.23.01.09]**.

Hàng năm, nhà trường thực hiện đối sánh nội bộ giữa các năm về số lượng, loại hình nghiên cứu. Số lượng đề tài cấp cơ sở có sự biến động do nhà trường ưu tiên cho các công bố khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước [H23.23.01.10].

Để nâng cao hiệu quả nghiên cứu nhà trường đã thực hiện đối sánh với trường Đại học Sư phạm TDTT thành phố Hồ Chí Minh về số lượng bài báo, đề tài cấp bộ trong 5 năm để làm căn cứ xây dựng chính sách về NCKH [H23.23.01.11].

Để tăng cường các nghiên cứu có chất lượng cao, đẩy mạnh công bố ở các tạp chí quốc tế có uy tín, Nhà trường ban hành Quy định hỗ trợ kinh phí công bố quốc tế cho CBGV của trường, được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H23.23.01.12]. Bên cạnh đó, Trường đã nghiên cứu đề ra những quy định chính sách nhằm đảm bảo công bằng cũng như hỗ trợ các cán bộ GV tích cực tham gia NCKH, đã ban hành Quy định về kiểm soát và xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật [H23.23.01.13].

Để đánh giá các kết quả đạt được và đề ra phương hướng, giải pháp cho công tác NCKH, hàng năm Nhà trường tổ chức tổng kết công tác NCKH và đánh giá điểm mạnh, điểm yếu từ đó đưa ra phương hướng, định hướng, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ cho các năm tiếp theo [H23.23.01.14].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

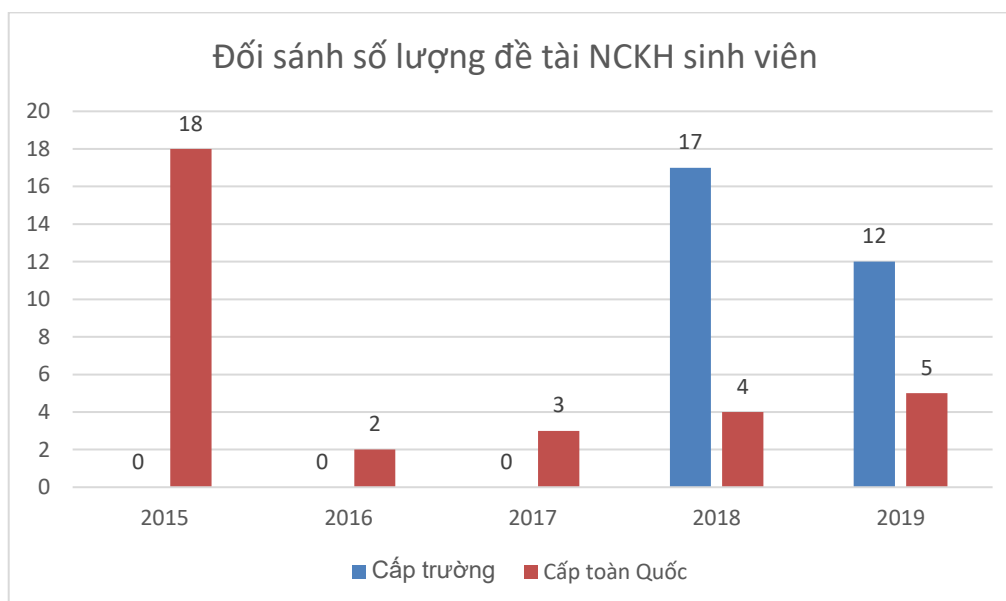
***Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.***

Nghiên cứu khoa học của người học là một bộ phận cấu thành hoạt động khoa học công nghệ của trường và là một trong những nhiệm vụ và quyền lợi của sinh viên Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Để đẩy mạnh hoạt động NCKH trong sinh viên, hàng năm nhà trường có cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia NCKH. Các hình thức NCKH của SV được thể hiện qua các báo cáo tham gia Hội nghị sinh viên NCKH, tham gia thực hiện nghiên cứu các đề tài khoa học các cấp và các hoạt động KHCN khác, tham gia các giải thưởng SV NCKH [H23.23.02.01].

Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác NCKH trong đó có nội dung về nội dung hoạt động NCKH của sinh viên [H23.23.02.02]. Để giám sát hoạt động NCKH của người học nhà trường đã có văn bản hướng dẫn và quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình, khối lượng rõ ràng [H23.23.02.03]. Hàng năm

nhà trường đề có cập nhật dữ liệu về kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên [H23.23.02.04].

Để nâng xây dựng biện pháp nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học (trong đó có NCKH của sinh viên). Từ năm 2016 phòng Quản lý khoa học xây dựng kế hoạch, triển khai khảo sát thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động NCKH của sinh viên, từ đó có những báo cáo đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của sinh viên [H23.23.02.05]. Để thấy rõ hiệu quả hoạt động NCKH của sinh viên sau mỗi năm học phòng QLKH có đối sánh về loại hình và khối lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên [H23.23.02.06]. Kết quả đối sánh cho thấy số lượng đề tài NCKH của sinh viên có sự biến động theo các năm. Đặc biệt trong những năm gần đây số lượng và chất đề tài NCKH của sinh viên đã được cải thiện, như: năm 2018, 2019 số lượng và kết quả sinh viên đạt giải tại Hội nghị SV NCKH toàn quốc cũng được tăng lên. Nhà trường giao cho phòng QLKH xây dựng kế hoạch và tổ chức Hội nghị sinh viên NCKH cấp trường và lựa chọn sinh viên tham dự Hội nghị sinh viên NCKH toàn quốc khối các trường đại học thể dục thể thao (*Xem biểu đồ 23.2.1*).



*Biểu đồ 23.2.1. Đối sánh số lượng đề tài NCKH sinh viên*

Thành phần tham gia NCKH của SV khá đa dạng, không chỉ những SV năm cuối còn có cả SV năm thứ nhất, thứ hai, trong đó một số đạt kết quả tốt và được giải cấp Trường, cấp toàn quốc về lĩnh vực thể dục thể thao. Các báo cáo khoa học SV được đánh giá bởi hội đồng khoa học theo các tiêu chí đánh giá như đối với một công trình nghiên cứu khoa học [H23.23.02.07]. Trong những năm gần đây, các báo cáo tham gia Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường và SV NCKH toàn quốc

các trường thể dục thể thao của nhà trường luôn đạt được kết quả cao (*xem số liệu trong bảng 23.2.1*).

**Bảng 23.2.1. Thống kê về giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học**

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng
Giải thưởng						
Nhất	1		1	1	1	04
Nhì	1	1	1		1	04
Ba	1	1		1		03
Khuyến khích	1		1	2	2	06
Tổng cộng	04	02	03	04	04	

Sinh viên tham gia NCKH được tạo điều kiện thuận lợi về trang thiết bị và hỗ trợ kinh phí, được hưởng các quyền lợi khi đạt giải như: đối với sinh viên năm cuối được cộng điểm tốt nghiệp [H23.23.02.08].

Đối với học viên cao học nhà trường tạo điều kiện để học viên tham gia đề tài NCKH cấp Bộ/ Thành phố. Từ năm 2016 đã có 03 học viên được tham gia đề tài KHCN cấp Bộ [H23.23.02.09].

Với những giải pháp thúc đẩy hoạt động NCKH của sinh viên, nên trong 4 năm gần đây sinh viên của trường đã đạt thứ hạng cao trong Hội nghị sinh viên NCKH toàn quốc về lĩnh vực thể dục thể thao.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến**

Nhà trường có chính sách khuyến khích công bố khoa học trong quy định về hoạt động NCKH và Quy chế chi tiêu nội bộ của trường như hỗ trợ đăng bài trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI, SCOPUS 10 triệu đồng, Tạp chí khoa học quốc tế (nước ngoài) 5 triệu đồng [H23.23.03.01], [H23.23.03.02]. Để cụ thể về các loại hình và số lượng công bố khoa học hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch KHCN [H23.23.03.03].

Để theo dõi số liệu công bố khoa học phòng QLKH phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để theo dõi và quản lý các công bố khoa học đăng trên tạp chí, kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế [H23.23.03.04], Các loại hình công bố khoa học của Trường bao gồm: các bài báo đăng trên tạp chí khoa

học chuyên ngành trong nước và quốc tế, báo cáo đăng trên kỷ yếu Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế (có chỉ số ISBN, ISSN được tính điểm); sách chuyên khảo và sách tham khảo [H23.23.03.05]. Để đẩy mạnh các công bố khoa học và trích dẫn Nhà trường có hướng dẫn trình bày trích dẫn tài liệu tham khảo và chống đạo văn [H23.23.02.06]. Tuy nhiên, do các điều kiện chủ quan và khách quan Nhà trường chưa có hệ thống phần mềm chuyên dụng để quản lý, theo dõi các công bố và các kết quả nghiên cứu khoa học, Nhà Trường mới chỉ sử dụng các chức năng của hệ thống Web của Google Scholar để lấy số liệu về trích dẫn của các công bố của trường. Theo thống kê từ năm 2015 đến 2019, các bài báo khoa học đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế của Trường là rất khiêm tốn 150 bài, trong đó bài báo đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế là 27 bài, bài báo đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo trong nước là 123 bài, được thể hiện tại bảng 23.3.1.

**Bảng 23.3.1. Thống kê bài báo khoa học đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo**

TT	Công bố khoa học	Hệ số	Năm					Tổng đã quy đổi
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Bài báo tạp chí/hội nghị quốc tế	1.0	0	9	11	4	3	27
2	Bài báo tạp chí/hội nghị trong nước	0.5	5	46	8	47	17	61,5
	Tổng		5	55	19	51	20	88.5

Những năm gần đây, nhờ việc triển khai các giải pháp tích cực (khuyến khích công bố quốc tế, ưu tiên xét chọn các đề tài có công bố trên tạp chí/kỷ yếu hội nghị hội thảo chuyên ngành, ...) và sự tích cực của đội ngũ CBGV số lượng công bố khoa học trên các tạp chí/kỷ yếu Hội nghị khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế đã được tăng về số lượng cũng như chất lượng trung bình 30 bài/năm (Xem bảng 23.3.1).

Để cải tiến nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và các công bố khoa học nhà trường đã rà soát và cải tiến chính sách nghiên cứu khoa học như: gắn hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những tiêu chí để xét thi đua khen thưởng, thưởng bằng tiền đối với bài báo khoa học đăng tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, SCOPUS là 10 triệu đồng, bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài là 5 triệu đồng được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ trường. Nhà trường có chế tài xử lý

với trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ NCKH theo Quy định về công tác thi đua khen thưởng của trường [H23.23.03.07]. Theo đó, giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH sẽ được đánh giá ở mức không hoàn thành nhiệm vụ khi xét thi đua năm học. Ngoài ra, Nhà trường có chế tài xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật theo Quy định về kiểm sát và xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật [H23.23.03.08].

Để tạo điều kiện cho các nhà khoa học trong trường công bố các nghiên cứu của mình, Nhà trường có chính sách khuyến khích CBGV công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế thay thế cho thực hiện đề tài NCKH [H23.23.01.09]. Ngoài ra nhà trường đã định kỳ xuất bản các số của Bản tin Giáo dục thể chất và thể thao trường học là cơ sở nâng cấp Tạp chí khoa học của Trường [H23.23.03.10], nhà trường đã đăng cai tổ chức các Hội nghị khoa học chuyên ngành có sự tham gia của các nhà khoa học hàng đầu về lĩnh vực GDTC và TDTT [H23.23.03.11].

Để đánh giá loại hình và số lượng các công bố khoa học năm 2017 Nhà trường đã tiến hành rà soát hoạt động KHCN [H23.23.03.12]. Trong giai đoạn này nhà trường tiến hành đối sánh nội bộ loại hình và số lượng công bố khoa học [H23.23.03.13].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.***

Trên cơ sở các quy định về SHTT do Nhà nước ban hành, Nhà trường có chính sách quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ, trong đó có quy định về loại hình, số lượng tài sản trí tuệ [H23.23.04.01].

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng tài sản trí tuệ [H23.23.04.02]. Nhà trường xác định việc nâng cao hiểu biết về quyền SHTT cho Cán bộ, GV sinh viên và học viên và gia tăng số lượng sản phẩm KH&CN không vi phạm quyền SHTT là một trong những hoạt động được ưu tiên của Nhà trường [H23.23.04.03]. Nhà trường đã ban hành hướng dẫn cụ thể về hình thức, cách trích dẫn... được coi là một tiêu chí trong việc đánh giá, nghiệm thu đề tài KH&CN [H23.23.02.04]. Đối với bài đăng trên Bản tin GDTC-TTTH của trường, Nhà trường có quy định cụ thể về trách nhiệm của tác giả trong việc gửi bài, bản quyền bài viết, nguồn tài liệu bài viết, biểu mẫu trình bày... [H23.23.04.05].

Trong thực tiễn triển khai các công tác về quản lý tài sản trí tuệ, Nhà trường đã thực hiện việc bảo hộ bản quyền và kết quả nghiên cứu theo quy định. Hàng năm, Nhà trường cấp giấy chứng nhận kết quả thực hiện đề tài, nhiệm vụ NCKH của CBGV khi hoàn thành nhiệm vụ NCKH và được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu về hoạt động KH&CN của Trường [H23.23.04.06]. Việc tăng cường phổ biến, công khai các kết quả NCKH tại website, lưu Thư viện theo quy định lưu trữ của Nhà nước và của ngành góp phần đảm bảo quyền SHTT đối với các kết quả NCKH của Nhà trường [H23.23.04.07].

Do tính chất đặc thù, hoạt động NCKH của Trường chủ yếu liên quan đến các loại hình nghiên cứu gồm ứng dụng, triển khai phục vụ đào tạo nên các sản phẩm nghiên cứu chủ yếu là các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo, các bài tập nâng cao thể chất, tổ chất vận động, biện pháp phòng chống chấn thương, sách, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy của giáo viên cho nên sản phẩm sở hữu trí tuệ của trường còn khá khiêm tốn. Số lượng các đề tài, sản phẩm NCKH được trình bày tại bảng 23.4.1

**Bảng 23.4.1 Thống kê đề tài NCKH từ năm 2015 đến nay**

Năm		2015	2016	2017	2018	2019	Tổng
Loại							
Đề tài	Cấp NN	0	0	0	0	0	0
	Cấp Bộ	1	1	1	1	0	04
	Cấp cơ sở	25	27	23	11	17	103
Giáo trình		03	0	0	0	02	05

Từ 2015 đến 2019, nhà trường mới được cấp phép xuất bản Bản tin Giáo dục Thể chất và Thể thao trường học do Sở Thông tin và Truyền thông cấp phép [H23.23.04.08]. Bên cạnh đó, nhà trường đã phối hợp với Nhà xuất bản Thể dục Thể thao xuất bản các giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy của nhà trường [H23.23.04.09].

Mặc dù, chưa có bằng sáng chế độc quyền, giải pháp hữu ích của CBGV được cấp. Tuy nhiên, các sản phẩm nghiên cứu khoa học của trường được bảo vệ và đánh giá nghiệm thu theo đúng quy định. Các bài báo được đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế đều được phản biện trước khi được đăng. Giáo trình đều được thẩm định đánh giá trước khi xuất bản. Kết quả đối sánh

loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của trường cho thấy hoạt động sở hữu trí tuệ còn ở mức khiêm tốn so với các trường đại học; thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hằng năm cũng đã được chú trọng và có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của CSGD [H23.23.04.10].

Nhà trường Có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. Xây dựng chủ trương và kế hoạch triển khai việc nâng cao nhận thức về TSTT đối với các đầu mối quản lý và toàn thể CBGV, học viên, SV; Nâng cao sự quan tâm đúng mức của các đầu mối quản lý và toàn thể CBGV, CBNC, học viên, SV đối với hoạt động rà soát, đánh giá kết quả SHTT. Để triển khai có hiệu quả công tác SHTT, hàng năm nhà trường cử cán bộ tập huấn về quản lý SHTT [H23.23.04.11]. Nhà trường triển khai đồng bộ hệ thống theo dõi trích dẫn, giám sát các chỉ số đối với các công bố ISI, Scopus; có kế hoạch thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các TSTT với các CSGD ĐH khác trong và ngoài nước để xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu hoạt động.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

Kinh phí chi cho hoạt động khoa học và công nghệ là nguồn lực quan trọng nhất cho hoạt động nghiên cứu góp phần trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đồng thời cũng là nguồn thu cải thiện thu nhập cho CBGV. Chính vì vậy, trong định hướng chiến lược phát triển tổng thể Nhà trường cùng với các văn bản quy định về công tác tài chính có quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu [H23.23.05.01]. Hàng năm, Nhà trường có phân bổ dự toán ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu. Tổng chi cho hoạt động NCKH bước đầu đáp ứng cho công tác NCKH của trường và theo các quy định hiện hành. Việc thực hiện phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu được Ban Giám hiệu giao cho phòng KHTC phối hợp với Trung tâm KHCN-TT&TV xây dựng kế hoạch kinh phí và triển khai kinh phí theo năm học [H23.23.05.02].

Kinh phí NCKH của Nhà trường lấy từ nguồn ngân sách Nhà nước và Ngân sách chi sự nghiệp đào tạo của Nhà nước cấp cho trường hàng năm [H23.23.05.03] và từ các hoạt động hợp tác nghiên cứu khác cụ thể:



**Bảng 23.5.1** Thống kê kinh phí cho nghiên cứu khoa học

TT	Phân loại đề tài	Kinh phí (triệu đồng)					
		2015	2016	2017	2018	2019	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ	150	150	218	210	99	827
3	Đề tài cấp Cơ sở	25,05	26,69	57,45	32,65	36,82	178,66
	Tổng cộng	175,05	176,69	275,45	242,65	135,82	1005,66

Bảng 23.5.1 cho thấy kinh phí chi cho NCKH chủ yếu là từ nguồn Ngân sách Nhà nước cho các đề tài cấp Bộ. Đối với hoạt động KH&CN cấp cơ sở hàng năm, Nhà trường có chi kinh phí cho tổ chức Hội nghị, Hội thảo Khoa học, các Hội đồng đánh giá nghiệm thu và các hoạt động khác cho NCKH. Ngoài ra bắt đầu từ năm 2018, Nhà trường đã chi kinh phí cho đề tài KHCN cấp cơ sở được thể hiện trong bảng 23.5.2.

**Bảng 23.5.2** Thống kê kinh phí cho công tác quản lý, xuất bản, NCKH sinh viên

TT	Phân loại đề tài	Kinh phí (triệu đồng)					
		2015	2016	2017	2018	2019	Tổng số
1	Kinh phí công tác quản lý	34.65	28.35	27.45	14.25	0	104.7
2	Kinh phí tổ chức Hội thảo	150	64.116	0	11.180	27.95	242.066
3	Kinh phí xuất bản giáo trình	285.215	0	0	0	12.372	297.587
4	NCKH sinh viên	12.285	14.12	2,7	11.18	6.8	47.085
	Tổng cộng	482.15	106.586	30,15	25.43	47.112	

Để nâng cao hiệu quả ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu, Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của GV, cán bộ nghiên cứu về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Kết quả khảo sát cho thấy: nhà trường có ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu, từng loại ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu được công khai minh bạch. Tuy nhiên, các ý kiến tập trung biện pháp cho rằng cần thực hiện chi kinh phí cho đề tài NCKH cấp cơ sở và cần tăng cường kinh phí cho cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu [H23.23.05.04].

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và đảm bảo các nguồn thu cho nghiên cứu khoa học, Nhà trường thực hiện đối sánh, điều chỉnh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu hàng năm [H23.23.05.05].

Kết quả cho thấy kinh phí chi cho đề tài cấp Bộ không đều theo các năm do số đề tài và kinh phí được duyệt khác nhau. Kinh phí chi cho đề tài cấp cơ sở và NCKH của sinh viên còn hạn chế với mức đầu tư khá thấp từ 2,7 triệu đồng đến 57,45 triệu đồng. Như vậy, có thể thấy tỷ lệ kinh phí KHCN nói chung và tỷ lệ kinh phí dịch vụ KHCN và chuyển giao tri thức trên tổng kinh phí hoạt động KHCN hàng năm hiện đang còn thấp, cần phải được cải thiện hơn nữa.

Để nâng cao mức đầu tư cho từng loại hoạt động nghiên cứu, Nhà trường đưa ra các biện pháp, các bài học kinh nghiệm cũng như lấy ý kiến rộng rãi của CB, viên chức trong trường về các biện pháp đẩy mạnh hoạt động KHCN và tăng nguồn thu từ hoạt động KHCN [H23.23.05.06].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.***

Nhà trường có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm, chuyển giao) trong hoạt động KH&CN của trường [H23.23.06.01], [H23.23.06.02].

Phòng Quản lý khoa học là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch thu thập học thu thập thông tin phản hồi của cán bộ, giảng viên và sinh viên về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H23.23.06.03].

Nhà trường có cơ chế, chính sách khuyến khích giảng viên, cán bộ nghiên cứu chủ động tìm kiếm, thực hiện các nhiệm vụ KHCN đặt hàng từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành phố HN và các Trung tâm TĐTT [H23.23.06.04]. Trong 5 năm qua có 06 hợp đồng thuê khoán chuyên môn gồm 04 hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN cấp Bộ, 03 hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN cấp cơ sở được triển khai với cán bộ của trường [H23.23.06.05].

Trong giai đoạn đánh giá từ năm 2015 đến 2019, Nhà trường có các kết quả NCKH được chuyển giao. Cụ thể “*Giáo dục kỹ năng phòng đuối nước và cứu đuối nước cho học sinh trung học cơ sở ở tại khu vực miền núi*” được chuyển giao cho Trường

THCS Lê Quý Đôn – Hà Đông – Hà Nội đề tài được áp dụng trong giảng dạy kỹ năng phòng chống đuối nước cho học sinh đem lại hiệu quả trong công tác phòng chống đuối nước; “*Hoàn thiện, phát hành giáo trình môn học phòng chống chấn thương trong giảng dạy, học tập thể dục thể thao ở các trường đại học cao đẳng, khối sư phạm thể dục thể thao*” được chuyển giao giáo trình Phòng Chống Chấn thương cho Trường THCS Lê Quý Đôn đem lại hiệu quả trong công tác phòng chống chấn thương cho học sinh trong tập luyện thể dục thể thao; Đề tài “*Nghiên cứu thực trạng về nhu cầu luyện tập thể dục thể thao quần chúng ở độ tuổi 30 – 45 tại một số khu vực trên địa bàn Hà Nội từ đó đề xuất phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội*” đề tài được chuyển giao cho Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao Huyện Chương Mỹ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thể dục thể thao của Trung tâm [H23.23.06.06].

Hoạt động đổi mới sáng tạo trong CBGV và SV được triển khai thông qua các hoạt động của các tổ chức đoàn thể: Công đoàn và Đoàn Thanh niên như tổ chức thao giảng, thi giảng theo chủ đề “*Đổi mới sáng tạo trong dạy và học*”, tổ chức ngày hội việc làm cho sinh viên [H23.23.06.07]. Nhà trường giao cho phòng Đào tạo và Công tác sinh viên hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho CBGV và SV, tạo sân chơi đổi mới sáng tạo thường xuyên trong Nhà trường như tổ chức CLB Gym tại Nhà thi đấu Đa năng, tổ chức CLB Bóng đá tại sân Bóng đá trường và tổ chức các CLB sở thích tại các địa điểm, sân tập của nhà trường.

Để nâng cao kết quả nghiên cứu và sáng tạo Nhà trường đối sánh kết quả nghiên cứu và sáng tạo của trường với Trường Đại học Sư phạm TDTT Tp. Hồ Chí Minh. Cụ thể được trình bày tại bảng 23.6.1

*Bảng 23.6.1. Đối sánh kết quả nghiên cứu và sáng tạo*

Đơn vị \ Tiêu chí	Số đề tài	Số đề tài chuyển giao	Thành lập đơn vị khởi nghiệp
Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội	101	10	0
Trường Đại học Sư phạm TDTT Tp Hồ Chí Minh	43	5	0

Kết quả từ năm 2018 đến nay số đề tài NCKH các cấp của Nhà trường so với

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Tp. Hồ Chí Minh cao hơn về số lượng đề tài nghiên cứu và số đề tài được chuyển giao. Do là đơn vị đào tạo đặc thù cho nên nhà trường chưa thành lập đơn vị khởi nghiệp mà chỉ tổ chức các ngày hội việc làm cho sinh viên.

Để nâng cao chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo. Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo, đồng thời trên cơ sở thông tin phản hồi của cán bộ, giảng viên, sinh viên về kết quả nghiên cứu và sáng tạo nhà trường cải tiến chính sách về hoạt động khoa học và công nghệ trong đó có chính sách về kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H23.23.06.02].

### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

#### **Đánh giá chung tiêu chuẩn 23**

##### ***1. Tóm tắt điểm mạnh***

Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các chiến lược và kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn bám sát sứ mạng, mục tiêu của nhà trường.

Các CBGV của Trường đẩy mạnh công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí/Hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế.

##### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại***

Nhà trường chưa có công trình được đăng ký sản phẩm SHTT.

##### ***3. Kế hoạch cải tiến***

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát các sản phẩm nghiên cứu, phối hợp với chủ nhiệm đề tài đăng ký sản phẩm sở hữu trí tuệ	Phòng QLKH, chủ nhiệm đề tài	Từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát chính sách, đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp sứ mạng, mục tiêu của nhà trường.	Phòng QLKH	Hàng năm	
		Đẩy mạnh công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí/ Hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế	Phòng QLKH	Hàng năm	

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 23</b>	<b>4,33</b>
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	4
Tiêu chí 23.4	4
Tiêu chí 23.5	4
Tiêu chí 23.6	4

### TIÊU CHUẨN 24. KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

#### *Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng*

Nhà trường luôn coi hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng là một trong những hoạt động cần thiết, thể hiện trách nhiệm của Nhà trường đối với xã hội. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thể hiện trong kế hoạch năm học của nhà trường [H24.24.01.01]. Trường đã tổ chức nhiều hoạt động kết nối và PVCD trong đó CB, GV, NV, sinh viên tham gia với nhiều loại hình và lôi kéo ngày càng nhiều người tham gia. Có nhiều loại hình kết nối và PVCD được đưa vào kế hoạch hoạt động của các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong nhà trường [H24.24.01.02].

Đối với CB, GV, NV đó là các hoạt động phong trào của các tổ chức chính quyền, đoàn thể; tham gia công tác tư vấn tuyển sinh hàng năm [H24.24.01.03]; giao lưu, hợp tác đào tạo trong và ngoài nước [H24.24.01.04]; tham gia NCKH, chuyển giao công nghệ; biên soạn giáo trình, tài liệu, sách tham khảo [H24.24.01.05]; triển khai các hoạt động bồi dưỡng CBGV GDTC cho nước CHDCND Lào; Bồi dưỡng, cấp chứng chỉ cứu đuối cho SV trong, ngoài trường; tổ chức các khóa “trại hè quân đội” cho học sinh (từ 6 – 15 tuổi) là con em CBGV trong, ngoài trường [H24.24.01.06]; và các công tác xã hội khác...

Đối với SV: Các hoạt động PVCD là những hoạt động tình nguyện có ý nghĩa như Mùa hè xanh, Hiến máu nhân đạo, Xuân Tình Nguyện, Tiếp sức mùa thi, các công

tác xã hội khác [H24.24.01.07]; các đề tài NCKH các cấp đạt giải đem áp dụng tại địa phương...

Để giám sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. Nhà trường ban hành các văn bản pháp quy nhằm hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm soát các hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.01.08]. Việc giám sát thường xuyên thông qua quy chế phối hợp [H24.24.01.09]; Các văn bản kết nối, phục vụ cộng đồng của Công đoàn trường [H24.24.01.10]; Quy chế hoạt động công đoàn, đoàn thanh niên [H24.24.01.11]. Các hoạt động giám sát được báo cáo tại cuộc họp giao ban hàng tháng của nhà trường [H24.24.01.12] để điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong quá trình triển khai.

Sau mỗi hoạt động, Nhà trường tổ chức họp đánh giá rút kinh nghiệm, đề ra hướng cải tiến nhằm tìm kiếm thêm và làm phong phú hơn loại hình PVCĐ, ngày càng thu hút được nhiều người tham gia hơn [H24.24.01.13], [H24.24.01.14], [H24.24.01.15]. Đến cuối năm học nhà trường đánh giá, tổng kết về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được thể hiện qua báo cáo tổng kết năm học [H24.24.01.16], từ đó đưa ra biện pháp cải tiến phù hợp.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các bên có liên quan để nắm bắt nhu cầu và cách thức triển khai phù hợp, đồng thời thu nhận các thông tin phản hồi để cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động. Kết quả triển khai các hoạt động PVCĐ của Nhà trường được cấp trên, các bên thụ hưởng ghi nhận, đánh giá tốt như: Thư cảm ơn, Các ý kiến đánh giá ghi nhận qua tin nhắn; Các ý kiến đánh giá ghi nhận qua phóng sự và truyền thông [H24.24.01.17], [H24.24.01.18]. Ngoài ra nhà trường còn triển khai lấy ý kiến phản hồi về hoạt động PVCĐ đối với sinh viên của nhà trường và học viên tham dự lớp bồi dưỡng bằng phiếu hỏi. Học viên, sinh viên đánh giá tốt hoạt động PVCĐ của nhà trường [H24.24.01.19], [H24.24.01.20]. Thông qua ý kiến phản hồi đó, nhà trường tiếp tục điều chỉnh cho các chương trình hành động tiếp theo.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.***

Hoạt động kết nối và PVCĐ là những hoạt động được thiết lập nhằm tạo sự gắn kết giữa Nhà trường với địa phương, cơ quan Nhà nước, các tổ chức trong và ngoài

nước. Kết nối và PVCĐ mang lại lợi ích cho cả Nhà trường và cả cộng đồng. Qua đó, Nhà trường thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình vì lợi ích chung của xã hội, góp phần phát triển đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng.

Nhà trường xác lập các chỉ tiêu qua việc lập kế hoạch năm học [H24.24.02.01] và chỉ số năng lực thực hiện [H24.24.02.02]. Dựa trên kế hoạch và chỉ tiêu đề ra, các bộ phận, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cho từng hoạt động [H24.24.02.03], [H24.24.02.04], [H24.24.02.05], triển khai, rà soát, có những khắc phục điều chỉnh kịp thời và lập kế hoạch cho năm học tiếp theo, để đánh giá tác động xã hội và lợi ích mà hoạt động này đem đến cho Nhà trường, xã hội và đáp ứng mục tiêu chiến lược.

Kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ tác động đến xã hội được thể hiện ở các nội dung chính sau:

*Về hoạt động Tình nguyện:* Nhằm góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động Tình nguyện đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Sinh viên tham gia vào chiến dịch mùa hè Thanh niên tình nguyện với số lượng tham gia 863 SV (từ 2015-2019). Chiến dịch này cũng đưa SV đến những vùng địa phương khó khăn hỗ trợ dạy bơi miễn phí cho các tỉnh vùng cao như Hà Giang; Tham gia chăm sóc vệ sinh nghĩa trang liệt sỹ xã Phụng Châu... được ghi nhận và đánh giá cao [H24.24.02.06], [H24.24.02.07]. Hàng năm, SV Trường tổ chức hoạt động hiến máu nhân đạo số lượt SV tham gia trong giai đoạn 2015-2019 là 1.255 lượt với tổng số đơn vị máu hiến tặng 1.229. Các hoạt động tình nguyện của đoàn trường cũng đi vào chiều sâu gắn liền với thể mạnh về chuyên môn thông qua các mô hình tình nguyện như dạy bơi, dạy võ tự vệ, dạy bóng đá cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số [H24.24.02.08].

*Hợp tác đào tạo và giao lưu:* Các biên bản ghi nhớ (MOU) và thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội với các đối tác đã được triển khai hiệu quả, bước đầu mang lại lợi ích cho Nhà trường với nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực như hợp tác đào tạo, trao đổi GV và SV, trao đổi học thuật, tham quan khảo sát, giao lưu thi đấu thể thao trong khu vực và ngoài nước... Bên cạnh đó, với đặc thù về thể thao nhiều SV có cơ hội được đi giao lưu thi đấu quốc tế và mang lại thành tích cao cho Nhà trường và nhiều đoàn SV quốc tế đã đến thăm, giao lưu thi đấu tại trường [H24.24.02.09]. Nhà trường đã tiếp tục tiếp nhận 15 Lưu học sinh Lào đến trường học tập theo CTĐT đại học và sau đại học theo diện học bổng Hiệp định

[H24.24.02.10]. Đồng thời nhà trường tiếp nhận và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 32 giáo viên GDTC Lào [H24.24.02.11].

*Về hoạt động giao lưu hợp tác doanh nghiệp:* Năm 2018 nhà trường tổ chức “ngày hội việc làm” thu hút được... đơn vị tham gia đã giúp SV chuẩn bị tốt những kỹ năng cần thiết để ứng tuyển trước nhà tuyển dụng. Đồng thời giúp nhà tuyển dụng lựa chọn các ứng viên phù hợp [H24.24.02.12].

*Về công tác NCKH:* Trong giai đoạn 2015-2019 nhà trường chuyển giao kết quả NCKH cho: Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao TP. Hồ Chí Minh, Trường THCS Phụng Châu, Trường THCS Lê Quý Đôn, Trung tâm văn hóa Thể thao huyện Chương Mỹ... [H24.24.02.13]. Các trường nhận sản phẩm bàn giao đã áp dụng vào thực tiễn đạt được kết quả nhất định [H24.24.02.14]. Ngoài hoạt động chuyển giao theo đề tài NCKH nhà trường còn thực hiện các hoạt động chuyển giao kết quả nghiên cứu, đào tạo trên cơ sở các hợp đồng dịch vụ như: tổ chức hoạt động đồng diễn cho các Tỉnh, tổ chức hội thao cho các cơ quan đơn vị...

*Về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng:* Từ 2015 đến nay nhà trường đã tổ chức được 5 khóa tập huấn đoàn đội; 2 khóa bồi dưỡng học viên Lào; 2 khóa trại hè quân đội [H24.24.02.15].

*Về các hoạt động ngoại khóa có tính xã hội, thiện nguyện khác:* Các hoạt động ngoại khóa, thiện nguyện của các đơn vị trong trường phát động đã tạo được tác động xã hội to lớn, thu hút được sự tham gia và đóng góp của đông đảo cán bộ, GV, SV. Tổng số tiền khuyến góp ủng hộ của nhà trường trong 5 năm gần đây khoảng 1 tỷ đồng [H24.24.02.16] và những hiện vật giá trị khác.

Việc giám sát tác động xã hội và kết quả các hoạt động này cũng được thực hiện chặt chẽ [H24.24.02.17]. Thông qua cơ chế tự giám sát, các bộ phận thực hiện phải cập nhật tình hình tới cán bộ phụ trách hoạt động để báo cáo tiếp lên các cấp trên thông qua cuộc họp giao ban hàng tháng [H24.24.02.18].

Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan đều hài lòng về kết quả phục vụ cộng đồng của nhà trường thông qua thư cảm ơn thư cảm ơn của các đơn vị trực tiếp được hỗ trợ từ các hoạt động. Sau mỗi đợt triển khai, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá trực tiếp của các bên liên để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động bồi dưỡng [H24.24.02.19], [H24.24.02.20].



Thông qua các báo cáo tổng kết năm học [H24.24.02.21], báo cáo tổng kết các hoạt động trong năm của Công đoàn và Đoàn thanh niên Nhà trường, báo cáo hoạt động bồi dưỡng [H24.24.02.22], đặc biệt trong phần đánh giá rút kinh nghiệm và phương hướng hoạt động tiếp theo trong các báo cáo đã thể hiện rất cụ thể kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng về chất lượng phục vụ và kết nối cộng đồng đóng góp cho xã hội.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.***

Vào đầu năm học nhà trường xây dựng kế hoạch năm học bao gồm các lĩnh vực trong đó có lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H24.24.03.01]. Trong đó, hoạt động kết nối và PVCĐ đã được các đơn vị triển khai theo chức năng nhiệm vụ của mình. Để đánh giá tác động của đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên, nhà trường tiến hành tổng kết các hoạt động này, việc đánh giá được thể hiện qua báo cáo tổng kết năm học của nhà trường, các đoàn thể [H24.24.03.02], [H24.24.03.03], [H24.24.03.04]. Đối với sinh viên, kết quả đánh giá hoạt động kết nối và PVCĐ ngoài việc là một tiêu chí tính điểm rèn luyện,... [H24.24.03.05]. Hoạt động này dần đã giúp thay đổi kỹ năng, nhận thức, thái độ, thúc đẩy tinh thần hoạt động của SV tham gia những chương trình tình nguyện (Mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo,...). Đối với giảng viên kết quả đánh giá hoạt động kết nối và PVCĐ có thể là cơ sở để xem xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc vào cuối năm.

Hoạt động PVCĐ của CB, GV, NV và sinh viên bao gồm các chương trình tình nguyện của Đoàn thanh niên, các hoạt động từ thiện của công đoàn Trường: ủng hộ SV vui Tết xa nhà, ủng hộ chiến dịch Mùa hè xanh, quỹ khuyến học, hiến máu nhân đạo, ủng hộ đồng bào thiên tai... Để hoạt động PVCĐ có hiệu quả, nhà trường có chính sách hỗ trợ các cá nhân tham gia các hoạt động của các tổ chức đoàn thể [H24.24.03.06], [H24.24.03.07].

Đến năm 2019, Nhà trường đã ban hành quy định về công tác phục vụ cộng đồng [H24.24.03.08] để làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả và báo cáo.

Tổng kết việc thực hiện giám sát, đánh giá của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên cũng như kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đối với người học và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được thể hiện qua bảng 24.3.1.

**Bảng 24.3.1. Các hoạt động tình nguyện chung sức vì cộng đồng của Đoàn TN**

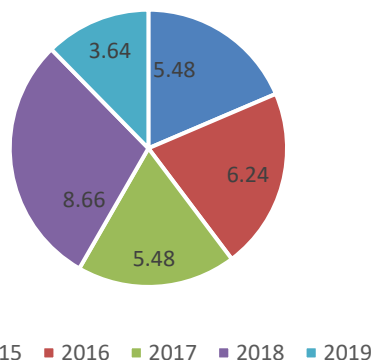
Năm	Chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh			
	Số chiến dịch	Số sinh viên tham gia	Số đội - nhóm	Tổng kinh phí
2015	02	70	5	~50.000.000đ
2016	02	64	5	~60.000.000đ
2017	02	45	5	~50.000.000đ
2018	02	64	3	~50.000.000đ
2019	02	30	5	~45.000.000đ

**Bảng 24.3.2. Kết quả phong trào “Hiến máu nhân đạo” của tuổi trẻ nhà trường**

Năm học	Kết quả đạt được		
	Số lượt đoàn viên tham gia	Tỷ lệ (%)	Số đơn vị máu thu được
2015 – 2016	180	14.08	175
2016-2017	210	20.49	202
2017-2018	280	34.10	276
2018 – 2019	290	39.24	284
2019-2020	295	35.76	292

Số lượng SV, tỷ lệ tham gia các hoạt động tình nguyện được thể hiện tại biểu đồ 24.3.1.

Biểu đồ 24.3.1. Tỷ lệ SV tham gia hoạt động tình nguyện hè



Kết quả trên cho thấy các hoạt động PVCD có tác động tích cực đến người học, giúp nâng cao ý thức trách nhiệm vì cộng đồng.

Một số kết quả PVCD của Công đoàn trường được cụ thể trong bảng 24.2.3 [H24.24.03.09].

Bảng 24.3.3. Số lượng và tỷ lệ CBGV ủng hộ ngày lương

Năm	Kết quả đạt được		
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số tiền ủng hộ
<b>2015</b>	254	100	39.360.000
<b>2016</b>	257	100	103.813.000
<b>2017</b>	254	100	139.365.000
<b>2018</b>	242	100	76.315.000
<b>2019</b>	234	100	111.126.000

Theo quy định của Bộ GD&ĐT trường Đại học sư phạm TDTT đã tổ chức điều tra khảo sát lấy ý kiến về hoạt động dịch vụ công của trường trong đó các nội dung về hoạt động PVCD đối với sinh viên. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết sinh viên đều hài lòng với công tác phục vụ của nhà trường [H24.24.03.10]. Đối với ý kiến phản hồi của CB,GV được trao đổi, tiếp thu thông qua hội nghị viên chức trường [H24.24.03.11].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động phục vụ kết nối cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến**

Nhà trường tập hợp ý kiến đánh giá sự hài lòng của các bên liên dưới nhiều hình thức: Thư cảm ơn, bằng khen, giấy khen, kết quả điều tra khảo sát, báo cáo tổng

kết các hoạt động... [H24.24.04.01], [H24.24.04.02], [H24.24.04.03], [H24.24.04.04], [H24.24.04.05], [H24.24.04.06].

Căn cứ kết quả phản hồi, sau mỗi hoạt động, Nhà trường tiến hành rà soát tổng kết và đề xuất các biện pháp cải tiến các hoạt động nhằm đạt được kết quả tốt hơn. Tất cả các hoạt động này được tổng kết trong tổng kết năm học hàng năm [H24.24.04.07].

Do đó, hoạt động PVCĐ của trường thu hút được nhiều CB, GV, SV tham gia hơn. Đối tượng phục vụ được mở rộng hơn, chất lượng phục vụ ngày càng được đánh giá cao chi tiết xem các bảng dưới đây.

**Bảng 24.4.1** Bảng thống kê số tiền ủng hộ của CB-GV và Công đoàn trường

Năm học	CB, GV, NLĐ	CĐ Trường
2014-2015	39.360.000	79.000.000
2015-2016	103.813.000	90.360.000
2016-2017	139.365.000	103.853.000
2017-2018	76.315.000	134.365.000
2018-2019	111.126.000	112.015.000

**Bảng 24.4.2.** Các hoạt động tình nguyện mùa hè của Đoàn TN

Năm	Chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh			
	Số chiến dịch	Số sinh viên tham gia	Số đội - nhóm	Tổng kinh phí cho chiến dịch
<b>2015</b>	02	70	5	~50.000.000đ
<b>2016</b>	02	64	5	~60.000.000đ
<b>2017</b>	02	45	5	~50.000.000đ
<b>2018</b>	02	64	3	~50.000.000đ
<b>2019</b>	02	30	5	~45.000.000đ

Hàng năm, trường phát động phong trào hiến máu nhân đạo trong sinh viên được thể hiện trong bảng 24.2.3.

**Bảng 24.2.3. Kết quả số đơn vị máu thu được hàng năm**

<b>Năm học</b>	<b>Số đoàn lượt viên tham gia</b>	<b>Số đơn vị máu thu được</b>
<b>2015 - 2016</b>	180	175
<b>2016-2017</b>	210	202
<b>2017-2018</b>	280	276
<b>2018 – 2019</b>	290	284
<b>2019-2020</b>	295	292

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### **Đánh giá chung tiêu chuẩn 24**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

Hoạt động kết nối, PVCD và đóng góp cho xã hội của nhà trường phong phú về loại hình, đa dạng về hình thức đã thu hút được ngày càng nhiều đối tượng tham gia. Nhà trường luôn xác lập các chỉ tiêu rõ ràng qua việc lập kế hoạch, giám sát để cải tiến liên tục các hoạt động. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan cho thấy, mức độ hài lòng cũng như uy tín ngày càng tăng của nhà trường.

#### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Một số hoạt động thiện nguyện không đưa vào chỉ tiêu bắt buộc đối với CBGV-NV vì vậy chưa lan tỏa hết trong tập thể cho mọi đối tượng tham gia.

#### **3. Kế hoạch cải tiến**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng một số chỉ tiêu ngay từ đầu năm học để phát huy tối đa nguồn lực, vật lực trong CB,GV, NV, SV nhà trường.	Công đoàn, ĐTN, các đơn vị liên quan	Từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, giám sát, cải tiến hoạt động PVCD trong nhà trường để nâng cao chất lượng công tác này ngày một hiệu quả hơn.	Công đoàn, ĐTN và các đơn vị	Từ năm 2020	

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 24</b>	<b>4.0</b>
Tiêu chí 24.1	4
Tiêu chí 24.2	4
Tiêu chí 24.3	4
Tiêu chí 24.4	4

### TIÊU CHUẨN 25. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG

**Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội là trường sư phạm, công lập, kinh phí hoạt động thường xuyên chủ yếu từ ngân sách nhà nước cấp theo các nhiệm vụ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao. Nhà trường đã chủ động xây dựng các chỉ tiêu nhiệm vụ chủ yếu trong chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược của mình. Đây là căn cứ cho Nhà trường trong xây dựng, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính... hàng năm [H25.25.01.01].

- Về Đào tạo: là trường đại học sư phạm, chỉ tiêu đào tạo đại học hàng năm của Trường do Bộ GD&ĐT ấn định theo dự báo nhu cầu giáo viên của Bộ [H25.25.01.02] và trên cơ sở thực tế tuyển sinh của từng năm, Bộ GD&ĐT ra Quyết định giao dự toán ngân sách từng năm [H25.25.01.03]. Đối với chỉ tiêu đào tạo thạc sĩ, Trường chủ động xác định chỉ tiêu căn cứ năng lực của Nhà trường theo Quy định xác định chỉ tiêu của Bộ GD&ĐT. Chỉ tiêu đào tạo các hệ được công bố trong đề án tuyển sinh của Trường [H25.25.01.04].

- Về Nghiên cứu khoa học: Căn cứ vào các chỉ tiêu nhiệm vụ chủ yếu, Nhà trường xây dựng các quy định về quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu; quy định về khối lượng NCKH của CB, GV để là căn cứ xây dựng, thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường [H25.25.01.05]. Trên cơ sở các định mức NCKH của CB, GV, Nhà trường dựa vào Bản đăng ký NCKH đầu năm của CB, GV

để tổng hợp, đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu và làm căn cứ trong bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng cuối năm học [H25.25.01.06].

- Về Phục vụ cộng đồng: Công đoàn, Đoàn thanh niên phối hợp với các đơn vị trong trường thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tổ chức thông qua việc triển khai các kế hoạch cụ thể của việc kết nối và phục vụ cộng đồng, như: hoạt động tình nguyện hè, hoạt động ủng hộ ngày lương vì người nghèo, các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, hiến máu tình nguyện, các hoạt động tình nguyện của đoàn trường cũng đi vào chiều sâu gắn liền với thế mạnh về chuyên môn thông qua các mô hình tình nguyện như dạy bơi, dạy võ tự vệ, dạy bóng đá cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số. Mỗi hoạt động trên hàng năm đều có kế hoạch và Chương trình công tác Đoàn thể [H25.25.01.07], [H25.25.01.08].

Căn cứ vào các chỉ tiêu, kế hoạch của các mảng hoạt động, Nhà trường phân bổ và sử dụng, giám sát có hiệu quả nguồn kinh phí nhằm đảm bảo chi phí cho các hoạt động thường xuyên. Tỷ lệ nguồn thu của nhà trường có sự thay đổi (tăng, giảm) hàng năm phụ thuộc vào thu từ ngân sách nhà nước và nguồn thu khác của trường được thể hiện trong bảng 25.1.1.

**Bảng 25.1.1. Thống kê nguồn thu của trường trong 5 năm**

Cấu trúc nguồn thu	Năm (đơn vị tính: triệu đồng)				
	2015	2016	2017	2018	2019
<i>Từ ngân sách nhà nước</i>	34.588	30.988	26.233	28.530	26.236
<i>Từ các nguồn tài trợ viện trợ</i>	0	0	0	0	0
<i>Từ các nguồn thu khác</i>	14.209	12.899	13.419	13.820	15.384
<b>Tổng thu</b>	<b>48.797</b>	<b>43.887</b>	<b>39.652</b>	<b>42.350</b>	<b>41.620</b>

Là trường sư phạm đặc thù, nguồn kinh phí chủ yếu từ nguồn NSNN do Bộ GD&ĐT cấp. Bên cạnh đó, Nhà trường chủ động khai thác các nguồn thu từ loại hình dịch vụ khác. Nhưng do NSNN cấp cho Trường có xu hướng giảm nên mặc dù chủ động tăng các nguồn thu khác nhưng tổng thu của Trường giảm trong những năm gần đây. Do đó, các khoản chi của trường cũng có xu hướng giảm. Kết quả các khoản chi này được thể hiện trong bảng 25.1.2.

**Bảng 25.1.2** Thống kê nguồn chi của trường trong 5 năm 2015– 2019

Cấu trúc nguồn chi	Năm (đơn vị tính: triệu đồng)				
	2015	2016	2017	2018	2019
<i>Nhân sự</i>	18.783	19.079	19.910	21.280	20.036
<i>Học bổng sinh viên</i>	1.194	1.046	915	768	306
<i>Cho hoạt động chuyên môn</i>	4.022	3.354	1.892	2.438	2.411
<i>Cho nghiên cứu khoa học</i>	150	40	218	147	127
<i>Cho mua sắm sửa chữa</i>	5.015	10.955	7.799	3.853	3.420
<i>Các mục đích khác</i>	15.890	13.261	12.625	10.439	12.261
<b>Tổng chi</b>	<b>45.054</b>	<b>47.735</b>	<b>43.359</b>	<b>38.925</b>	<b>38.561</b>

Kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội được trích từ nguồn ngân sách của Nhà nước cấp và được theo dõi, tổng hợp trong báo cáo NSNN và kế hoạch tài chính NSNN [H25.25.01.09], [H25.25.01.10]. Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản được phân bổ cho các loại hình nghiên cứu như: đề tài các cấp, các nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng (chuyên đề), các hoạt động quản lý khoa học của cơ quan chủ trì, các hoạt động hội thảo, tọa đàm khoa học được thể hiện trong bảng 25.1.3 và bảng 25.1.4.

**Bảng 25.1.3.** Thống kê kinh phí đề tài các cấp.

STT	Phân loại đề tài	Kinh phí (triệu đồng)				
		2015	2016	2017	2018	2019
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ	150	150	218	210	84
3	Đề tài cấp Cơ sở	25,05	26,69	57,45	32,65	36,82
	<b>Tổng cộng</b>	<b>175,05</b>	<b>176,69</b>	<b>275,45</b>	<b>242,65</b>	<b>135,82</b>

**Bảng 25.1.4.** Thống kê kinh phí các hoạt động nghiên cứu.

STT	Phân loại đề tài	Kinh phí (triệu đồng)				
		2015	2016	2017	2018	2019
1	Kinh phí công tác quản lý	34,65	28,35	27,45	14,25	0
2	Kinh phí tổ chức hội thảo	150	64,116	0	0	27,95
3	Kinh phí xuất bản giáo	285,215	0	0	0	12,372



STT	Phân loại đề tài	Kinh phí (triệu đồng)				
		2015	2016	2017	2018	2019
	trình					
4	NCKH sinh viên	12,285	14,12	11,18	11,18	6,8
	Tổng cộng	482,15	106,586	38,63	25,43	47,122

Trong phân bổ các nguồn lực tài chính, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội luôn bám sát các yêu cầu nhiệm vụ theo các giai đoạn phát triển. Giai đoạn đầu chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã chi cho đầu tư xây dựng cơ bản chiếm một tỷ trọng lớn để đáp ứng với nhu cầu nâng cao CSVC, mua sắm trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm... Khi các hoạt động này ổn định, xu hướng tài chính của Nhà trường là dịch chuyển đầu tư cho hoạt động KHCN và PVCĐ một cách có hệ thống. Xác lập quỹ hoạt động NCKH, quỹ học bổng SV, quỹ đào tạo, bồi dưỡng,... đầu tư CSVC theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại thể hiện trong báo cáo tài chính các năm. Đây là xu thế tài chính tất yếu phù hợp với quy mô nhà trường ngày càng phát triển, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển Nhà trường, xứng đáng với vị thế của Trường ĐH SP TĐTT Hà Nội, với niềm tin của người học, của xã hội cũng như thương hiệu Nhà trường trong hệ thống giáo dục Việt Nam ngày càng tăng hiện nay.

Kết quả đối sánh tài chính hàng năm theo các nội dung hoạt động cho thấy: nguồn thu từ hoạt động đào tạo chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nguồn thu. Nguồn thu từ hoạt động đào tạo là nguồn thu bền vững của Trường đã tăng so với các năm. Cụ thể, từ năm 2015 đến 2019 nguồn thu năm sau so với năm trước tăng bình quân khoảng 21,15%. Về thực hiện các chỉ số chi cho thấy chi cho hoạt động đào tạo chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chỉ số chi và theo chiều hướng đảm bảo sự phù hợp giữa các lĩnh vực khác nhau (con người, đào tạo...). Tuy nhiên, nguồn thu tài chính của Nhà trường tăng nhưng chưa bắt kịp với nhu cầu phát triển chung của toàn Trường, việc đầu tư và sử dụng kinh phí cho NCKH còn thấp. Dựa trên báo cáo về kết quả tài chính, báo cáo về kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, hàng năm Nhà trường thực hiện đối sánh về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Kết quả đối sánh được thể hiện trong bảng 25.1.5.

**Bảng 25.1.5. Bảng đối sánh chỉ số nguồn thu cho các hoạt động năm**

Chỉ số tài chính	Kinh phí (đơn vị tính: triệu đồng)				
	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng thu từ hoạt động đào tạo	10.975	9.453	9.097	11.148	11.212
Tổng chi cho hoạt động đào tạo	4.022	3.354	2.107	2.438	4.001
Chênh lệch thu chi	6.953	6.099	6.990	8.710	7.211
Tổng thu của NCKH	175.5	176.69	275.45	242.65	135.82
Tổng chi cho NCKH	657.4	173.46	305.78	268.26	167.94
Chênh lệch thu chi	(4.819)	323	(3.033)	(2.561)	(3.212)
Tổng thu của phục vụ cộng đồng	14.590	14.209	12.899	13.419	13.820
Tổng chi cho phục vụ cộng đồng	15.890	13.261	12.625	10.439	12.261
Chênh lệch thu chi	(1.300)	(948)	(274)	(2.980)	(1.559)

Đối với hoạt động giám sát tài chính, Nhà trường thực hiện nghiêm túc, hàng năm trường thành lập tổ tự kiểm tra tài chính [H25.25.01.11], qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của phòng KH-TC về hoạt động quản lý tài chính, kế toán. Bên cạnh đó thông qua báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán, trường đánh giá quá trình thu chi, từ đó có phương án thu chi tài chính cho phù hợp [H25.25.01.12]. Kết quả hoạt động tài chính được công khai tại Hội nghị viên chức hàng năm, có sự tham gia, góp ý của CB, GV, NLĐ [H25.25.01.13].

**Tự đánh giá đạt mức: 4/7**

**Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đã xây dựng và đang nỗ lực thực hiện Chiến lược phát triển đến năm 2020 và tầm nhìn 2030. Những mục tiêu cơ bản được xác định trong Kế hoạch thực hiện chiến lược là cơ sở định hướng trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng của Trường hàng năm [H25.25.02.01].

Về công tác đào tạo: Trên cơ sở chỉ tiêu được Bộ GD&ĐT phân bổ, trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội luôn chủ động phân tích xu hướng, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường để lập kế hoạch và triển khai công tác tư vấn tuyển sinh, do đó

nguồn tuyển của trường luôn được bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu được thể hiện trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm [H25.25.02.02].

Đối với kết quả đào tạo, qua hoạt động điều tra khảo sát, số lượng sinh viên ra trường có việc làm và đáp ứng tốt yêu cầu xã hội chiếm tỷ lệ cao trên 80%, góp phần nâng cao thương hiệu trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H25.25.02.03].

Về công tác nghiên cứu khoa học: trong chu kỳ đánh giá, Trường đã và đang thực hiện 05 đề tài cấp Bộ và 103 đề tài cấp cơ sở; Bên cạnh đó, Nhà trường bước đầu đã có cơ chế khuyến khích các nhà khoa học trong công bố bài báo nên số bài báo đăng trên các tạp chí có giá trị ngày càng tăng cao [H25.25.02.04]. Hàng năm, Nhà trường đều có chính sách khen thưởng sinh viên đạt thành tích, giải thưởng về nghiên cứu khoa học về nghiên cứu khoa học. Do đó, hoạt động sinh viên NCKH được đẩy mạnh và có nhiều thành tích trong lĩnh vực giáo dục thể chất.

Về công tác phục vụ cộng đồng: Các hoạt động phục vụ cộng đồng của trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội rất được quan tâm, công đoàn, ĐTN, tổ chức rất nhiều hoạt động như quyên góp ủng hộ đồng bào bão lụt thiên tai, tham gia chương trình từ thiện, ủng hộ ngày thương binh liệt sỹ, ủng hộ phụ nữ và trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm ĐTN nhà trường tham gia vào chiến dịch “Mùa hè xanh” [H25.25.02.05], [H25.25.02.06].

Là một trường đại học sư phạm trong lĩnh vực giáo dục thể chất, Nhà trường đã và đang đào tạo nguồn nhân lực giáo viên giáo dục thể chất cho hệ thống giáo dục quốc gia và các trung tâm rèn luyện thể chất cho người dân. Với những nỗ lực không ngừng trong đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục. Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đã có nhiều đóng góp cho thị trường lao động, cho cộng đồng và cho người học thông qua việc đào tạo giáo viên có trình độ tốt đáp ứng nhu cầu của các trường học; thông qua các hoạt động phục vụ cộng đồng...Kết quả này được thể hiện trong báo cáo hàng năm cũng như kết quả điều tra khảo sát. Thông qua ý kiến đóng góp của các bên, Trường cũng đã có những điều chỉnh về mục tiêu chiến lược, kế hoạch thực hiện để các chỉ tiêu kế hoạch có tính khả thi và đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Nhà nước và đất nước [25.25.02.07], [25.25.02.08].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Trường chủ động trong việc lập kế hoạch phát triển, xây dựng các giải pháp tài chính phù hợp với thực tế và mục tiêu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn phát triển. Việc phân bổ và quản lý kinh phí cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD đúng qui định, hợp lý, minh bạch và hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên và người lao động, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy học tập, NCKH và PVCD.

## 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nguồn tài chính của nhà trường phụ thuộc vào ngân sách nhà nước cấp, do đó kinh phí chi cho một số hoạt động còn hạn hẹp như NCKH, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ.

## 3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng kế hoạch thu - chi tài chính đúng quy định.	P.KHTC	Đầu năm	
		Thường xuyên kiểm tra, kiểm toán chặt chẽ các hoạt động chi tiêu tài chính.	Ban Giám hiệu kiểm toán	Thường xuyên	
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng đề án để tìm kiếm các nguồn hỗ trợ NCKH có yếu tố quốc tế	P.KHTC, TT YHVD&HTQT	Năm 2020	
		Xây dựng đề án tổng thể về phát triển các nguồn lực tài chính cho giai đoạn 2020-2025.	Ban Giám hiệu Các đơn vị	Năm 2020	

## 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 25</b>	<b>4,0</b>
Tiêu chí 25.1	4
Tiêu chí 25.2	4

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD**

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược</b>		
<b>I.1</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i></b>	<b>4,4</b>	
1.	1.1	5	
2.	1.2	5	
3.	1.3	4	
4.	1.4	4	
5.	1.5	4	
<b>I.2</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i></b>	<b>4,0</b>	
6.	2.1	4	
7.	2.2	4	
8.	2.3	4	
9.	2.4	4	
<b>I.3</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i></b>	<b>4,5</b>	
10.	3.1	5	
11.	3.2	5	
12.	3.3	4	
13.	3.4	4	
<b>I.4</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i></b>	<b>4,25</b>	
14.	4.1	5	
15.	4.2	4	
16.	4.3	4	
17.	4.4	4	
<b>I.5</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</i></b>	<b>4,25</b>	
18.	5.1	5	
19.	5.2	4	
20.	5.3	4	
21.	5.4	4	
<b>I.6</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i></b>	<b>4,28</b>	
22.	6.1	5	

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
23.	6.2	5	
24.	6.3	4	
25.	6.4	4	
26.	6.5	4	
27.	6.6	4	
28.	6.7	4	
<b>I.7</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i></b>	<b>4,0</b>	
29.	7.1	4	
30.	7.2	4	
31.	7.3	4	
32.	7.4	4	
33.	7.5	4	
<b>I.8</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i></b>	<b>4,5</b>	
34.	8.1	5	
35.	8.2	5	
36.	8.3	4	
37.	8.4	4	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống</b>		
<b>II.9</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i></b>	<b>4,16</b>	
38.	9.1	4	
39.	9.2	5	
40.	9.3	4	
41.	9.4	4	
42.	9.5	4	
43.	9.6	4	
<b>II.10</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i></b>	<b>4,0</b>	
44.	10.1	4	
45.	10.2	4	
46.	10.3	4	

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
47.	10.4	4	
<b>II.11</b>	<b>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</b>	<b>4,0</b>	
48.	11.1	4	
49.	11.2	4	
50.	11.3	4	
51.	11.4	4	
<b>II.12</b>	<b>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</b>	<b>4,0</b>	
52.	12.1	4	
53.	12.2	4	
54.	12.3	4	
55.	12.4	4	
56.	12.5	4	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng</b>		
<b>III.13</b>	<b>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</b>	<b>4,6</b>	
57.	13.1	5	
58.	13.2	5	
59.	13.3	5	
60.	13.4	4	
61.	13.5	4	
<b>III.14</b>	<b>Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học</b>	<b>4,0</b>	
62.	14.1	4	
63.	14.2	4	
64.	14.3	4	
65.	14.4	4	
66.	14.5	4	
<b>III.15</b>	<b>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</b>	<b>4,0</b>	
67.	15.1	4	
68.	15.2	4	
69.	15.3	4	

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
70.	15.4	4	
71.	15.5	4	
<b>III.16</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</i></b>	<b>4,25</b>	
72.	16.1	5	
73.	16.2	4	
74.	16.3	4	
75.	16.4	4	
<b>III.17</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i></b>	<b>4,0</b>	
76.	17.1	4	
77.	17.2	4	
78.	17.3	4	
79.	17.4	4	
<b>III.18</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH</i></b>	<b>4,25</b>	
80.	18.1	5	
81.	18.2	4	
82.	18.3	4	
83.	18.4	4	
<b>III.19</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</i></b>	<b>4,0</b>	
84.	19.1	4	
85.	19.2	4	
86.	19.3	4	
87.	19.4	4	
<b>III.20</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</i></b>	<b>4,25</b>	
88.	20.1	4	
89.	20.2	4	
90.	20.3	4	
91.	20.4	4	
<b>III.21</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</i></b>	<b>4,0</b>	
92.	21.1	4	



<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
93.	21.2	4	
94.	21.3	4	
95.	21.4	4	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động</b>		
<b>IV.22</b>	<b>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</b>	<b>4,0</b>	
96.	22.1	4	
97.	22.2	4	
98.	22.3	4	
99.	22.4	4	
<b>IV.23</b>	<b>Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH</b>	<b>4,33</b>	
100.	23.1	5	
101.	23.2	5	
102.	23.3	4	
103.	23.4	4	
104.	23.5	4	
105.	23.6	4	
<b>IV.24</b>	<b>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</b>	<b>4,0</b>	
106.	24.1	4	
107.	24.2	4	
108.	24.3	4	
109.	24.4	4	
<b>IV.25</b>	<b>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</b>	<b>4,0</b>	
110.	25.1	4	
111.	25.2	4	

**Ghi chú:**

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 5 điểm (18 tiêu chí: 1.1,1.2, 3.1, 3.2, 4.1, 5.1, 6.1,6.2, 8.1, 8.2, 9.2, 13.1, 13.2, 13.3, 16.1, 18.1, 23.1, 23.2);

Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm ( 93 tiêu chí: 1.3; 1.4; 1.5; 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 3.3; 3.4; 4.2; 4.3; 4.4; 5.2; 5.3; 5.4; 6.3; 6.4; 6.5; 6.6; 6.7; 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 8.3; 8.4; 9.1; 9.3; 9.4; 9.5; 9.6; 10.1; 10.2; 10.3; 10.4; 11.1; 11.2; 11.3; 11.4; 12.1; 12.2;

12.3; 12.4; 12.5; 13.4; 13.5; 14.1; 14.2; 14.3; 14.4; 14.5; 15.1; 15.2; 15.3; 15.4; 15.5;  
16.2; 16.3; 16.4; 17.1; 17.2; 17.3; 17.4; 18.2; 18.3; 18.4; 19.1; 19.2; 19.3; 19.4; 20.1;  
20.2; 20.3; 20.4; 21.1; 21.2; 21.3; 21.4; 22.1; 22.2; 22.3; 22.4; 23.3; 23.4; 23.5.3; 23.6;  
24.1; 24.2; 24.3; 24.4; 25.1; 25.2);

- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 ( 100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 ( 100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 00/25 (.....%).

*Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2020*  
**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**

**TS. Nguyễn Duy Quyết**

